VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
tác giả & tác phẩm
võ phiến ● lê tất điều ● hoàng liên
văn học hải ngoại ?
nguyễn văn trung

cuối đường khổ nạn
hoàng chính
ra biển gọi thầm
trần hoài thư

và các truyện ngắn của
trần doãn nho ● nguyễn hiền ● phùng nguyễn
trịnh khắc hồng ● hồ minh dũng ● nguyễn trung hối

thơ
lâm chương ● phan minh khánh ● trần vĩnh phố
nguyễn minh đức ● triều hoa đại ● hoàng xuân sơn
cỏ đồng ● nguyễn chí kham ● nguyễn phan thịnh

SỐ 112 ● THÁNG 8 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ

Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc

Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về

Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

VănHọc

Số 112, tháng 8 năm 1995

VĂN HỌC	2	thư toà soạn
NGUYỄN VĂN TRUNG	3	văn học hải ngoại?
THỤY KHUÊ	23	cấu trúc hình thức thi ca
LÂM CHƯƠNG	30	*đọc thư người bạn cũ*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC HẢI NGOẠI
TÁC GIẢ & TÁC PHẨM

VÕ PHIẾN	31	*trả lời phỏng vấn*
VÕ PHIẾN	38	buổi sáng giữa đồng
LÊ TẤT ĐIỀU	45	*tiểu sử & tác phẩm*
LÊ TẤT ĐIỀU	46	*thơ cao tần*
HOÀNG LIÊN	49	*tiểu sử & tác phẩm*
HOÀNG LIÊN	50	cuốn hồi ký của một người bạn
HOÀNG CHÍNH	57	cuối đường khổ nạn
NGUYỄN MINH ĐỨC	65	*bến mơ*
NGUYỄN HIỀN	66	chiếc sập gụ của gia đình tôi
TRẦN VĨNH PHỐ	75	*muộn, ngẫu tượng ở st. denis*
TRẦN DOÃN NHO	76	cũng là điều bình thường
TRẦN HOÀI THU	85	ra biển gọi thầm
NGUYỄN PHAN THỊNH	89	*thơ hoa*
PHÙNG NGUYỄN	90	"ruộng gió"
TRIỀU HOA ĐẠI	101	*còn không...*
CỎ ĐỒNG	102	*thơ tình*
NGUYỄN TRUNG HỐI	104	mấy truyện thật ngắn
HOÀNG XUÂN SƠN	110	*cây cũ*
TRỊNH KHẮC HỒNG	111	cố hương
NGUYỄN CHÍ KHAM	114	*thương nhớ*
HỒ MINH DŨNG	115	vườn bỏ hoang
NGUYỄN NGUYÊN THANH	121	đọc *Phố* của Chu Lai
LÊ ĐẠI LÃNG	124	đọc *Đồng Cỏ* của nguyễn đình toàn...
PHAN MINH KHÁNH	129	*đoản khúc tình*
VĂN HỌC	130	giữa người đọc và người viết
NGUYỄN HUY THẠCH	133	ghi chép
VĂN HỌC	138	toà soạn với bạn đọc
	139	giới thiệu sách báo mới

Tác giả và Văn học giữ bản quyền, 1994-1995
© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved, 1994-1995

Thư Tòa soạn

Cuộc thảo luận về Văn học Hải ngoại do tạp chí Văn Học đề xướng càng ngày càng được giới cầm bút và nghiên cứu văn học chú ý, và hăng hái đóng góp ý kiến. Trên số này, Văn Học xin giới thiệu với quí bạn đọc nhận định của Giáo sư Nguyễn văn Trung. Từng tham gia tích cực vào sinh hoạt văn hóa, giáo dục, chính trị...hai mươi năm dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa, sau đó sống gần hai mươi năm dưới chế độ cộng sản, bây giờ sang định cư ở Canada cùng với gia đình, Giáo sư Nguyễn văn Trung có lẽ là người "có thẩm quyền" để nhìn về Văn học Hải ngoại trong toàn cảnh của văn học và lịch sử Việt Nam nói chung, từ đó phát hiện các đặc tính và triển vọng của nền văn học ấy.

Trong phần tiểu luận nghiên cứu, Văn Học cũng bắt đầu đăng loạt bài của Thụy Khuê viết về thi ca, hy vọng từ những gợi ý cơ bản về thi pháp, sau này Văn Học có thể mở một cuộc thảo luận khác gần gũi với sinh hoạt hơn, là "những cái được và chưa được" của thơ Việt hải ngoại.

Phần giới thiệu "Tác giả và Tác phẩm" kỳ này, có ý kiến và sáng tác của Võ Phiến, Lê Tất Điều và Hoàng Liên. Ý kiến của nhà văn Võ Phiến về văn học hải ngoại soi sáng thêm nữa chủ đề Giáo sư Nguyễn văn Trung đề cập tới, theo kinh nghiệm và nhận định của người sáng tạo. Văn Học giới thiệu Lê Tất Điều chủ yếu là một nhà thơ, nhà thơ Cao Tần. Đồng thời, Văn Học cũng giới thiệu Hoàng Liên, một nhà văn mà theo nhận định chung của nhiều người, đã viết một cuốn hồi ký giá trị nhất ở hải ngoại cả về văn chương lẫn tư liệu lịch sử.

Trong phần sáng tác, Văn Học vui mừng đón nhận các sáng tác mới của rất nhiều nhà văn đã nổi danh trước 1975 như Trần Hoài Thư, Hồ Minh Dũng, Trịnh Khắc Hồng, Nguyễn Trung Hối, Kinh Dương Vương (làm thơ với bút hiệu Cỏ Đồng). Bốn truyện ngắn của Hoàng Chính, Nguyễn Hiền, Trần Doãn Nho, Phùng Nguyễn - những cây bút Văn Học được hân hạnh giới thiệu với bạn đọc - có thể là bằng chứng cho thấy những bi quan về triển vọng văn chương hải ngoại là sai lầm.

Về thơ, Văn Học 112 xin giới thiệu thơ Lâm Chương, Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Phan Thịnh, Trần Vĩnh Phố, Triều Hoa Đại, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Chí Kham, và Phan Minh Khánh.

Văn Học

Văn học Hải ngoại?

Nguyễn văn Trung

Tạp chí *Văn Học*, xuất bản hàng tháng ở California, miền Tây Nam Hoa Kỳ, khởi đầu thảo luận về văn học hải ngoại từ số 99 tháng 7/1994. Đây là một trao đổi văn học giữa những người cầm bút sáng tác đồng thời cũng làm lý luận văn học ở nước ngoài nêu lên vấn đề văn học hải ngoại. Trao đổi với nhau, nhưng thực ra là tự hỏi và hỏi nhau nhằm xác định hay khẳng định mình là ai và trong tương lai đi về đâu. Văn học hải ngoại là một vấn đề hình như chưa từng được đặt ra trong sinh hoạt văn học Việt Nam từ trước đến nay, bây giờ được đặt ra và mai sau, có thể không đặt ra nữa. Như vậy, phải chăng sự kiện văn học hải ngoại xuất hiện, có mặt vào một thời điểm rồi có thể biến mất ở một thời điểm khác không phải do những nguyên nhân văn học qui định, mà do những nguyên nhân ngoại tại: chính trị, văn hóa, xã hội? Trước khi đưa ra một vài nhận định, xin tóm lược những ý chính đã được phát biểu.

Theo Thế Uyên, chỉ có văn học hải ngoại giai đoạn từ 1975 đến 1979, do những người di tản tị nạn làm ra mới mang tính cách *lưu vong*; nhưng rồi nhiều lớp người ra đi sau đó theo diện sum họp gia đình, vượt biên, nghĩa là tự nguyện bỏ nước ra đi, nên họ đều là *di dân*, người Việt cư ngụ ở nước ngoài, vì vậy chỉ nên gọi văn học ở nước ngoài là *văn học hải ngoại*. Dòng văn học hải ngoại này là riêng biệt, và vẫn tồn tại ngay cả khi tình hình chính trị, kinh tế trong nước thay đổi, vì những người đã ra đi do điều kiện sinh sống ở nước ngoài thuận tiện (hưởng tiền già, bảo hiểm y tế, quen nếp sống Tây phương...) đa số sẽ không về nước nữa, "Việt Nam chỉ là một quê hương để mà nhớ, chứ không phải ở để mà thương..."

Nguyễn Mộng Giác tìm hiểu tính chất văn học hải ngoại: *lưu vong* hay *di dân*? Ban đầu thời kỳ sau 75 nền văn học đó có tính cách lưu vong, phản kháng một chế độ chính trị, nhưng khi có những đợt sum họp gia đình, dần dần nền văn học này mang tính chất di dân, do đó gần gũi

những cộng đồng người Hoa hơn những cộng đồng Đông âu. Vì tính chất phản kháng, văn học hải ngoại tiếp nối văn học miền Nam trước 75, nhưng khác văn học miền Nam ở điểm văn học hải ngoại còn có tính cách hoài niệm quê hương, cảm thức lưu lạc. Nhưng Nguyễn Mộng Giác không đồng ý với Nguyễn Huệ Chi khi Nguyễn Huệ Chi cho rằng: văn học hải ngoại vì mang tính chất hoài niệm quê hương nên sẽ trở về hội nhập với văn học trong nước. Nguyễn Mộng Giác cho rằng Nguyễn Huệ Chi không chú ý tới tính cách phản kháng chính trị của văn học hải ngoại.

Văn Học số tháng 8/94 tường thuật một buổi thảo luận về hai mươi năm văn học hải ngoại. Trước hết người tham dự hội thảo nêu tiêu chuẩn xác định văn học hải ngoại: tác phẩm nào *thuộc về* hay *không thuộc về* văn học hải ngoại, vì có sự kiện tác giả vẫn sống trong nước, nhưng có tác phẩm xuất bản ở nước ngoài (tác giả miền Bắc, và miền Nam trước 75) dù tác phẩm những người cầm bút vẫn ở trong nước không mang tính chất hoài niệm quê hương, cảm thức lưu vong. Có người như Cao Xuân Huy không công nhận những tác giả, tác phẩm ấy thuộc văn chương hải ngoại; trái lại Nguyễn Mộng Giác chấp nhận vì cho rằng không nên chỉ căn cứ vào tiêu chuẩn địa lý, mà cả về phương diện tâm thức: trường hợp những người cầm bút *lưu vong* ngay trên quê hương mình.

Hoàng Khởi Phong nêu lên khía cạnh ngôn ngữ diễn tả: có những tác giả người Việt hay gốc Việt viết bằng Anh, Pháp, Đức, Nga ngữ có thuộc văn học hải ngoại không?

Trương Vũ cho rằng "không", vì đã có tiền lệ: những nhà văn như Cung Giũ Nguyên, Phạm Duy Khiêm viết bằng Pháp văn không được cả Pháp lẫn Việt Nam nhìn nhận là nhà văn của nước mình. Trường hợp Hán văn có khác, vì thời đó chữ Nho là ngôn ngữ chính thức, nên có thể nhận các tác phẩm Hán văn trong văn học Việt Nam, còn bây giờ tiếng Việt đã là ngôn ngữ chính thức, tác giả có tự do lựa chọn rồi...

Bùi Vĩnh Phúc đặt vấn đề văn học sử: có nên tiếp thu các tác phẩm viết bằng chữ Hán hay sinh ngữ, và đồng ý với quan điểm chỉ tiếp thu văn học chữ Hán.

Nguyễn Mộng Giác nêu vấn đề phản kháng chính trị có phải tiêu chuẩn xác định văn học hải ngoại hay không, vì sẽ có những tác phẩm không đụng đến chính trị hoặc sinh hoạt cộng đồng người Việt, mà chỉ đề cập đến những vấn đề chung của muôn thuở, như con người, cuộc đời. Những tác phẩm này có thuộc về văn học hải ngoại không? Ngoài ra, văn học hải ngoại là tiếp nối văn học miền Nam trước 75 hay có điểm khác biệt?

Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng đều đồng

ý có *sự nối dài* vì hầu hết chủ trương các nhà xuất bản tạp chí đều do những người làm văn học trước 75 nắm giữ; nhưng văn học hải ngoại có khác về phong cách viết, không những của những người cầm bút sau 75 mà ngay cả của những người đã nổi tiếng trước 75.

Tuy nhiên so với văn học miền Nam trước 75, văn học hải ngoại có nhiều điểm khác hiểu theo nghĩa thua, kém văn học miền Nam trước 75 về sinh hoạt: trước 75, ở tòa soạn, bài vở nhiều tha hồ chọn, có thể làm trước vài số; bây giờ, ít bài, lo cho đủ bài một số đôi khi vất vả, phải "ăn dong từng số". Đàng khác, trước 75 viết in ra có hồi âm ngay, trái lại, ở hải ngoại, "tiếng vọng từ độc giả sau khi tác phẩm bay đi là im lặng, mất hút..."

Đặng Tiến trên *Diễn đàn* ở Paris nhận xét người Việt ở hải ngoại có tự do hai lần: về kinh tế và về chính trị. Nhưng nhiều người ở Hoa Kỳ, có mặt trong buổi thảo luận, lại không đồng ý với Đặng Tiến. Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Bùi Vĩnh Phúc, Trương Vũ đều nhận thấy có trường hợp người cầm bút ở hải ngoại, lúc đầu khó khăn về tiền bạc thì giờ, vẫn chịu khó viết; khi ổn định kinh tế rồi, có tự do và tiền bạc, lại không viết nữa. Tự do xét một mặt thì có, nhưng so với Sàigòn trước 75, có chắc tự do hơn không khi "viết lạng quạng một chút là bị thiên hạ chụp cho năm bảy cái nón cối" như trường hợp xuất bản cuốn *"Trăm hoa vẫn nở trên quê hương"* đã đưa đến biểu tình, kéo cuốn sách đó đi lê lết ngoài đường. Như vậy thực sự chúng ta có tự do không?"

Theo Nhật Tiến, văn học hải ngoại vừa nối dài văn học miền Nam trước 75 vừa không, vì có khác biệt. Không thể căn cứ vào yếu tố địa lý (tác giả ở trong nước hay ngoài nước vì có tác giả ở trong nước, xuất bản ở ngoài nước và ngược lại), nên chỉ có yếu tố *"nơi xuất bản lần đầu"* là hợp lý để qui định một tác giả ở trong nước hay ngoài nước. Và mối quan hệ giữa văn học hải ngoại và quốc nội, cả hai có chung mối liên hệ: tình tự dân tộc, nhưng về mặt trao đổi, thì cho đến nay chưa có. Sau cùng theo Nhật Tiến, văn học hải ngoại hiện nay phát triển chậm lại vì động lực chính thúc đẩy sáng tác không trở thành "nghiệp dĩ" như ở bên nhà.

Trả lời câu hỏi Văn học hải ngoại có phải là nối dài Văn học miền Nam hay không, Viên Linh đề nghị phải thêm câu hỏi Văn học trong nước có phải là nối dài của Văn học miền Bắc? Sau 54, văn học miền Nam khác văn học miền Bắc, sau 75, văn học hải ngoại khác văn học quốc nội. Vì tiêu chuẩn chính trị, nên phải nói Văn học miền Nam hay Hải ngoại là văn học Việt nam quốc gia, còn Văn học miền Bắc và Văn học quốc nội là Văn học xã hội chủ nghĩa. Nhưng tình thế biến chuyển, Văn học hải ngoại thêm Văn học Đông âu, còn Văn học xã hội chủ nghĩa thêm Văn học Cởi trói. Do biến cố 75, các nhà văn miền Bắc tiếp cận với

Văn học miền Nam trước 75, tạo ra Văn học cởi trói. Do đó tiêu chuẩn xác định văn học là *thời thế*: không thể nói đến nay văn học trong nước là văn học miền Bắc nối dài.

Về giao lưu văn học giữa hải ngoại và quốc nội, Viên Linh nói rằng trước hết Nhà nước hãy giao lưu với những người cầm bút miền Nam còn ở lại, những người đã từng thuộc một dòng với chúng tôi ở nước ngoài. Cho đến bây giờ chỉ thấy Nhà nước bày tỏ ý tưởng giao lưu với những người chưa bỏ tù được, còn đối với những người bỏ tù được, vấn đề tự nhiên triệt tiêu, không đặt ra nữa. Viên Linh cũng không đồng ý với Đặng Tiến về ý tưởng nhà văn ở hải ngoại có hai lần tự do. Viên Linh bảo chính vì người cầm bút ở hải ngoại không mưu sinh bằng ngòi bút được mà dễ bị tha hóa. Đó là nguyên nhân chính tạo ra tình trạng ít sáng tác, ít tham gia.

Nguyễn Mộng Giác trong bài *"Triển vọng của văn học hải ngoại"* đưa ra nhận xét các nước như Thụy Sĩ nói nhiều thứ tiếng, dân nói tiếng nước nào thì thiên về văn hóa tiếng nước đó, người Thụy Sĩ gốc Pháp, Ý, Đức không nghĩ đến việc tạo ra cho mình một nếp sống văn hóa độc lập, chỉ bằng lòng trở thành một thứ "đại lý" của văn hóa gốc. Người Hoa ở hải ngoại cũng vậy, họ nhận làm đại lý cho Bắc Kinh, Đài Loan, tùy tự do lựa chọn. Cộng đồng Việt ở hải ngoại thuộc thế hệ thứ nhất muốn làm ra văn học riêng, khác với văn học của nước mình định cư; nhưng thế hệ thứ hai, thứ ba thì sao? Căn cứ vào thăm dò điều tra, số độc giả ở lứa tuổi 20 rất ít. Trong một nền văn học bình thường, độc giả tuổi trẻ phải chiếm đa số, người già thiểu số; trái lại ở đây số độc giả tuổi cao chiếm đa số, càng trẻ số độc giả càng giảm đi theo hình tháp ngược. Quan sát các sinh hoạt văn học, hội thảo, ra mắt tác phẩm mới, số bạn trẻ tham gia rất ít so với người thuộc tuổi trung niên, cao niên.

Giới trẻ thì thờ ơ, người viết không có nhu cầu viết. Kết luận: Nếu trong nước có những chuyển biến khiến đời sống bên trong và bên ngoài không khác nhau nhiều nữa, thì văn học ở hải ngoại sẽ dần dần yếu đi, khiêm nhường đóng vai trò "đại lý" như các sắc dân khác.

Số báo *Xuân Văn Học* Ất Hợi có bài điểm sinh hoạt văn chương và xuất bản năm qua càng xác nhận những điều Nguyễn Mộng Giác nói ở trên về triển vọng văn học hải ngoại, số nhan sách báo xuất bản tuy nhiều, nhưng số lượng in giảm đi, và sức tiêu thụ cũng vậy; sách không bán được, bán cầm chừng, đưa đến tình trạng tác giả tự xuất bản.

Phát hành càng gay go hơn, đặc biệt ngành thơ, vì "hành trình của thơ bắt đầu đi từ nhà in đến nhà kho." Dân tộc Việt yêu thơ, mê thơ, mỗi người Việt là một thi sĩ, nhưng dứt khoát không mua thơ. Tại sao? Theo ý kiến của một độc giả, sách báo khó bán vì không phản ánh đời sống

thực tế của cộng đồng, hầu hết chỉ đào bới chuyện xưa. Tác giả viết, tự in, đôi khi còn tự viết cả bài phê bình, viết không cần nhuận bút mà chỉ nhằm tìm một chỗ đứng, một căn cước, một ý nghĩa cho khoảng đời ngắn ngủi còn lại.

Võ Phiến không tham gia cuộc thảo luận, nhưng trong một đàm thoại với Nguyễn Mạnh Trinh, ông đã phát biểu về triển vọng văn chương hải ngoại. *"Chỉ có một biến chuyển thuận lợi và nhanh chóng ở nước nhà mới là tiện thôi, vì kẻ sĩ có lòng còn ở hải ngoại làm chi, cộng đồng lưu vong có bao nhiêu bầu nhiệt huyết đều ôm chạy về Việt Nam cả. Nếu không thì ôi thôi... vì văn học hải ngoại bao hàm liên hệ đến cái gốc, nếu không còn liên hệ với gốc thì làm sao tồn tại lâu dài được. Mà con cháu chúng ta dễ quên cái gốc của cha ông chúng, không thiết tha như chúng ta bây giờ đâu."*

Văn Học số 109 (tháng 5/95) đúc kết, có những bài của Mai Kim Ngọc: "Vài cảm nghĩ về văn học hải ngoại", "Hai mươi năm văn xuôi ở hải ngoại của Nguyễn Mộng Giác", "Sơ thảo hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại" của Nguyễn thị Sông Hương", "Hai mươi năm, những trang sách, một trái tim" của Nguyễn Xuân Hoàng, nói chung không nêu thêm được những điều gì mới sau khi nhiều tác giả trước đó đã lên tiếng. Trong bài của Nguyễn Mộng Giác, có phân biệt các khuynh hướng trong văn học hải ngoại: dòng hoài niệm, dòng văn chương đấu tranh chính trị, dòng văn chương sử tính và dòng văn chương hội nhập...

Tôi đề nghị dùng hai khái niệm như điểm tựa tiếp cận vấn đề này: hội nhập và nhận diện.

I. Hội nhập:

Ta có câu "nhập gia tùy tục". Đòi hỏi hội nhập không phải chỉ hiểu theo nghĩa đến đâu vào nhà ai, vùng nào khác trong nước hay ngoài nước, mà còn có thể hiểu ngay cả trong trường hợp không đi đâu cả, vẫn ở tại chỗ nhưng về phương diện nếp sống văn hóa, vẫn có đòi hỏi hội nhập trong trường hợp người ta đến nhà mình, địa phương, nước mình mà họ không chịu "nhập gia tùy tục", trái lại buộc mình hội nhập vào nếp sống văn hóa người ta mang đến. Hội nhập này có tính cách áp chế hay áp đặt.

Trong lịch sử, có sự áp chế này vào thời Bắc thuộc, Pháp thuộc và bây giờ, thời đảng Cộng sản cầm quyền ở miền Bắc trước 75 và ở miền Nam sau 75. Những hoàn cảnh áp chế hay áp đặt qui định sự xuất hiện dòng văn học này hay phủ nhận dòng văn học khác. Chẳng hạn trong thời ảnh hưởng Nho học, chỉ có dòng văn học chữ Hán là văn học chữ viết chính thức, còn dòng văn học chữ Nôm thực ra nhà văn viết để *nói*

(nghĩa là để *kể, ngâm*, không phải để *đọc*) và tương tự dòng văn học truyền miệng. Thời Nam Bắc phân tranh, có văn học Đàng Trong / Đàng Ngoài. Sự kiện phân chia này tiếp tục trong thời Pháp thuộc và sau 1954. Văn học miền Bắc / Văn học miền Nam.

Văn học chữ quốc ngữ ở miền Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX phong phú đa dạng; đó là dòng văn học hợp pháp. Bên cạnh dòng văn học hợp pháp này có dòng văn học bất hợp pháp chống Pháp mà theo anh Nguyễn Văn Y (đã qua đời) người đã có công sưu tầm, cho biết ít ra đã có hàng trăm tác phẩm (truyện, thơ, khảo luận) của nhiều tác giả bị tịch thu, đưa ra tòa, phạt vạ hay phạt tù. Hai dòng văn học kể trên hầu như bị *bỏ quên* (không biết đến) hoặc *bỏ qua* (biết, nhưng đánh giá thấp kém, không đáng kể) từ 1955 đến ngày nay. *Văn học sử Việt Nam được biên soạn, giảng dạy chủ yếu do các tác giả gốc Bắc, dựa vào sinh hoạt văn học miền Bắc, được coi như văn học của cả nước.*

Trường hợp người Việt ra nước ngoài.

Thời kỳ trước 75, chủ yếu ở Pháp, gồm hai lớp người: lính thợ, công nhân và học sinh du học. Cả hai giới nói chung đều hội nhập vào xã hội, văn hóa Pháp. Dĩ nhiên có những tạp chí, sách báo của giới học sinh sinh viên hay đoàn thể chính trị, tôn giáo và trong đó có sáng tác văn thơ bằng tiếng Việt; thậm chí có cả nhà xuất bản, tiệm sách, nhưng không ai nghĩ tới một sinh hoạt văn học hải ngoại, vì xu hướng chính trị nào cũng đều quay về quốc nội, làm vai trò "đại lý" (nói theo Nguyễn Mộng Giác) cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hay Việt Nam Cộng hoà. Thế thôi.

Sau 75, số người ra nước ngoài đông đảo hơn theo nhiều đợt, gồm đủ giới xã hội, và phân tán nhiều nơi tuy tập trung hơn cả vào Âu châu (đặc biệt Pháp), Bắc Mỹ. Động cơ chủ yếu việc ra đi là chính trị. Ngay cả theo diện sum họp gia đình, thực ra không hẳn là di dân vì kinh tế mà vì chính trị, vì đối với người ra đi, và đối với các nước sở dĩ chấp nhận ODP, là để tránh vượt biên bằng thuyền, tàu...

Giới có học, tốt nghiệp đại học ở Việt Nam, có nghề chuyên môn, có thể hội nhập về xã hội và văn hóa vì chỉ cần biết nói thạo tiếng nước mình cư ngụ; ngôn ngữ hàng ngày và ngôn ngữ khoa học dễ tiếp thu. Còn những người viết văn, biên khảo khoa học xã hội, dù có nói thạo tiếng, nhưng ít am hiểu văn hóa (tư tưởng, lịch sử, tôn giáo) rất khó hội nhập về xã hội (kiếm công ăn việc làm) và càng khó hội nhập về văn hóa (viết sách báo, sáng tác, biên khảo) bằng tiếng Anh, Pháp, Đức v.v... Một số ít đã du học, tốt nghiệp đại học ở Âu Mỹ trước 75, nhưng nếu thay đổi nơi cư ngụ (thông thạo tiếng Pháp, am hiểu văn hóa Pháp nay định cư ở Mỹ) cũng khó kiếm được việc làm ở Mỹ. Ngay cả những người du học ở Mỹ trước 75, chọn làm luận tiến sĩ về văn học Việt Nam (như cô Công

Tăng Tôn Nữ Nha Trang) thay vì làm văn học Anh Mỹ để có một chân dạy đại học theo lời khuyên của thầy dạy, cũng không có chỗ thường xuyên dạy học...

Do đó đông đảo những người cầm bút viết văn, viết sách ở Việt Nam *không thể hoặc chưa thể hội nhập vào văn hóa của nước mình cư ngụ và chỉ còn con đường tiếp tục viết bằng tiếng Việt*. Sự vắng mặt những người Việt Nam viết sách báo bằng tiếng Anh, Pháp trong đại học, viện nghiên cứu, hội nhà văn, nhà xuất bản... thật đáng tiếc vì không có ai giải tỏa những thiên kiến về văn hóa, chính trị của người bản xứ đối với Việt Nam, đặc biệt về lịch sử Việt Nam cận hiện đại qua hai cuộc chiến tranh, về miền Nam Việt Nam bằng chính người Việt Nam. Tuy nhiên, việc tiếp tục viết sách báo bằng tiếng Việt ở hải ngoại, ngoài mục đích đáp ứng một nhu cầu của bản thân, khẳng định mình hiện diện với tư cách người cầm bút, viết văn, biên khảo, còn đáp ứng nhu cầu thực sự, chính đáng của đa số người Việt trong cộng đồng không thể "hội nhập" về văn hóa, xã hội. Cộng đồng người Việt ở hải ngoại cần tiệm buôn, tiệm ăn, nhà thờ, nhà chùa, thánh thất ,các đoàn thể chính trị tôn giáo... cũng cần nhà xuất bản, tạp chí, đài truyền thanh truyền hình, nhà văn, nhà báo... Sách báo bằng tiếng Việt đủ loại khá lớn về số lượng và có trình độ nghệ thuật, có chiều sâu về nội dung, không thể không tạo ra dòng văn học hải ngoại.

Văn học hải ngoại xuất hiện vào một thời điểm nhất định, do những nguyên nhân mà ai cũng đã biết qui định. Dòng văn học này tồn tại thế nào và trong bao lâu tùy thuộc vào ý định và khả năng hội nhập. Thế hệ đang cầm bút tạo ra dòng văn học này vì *không thể* hay *chưa thể* hội nhập văn hóa bản xứ nước mình cư ngụ. Thế hệ con cháu thứ hai, thứ ba, ra đi lúc còn nhỏ tuổi hay sinh trưởng ở nước ngoài rất dễ dàng hội nhập về xã hội và văn hóa. Sau 20 năm, đã thấy lác đác những cây bút trẻ biên khảo những vấn đề Việt Nam bằng tiếng Anh, hoặc sáng tác tiểu thuyết lấy đề tài Việt Nam bằng tiếng Anh, Pháp nhằm độc giả ngoại quốc. Riêng Tết vừa qua, xem một băng video sinh hoạt văn nghệ liên trường ở Montréal, tôi thấy chỉ có một hài kịch được tán thưởng nhất do mấy sinh viên mới từ Việt Nam sang, còn báo sinh viên của một trường đại học - như mấy đứa cháu tôi thú nhận - phải khoán cho một anh làm tất cả, vì phần đông nói tiếng Việt chưa thạo, làm sao viết văn xuôi?

Do đó, sự tồn tại lâu dài của văn học hải ngoại tùy thuộc giới cầm bút hiện nay và nhất là vào bản lãnh văn hóa của người Việt.

1. Tùy thuộc giới cầm bút: Một độc giả trong buổi hội thảo về "Nhìn lại 20 năm văn học hải ngoại" (tạp chí *Văn Học* số 105 & 106, trg. 7) cho rằng hầu hết sách báo xuất bản ở hải ngoại chỉ đào bới những chuyện

xưa. Tại sao không viết về đời sống cam go phức tạp trước mắt? Nói cách khác, sách báo chỉ nói nhiều về tâm tư lưu vong, hoặc niềm hoài hương hay tranh đấu chính trị chống cộng, ít nói về chính đời sống cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Những thế hệ thứ hai, thứ ba không thấy sách báo tiếng Việt phản ánh kinh nghiệm sống thực tế của họ. Dĩ nhiên họ không lưu ý tìm đọc nữa. Rút cục phải chăng người thuộc thế hệ thứ nhất cầm bút không hẳn nhằm phục vụ người đọc ở hải ngoại, mà chỉ để khẳng định sự có mặt của mình trước bạn bè hay người cùng giới, trao tặng sách cho nhau, rồi gửi lưu trữ ở thư viện?

Tại sao? Phải chăng để né tránh hay che giấu sự bất lực trước những vấn đề tế nhị, cam go của cộng đồng hoặc sự bất lực hội nhập vào diễn đàn bản xứ, quốc tế để tranh đấu thiết thực trước hết cho cộng đồng và sau đó cho đất nước bằng cách ẩn mình vào hoài niệm quá khứ hay tranh đấu cho những mục tiêu hoàn toàn ở ngoài tầm tay của mình? Cũng biết như thế là tự lừa dối, không thực tế, để được an tâm, nhưng nói mãi, rút cục tin là thật điều tự lừa dối. Phải chăng đó là thái độ ngụy tín?

2. *Bản lãnh văn hóa của người Việt:* Đây là điều đáng ngại hơn cả. Người Việt có tinh thần đối kháng mãnh liệt trong trường hợp ngoại bang xâm lược, đe dọa sự tồn tại của dân tộc, nhưng về văn hóa, thường có thái độ sẵn sàng đón nhận những văn hóa nước ngoài được coi như có ý nghĩa phổ biến, chung cho cả nhân loại, không phải vì là Tàu hay Tây; thái độ đón nhận những nền văn hóa lớn nhất thế giới như Trung quốc, Pháp, Hoa Kỳ, Nga mà người Việt cảm phục càng dễ dàng và do đó mối nguy cơ mất gốc càng tăng. Ngày nay cả trong nước, và ngoài nước đều đứng trước mối đe dọa xâm nhập văn hóa Mỹ. Trước 75, có một luận án cao học ở Đại học Văn khoa Saigon về "Ảnh hưởng văn hóa Mỹ" ở miền Nam chứng nhận phần nào nhận xét trên. Hàng ngàn năm bị đô hộ đã tạo nên một tâm tình cảm phục người ngoại quốc, kẻ thống trị mình về văn hóa. Sống ở nước ngoài, nước đã thống trị mình, người Việt thường có thái độ hội nhập, tôn trọng và thành tín với người bản xứ, nhưng lại coi thường, khinh ghét đồng hương, thiếu tinh thần tự trọng và hợp quần, như Nguyễn Xuân Nghĩa đã nhận xét (*Việt Nam nhìn từ bên ngoài*, xuất bản Văn Lang 1994, tr. 243-244). Trước 75 và sau 75, tôi đã dự nhiều buổi hội thảo về văn hóa dân tộc, tranh cãi thế nào là văn hóa dân tộc, mà không ai xác định được rõ nét, rút cục chỉ đồng ý với nhau phải bảo vệ văn hóa dân tộc. Sự kiện thời nào, dưới bất cứ chế độ chính trị nào, những người cầm bút, làm văn hóa luôn luôn băn khoăn lo lắng về văn hóa dân tộc chứng tỏ bản lãnh văn hóa của người Việt chao đảo thế nào trong khi người Hoa hình như chẳng bao giờ bận tâm về bản lãnh văn

hóa của họ. Họ hội nhập về kinh tế, nhưng không hội nhập về văn hóa.

Làm sao người Việt ở trong nước và ở ngoài nước, nhất là ở Mỹ, có thể chống lại khả năng đồng hóa của nếp sống Mỹ, văn hóa đại chúng Mỹ, trong khi ngay cả các nước Âu châu như Pháp ở nhiều lãnh vực còn phải "khuất phục"?

Tuy nhiên đó là tương lai, lịch sử Việt Nam có kinh nghiệm nào về hội nhập ở nước ngoài không? Có, trường hợp người Việt ở Thái Lan. Tôi chưa có điều kiện tìm hiểu, chỉ xin giới thiệu ghi nhận của Đào Trinh Nhất qua trình bày của nhà báo Ngọa Long. Cách đây trên 200 năm, có hai đợt di dân vì lý do chính trị và tôn giáo. Đợt đầu những người chạy theo Nguyễn Ánh và đợt sau, những người Công giáo tỵ nạn trước những chính sách bắt đạo của Minh Mạng Thiệu Trị.

"Nguyên xưa người Việt Nam mình sang đất Xiêm khá đông, vì lẽ hoạn nạn tại quê hương xô đẩy. Có hai hạng Việt kiều kết hợp thành xóm làng riêng ở bên ấy. Một là "Cựu An Nam Hương" (tiếng Xiêm gọi là Sam phên) gồm những người theo vua Gia Long sang từ trăm năm về trước và kế đó là "Tân Annam hương" (Sau sên) gồm những người theo đạo Thiên Chúa ở hai triều Minh Mạng Thiệu Trị vì lúc bấy giờ trong nước có lệnh cấm đạo nghiêm khắc, nên khiến họ phải đào tẩu sang Xiêm rồi sanh tụ luôn ở đấy. Đoàn thể trên hoàn toàn hóa bản xứ nhất thiết ngôn ngữ, phong tục, không còn chút gì vấn vương cố hương.

Duy có những người ở đoàn thể sau tức Tân Annam hương thì lại giữ được phần nhiều bản sắc, tuy sự sanh hoạt có thay đổi theo hoàn cảnh, nhưng tiếng mẹ đẻ thì họ vẫn không bỏ, lại cố tình dùm bọc, quây quần với nhau nhờ sức mạnh tôn giáo... Lúc đó quốc ngữ theo khuôn phép Đức cha Bá Đa Lộc chỉnh đốn, đã thành nề nếp rõ ràng. Trong phái Tân Annam hương đã có mấy đàn anh học quốc ngữ thấy sự ích lợi bèn xin các cố mở ra ở Vọng Các một nhà in để in sách vở quốc ngữ, truyền bá trong dám kiều bào. Ngoài ra họ còn cho in một tập kỷ yếu gần giống như tạp chí xuất bản bất thường, ghi chép những sự việc quan hệ trong Giáo hội và dân gian cho các đạo hữu cùng biết."(1)

Theo Đào Trinh Nhất, tập kỷ yếu kể trên được coi như tạp chí bằng quốc ngữ đầu tiên. Kinh nghiệm Thái Lan cho thấy gì? Phải chăng chỉ các cộng đồng tôn giáo có chút hy vọng tồn tại lâu dài nhờ những sinh hoạt tôn giáo (kinh tế, nghi thức v.v...) bằng tiếng Việt. Sở dĩ những sinh hoạt này vẫn thu hút lôi cuốn được người tham dự là vì ngoài tính chất tôn giáo, có đông đủ những yếu tố tạo thành một sinh hoạt văn hóa, văn nghệ hấp dẫn [tính trình diễn, tính nghệ thuật (ngâm, ca hát có diệu nhịp, vần đối) tính cộng đồng, tập thể v.v...]. Đối với người nghiên cứu ngôn ngữ, phong tục những sách kinh bổn đạo rất quí vì cho biết một cách *chính xác* những phong tục và tiếng nói của người Việt cách đây 200,

300 năm. Đó không phải là "tiếng nói, văn nhà đạo" do các cố tạo ra như anh Nguyễn Văn Xuân đã lập luận trong bài *"100 năm chữ quốc ngữ"* đăng trên *Văn* trước 75, mà là tiếng nói của người Việt bình dân ở thôn quê rất ít bị Hán hóa. Tôi đã nghiên cứu vấn đề này, dựa vào các sách báo bằng quốc ngữ xuất bản ở miền Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tôi thấy nhiều từ, kiểu nói bị gán cho là "văn nhà đạo" vẫn thường được dùng trong các sách báo thời đó. Trong một công trình nghiên cứu tiếng Việt cách đây 200, 300 năm (bản thảo) Thanh Lãng thuật lại một giai thoại thú vị: "Thời gian du học ở Roma, ông ở cùng trường với một số chủng sinh người Thái gốc Việt. Họ rất khó hiểu nhau khi đàm đạo bằng tiếng Việt vì tiếng Việt ngày nay Hán hóa hay âu hóa nhiều rồi, nhưng khi họ đọc kinh thì hoàn toàn hiểu nhau. Chẳng hạn nói "giảng" thì người Thái gốc Việt hiểu, còn nói "diễn thuyết" thì họ không hiểu."

Văn học hải ngoại hiện nay liệu còn tồn tại không với những thế hệ thứ 3, thứ 4 trở về sau? Tuy nhiên chắc chắn vẫn có sách báo tiếng Việt của những du học sinh như trước 75, và cái còn lại của cộng đồng người Việt, đặc biệt của các cộng đồng tôn giáo, chỉ là một thứ tiếng Việt văn Việt cổ của thế kỷ XX?

II. Nhận diện:

Văn học hải ngoại muốn tự xác định, phải so sánh với những văn học *không phải* là nó. Từ đó, suy diễn văn học hải ngoại nối dài hay không nối dài các dòng văn học ở trong nước. Tìm hiểu các dòng văn học dựa vào việc xác định những bình diện cho thấy tính cách tương đối những phân biệt, đồng thời cũng làm cho rõ hơn những so sánh.

Chẳng hạn phân biệt văn học miền Bắc / văn học miền Nam, văn học hải ngoại / văn học quốc nội. Đây là một cách phân biệt căn cứ trên những yếu tố địa lý. Còn nếu đứng trên bình diện địa lý chính trị (qui định những nếp sống văn hóa, đòng văn học) sẽ thấy những khác biệt trong nội bộ văn học mỗi miền và so sánh những khác biệt đó, sẽ thấy những tương đồng giữa các dòng văn học của những miền khác nhau về địa lý.

Cũng vậy, phân biệt văn học dựa trên phân biệt chế độ chính trị: văn học xã hội chủ nghĩa / văn học quốc gia, hay văn học cộng sản / chống cộng sản tiêu biểu cho một lối nhìn trên bình diện chính trị. Nhưng đi vào sâu hơn, dựa trên những tiêu chuẩn: hợp pháp, công khai, bất hợp pháp, chui... hay chính trị, phi chính trị, trên chính trị... sẽ thấy những khác biệt trong nền văn học một chế độ chính trị và so sánh những khác biệt đó sẽ thấy những tương đồng giữa các nền văn học của những chế độ chính trị khác nhau.

1. Bình diện địa lý chính trị:

Sự kiện Nam tiến hình thành một miền Nam Việt Nam đánh dấu một khúc ngoặc trong lịch sử vì nó đem tới những yếu tố mới chưa từng có về mặt kinh tế, chính trị, văn hóa tạo ra hai lối nhìn khác nhau về vùng đất mới.

Người vùng đất cũ coi vùng đất mới là một hỗ trợ cần thiết về kinh tế cho vùng đất cũ và đòi hỏi thống nhất đảm bảo vai trò đóng góp và cứu trợ kinh tế của miền Nam, đồng thời mở rộng vùng lãnh đạo chính trị của người vùng đất cũ; còn về mặt văn hóa, vùng đất cũ coi vùng đất mới như *không có* hoặc *có nhưng không đáng kể*...

Trái lại người vùng đất mới coi vùng đất mới là giang sơn của mình: Tự cung, tự cấp. Nếu đưa mắt nhìn ra ngoài miền Nam, về kinh tế, người vùng đất mới lại chú ý nhìn theo hướng phía Tây (Cao Miên, Thái Lan...) hơn là về phía Bắc. Người Pháp sau này cũng có lối nhìn như vậy. Người Việt ở vùng đất mới không thấy cần ca tụng vùng mình cư ngụ vì đã nhận nó là quê hương, thỏa mãn các nhu cầu của mình; khác hẳn người vùng đất cũ, đặc biệt vùng Bình Trị Thiên, Thanh Nghệ làm rất nhiều văn thơ ca tụng vùng mình, nhưng lại tìm cách vào Nam lập nghiệp sinh sống. Thực ra, người miền Nam chỉ có quan hệ thuần túy tình cảm đối với người miền Bắc, cho nên làm gì giúp gì chỉ vì tình nghĩa mà thôi.

Người Việt ở miền Nam, sống trong những điều kiện địa lý chính trị khác miền Bắc, đã có một tâm tình, nếp sống văn hóa khác và văn học phản ảnh tâm tình, nếp sống văn hóa đó có những đặc điểm sau đây:

Văn học miền Bắc, có từ lâu đời diễn tiến theo hướng phân biệt: văn học với những cái không phải văn học như triết học, tôn giáo, sử ký, kinh tế, thương mại. Sách, báo văn học chỉ nói về văn học, quảng cáo sách báo văn học mà thôi.

Trong văn học, phân biệt *văn học viết* bác học, trí thức dành riêng cho thiểu số trí thức, còn văn học bình dân, đại chúng thường chỉ là *văn học nói*, truyền miệng hoặc văn học *viết để nói*.

Trái lại văn học ở miền Nam quay về nguyên tắc bất phân: không phân biệt văn học với những bộ môn khác; trong văn học không phân biệt văn học bác học và văn học đại chúng; chỉ có một dòng văn học trong đó *câu nói không học câu văn* đã trở thành chải chuốt khách sáo, mà *câu văn học câu nói* để diễn tả cái chân chất, chân thực mà thôi.

Dòng văn học chung cho cả miền Nam có tính chất phản kháng chống đối chính trị thời nội chiến: Trịnh Nguyễn và nhà Nguyễn Tây Sơn. Cha ông người miền Nam là dân tị nạn, lưu vong bất mãn với chế độ chính trị xã hội miền Bắc, cùng với nhóm người Hoa lưu vong gây dựng miền Nam, chống lại sự xâm chiếm của nhà Trịnh, nhà Tây sơn,

ủng hộ nhà Nguyễn, đặc biệt các tướng lãnh, quan cai trị, đã có công khai phá miền Nam. Nguyễn Ánh bị quân Tây sơn đánh bại, rút sang Thái Lan mang theo nhóm người là dân tị nạn lần thứ hai ở Thái Lan. Tính chất chống đối chính trị kể trên được biểu lộ khá rõ nét trong các truyện được sáng tác vào đầu thế kỷ, đặc biệt trong tủ sách gọi là "Trú thơ viện" thành lập năm 1910. Những truyện này còn viết theo lối truyện Tàu bán khá chạy.

Tuy nhiên những truyện viết theo lối Tây phương đã xuất hiện rất sớm ngay từ khi người Pháp mới sang. Điều đáng lưu ý hơn là nội dung các thể loại văn học ở miền Nam, đặc biệt cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã phản ánh nếp sống ở vùng đất mới, thể hiện những mẫu người, nhất là mẫu người phụ nữ khác những mẫu người ở vùng đất cũ... và không thấy bày tỏ một hoài niệm nào vùng đất cũ. Mảng văn học mang đầy đủ cá tính miền Nam này thật phong phú đa dạng bắt đầu bị lép vế dần sau khi có đường xe lửa nối liền Nam Bắc, chuyển vào Nam nền văn học miền Bắc đang thời kỳ khởi sắc cũng phong phú đa dạng; rồi mảng văn học miền Nam bị bỏ quên vào hồi 1954 khi đông đảo giới cầm bút miền Bắc di cư vào Nam, làm văn học bác học.

Sau 75, những người cầm bút gốc Bắc di tản ra nước ngoài, làm văn học hải ngoại tiếp tục lề lối cách nhìn văn học của người miền Bắc. Do đó đứng trên bình diện địa lý chính trị, có thể nói văn học hải ngoại nối dài văn học miền Bắc trước 54 và sau 54 đến 75. Còn văn học chính gốc miền Nam đã bị cắt đứt với truyền thống văn học mang đầy đủ cá tính miền Nam do người miền Nam làm; nền văn học này đã hầu như hoàn toàn bị bỏ quên bỏ qua trong các cuốn văn học sử của Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản, hai cuốn phê bình văn học của Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh Hoài Chân trước 54 đến các bộ văn học sử của Thanh Lãng, Phạm Thế Ngũ, Phạm Văn Diêu v.v... sau 54, tất cả đều trình bày lịch sử văn học Việt Nam dựa vào diễn tiến văn học miền Bắc mà thôi.

2. *Chính trị:*

Sinh hoạt văn học trong mọi hoàn cảnh mọi lãnh vực tư tưởng, tôn giáo, xã hội, văn hóa đều bị chính trị hóa dưới các chế độ chính trị từ 1955 đến nay. Cho nên không thể không liên hệ với chính trị để tìm hiểu, phân biệt các nền văn học trong những chế độ kể trên. Tuy nội dung chính trị (đường lối, quan niệm) khác nhau, chống nhau nhưng có thể giống nhau về hình thức diễn tả, ý hướng sáng tác, biên khảo.

Trong nền văn học của chế độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, có một dòng văn học công khai, chính thúc, hợp pháp, bằng chữ viết mang những tính chất hay nhãn hiệu do chính những người làm ra nó hay chống nó gán cho: văn học chính ủy, văn học phải đạo, văn học

minh họa v.v... Đó là dòng văn học cũng bị nhiều người làm ra nó phủ nhận hoặc về cuối đời, trước khi chết hoặc ngay cả khi còn sống. Xuân Diệu, được một hàn lâm viện Đông Đức phong viện sĩ, chỉ xét tác phẩm cho đến 45, Xuân Diệu và cả các thể chế văn học của Đảng không phản đối, thành ra nước cho nước nhận đều là xã hội chủ nghĩa mà đều lặng lẽ phủ nhận nền văn học chính thúc của chế độ.

Song song với dòng văn học công khai chính thức, có dòng văn học "chui" bất hợp pháp, truyền miệng, vô danh gọi là dòng văn học dân gian. Lịch sử diễn tiến văn học cho thấy: khi có văn học chữ viết, văn học truyền miệng lui bước, chấm dứt. Nhưng trong hoàn cảnh xã hội chính trị không thể diễn tả bằng văn học chữ viết, văn học truyền miệng được sử dụng tối đa. Do đó có dòng văn học dân gian rất phong phú, đa dạng, phản ánh trung thực, sâu sắc chế độ. Nhìn từ bên ngoài, có thể coi đó là văn học phản kháng, chống đối, còn nhìn từ bên trong, phần lớn dòng văn học này do chính những người của chế độ, đôi khi ở cấp cao làm ra. Đại Hội Đảng họp vừa bế mạc, đã có ngay một bài về đánh giá nghị quyết đại hội, không thể không nghĩ tác giả không phải là đảng viên hay cán bộ viên chức nhà nước. Có thể coi đây là dòng *văn học tự phản tỉnh*, tự nhận định và tự trình diện một cách thẳng thắn trung thực và hiện thực nhất. Đó là dòng văn học mà mọi người trong chế độ đều ưa thích, ham tìm nghe, và truyền cho người khác vì nó rất hay. Không ai phản đối vì nó rất thực, rất đúng một cách thật chính xác, khách quan do tập thể làm ra.

Ở miền Nam trước 75, cũng có một dòng văn học công khai chính thức, hợp pháp, bằng văn viết gọi là văn học tâm lý chiến, văn học chiến tranh chính trị... Dòng văn học này thường bị dư luận và ngay cả các tác giả của nó coi thường, không đếm xỉa tới.

Miền Nam trước 75 không có văn học dân gian "phê phán chế độ" vì những gì muốn nói hầu như đều có thể nói bằng chữ viết, một cách trực tiếp trên báo chí, không cần mượn sáng tác văn chương thường dùng lối nói gián tiếp, ám chỉ. Dĩ nhiên cũng có vài câu vè, truyện tiếu lâm, chơi chữ, nhưng rất ít, có thể đếm trên đầu ngón tay so với hàng nghìn hàng vạn câu ở miền Bắc. Nhưng miền Nam trước 75 có hai dòng văn học khác mà tôi gọi là *phi chính trị* và *trên chính trị* mà miền Bắc trước 75 và cả nước sau 75 đều không có.

Văn học phi chính trị: văn học này bao gồm những sáng tác có nội dung chủ đề thuộc đời sống tư riêng, nhất là về tình cảm, không dính dáng đến chính trị. Thực ra văn nghệ phi chính trị bao gồm các lãnh vực sáng tác khác, đặc biệt kịch, cải lương và ca nhạc. Xét về nguồn gốc, một số sinh hoạt (câu lạc bộ, tạp chí, nhà xuất bản) sở dĩ có được (có điều kiện

vật chất) là do một đường lối chính trị hoặc của chính quyền, hoặc của các tổ chức nước ngoài chủ trương. Tạp chí Hợp Lưu ra một số đặc biệt về Mai Thảo (số 16.94), phần nhiều do những người trẻ viết, cho rằng "Sáng Tạo là tạp chí thuần túy văn học". Nhận định này chỉ đúng về mặt nội dung, và không đúng về mặt nguồn gốc xuất xứ mà những người đương thời hiểu biết rõ.

Dòng văn học này đã phổ biến trước 75 ra ngoài Bắc, trong khu, ít nhất trong giới cán bộ phụ trách miền Nam. Sau 75, dòng văn học này được phổ biến rộng rãi ở miền Bắc và dần dần ngay cả ở miền Nam, một cách công khai, bước đầu trong các tụ điểm ca nhạc ban đêm như một nhu cầu, chả nhẽ vui chơi lại chỉ hát bài tranh đấu, chính trị, sau cả trong loa phóng thanh. Có lần cách đây vài năm, ngồi ở Bãi Trước Vũng Tàu, tôi đã nghe bài hát Phạm Duy kể chuyện Phạm Phú Quốc *(Huyền sử của một người mang tên Quốc)* do loa phóng thanh phát ra. Đó là một bài hát "chính trị" đã trở thành phi chính trị đối với thế hệ 30, 40, dù là cán bộ, đảng viên không còn biết hay không cần biết Phạm Duy, anh Quốc là ai, chỉ cần thích nghe một bài hát hay...

Văn học trên chính trị: Đây đích thực là một *dòng* văn học vì không phải chỉ vài cá nhân lẻ tẻ mà là đông đảo người cầm bút (suy tưởng và sáng tác văn), cầm đàn, cầm cọ vẽ v.v... thực hiện và đã có nhiều tuyệt tác nổi tiếng, phổ biến rộng rãi trong ngoài nước. Tinh thần, ý hướng sáng tác của những người làm văn học trên chính trị không phủ nhận chính trị, cái hợp lý chính đáng, mà chỉ vượt lên trên chính trị để có cái nhìn đích thực toàn diện hơn nhằm cảm nhận sâu sắc hơn một thực tế phức tạp tàn nhẫn bao gồm cái lý với cái vô lý, phi lý... Cái nhìn trên cái lý không còn phân biệt bên này/bên kia, bạn/thù, thủ phạm/nạn nhân một cách dứt khoát vì trong cái nhìn siêu lý, thủ phạm có thể cũng là nạn nhân. Nhà văn, nghệ sĩ, người trí thức muốn đạt tới và diễn tả cái bi đát của cuộc đời; phạm trù bi đát, không xóa bỏ phạm trù hợp lý, cái chính đáng, nhưng vượt lên trên để cảm nhận những gì thuộc "thân phận" con người...

Điều đáng lưu ý, không phải những người "sáng tác" dòng văn nghệ trên chính trị này đứng ngoài, bên lề thực tế, cuộc chiến, mà chính là những người đang cầm súng, hay nói rộng ra, đang ở trong guồng máy chiến tranh của miền Nam. Họ cầm súng vì nghiệp vụ, nhưng khi cầm bút sáng tác lại muốn vươn tới cái nhìn trên chính trị. Nhưng điều đáng lưu ý hơn nữa là một chính quyền, một chế độ chính trị đã để cho dòng văn học trên chính trị được bộc lộ, diễn tả trên sách báo công khai, hợp pháp, đôi khi ngay cả trên báo chí của các binh chủng trong quân đội. Theo tôi, dòng văn học trên chính trị này là điểm son đáng kể hơn cả của

văn học miền Nam (1955-1975) vì miền Bắc không có và cả văn học hải ngoại hiện nay hình như cũng không.

Tại sao văn chương hải ngoại không có văn học *trên chính trị*? Đó là điều tôi thắc mắc muốn tìm hiểu ngay từ lúc ra nước ngoài, nhất là khi thấy mấy người bạn thân ở trong quân đội tù cải tạo lâu năm về cho biết sẽ tiếp tục làm thứ văn học trên chính trị khi sang Mỹ, nhưng rồi thấy mấy ông bạn đó vẫn im lặng sau khi sang Mỹ vài năm... Tôi tạm đưa ra một giả thuyết giải thích: tại vì cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại không có một chính phủ trung ương với các cơ cấu quyền hành như quân đội, cảnh sát, tòa án... như ở nhà trước 75. Thời đó những người trong quân đội, cảnh sát, chính quyền hay cả dân thường đều phân biệt các *chính phủ* Saigon (có những tướng tá, người cầm quyền tham nhũng, thiếu tài đức) đối với *chế độ chính trị VNCH* và nhất là với *chế độ xã hội miền Nam* vẫn tôn trọng một số giá trị đạo lý về chính trị, có chính nghĩa nên có niềm tin rồi ra chính nghĩa sẽ thắng, dù đánh nhau có trận được trận thua. Những kẻ thực sự đe dọa sự tồn tại của chế độ đã có các cơ quan an ninh tòa án phụ trách, còn trên địa hạt văn hóa tư tưởng, trân trọng những sáng tác trên chính trị mà bản thân họ cũng cảm nhận tương tự; do đó ngay cả những người lính ngoài mặt trận về thành phố, có thể bực bội đôi chút những hoạt động chính trị đối lập hay thứ văn chương "trên chính trị" đi quá xa... và có thể đồng tình với tố cáo "những kẻ đâm sau lưng chiến sĩ", nhưng không bao giờ chiến sĩ cầm lưỡi lê đâm sau lưng những người cầm bút bị tố cáo "đâm sau lưng họ chỉ bằng lời nói, chữ viết."

Trái lại ở hải ngoại, người di dân, tị nạn, nhất là những người đã cầm quyền ở Việt Nam, ngày nay không còn gì cả, từ nỗi niềm đau xót tủi nhục, vì bị phản bội, buộc phải bỏ nước ra đi, nên rất khó chịu đựng nổi những lời nói, cử chỉ bị coi như đụng đến vết thương lòng, một vết thương mà chỉ thời gian và thực tế mới làm dịu bớt.

Ngay cả những lời nói xuất phát từ những chiến hữu đã học tập cải tạo lâu năm có thể cũng bị coi là đụng tới những hình ảnh, lập luận biện minh cho việc ra đi nước ngoài như nhà văn Ngô Thế Vinh đã bày tỏ: *"Lòng Chính đã không khỏi bị chùng xuống khi đọc một bài viết của Vãn, với tất cả nỗi cay đắng của một người tị nạn cộng sản ngay từ 75, nay lại phải nghĩ tới một cuộc di tản lần thứ hai để trốn chạy khỏi làn đạn của chính những người bạn hướng tới từ phía sau lưng mình."* Qua những gì tôi đã được đọc, tôi thấy rất hiếm có những sáng tác như "Sự rực rỡ mùa thu này" của Ngô Thế Vinh, bác sĩ trong quân đội đi học tập cải tạo trở về (*Thế Kỷ 21*, tháng 11/94).

Có thể đưa một giả thuyết giải thích khác: Cộng đồng người Việt ở

nước ngoài đã bắt đầu được sống ở thời kỳ hậu cộng sản. Những tâm tư, lề lối sinh hoạt trí thức vẫn bị thời cộng sản chi phối nặng nề được bộc lộ qua những lời nói hành động khủng bố trí thức. Tôi nghĩ rằng những hành động lời nói khủng bố trí thức này chỉ có thể giải thích nếu được coi như những phản ứng lại một chính sách khủng bố mang tính chất nhà nước mà người cộng sản đã thực hiện ở miền Bắc trước 75 và ở miền Nam sau 75.

Một trong những người thực hiện chính sách khủng bố mang tính chất nhà nước trí thức, văn nghệ sĩ miền Nam sau 75 là Lữ Phương. Với tư cách thứ trưởng Bộ văn hóa của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam , Lữ Phương đứng đầu một ban phân loại tác phẩm, qui định thành phần các người cầm bút. Những ai sống ở Sàigòn thời kỳ đó đều đã biết hoặc đã là nạn nhân những hậu quả của chính sách "trấn áp" kể trên... Lữ Phương và một số người khác như Nguyễn Trọng Văn đã trình bày "cơ sở lý luận" của chánh sách khủng bố chữ nghĩa trong những lớp học chính trị, và sau đó Lữ Phương đã đúc kết thành một cuốn sách nhan đề: *"Cuộc xâm lăng về văn hóa của đế quốc Mỹ tại miền Nam Việt Nam"*, nhà xuất bản Văn Hóa Hà Nội 1981. Trong cuốn sách gần 250 trang, tác giả đã tố cáo kết án toàn bộ sinh hoạt văn hóa văn học nghệ thuật, tôn giáo, tư tưởng của mọi cá nhân, tổ chức đoàn thể... đều nằm trong sách lược xâm lăng của đế quốc do CIA chỉ đạo... Hơn hẳn các tác giả miền Bắc nói về đề tài này, vì là người tại chỗ, nên Lữ Phương biết khá rõ, có tài liệu; xin trích dẫn mấy đoạn tiêu biểu.

Chẳng hạn nói về các hoạt động văn hóa, đại học, xã hội của Phật giáo, Lữ Phương dẫn chứng tài liệu cho thấy kế hoạch của Mỹ đưa một số lãnh tụ Phật giáo quen biết đi Hoa Kỳ (Thích Thiên Ân, Thích Minh Châu, Thích Nhất Hạnh, Lê Mạnh Thát), giúp đại học Vạn Hạnh tiền in báo, cung cấp sách vở tài liệu, trợ cấp các hoạt động xã hội từ thiện (Trung Tâm Văn hoá Xã hội Phật giáo, Đoàn Sinh viên Phật tử, Gia đình Phật tử, trường Thanh Niên Phụng sự Xã hội (trang 56) *"Tốt nghiệp trường TNPSXH cũng chẳng khác gì tốt nghiệp các trường Quang Trung, Dồng Đế, Thủ Đức, Võ bị Đà Lạt"* (tr. 133) như vậy, sự kiện có một số cán bộ của trường này bị giết trước 75 nào có gì lạ vì họ bị coi như cán bộ Bình định Nông thôn đội lốt tôn giáo.

Tất cả các nhà văn đều bị Lữ Phương gọi là *hắn, bọn, tên*... phản động... *"Doãn Quốc Sĩ cũng là một cây bút phản động hung hăng không kém gì Võ Phiến... Vừa chửi thực dân, vừa chửi cách mạng, nhưng nếu phải so sánh hai thế lực thì Doãn Quốc Sĩ chấp nhận thực dân vì theo hắn, Cộng sản còn ghê tởm hơn nhiều. Dây là luận điệu khá tiêu biểu cho những tên phản động có hận thù với cách mạng sẵn sàng đi theo thực dân để chống Cách mạng. Xét trong*

toàn bộ các lực lượng cầm bút phản cách mạng một cách trực diện thì những kẻ cầm bút kiểu như Võ Phiến, Doãn Quốc Sĩ và về sau này hàng loạt những bọn chiêu hồi đầu thú kiểu Xuân Vũ, đã đóng vai trò xung kích trong mặt trận văn hóa phản động của đế quốc Mỹ, hung hăng và trắng trợn hơn tất cả những thế lực khác" (tr. 74, 75).

Tất cả những kẻ lập ngôn, lập thuyết đều bị Lữ Phương ném vào một rọ: Ngô Đình Nhu, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Đăng Thục, Vũ Quốc Thông, Nguyễn Duy Cần, Kim Định, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Văn Trung, Thích Nhất Hạnh, Thích Minh Châu, Thích Đức Nhuận, Nguyễn Mạnh Côn, Lý Đại Nguyên, Trần Thanh Hiệp, Lê Văn Siêu, Hoàng Sĩ Quí, Nguyễn Ngọc Huy v.v... (110) Tờ "Hành Trình" chủ trương cách mạng xã hội không cộng sản *"chứa đựng đầy dẫy những luận điệu của những nhà lý luận của chủ nghĩa thực dân mới theo kiểu "Kennedy" về chống nổi dậy* (trang 182).

Rất may cho những nhà văn như Mai Thảo trốn ra nước ngoài được, nếu không làm sao thoát khỏi tù đầy khi bị kết án *nhận tiền của USIS [Sở Thông tin Hoa Kỳ] làm tên cai thầu văn nghệ cho Mỹ kiểu Mai Thảo, Bùi Anh Tuấn"* (tr. 43).

Trước 75, nhóm Vũ Hạnh, Lữ Phương ra tờ Tin Văn, và hoạt động cho Lực lượng Bảo vệ Văn hóa Dân tộc, tố cáo Chu Tử viết tiểu thuyết đồi trụy... Chu Tử có thể đã có thông tin từ các cơ quan an ninh tố cáo nhóm Tin Văn, LLBVVHDT là cộng sản nằm vùng. Nhiều người cầm bút, tổ chức Văn bút lên tiếng bênh vực Vũ Hạnh. Nhiều độc giả, kể cả những người trong các binh chủng đặc biệt như Dù, Thủy quân lục chiến, viết thư về ủng hộ Chu Tử... Tin Văn đã ra một số đặc biệt đăng tất cả những chứng từ kể trên. Chu Tử chịu thua trước dư luận...

Sau 75, Thành Đoàn xuất bản cuốn *"Trui rèn trong lửa đỏ"* kể các thành tích hoạt động nội thành trong đó những người chủ trương Tin Văn, LLBVVHDT nói rõ họ đã gặp những ai, nhận chỉ thị hành động ra sao v.v...

Những năm gần đây, Lữ Phương viết bài phê bình nhóm bảo thủ về văn học, rồi phê bình mác xít, sau cùng cả tư tưởng Hồ Chí Minh, đảng Cộng sản Việt Nam... Lữ Phương dẫn đo tính toán từng bước đi: đến lúc nào nói được điều gì, nói đến đâu, phổ biến ở đâu, thế nào, chỗ dựa của Đảng còn không v.v... để không ai bắt bẻ được... Lữ Phương chưa hề bị Đảng kết án như nhiều người khác; Lữ Phương không sinh hoạt Đảng, nhưng Đảng vẫn chưa khai trừ anh; anh không sinh hoạt cơ quan, nhưng vẫn tiếp tục được hưởng những quyền lợi vật chất, kể cả những quyền lợi của chức vụ mà anh đã thôi từ lâu: Thứ trưởng bộ văn hóa CPCMLTMNVN. Biệt thự đường Công Lý cấp cho anh ở cương vị thủ

trưởng, cho đến nay, Nhà nước vẫn không thu hồi, anh thấy rộng quá, sửa lại một nửa *For Rent*... Tôi nói với anh: "Ông Trần Văn Trà có thể làm như thế, nhưng anh thì không nên..." Những đảng viên bảo thủ mà anh phê phán gay gắt vì họ "cầm quyền" vẫn hăng diện bảo vệ một chế độ để những người tiến bộ như Lữ Phương có thể "ăn thóc nhà Chu mà vẫn chửi nhà Chu."

Những bạn bè anh chờ đợi ở anh không phải việc phê bình Mác xít (một điều ngay từ thời bao cấp còn mấy ai nghĩ đến và nhiều đảng viên khác cũng "phản động" sâu sắc chưa kịp phổ biến rộng rãi ra nước ngoài như Lữ Phương) mà là nhìn lại chính bản thân anh để rồi nói ra tại sao anh theo Đảng và bây giờ bỏ Đảng; đâu là những ảo tưởng, sai lầm của anh, và nhất là dám nhận trách nhiệm những hành động "tội ác" tố cáo kết án những người cầm bút là phản động, bồi bút, tay sai, cai thầu của đế quốc. Lữ Phương có nói với tôi anh chán ngán xã hội chủ nghĩa ngay từ lúc ra Bắc hồi sau Tết Mậu thân, và vai trò bù nhìn của CPCMLTCHMNVN. Tôi hỏi anh: Tại sao vẫn làm như thể "xác tín" hồi 1975? Lữ Phương trả lời: "Không dám" và tôi rất thông cảm với anh...

Nhưng ở ngoài nước, anh được đề cao là đối lập và được xếp bên cạnh những Doãn Quốc Sĩ, Đoàn Viết Hoạt... những người mà trước đây bị anh kết án là bọn bồi bút, những tên xung kích của đế quốc trên mặt trận văn hóa.

Như vậy, thật dễ hiểu những phản ứng chống đối, hăm dọa bày tỏ một thứ khủng bố trí thức của những người đã là nạn nhân hay là bạn bè của những nạn nhân thời kỳ khủng bố trí thức sau 75... nhằm vào những cơ quan, người cầm bút nào về nước thăm viếng những người như Lữ Phương, đăng báo in sách của họ v.v... Tôi không nói những hành động mang tính chất khủng bố trí thức kể trên của những người bị coi là "chống cộng quá khích, cực đoan" là đúng hay sai, mà chỉ ghi nhận để tìm hiểu tại sao ở hải ngoại không thể có, một cách công khai, những suy nghĩ, sáng tác bày tỏ một xu hướng vượt khỏi những ám ảnh quá khứ của cá nhân, tập thể nhóm, để vượt khỏi chính trị, để nghĩ đến những vấn đề hiện tại, tương lai của đất nước. Tôi hiểu và thông cảm những tự chế, có vẻ né tránh của Phan Nhật Nam, Doãn Quốc Sĩ khi được hỏi về thời gian ở trong nước, họ không làm hài lòng những người muốn có những tuyên bố như người ta trông đợi, tương tự phản ứng thất vọng của những người phỏng vấn Giám mục Nguyễn Văn Thuận, vị tổng giám mục phó của Sàigòn tuyệt đối không có ý định nói về 13 năm tù tội của mình. Đối với sự tò mò ngài không cho biết gì về những cuộc thẩm cung và về cách sống của mình trong trại cải tạo dành riêng cho một giám mục. *"Tôi không muốn nói đến những năm đó... Thời gian đó đối với tôi là một cuộc tĩnh*

tâm thiêng liêng kéo dài... Tôi chỉ có bổn phận phải làm chứng tá..."

Điều trớ trêu là những tố cáo chụp mũ cộng sản, xét về một mặt, không phải hoàn toàn sai trái. Ngay cả tố cáo làm điềm chỉ viên, công an... Sống trong một chế độ toàn trị, công an trị, tất cả đều có nhiều dính líu, liên hệ đồng lõa. Ngay cả khi ra khỏi chế độ hay không còn chế độ, người ta vẫn có thể mang những lối suy nghĩ, tâm tình theo kiểu cộng sản mà không biết, có lẽ phải nhiều năm mới gột rửa được... Thiết tưởng các bạn trí thức sống ở ngoài nước đã đọc Zinoviev, V. Havel... và đều hiểu tại sao những người đã sống trong chế độ cộng sản, dù chống nó, ít nhiều vẫn là cộng sản, xét theo một vài phương diện. Sau khi các chế độ ở Đông Âu thay đổi, những vị lãnh đạo như Havel đã cảnh giác và tìm biện pháp chấm dứt tình trạng tố cáo ngay cả những kẻ đối lập, hàng giáo phẩm có thể đã là chỉ điểm của công an... để có được sự thanh thản mà xây dựng đất nước. Vì thế cộng đồng người Việt ở nước ngoài cũng phải mau chóng tìm cách thoát khỏi tình cảnh "hậu cộng sản", một tình cảnh mà nếu trong nước có thay đổi chế độ, chắc chắn cũng sẽ xảy ra.

Lúc đó, hy vọng bên nhà có thể rút kinh nghiệm của cộng đồng hải ngoại sớm chấm dứt tình trạng hậu cộng sản.

Sứ mệnh của người cầm bút, đặc biệt văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà biên khảo là biết tự chế, vượn lên vượt khỏi những phản ứng tự nhiên và chính đáng của hận thù trên bình diện tâm lý thông thường, để có được những tâm tình thái độ nhân bản và tôn giáo, đặc biệt cần thiết đối với thực tế cộng sản vì bạo lực, khủng bố mang tính chất nhà nước của chế độ cộng sản, xét cho cùng, mang tính chất tôn giáo, do đó chỉ những thái độ tôn giáo mới thực sự hóa giải tâm tình, cái lý (logique) của người cộng sản.

Văn học hải ngoại là một hiện tượng bất thường và chính những người đang làm ra nó không mong gì hơn càng chấm dứt nó mau chóng bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Thực ra nó cũng khó tồn tại lâu dài qua những thế hệ kế tiếp vì một đàng khả năng hội nhập của con cháu thật dễ dàng, và đàng khác, nền văn hóa tây phương dễ hội nhập, ngoài những điểm năng động của một lối sống có ý nghĩa phổ biến đối với mỗi sắc tộc, quốc gia, đặc biệt thích hợp với giới trẻ, còn có những điểm trái với truyền thống dân tộc Việt Nam, rất dễ làm cho mau quên cội nguồn quá khứ quê hương: Bắc Mỹ là vùng đất mới của những người di dân tứ xứ đến cư ngụ; trong các sách dạy con nít ở trường, không có chỗ nào nói về tổ quốc và lòng yêu tổ quốc vì những người sống ở Canada, Hoa Kỳ không có tổ quốc chung (mọi sắc tộc có tổ quốc riêng của mình). Họ chỉ có nước, quốc gia hiểu theo nghĩa cộng đồng những sắc dân khác nhau

về tiếng nói, tổ quốc, nhưng cùng có chung những quyền lợi sinh sống và do đó mọi cộng đồng sắc tộc phải tuân giữ pháp luật nhằm bảo đảm những quyền lợi chung mà thôi.

Ngoài ra, văn hóa Tây phương chỉ chú trọng người sống - có tục lệ ăn sinh nhật, nhưng không ăn giỗ như văn hóa Việt Nam, một văn hóa nhìn nhận vai trò của người chết trong cuộc sống, được biểu lộ qua nhiều phong tục, lễ nghi được coi như một đạo giáo của dân tộc như ông Lê Diên đã trình bày rất đúng trong bài: "Rồi ai cũng về cõi âm" (Tạp chí *Đối Thoại*, số 4 tháng 11, 94. Hoa Kỳ).

Nói đến thế hệ thứ hai, thứ ba, đã thấy cảnh con cái ở xa về dự đám tang cha mẹ, ông bà, vái lạy, cắm nén hương qua lệ, tối đi khiêu vũ như thường hoặc con nít xem truyền hình thấy cảnh ở Việt Nam, coi Việt Nam như một Ethiopia ở Á châu.

Nhưng chấm dứt văn học hải ngoại, tình cảnh lưu vong, lại không tùy thuộc những người Việt ở nước ngoài còn mang tâm trạng đó, mà chủ yếu tùy thuộc chế độ ở trong nước là chế độ đã buộc họ rời bỏ đất nước. Ngay cả những người đi du học trước 75 mang tiếng là "thân" cố gắng hàng mấy chục năm trời vẫn giữ thông hành Việt Nam ngày nay cũng buộc lấy quốc tịch nước ngoài và bị ruồng bỏ sau 75... và chán ngán vì chế độ bên nhà không nhìn nhận họ. Họ trở thành lưu vong đến hai lần: Lưu vong đối với quê nhà, và đối với ngay cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

Như đã nói ở trên, người miền Nam thực ra chỉ có quan hệ tình nghĩa với miền Bắc. Người Việt ở nước ngoài đối với quốc nội ngày nay cũng vậy. Sợi dây tình nghĩa này càng khó giữ khi mồ mả người thân thuộc ở nhà bị buộc đào bới, di chuyển, đưa tới tình trạng buộc họ mang cốt đi luôn. Nếu vui vẻ, tử tế thì về thăm, bằng không thì thôi. Còn làm ăn không thiếu gì chỗ khác thuận lợi hơn. Do đó ở nhà không nên bắt bí về mặt tình cảm, biến nhu cầu tình cảm "có thì hay, không có thì thôi" thành một sách lược chính trị, trái lại cần nhìn nhận trách nhiệm về phận mình, tiến hành những thay đổi thực sự. Thế thôi! Lúc đó văn học hải ngoại không còn đặt ra nữa! ❐

(1) Hồi ký của Ngọa Long: *10 năm làng báo Saigon, từ 1927-1937*. Theo ông Tạ Trọng Hiệp (Paris) cho biết: có tìm thấy những di tích kinh Phật của người Việt ở Thái Lan và ở Trung quốc, hiện nay con cháu nhà Mạc vẫn còn ở vùng Quảng Tây giữ được tiếng Việt phong tục (mặc váy) và văn học dân gian.

Cấu trúc hình thức thi ca

Thụy Khuê

I. Lựa chọn và kết hợp

Có thể nói từ trước đến nay, những nhà phê bình, triết gia như Valéry, J. P. Sartre ... phần nào đã xác định bản chất thi ca dưới hình thức phân tâm học, phải đến những nhà ngữ học chủ yếu như Roman Jakobson mới thực sự xuất hiện sự phân tích khoa học về cấu trúc hình thức thi ca.

Ferdinand de Saussure (1857-1913), cha đẻ ngữ học hiện đại cho rằng: Ở trước, ở ngoài ngôn ngữ, tư duy chỉ là một khối hỗn loạn, vô hình thức, một đám mây u ám. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu mà con người dùng làm phương tiện giao tiếp xã hội và biểu cảm.[1]

Nói tức là truyền một lượng tin từ người nói đến người nghe với điều kiện cả hai có chung một kho từ vựng (nói tiếng Pháp, nói tiếng Việt, ...). các nhà ngữ học từ de Saussure đến Jakobson phân biệt hai trục chính trong hoạt động ngôn ngữ: *lựa chọn* (sélection) và *kết hợp* (combinaison).[2]

Ví dụ *đêm* là một chủ đề muốn truyền đạt. Để có một câu nói ngắn nhất về chủ đề này, người nói trước tiên phải lựa chọn giữa các từ tương đương: đêm, tối, màn đêm, nửa khuya, tàn canh, giờ tý, canh ba ... sau đó lựa yếu tố thứ nhì làm động tác chính, ví dụ: xuống, buông, phủ, trùm, rơi, điểm, tàn... *Lựa chọn* xong, đương sự *kết hợp* những yếu tố trên thành câu: ví dụ như *đêm xuống* chẳng hạn. Trong hành trình vừa qua, động tác *lựa chọn* dựa trên *tương quan tương đồng*, động tác *kết hợp* dựa trên *tương quan tiếp cận*.[3] De Saussure nhấn mạnh đến tính cách tùy tiện và võ đoán (arbitraire)[4] của ký hiệu ngôn ngữ, *võ đoán* vì hành động đi, tại sao lại gọi là *đi* trong tiếng Việt, *aller* trong tiếng Pháp, *go* trong tiếng Anh mà không là những chữ gì khác; *tùy tiện* khiến mỗi chữ không bị ràng buộc bởi một nghĩa nhất định: Nghĩa mỗi câu không phải là tổng số nghĩa các chữ trong câu mà tùy thuộc vào tương quan tiếp cận giữa các

chữ trong câu, tùy thuộc cách phát biểu, tùy thuộc bối cảnh và môi trư chữ và câu được đặt vào.

Lê Văn Lý trong *Le parler Vietnamien* chứng minh nhóm từ "sao - nó - bảo - không - đến" có thể có tới 40 nghĩa khác nhau, tùy theo cách *kết hợp* trật tự chữ. Trong ngôn ngữ hàng ngày và trong văn xuôi, trục *kết hợp* giữ vai chủ chốt. Trong thơ, trục *lựa chọn* có vị trí ưu tiên.

Về định nghĩa thơ, câu trả lời của Jakobson hầu như bất biến từ 1919 đến 1933, rồi 1960 vẫn là: *Thơ là một phát ngôn nhằm vào thể cách phát biểu* (La poésie n'est rien d'autre qu'un énoncé visant à l'expression). Cụ thể hơn: Thơ là nói cốt chỉ để nghe, để hưởng giá trị cái hay, cái đẹp của mỗi tiếng, mỗi chữ, trong câu mình vừa nói, chứ không phải để đạt tới các mục đích khác như truyền tin, giảng giải, nghị luận, phân tích, mô tả v. v.... Định nghĩa này tiềm ẩn giá trị tự tại của mỗi chữ trong thơ và là tiền đề của khám phá thứ nhì: **chức năng thi học trù hoạch nguyên tắc tương đồng giữa trục lựa chọn và trục kết hợp** (la fonction poétique projette le principe d'équivalence de l'axe de la sélection sur l'axe de la combinaison) và **thơ có khả năng chiếu trục lựa chọn trên trục kết hợp** (projection de l'axe de la sélection sur l'axe de la combinaison). Khám phá quan trọng này giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cấu trúc hình thức thi ca, và cho phép dưới một khía cạnh nào đó, định lượng "cơ" trong một câu thơ hay một văn bản.

Trước hết, thế nào là chiếu trục kết hợp lên trên trục lựa chọn? Chúng ta thử khảo sát hai trường hợp:

A. *Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối*
Gió thu lọt cửa cọ mài chăn
(Hàn Mạc Tử)

B. *Trải vách quế gió vàng hiu hắt*
(Nguyễn Gia Thiều)

Chúng tôi lựa chọn những câu thơ trên vì chúng biểu dương hai loại "chiếu" khác nhau. Ví dụ câu "Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng". Câu đầu thuộc loại đồ hình B, câu sau thuộc loại đồ hình A.

Trong cả hai trường hợp trên đây, tính cách đối chiếu giữa trục kết hợp và chọn lựa cho phép câu thơ, ngoài chiều xuôi, còn có thể đi chiều ngược lại, hoặc chọn các phương cách kết hợp khác.

Ví dụ:

trải vách quế	*vách quế trải*
hiu hắt vách quế	*vách quế hiu hắt*
hiu hắt gió vàng	*gió vàng hiu hắt*
trải vách quế gió vàng hiu hắt	*gió vàng hiu hắt trải vách quế*

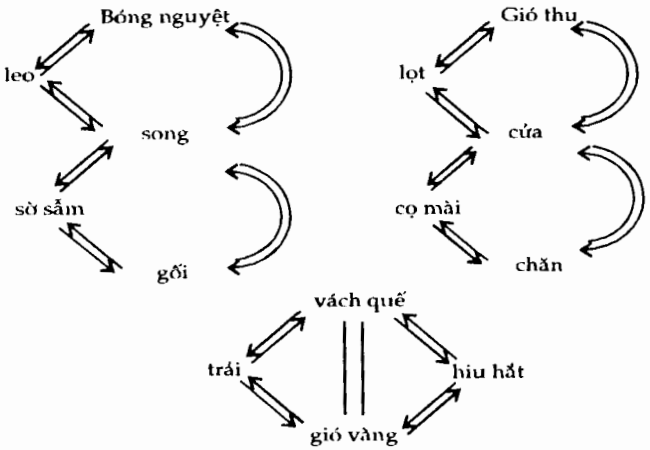

Câu thơ của Nguyễn Gia Thiều, tính cách đối chiếu mở ra những hình ảnh tương đồng, khác nhau vì tiểu dị (nuance).

Hai câu thơ của Hàn Mạc Tử, tính cách đối chiếu mở ra những hình ảnh đối lập, có tính cách hỗ tương và đồng lõa:

bóng nguyệt leo song	*song leo bóng nguyệt*
song sờ sẫm gối	*gối sờ sẫm song*
bóng nguyệt sờ sẫm gối	*gối sờ sẫm bóng nguyệt*
bóng nguyệt leo gối	*gối leo bóng nguyệt*
gió thu lọt cửa	*cửa lọt gió thu*
cửa cọ mài chăn	*chăn cọ mài cửa*
gió thu cọ mài chăn	*chăn cọ mài gió thu*
gió thu lọt chăn	*chăn lọt gió thu*

v. v...

Tóm lại: có thể liên kết *bóng nguyệt* với *gối* bằng nhiều ngả, và ngược lại *gối* cũng có thể chiếu lên *bóng nguyệt* qua nhiều góc độ. Đối với *gió thu, chăn* và *cửa* mối tương quan cũng đa dạng như vậy, tùy theo cách tác hợp những yếu tố với nhau. Và sau cùng còn có thể đối chiếu những phần tử của câu thơ thứ nhất với phần tử của câu thơ thứ nhì (*leo - lọt*), (*sờ sẫm - cọ mài*), (*gió - trăng*), (*chăn - gối*), (*song - cửa*). Do đó từ câu thơ nguyên thủy "Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối, Gió thu lọt cửa cọ mài chăn" ở dạng thức thẳng và một chiều đã ẩn dấu cấu trúc không gian (vì đã nối kết những yếu tố *trong* với *ngoài, gần* với *xa* (gối - nguyệt), (song - nguyệt)v.v....) cách nối kết này giúp thơ thoát khỏi hướng một chiều để đi tới nhiều chiều, đa dạng trong không gian đồng thời mở ra khía cạnh

dục tình trong cách tác hợp gió-trăng, chăn-gối, leo-lọt, sờ sẫm-cọ mài, ... và hòa hợp nhân sinh với vũ trụ bằng cách giao liên nội tâm với ngoại cảnh, mặc dù không có sự hiện diện của người.

Tất nhiên không phải câu thơ nào cũng có và cần có khả năng đối chiếu và đối lập trên đây. Khả năng "đối" và "chiếu" trong một chừng mực nào đó, định lượng cường độ và mật độ "chất thơ" trong thơ, giám định tính chất độc lập tự chủ và bình đẳng của mỗi đơn vị ngữ nghĩa đối với một đơn vị khác, và là một đặc điểm của thơ Đường.

II. Tính chất phiếm định

Tính chất phiếm định thuộc bản sắc nội tại của thi ca. Về phương cách làm mơ hồ ý nghĩa, ngoài những biện pháp tu từ như so sánh, điển tích, ẩn dụ và hoán dụ mà chúng ta đã biết, còn có những phép tỉnh lược khác, xuất hiện trong lối nói hàng ngày và trong ngôn ngữ nghệ thuật. Có nhiều hình thức tỉnh lược:

1- Tỉnh lược chủ từ: Trong giao tế xã hội, nói trống không là một cách nói thông dụng:

- Đi đâu đấy?
- Đau lắm à?
- Không muốn thì thôi!

Những câu nói trên, tuy không có chủ từ nhưng người nói biết chắc đối tượng của mình: hoặc nói với người thân, hoặc muốn nói xẳng.

Trong những câu tục ngữ như: "*Ăn vóc học hay*", "*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*" ... sự thiếu vắng chủ từ ngụ ý: ai làm chủ từ cũng được, kinh nghiệm sống hay bài học luân lý áp dụng cho tất cả mọi người. Luân lý trở thành chân lý.

Trong thơ, sự cố tình lược bỏ chủ từ có những dụng ý khác: phiếm định hóa câu thơ để mở ra nhiều ý nghĩa, nhiều hình ảnh.

Mở cửa nhìn trăng, trăng tái mặt
Khép phòng dốt nến, nến rơi châu

(Hàn Mạc Tử)

Hai câu thơ trên của Hàn Mạc Tử như để nói với chính mình về niềm cô đơn của mình. Thoạt nhìn, có hai hình ảnh đối xứng: *mở cửa nhìn trăng* và *khép phòng dốt nến*, tuy không biết ai làm chủ hai động tác ấy, nhưng cả hai đều dẫn đến kết quả u hoài, trống trải, cô quạnh. Ngoài khả năng đối chiếu hình ảnh và ngữ nghĩa từng câu, từng chữ (*mở cửa - khép phòng*), (*nhìn trăng - dốt nến*), (*trăng - nến*), (*tái mặt - rơi châu*), cấu trúc hình thức còn mở ra những bình diện khác:

Hai động từ "*mở*" và "*khép*" vì vô chủ, cho phép người đọc "vận" câu thơ vào mình, hoặc vào đối tượng của mình: Sát nhập niềm cô đơn

của tác giả vào tâm cảm của mình, hoặc của người yêu. Một mặt khác, các ẩn dụ *"trăng tái mặt"*, *"nến rơi châu"*, vừa chỉ trăng, *nến* (vật thể), vừa nhân cách hóa trăng, nến: trăng nến có thể là hiện thân của người yêu đối diện với chính mình, hoặc vừa là người yêu, vừa là mình. Trong giả thiết đó, các mệnh đề *"trăng tái mặt"*, *"nến rơi châu"* trở thành chủ từ của *mở* và *khép*. Nhân sinh "trăng tái mặt" kia mở cửa nhìn trăng "thật". Con người "nến rơi lệ" kia khép phòng đốt nến "thật". Và nếu trăng là người yêu, nến là ta, thì sự xa cách trở nên ngàn trùng mà cũng vô cùng gần gụi ... Niềm cô đơn không còn đơn mỏng nữa, mà dã vời vợi, đa tầng, chập trùng những hình ảnh hư hư thực thực, đớn đau, u uẩn, xa cách mà cũng gần gụi vô ngần.

Trường hợp câu thơ *"Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách"* đưa ra một bối cảnh khác: Ai đưa khách? *Bến Tầm Dương* và *canh khuya* là những bổ ngữ (complément) chỉ địa điểm và thời gian. Vậy người "đưa khách" có thể là Bạch Cư Dị, là Phan Huy Vịnh, là tôi, là ta, là ai cũng được. Không phải là "tiễn khách" mà là "đưa khách", mới đẹp và đau (bản chính là tống khách: Tầm Dương giang đầu dạ tống khách). Sự vắng mặt của chủ từ còn bầy ra những hình ảnh khác: Có thể chính cái bến Tầm Dương ấy đang "đưa khách" trong đêm khuya, hoặc chính cái "canh khuya" ấy đang "đưa người" trên bến. Do đó, không chỉ mình người kỹ nữ đưa khách mà cả thời gian, khung cảnh và con người cũng đưa khách với nàng, như nàng.

Tóm lại, sự tỉnh lược chủ từ đưa đến tình trạng nhập nhòe -nhưng không hỗn loạn- ý nghĩa. Và sự nhập nhòe ý nghĩa đưa đến những hình ảnh khác, những niềm riêng khác, những cảm xúc khác, những nhận thức khác ... cho câu thơ và *cho mọi tầng lớp độc giả*.

Tính chất phổ quát của thơ nằm ở chỗ đó, cho nên khi nói về thơ, mà chỉ chú trọng và phô trương "tính chất dân tộc" như một yếu tính nòng cốt để nhận diện giá trị, là đã phần nào tự giới hạn thơ trong một miền, một vùng ... Thơ không hẹp hòi như thế, thơ có khả năng vượt biên giới -dù dưới dạng thức ngôn ngữ nào. Văn học hiện đại chú trọng đến ngôn ngữ như một yếu tố nội tại của con người: ngôn ngữ cấu tạo nên nhân vật trong kịch, ngôn ngữ hình thành tác phẩm văn chương (không phải cốt truyện và tình tiết). Và không lạ khi Noam Chomsky, nhà ngữ học tạo sinh coi ngôn ngữ như một sự tạo tác và sinh động không ngừng, chủ trương phải khảo sát các phát ngôn trong cả chiều sâu, ở căn bản của tri thức và ý thức, trước khi đi đến bề mặt của hình thức phát hiện. Cái chiều sâu, cái căn bản sinh ra phát ngôn ấy là gì? nếu không là niềm đau, nỗi khổ, sự ham muốn ... nằm trong tư duy của con người: Nỗi đau ở đâu cũng đau thôi, và cảm xúc của con người không mang căn cước.

Phong cách Việt, hay tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Ấn, tiếng Wanda, ... chỉ là hình thức phát ngôn khác nhau về những điệu tâm hồn và thể xác nhân loại.

2. Tỉnh lược động từ: Phương cách lược bỏ động từ hoặc thay thế động từ bằng một tĩnh từ hay một hư từ là những thủ pháp thông dụng trong thơ, tạo sức hút nội tại giữa nhưng đơn vị ngữ nghĩa trong câu thơ

Quả cau nho nhỏ
Cái vỏ vân vân
(Ca dao)

Ở đây, động từ "thì" ở ẩn: quả cau (thì) nho nhỏ, cái vỏ (thì) vân vân, là hai câu nói tầm thường, xác định hai nhận xét rời rạc về hình dạng quả cau và vỏ cau. Nhưng hai từ *nho nhỏ, cái vỏ* nhờ sự dồng âm đã tự tạo một thế liên hoàn. Khi xóa bỏ chữ "thì" đi, để cho *quả cau* xích lại gần *nho nhỏ* và *cái vỏ* xích lại gần *vân vân*, thì tự nhiên như có ma lực nào đó cuốn hút hai nhận xét rời rạc trên đây thành một dòng tư tưởng nhất quán: *"Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân"*, khó tách, khó rời. Như thể âm gọi âm, nghĩa gọi nghĩa. Hiện tượng này dường như đã bị chỉ đạo ngầm bởi trạng thái *quấn quít* giữa quả cam và cái vỏ, nho nhỏ và vân vân ... để giáo đầu cho sự *quấn quít* anh-anh, em-em đi sau:

nay anh học gần
mai anh học xa

Vũ Ngọc Phan trong *Tục Ngữ Ca Dao Việt Nam* cho rằng *quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân* không có liên hệ gì tới *nay anh học gần, mai anh học xa*. Có chứ: Hình ảnh nào tha thiết và gợi cảm cho bằng anh-em quấn quít, khăng khít như cau với vỏ (chữ vỏ còn có nghĩa là vỏ để ăn trầu, và dĩ nhiên là có họ hàng với "trầu cau" ...). Nhưng tất cả những điều chúng ta vừa nói ra trên đây quá lộ liễu, đã đụng đến phong cách tế nhị của câu ca dao, chạm vào cái duyên thầm của *cau* với *vỏ*: ngoài xanh mà nhai vào thì hóa đỏ hồng, dậy lửa.

Vẫn trong nguyên tắc gắn bó ấy, những câu:

chiếc buồm nho nhỏ
ngọn gió hiu hiu
nay nước thủy triều
mai lại nước ruơi

tạo thành một tổng thể nhất quán hòa hợp khăng khít thiên nhiên và tâm cảnh, báo hiệu cho những câu thơ kế tiếp nói lên sự khăng khít của đôi tình nhân, mặc dù tình yêu và cuộc đời có lên ghềnh, xuống thác:

Sông sâu sóng cả em ơi
Chờ cho sóng lặng
Buồm xuôi, ta xuôi cùng

Trót da mang vào kiếp bềnh bồng,
Xuống ghềnh lên thác,
Một lòng ta thương nhau ...

Vẫn trong địa hạt lược bỏ động từ, câu thơ sau đây của Nguyễn Du mở ra những bình diện khác nữa:

Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh
(Kiều)

Sự lược bỏ động từ ở đây có nhiều tác dụng:

- Tác dụng quấn hút giữa *vó câu* và *khấp khểnh, bánh xe* và *gập ghềnh* tương tự như *quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân* mà chúng ta vừa phân tích ở trên.

- Tác dụng độc lập hóa từng từ một dẫn đến khả năng *chiếu trục lựa chọn trên trục kết hợp* khiến các từ có thể kết hợp trong một trật tự khác để gợi ra những hình ảnh đối lập với câu thơ nguyên thủy: *vó câu gập ghềnh – bánh xe khấp khểnh.*

- Ngoài ra hai tĩnh từ *khấp khểnh* và *gập ghềnh* trong âm đã gợi nghĩa, trong nghĩa đã có âm, chúng biến câu thơ thành một hợp tấu hòa cảnh.

- Vì không có động từ nên những tĩnh từ *gập ghềnh, khấp khểnh* có thể thay thế động từ, chúng chuyển từ thể tĩnh sang thể động và làm cho câu thơ có một chuyển động. Sức chuyển động đó không chỉ dừng lại ở *vó câu, bánh xe,* mà còn dẫn chúng ta liên tưởng đến sự chuyển động của *con đường,* và âm thanh *khấp khểnh, gập ghềnh* cũng lại phù hợp với trạng thái và biến chuyển của *con đường.*

Sau cùng, chuyển động *ngựa, xe, đường* ... cuốn theo chuyển động của người trong xe: hình ảnh *khấp khểnh, gập ghềnh* đồng điệu với hành vi mờ ám, đê tiện của Mã Giám Sinh, và ai bảo là không nói lên tâm trạng phập phồng lo sợ, khúc mắc, đòi đoạn trong lòng Kiều, khi nghe những dư ba đoạn trường, đa âm, đa nghĩa đó?❐

1 *Cours de linguistique générale* (Giáo trình ngôn ngữ học đại cương), Ferdinand de Saussure, Ed. Payot, Paris, 1972.

2 Trục lựa chọn và trục kết hợp của Jakobson tương ứng với quan hệ liên tưởng (rapports associatifs) và quan hệ ngữ đoạn (rapports syntagmagtiques) của de Saussure. Sau này, các nhà ngữ học trong trường phái chúc năng còn gọi là trục hệ hình (axe paradigmatique)và truc tuyến hình (axe syntagmatique)..

3 Trong *Ngôn Ngữ Thơ,* NXB Đại Học và Giáo Dục Chuyên Nghiệp (Hà Nội 1987), Nguyễn Phan Cảnh đã phân tích quá trình hình thành câu "Tôi ăn cơm" rất tường tận.

4 Trong *Vấn đề chuẩn ngôn ngữ qua lịch sử ngôn ngữ học* NXB Giáo Dục-1993, giáo sư Hoàng Tuệ dịch *arbitraire* là *võ đoán* và một số sách ngôn ngữ học khác cũng vậy. Chúng tôi nghĩ rằng *võ đoán* không bao gồm toàn diện ý nghĩa của chữ *arbitraire,* theo de Saussure, còn ngụ cả khía cạnh tùy tiện nữa.

đọc thư người bạn cũ
LÂM CHƯƠNG

Thư anh viết từ quê hương nghèo khó
Nét chữ gầy nghiêng đổ
Tôi hình dung như anh đang còng lưng
Trên những luống cày mới vỡ
Bao nhọc nhằn đè xuống vai anh
Dè xuống đời anh nghiệt ngã.

Đêm khuya khoắt
Ngọn đèn chong thức
Bóng anh nhoè trên vách cô đơn
Điếu thuốc rê quấn giấy học trò khết lẹt
Ngậm đắng lòng anh
Cõi riêng niềm u uất.

Mười năm, xô dạt anh vào cơn mộng dữ
Dông bão thổi suốt dài theo anh cuộc đời
Không phải tình cờ chợt nắng chợt mưa
Rơi rớt lại những tan hoang ngậm ngùi chuyện cũ.

Mười năm, tên võ sĩ thấm dòn thua cuộc
Đời đóng khung anh
Mây trắng thời gian trôi ngoài song sắt
Nghe sương muối theo bóng chiều đổ xuống những
tàn phai trên tóc.

Mười năm anh về giữa mất mát hư hao
Giữa xa lạ tình người đổi khác
Sợi thừng cũ căng lâu ngày vụt đứt
Chiếc lá khô, ân nghĩa đoạn bay vèo
Cây sầu đông đứng giữa trời dông bão
Che phía nào ngăn được nỗi thương đau?

Thư anh viết trải lòng bi thiết
Những chua cay, những vấp ngã sau cơn đổi đời dị biệt
Cố gượng đứng lên
Anh dìu anh qua những tháng ngày buồn
Anh dìu anh đi giữa những loài cây có độc.

võ phiến

Tên thật là Đoàn Thế Nhơn, sinh năm 1925 tại làng Trà Bình, quận Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Trước 1975 làm công chức Bộ Thông tin và là một cây bút chủ lực của tạp chí *Bách Khoa*, đồng thời chủ trương nhà xuất bản *Thời Mới*. Di tản tị nạn chính trị sang Hoa Kỳ năm 1975, Võ Phiến cùng với Lê Tất Điều xuất bản *Văn học Nghệ thuật*, tạp chí văn chương đầu tiên của người Việt hải ngoại, đồng thời làm công chức Sở Hưu bổng thành phố Los Angeles cho đến ngày về hưu. Võ Phiến là chủ nhiệm của *Văn học Nghệ thuật Bộ mới*, tục bản tháng 5.1985, tạp chí tiền thân của tạp chí *Văn Học*. Hiện nay Võ Phiến đang định cư cùng với gia đình tại Highland Park, thuộc quận Los Angeles, Nam California.

Tác phẩm

- *Chữ tình* (Qui nhơn 1956)
- *Người tù* (Qui nhơn 1957)
- *Mưa đêm cuối năm* (Sài gòn 1958)
- *Đêm xuân trăng sáng* (Sài gòn 1961)
- *Về một xóm quê* (Sài gòn 1961)
- *Giã từ* (Sài gòn 1962)
- *Thương hoài ngàn năm* (Sài gòn 1962)
- *Thư nhà* (Sài gòn 1963)
- *Một mình* (Sài gòn 1963)
- *Tiểu thuyết hiện đại* (Sài gòn 1963)
- *Hàm bốn giờ trong đời một người đàn bà* (dịch Stefan Zweig, Sài

gòn 1963)
- *Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại* (dịch André Maurois, Sài gòn 1964)
- *Truyện hay các nước I* (dịch với Nguyễn Minh Hoàng, Sài gòn 1965),
- *Văn học Nga sô hiện đại* (Sài gòn 1965)
- *Truyện hay các nước II* (dịch với Nguyễn Minh Hoàng, Sài gòn 1965)
- *Tạp bút I* (Sài gòn 1965)
- *Tạp bút II* (Sài gòn 1965)
- *Tạp bút III* (Sài gòn 1966)
- *Đàn ông* (Sài gòn 1966)
- *Ảo ảnh* (Sài gòn 1967)
- *Phù thế* (Sài gòn 1969)
- *Chúng ta, qua cách viết* (Sài gòn 1973)
- *Đất nước quê hương* (Sài gòn 1973)
- *Ông chồng muôn thuở* (dịch Dostoyevsky, đăng trên báo *Tiền Tuyến*)
- *Thư gửi bạn* (Hoa Kỳ 1976)
- *Ly hương* (viết với Lê Tất Điều, Hoa Kỳ 1977)
- *Nguyên vẹn* (Hoa Kỳ 1978)
- *Lại thư gửi bạn* (Hoa Kỳ 1979)
- *Văn học Miền Nam* (Hoa Kỳ 1987)
- *Truyện thật ngắn* (Hoa Kỳ 1991)
- *Thơ Miền Nam tập 1* (Hoa Kỳ 1991)
- *Truyện Miền Nam tập 1* (Hoa Kỳ 1991)
- *Quê* (Hoa Kỳ 1992)
- *Bút, Ký, Kịch Miền Nam* tập 1 (Hoa Kỳ 1993)
- *Truyện Miền Nam* tập 2 (Hoa Kỳ 1993)
- *Đối thoại* (Hoa Kỳ 1993)
- *Viết* (Hoa Kỳ 1993)

Tác phẩm dịch ra Anh ngữ
- *Introduction to Vietnamese Literature* (Tổng quan Văn Học Miền Nam, Võ Đình dịch, Vietnamese Language & Culture Publications, Victoria, Australia)
- *Intact* (Nguyên vẹn, James Banerian dịch, Vietnamese Language & Culture, Victoria, Australia)

Trả lời phỏng vấn:

Những câu hỏi của Văn Học trùng hợp một phần với những câu anh Nguyễn Mạnh Trinh đặt ra cho tôi năm 1990. Cho nên xin được trích lại một phần cuộc phỏng vấn trên, đã in trong cuốn "Viết".

NMT: *Ông nghĩ sách báo xuất bản ở hải ngoại có được dân chúng trong nước đọc hay không?*

VP: Chữ "dân chúng" có một chứa đựng mơ hồ. Thế nào cũng có một ít sách báo của chúng ta được đem về nước; nhưng tôi chắc cái số lượng "dân chúng" được đọc món của hiếm ấy không đáng là bao. Xin thú thực, đây chỉ là suy đoán thôi. Tôi không biết được đích xác tình hình phổ biến ấn phẩm từ trong nước ra ngoài hay ngược lại.

NMT: *Ông nghĩ việc dân chúng trong nước đọc sách báo hải ngoại sẽ ảnh hưởng thế nào đối với nhà văn hải ngoại?*

VP: Không phải ai cũng có sách được về nước. Kẻ nào may mắn nghe ông bạn mới sang bảo lúc ở bên nhà có trông thấy sách mình thì cái "ảnh hưởng" đầu tiên là...khoái tỉ. "Ảnh hưởng" kế tiếp là loan báo rộng rãi tin tức quan trọng: mình đang châm ngòi lửa thiêu hủy chế độ độc tài v.v...

Lại xin thú thực: Trên đây cũng chỉ là...hư cấu. Tôi chưa biết gì rõ ràng. Theo lệ thường thì "cái viết cho ai?" phải có ảnh hưởng đến cái "viết những gì? Viết thế nào?". Về phần tôi, nếu tôi có bằng chứng rằng sách mình được phổ biến đến đồng bào trong nước tất tôi phải viết khác đi. Có những điều mình cần nói với khối độc giả này mà đem nói với khối độc giả khác thì không hợp.

NMT: *Dã trót suy đoán vài điều, xin ông nhân tiện suy đoán luôn về văn học Việt Nam Hải ngoại trong tương lai. Về chiều hướng và tầm vóc của nó, so với những thời kỳ văn học trước.*

VP: Phen này tôi điêu đứng với ông. Không phải tôi dám ngại chuyện bói toán. Tuy nhiên tôi loáng thoáng thấy câu hỏi có hàm chứa đôi điều ngôn ngoại rối rắm.

Chẳng hạn trong mấy tiếng "trong tương lai" nghe như có một ngờ vực run rẩy. Hồi còn ở trong nước, các nhà phê bình khảo luận thường chỉ duyệt lại các thời kỳ văn học trước và đánh giá thời kỳ văn học của mình thôi. Văn học tương lai nó sẽ ra sao? để con cháu nó lo. mình biết đâu mà liệu! Nhưng sống ở đây thì thỉnh thoảng có kẻ lại khe khẽ đặt ra vấn đề tương lai văn học hải ngoại. Mân mê lá số tử vi của một nền văn học như thế, e có mối tư lự về mệnh số của nó chăng?

Lại chẳng hạn, nói "so với những thời kỳ văn học trước" tức ngầm cho rằng văn học hải ngoại là một thời kỳ của văn học Việt Nam, là "thời kỳ sau", nó sẽ nằm kề các thời kỳ huynh trưởng của nó trong bộ lịch sử văn học Việt Nam trong nước.v.v.. Có vậy chăng? Ông không đặt ra vấn đề, không hỏi đến. Nhưng giả vờ không hiểu cái ngụ ý bất thành ngôn của ông thì hỏng bét, thì hóa ra kẻ nói một đàng người trả lời một nẻo.

NMT: *Vậy chúng ta dừng ngại đề cập thẳng đến các...ý ngầm. Xin ông cứ tự tiện.*

VP: Văn học hải ngoại rồi nó có tương lai dài ngắn thế nào? Nguyên chuyện đó đã đủ mệt.

Khoảng mấy năm đầu, sau 1975, ở hải ngoại người Việt Nam chẳng có mấy, văn sĩ lưu vong chẳng bao nhiêu. Bấy giờ văn học hải ngoại lèo tèo, tưởng chừng yểu mệnh tới nơi. Rồi xảy ra phong trào vượt đại dương tìm tự do, rồi một người thoát đi được lại kéo theo nhiều người đoàn tụ. Số người đọc người viết tăng lên vùn vụt. Văn học hải ngoại nở rộ toe toét.

Hiện giờ trước mắt còn một số khá lớn cựu tù nhân của chế độ cộng sản đã và sắp sang, và nhiều bà con sẽ lần lượt sang Mỹ để đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên chuyện vượt biển gặp trở ngại lớn, có cơ chấm dứt. Văn học hải ngoại đâm lo lắng.

Thành thử ở vào những năm trước 80, căn cứ vào cái lèo tèo mà đoán điều bi quan là sai; ở vào khoảng 87,88 , trông vào cái đồ sộ mà đoán điều lạc quan cũng hố; rồi đến đầu thập niên 90, nhìn ra mặt bể vắng vẻ mà lo lắng cũng chưa chắc đúng. Dù sao, chúng ta đã thấy tính chuyện văn học hải ngoại không phải chỉ bằng vào văn học, mà giá có tí chút tin tức từ Phủ Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp quốc càng hay. Có Cao ủy Tị nạn rồi cũng chưa đủ: Ta cần xem thời tiết chính trị quốc tế. Nếu phong trào dân chủ diễn tiến tốt, các chế độ độc tài tiếp tục sụp đổ thật gấp, Việt Nam thay đổi rụp rụp ngon ơ, thì kẻ sĩ có lòng còn ở hải ngoại làm chi nữa: cộng đồng lưu vong có bao nhiêu bầu nhiệt huyết đều bị ôm chạy về Việt Nam cả. Chỉ có đám máu lạnh ở lại với nhau, sao làm nổi văn học huy hoàng?...Còn giả sử sự đời biến đổi không thuận buồm xuôi gió thì những văn chương "hoa gấm" của chúng ta...ôi thôi.

NMT: *Chúng ta là hàng triệu con dân Việt Nam ở nước ngoài chứ phải ít sao? Tim óc chúng ta, tiếng nói chúng ta, công trình trước tác của chúng ta, bỏ đi cả à?*

VP: Kẹt cho chúng ta. Oan cho chúng ta lắm. Nhưng biết sao! Hiện giờ dân số Trung hoa ở hải ngoại đã lên tới 46 triệu 900 nghìn. Người Tàu, nước họ đã rộng mà họ đi sống ở ngoài cõi lục địa nhiều lắm, nhịp di cư càng lúc càng nhanh thêm. Năm chục triệu người Tàu ở hải ngoại, mấy hồi? Nguyên ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, người Tàu đã lên ngót hai triệu rồi. Nói thế e còn thiếu sót, vì cái số người Mỹ gốc Hoa, con cháu các cụ đến đây đắp đường xe lửa cả trăm năm trước có bị lọt sổ thống kê chăng? Cứ trông hoạt động xuất bản của các bạn người Hoa hải ngoại quanh ta thì thấy tim óc của họ không ham nghỉ ngơi đâu. Thế nhưng văn học hải ngoại của họ có địa vị ra sao trong lịch sử văn học Trung quốc?

Ấy là cử ra một cộng đồng lưu vong gần gũi chúng ta thôi, chứ người Tàu họ sống các nơi khác còn nhiều hơn nữa: ở Mã Lai có 4 triệu 200 nghìn, ở Nam Dương cũng trên 4 triệu, còn ở Thái Lan thì chừng 6 triệu người Tàu.v.v..Hằng năm mỗi độ xuân về e không có mấy nhà làm văn học Trung hoa quốc nội đi nhặt nhạnh đủ các thành tích các nơi để làm bảng tổng kết hoạt động thường niên của văn học hải ngoại, càng không có ý gom chung thành quả ấy vào lịch sử văn học quốc nội. Vả lại, nếu có người nào giàu tinh thần hoà hợp hòa giải đi làm cái việc tổng hợp nội ngoại ấy, e thêm hỏng.

NMT: *Ông cho rằng quên đi là đúng, nhớ đến là sai sao? Dù được viết ra ở đâu, tôi nghĩ rằng những tác phẩm do người Trung hoa viết bằng ngôn ngữ Trung hoa tất phải mang tinh thần Trung hoa và phải có chỗ dành cho nó trong văn học Trung hoa chứ? Sự từ chối nọ quá tàn nhẫn và vô lý.*

VP: Tàn nhẫn, thôi thì khỏi nói. ở đời ít có sự đào thải với từ tâm. Đáng tiếc.

Còn cái lý? Văn học hải ngoại nó có chỗ kẹt. Nói "hải ngoại" là bao hàm sự liên hệ đến một cái gốc. Còn có một quốc gia gốc, một dân tộc gốc đâu đó thì mới nói chuyện hải ngoại, không có đất cắm dùi như Do thái trước kia thì chẳng có văn học hải ngoại nào cả. Hoạt động hải ngoại, phải là hải ngoại đối với một dân một nước gốc nào đó. Và cái gốc nó cũng đòi hỏi ta một số điều kiện đấy. Không có, nó buông.

NMT: *Gớm! Thưa ông, nó đòi gì? Một món thuế tinh thần hay vật chất? Một hình thức triều cống chăng?*

VP: Văn học Hoa Kỳ, văn học Úc chẳng hạn, không thể là văn học hải ngoại của Anh, dù cho hai nước Mỹ Úc không kéo cờ xưng độc lập cũng thế. Lý do là sau một đôi trăm năm sống tách biệt trong hoàn cảnh riêng, dù kéo cờ hay không kéo cờ, hai khối dân tộc Mỹ

Úc đã thành hẳn những thực thể riêng biệt, khác hẳn dân tộc Anh. Hoàn cảnh địa lý, tổ chức kinh tế, chế độ chính trị, xã hội, phong tục địa phương...những cái đó làm cho khối người Mỹ người Úc có nếp suy tưởng và cảm xúc càng ngày càng xa người Anh. Văn học của hai khối người ấy phản ảnh những sắc thái tinh thần khác hẳn, làm sao có thể xếp vào văn học Anh? dù đó là văn học của người gốc Anh viết bằng tiếng Anh.

NMT: *Vậy ông cho rằng nền văn học của một dân tộc, cả quốc nội lẫn hải ngoại, phải cùng chung một tinh thần?*

VP: Tôi xin phép điều chỉnh lại cách nói một chút cho rõ nghĩa: là văn học của dân tộc nào phản ảnh đời sống tinh thần của dân tộc ấy. Phải vậy chú ông; linh tinh quá thì còn ra một nền văn học sao được! Một dân tộc có những phần tử xé lẻ đi làm ăn ở Tân đảo, ở Alaska, ở Nam Mỹ.., riết rồi đành chịu mất bớt đi thôi.

Nói về chủng tộc thì không mất. Dù sống ở đâu Hán vẫn là Hán, Việt vẫn là Việt, gốc Slav vẫn là Slav...Nhưng một dân tộc thì - ngoài những giai đoạn qua phân tạm thời - phải cùng chung một lãnh thổ, một chính quyền. Một tập thể sống tạm ở hải ngoại một thời gian ngắn, nếp cảm nghĩ chưa quá xa đối với cảm nghĩ của đồng bào quốc nội thì văn học của tập thể nọ có hi vọng hoà nhập..

NMT: *Thời gian sống tạm biết bao lâu là ngắn bao lâu là dài, sự khác biệt tâm tư xa đến đâu là quá đến đâu là chưa quá?*

VP: Nghe những điều ông nêu lên mà phát ngán. Đã vậy, chuyện văn học hải ngoại không phải chỉ có chừng ấy. Muốn được dính vào cái gốc, e cái gốc nó còn đòi hỏi thêm nữa. Chẳng hạn những điều viết ra phải có một tác động nào đó vào cuộc sống tinh thần của đồng bào ta trong nước. Có thế những điều viết ra đó mới thuộc về văn học Việt Nam. Còn như thứ văn chương viết cho ai đó ở đâu đâu xa vời, cả khối người ở trong nước chẳng nghe chẳng thấy chẳng hay biết gì cả, thì bảo đó là văn học dân tộc sao được?

...Thành thử tôi ngờ rằng các điều kiện phản ảnh và tác động, rằng mối liên hệ mật thiết đối với cuộc sống tinh thần của cộng đồng dân tộc, cái ấy sẽ gây...rắc rối cho giới cầm bút hải ngoại chúng ta.

NMT: *Ông không cho rằng giới cầm bút người Việt hiện nay dù sống ở Mỹ châu, Âu châu hay Úc châu, ở bất cứ nơi nào, tấm lòng vẫn hướng về quê hương? Ai nấy trong chúng ta luôn luôn nghĩ về quê hương, nói đến quê hương.*

VP: Tôi đồng ý với ông: Quê hương vẫn còn chiếm tất cả tim óc chúng ta, tuy sống ở đây nhưng ngày đêm chúng ta rình rập từng

chút tin quê hương, từng biến chuyển nơi quê hương.

Tuy nhiên cũng không ai chối cãi được rằng đồng bào trong nước và chúng ta ở đây mỗi bên sống mỗi hoàn cảnh khác nhau. Đồng bào quốc nội thường trực đối đầu với áo lực của một chế độ độc tài mục nát, một tình trạng thiếu thốn cùng quẫn; còn chúng ta, chúng ta điên đầu với áp lực của một cuộc sống hối hả, của vô số nhu cầu tạp đa linh tinh léo nhéo đòi được thỏa mãn v.v... Hoàn cảnh cải biến con người, chạy đâu cho khỏi. Chúng ta có xương đồng da sắt đâu mà mong chống nổi sức cải biến của xã hội Tây phương? Ngày một ngày hai, đến một lúc nào đó, nếp cảm nghĩ chúng ta không còn giống cảm nghĩ đồng bào trong nước đâu. Dù sao, cho đến nay, lớp chúng ta kẻ đi trước người đi sau, nói chung lớp chúng ta chưa thay đổi mấy.

Nhưng nói tương lai văn học hải ngoại tức là nói về lớp sau. Kế tiếp chúng ta... e rằng...Ông nhìn ra đám con em xem, dần dần chúng như chuối chín cả: ngoài da vàng đấy, nhưng trong ruột thì trắng.Vả lại tôi nghĩ chỉ có lớp chúng ta là trăn trở; còn lớp sau, nếu vạn nhất tình hình này kéo dài, thì họ không băn khoăn nhiều về vấn đề văn học hải ngoại đâu.

NMT: *Ông có bi quan quá đáng không? Ông nghĩ rằng con em chúng ta mất gốc sớm vậy sao?*

VP: Mất gốc thì chưa chắc. Tuy nhiên tôi đoán rằng họ không thiết tha muốn "ghi danh" vào văn học nước nhà bên kia Thái Bình dương nữa. Không thiết tha như chúng ta bây giờ đâu.

Thực ra những băn khoăn lúc này về văn học hải ngoại một phần có thể là do cái thiết tha ngấm ngầm, không thú nhận ấy. Người cầm bút âm thầm tự hỏi: Những hoạt động của mình rồi đây có được ghi nhận, nhắc nhở, lưu lại mai sau chăng? Lưu ở đâu? ở nền văn học nào? ở văn học của một cộng đồng thiểu số lưu lạc mai kia sẽ tan biến vào dân tộc khổng lồ tại đây chăng? Đâu được. Phải có chỗ dành cho mình ở nền văn học Việt Nam chứ! Hải ngoại phải được nhập vào quốc nội chứ! Tại sao không? Bộ mình không còn là thành phần của dân tộc Việt Nam nữa hả? Bộ mình đã mất liên hệ hả? Còn khuya. Nè xem, trong văn chương hải ngoại chẩu chuột nó kêu oàm oạp suốt đêm, thấy không? Trong văn chương hải ngoại đâu thiếu nỗi nhớ bụi chuối sau hè, niềm thương vành môi bờ vai của em yêu, tháng ngày xanh xao vụn vỡ của anh yêu, thấy không? Trong văn chương hải ngoại đâu có lúc nào ngớt tiếng gào Mẹ Việt Nam gầy mòn, thấy không?

Mình sừng sộ? Hợp tình quá. Tuy nhiên, nếu thời thế không sớm đổi thay, nếu chúng ta không trở về được với dân tộc, thì...thì..ối, vừa vắt óc ra làm văn học vừa bồn chồn lo bị cháy hộ tịch trong nền văn chương bên nhà, bên kia đại dương. Bấn ruột quá.

NMT: *Cháy hộ tịch! Ông dâm ra chua chát.*

VP: Nhận xét ông đưa ra thật đúng lúc. Có lẽ chúng ta nên ngừng thôi, đừng kéo dài thêm nữa câu chuyện văn học hải ngoại...Văn học hải ngoại rồi nó đi về đâu? rồi nó có được lưu vào sử xanh nghìn năm chăng? nó sẽ được xếp vào lịch sử văn học nào? v.v...Ta liều góp ý thôi, còn phán quyết hãy để hạ hồi.

Bây giờ, nếu lòng ta còn những xúc cảm cần giãi bày, trí ta còn có ý tưởng cần phô diễn, nếu ta còn cần viết và cộng đồng còn cần đọc, thì giới cầm bút hải ngoại cứ nên phăng phăng viết, viết hay viết khoẻ. Phục vụ Hiện Tại cũng là nghĩa cả.

buổi sáng giữa đồng

võ phiến

Chuyện đang kể là một chuyện đời xưa. Đời xưa, Thục đang học ở Đà lạt thì xảy ra Cách mạng Mùa Thu; sau đó Pháp trở lại Đà lạt, nàng theo cha mẹ tản cư về quê. Về đây ban đầu không biết làm gì, ít lâu nàng theo chị em ra xã làm việc đoàn thể. Huyện thấy nàng có "khả năng", bốc lên huyện; rồi tỉnh lại thấy nàng có "khả năng", bốc lên tỉnh. Ở cơ quan tỉnh, đã có tôi sẵn đó rồi.

Như thế cũng thường thôi. Vì bấy giờ ai nấy đều tíu tít.Phần lớn là tíu tít về việc đoàn thể; các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, thiếu niên, phụ lão v.v..., ở cấp nào cũng có, ở đâu cũng có, bao nhiêu người dùng cũng không thừa.

Vậy Thục làm việc nước, mọi người xung quanh lăng xăng làm việc nước. Vui quá thể. Phần tôi, có một điểm riêng: là tôi vừa làm việc nước vừa mê Thục ngất ngư.

Cái mê bấy giờ là cái mê thuần túy. Nghĩa là chỉ mê thôi, không có dự định, kế hoạch gì hết trơn. Tôi không hề thắc mắc: Nàng có mê tôi không? Tôi sẽ phải làm gì? Nàng có bồ bịch gì chưa? Tôi sẽ làm quen với nàng cách nào? Tán tỉnh nàng ra sao? v.v...

Tôi không bận tâm về những cái đó, vì đang bận tâm về bao nhiêu

cái khác. Thí dụ: Tên Thục, ai đặt cho nàng mà đặc biệt quá vậy? Bất cứ lúc nào, hễ có ai phát ra tiếng đó là tôi nẩy người, nao nao, xao xuyến. Tính tôi cẩn thận: Nhiều hồi vắng vẻ, tôi thử gọi một tiếng "Thục", và tôi thấy ngay cảm giác lạ thường, bấn rộn cả người, có kỳ cục không chứ? Lại thí dụ giọng nàng nói. À, cái đó không giống bất cứ giọng nói nào từng biết. Một tiếng nào đó phát ra từ cổ họng nàng, dù ngắn tới đâu, tôi cũng nhận ra. Một nửa tiếng bất ngờ bắt được cuối câu nói bỏ lửng ở phòng bên cạnh, một nửa tiếng cười ngắt vội vàng ở tận đầu ngõ v.v...tôi biết cả. Nó âm ấm, nó thấm đượm tình cảm v.v...Tôi tưởng tượng, tôi nghĩ ngay đến cái lượng hơi được phát đi một cách sung sướng qua khí quản của nàng, lượng hơi may mắn lướt đi bên trong chiếc cổ ấm áp, tuôn qua chiếc mồm thơm tho của nàng, tôi tưởng tượng v.v...Tóm lại, tôi cảm thấy mình đang "hiểu" đến tận cùng giọng nói của Thục. Tôi hiểu cách đặc biệt sâu xa, như không có ai hiểu được thế.

Tôi xin phép cử ra một thí dụ nữa: là bước chân nàng. Bước chân tức con người. *Le pas, c'est l'homme*. Rất có thể một danh nhân nào đã nói câu ấy hồi thế kỷ mười bảy. (Nếu không, sang thế kỷ hai mươi tất có danh nhân khác vừa nói như vậy). Và tôi thì tôi hiểu bước chân của Thục (tức là hiểu nàng). Thục có lúc đi dép, có lúc đi guốc; dù guốc hay dép, không có thứ nào phản bội nàng. Nghe một tiếng khua nhẹ là biết ngay. Thục khua chân kỳ diệu, độc đáo ra sao, nếu bạn chịu chú ý nghe và tôi có thì giờ trình bày cặn kẽ, thì nhất định bạn cũng sẽ hiểu, cũng nhận ra tiếng guốc tiếng dép của nàng, thì bạn cũng tài giỏi gần bằng tôi ngay. Nhưng tôi biết bây giờ không phải là cái thời của những bình giảng như thế, bây giờ trễ rồi: nàng không còn ở tuổi mười sáu mười bảy nữa, bạn nghe giảng làm chi? Bởi vậy, tôi chỉ xin nói vắn tắt là đời xưa đã có bao nhiêu lần tôi đang hội họp thảo luận tưng bừng, thình lình nghe thoáng ở phòng bên cạnh có tiếng guốc khua khác thường, thế là tôi biết ngay, tôi bấn lên như ngồi trên lửa. Bạn biết chứ: guốc có tiếng guốc do dự, có tiếng guốc sấn sướt hấm hở, có tiếng guốc nghịch ngợm láu táu nhanh nhẩu, có tiếng guốc ngần ngại dò la, có cả những tiếng guốc của yêu đương: tiếng guốc đầy tình cảm dịu dàng...Tôi lắng tai bắt từ không gian những tín hiệu âm thanh tràn đầy xúc động. Tưởng như một y sĩ nghiêng tai nghe và đọc cái ý nghĩa từng nhịp đập của một con tim.

Cơ quan Thục và cơ quan của tôi cách nhau khoảng trăm rưỡi thước tây. Chúng tôi không gặp nhau hàng ngày, cơ hội gặp gỡ bất thường và lắm khi bất thần. Bởi vậy cái nghe ngóng tiếng chân, giọng nói, tiếng cười v.v...từ xa, là yếu tố thú vị, mê say.

Tôi mê Thục cách thuần túy như thế ít lâu thì hình như có nhiều người quanh tôi để ý. Tôi thực tình quả chưa có kế hoạch gì, chưa hề dự

tính làm một điều gì dù bậy hay không bậy đối với ai cả, thì tự dưng ban chấp hành Thanh niên tỉnh chọt nhận thấy tôi có "khả năng" và đề bạt tôi lên liên khu nhận công tác mới. Tôi tá hỏa tam tinh, tưởng vừa xảy ra cuộc Cách mạng Mùa đông.

Sau một thời gian rất ngắn ở liên khu, tôi nhận thức ra ý nghĩa của sự đề bạt. Với tất cả cái "khả năng" dồi dào, tôi vẫn làm công việc đại khái như trước khi được đề bạt. Chỉ khác ở chỗ không còn gần Thục nữa.

Chỗ khác duy nhất ấy làm tôi lồng lên mất bốn tháng. Rồi nguôi dần. Nhất là vì tôi không nhận được tin tức gì về Thục, cũng không hề biết thái độ Thục thế nào, không biết nàng có chút tình ý gì đối với tôi chăng. Chắc bạn nghĩ: "Đời xưa, việc đời đơn giản nhỉ, chuyện đời phôi pha dễ dàng nhỉ". Vâng, bạn có thể nghĩ thế.

Hơn một năm sau, một hôm tôi mang túi dết đi công tác như mọi hôm. Buổi sáng, vào khoảng chín rưỡi, tôi đi ngang một cánh đồng. Bấy giờ là cuối tháng hai âm lịch. Đang lầm lũi đi, tôi ngước mắt và bất thình lình trông thấy Thục. Chúng tôi hãy còn cách nhau xa. Không có giọng nói, tiếng cười nào, không có tiếng guốc tiếng dép nào khua. Đồng thì rộng, cách quãng xa như thế, tôi không trông thấy được mặt mũi tóc tai nàng, vậy mà nhác thấy một cái bóng tôi biết ngay là Thục. Kỳ cục hơn nữa là đồng thời tôi cũng biết nàng đã nhận ra tôi.

Một cái bóng xa tít như thế, khi nhận ra người "đặc biệt" thì cái bóng ấy phản ứng như thế nào? Không có cách nói rõ, vậy mà tôi biết. Thành thử đoạn đường còn lại khó đi hết sức. Bước đi cách nào tôi cũng thấy là không tự nhiên. Mà tôi muốn đi "tự nhiên" để làm gì chứ? Không tự nhiên đã sao? Vậy mà tôi cứ lo lắng. Về phía nàng hình như cũng thế. Nàng cúi xuống đi như không trông thấy tôi; chốc chốc lại ngẩng nhìn chút xíu, có lúc còn định phất một cử chỉ, một dấu hiệu gì đó, rồi lại thôi. Cả hai đi dúng chẳng ra làm sao cả. May mà rốt cuộc chúng tôi cũng tới bên nhau.

Nói cho đúng, chúng tôi còn cách nhau một cái trổ. Bây giờ xa quê hương đã lâu, có thể đôi người trong chúng ta đã bắt đầu quên cái trổ ruộng, tôi xin nhắc: ở đồng quê, đường đi là bờ ruộng. Bờ ruộng thỉnh thoảng có chỗ bị cắt đứt để nước ruộng có thể chảy từ đám này sang đám kia, quãng đường đứt cho nước chảy ấy là cái trổ. Muốn lội qua trổ tất nhiên phải xắn ống quần lên. Thục chuẩn bị, sắp sửa. (Nếu không sắp sửa tức là không đi tới nữa. Làm sao cắt nghĩa được sự từ chối ấy?) Nhưng tôi là nam nhi, tôi phải tháo vát chứ, nỡ nào để nàng phải miễn cưỡng xuất lộ da thịt trước mắt mình. Vậy tôi mạnh dạn tiến lên, lội trổ. Và Thục, trong lúc đứng chờ đợi, bày tỏ sự hài lòng bằng cách lắc đầu hất

một lọn tóc qua vai, điều làm tôi cảm thấy đột ngột sung sướng cách vô lý.

Đối diện nhau, tôi khựng, cố gắng nở một nụ cười khổ sở. Thục cũng nhợt nhạt. Rốt cuộc, nam nhi lại phải tháo vát, tôi lên tiếng trước:

—Cả năm...Lâu ơi là lâu...Bặt tăm luôn...

Bấy giờ Thục mới thở ra thoang thoảng, bằng cái giọng ấm áp nhất:

—Thục đâu có nhận được tin gì của anh?

Cái "tin", tôi nghe lạng quạng cứ như là cái "thư". Ý nghĩa của nó như vậy chăng? Tôi lúng túng, không biết nói sao cho suông sẻ.

—Thì biết...biết Thục...

Trong thâm tâm, tôi nghĩ: "Biết Thục có nhớ tôi, có trông đợi tôi không, nói trắng ra là có mê tôi không, mà tôi đưa tin?" Nhưng tôi loay hoay. Thục vẫn cúi đầu, để một khoé mắt theo dõi tôi. Sau cùng tôi chỉ nói được:

—Thì biết Thục "sao" mà nhẫn nhe?

Trên môi Thục thoảng một nụ cười, trong mắt nàng ánh lên một cái gì không rõ rệt. Tức thì tôi hiểu ngay. Tôi hiểu là nàng có "sao". Mặt tôi đỏ ửng. Mặt nàng cũng đỏ ửng lên. Ối! Trời đất vụt sáng lòa cái một.

Không hiểu sao giữa lúc xảy ra chuyện động trời như thế, chúng tôi lại vội vã gạt chuyện ấy ra một bên, như sợ hãi trốn lánh. Choáng ngợp chăng. Ngượng ngùng vì trót tỏ lộ tình cảm chăng? Không biết đâu. Chỉ biết tự dưng Thục nói một câu vớ vẩn, lảng qua chuyện khác. Tôi thì tôi hỏi hôm nay nàng đi đâu? Lảng nhách, tôi cần gì cái đó? Nàng đáp lại, tôi nghe qua, rồi quên tức thì.

Cứ ngắt nga ngắt ngứ như thế một lúc, tôi cảm thấy ngay là mình đang gây khó cho nhau. Hỏi đáp vu vơ, không có gì quan trọng, thì còn có lý do gì để đứng ỳ ra đấy nữa. Vì thế một lát rồi nàng dành phải cáo từ.

Thục thong thả kéo ống quần cao lên, từ từ nhúng chân xuống nước, thong thả lội qua trổ ruộng. Còn tôi thì quýnh lên. Nàng qua khỏi trổ, quay lại chào tôi lần nữa, rồi tiến bước. Ngay lúc ấy, tự dưng tôi bị hút theo, như một thây ma bị quỉ nhập tràng. Tôi cũng xắn quần, cũng lội trổ, cũng lên đường, đi ngược lại con đường của mình, mắt dính vào lưng Thục.

Tôi thấy nàng rùng mình, vai run khe khẽ, nàng rối loạn bước chân, rồi nàng dừng hẳn lại. Tôi tới bên nàng, sát nàng. Môi tôi run, mắt tôi dại đi. Rồi tôi chụp lấy Thục, một tay chụp vào vai một tay nắm lấy cánh tay nàng. Tôi kéo nàng sát vào, hai tay ôm lấy mặt nàng, tôi hôn, trời, tôi hôn bất kể trời đất. Nàng run lẩy bẩy, mặt nàng nóng như hòn than.

Bấy giờ —đời xưa —ở quê ta không có chuyện trai gái ôm nhau.

Chuyện ấy quái đãn quá, cho nên dù đang lúc điên khùng, chúng tôi cũng không thể ôm nhau lâu được. Buông nhau ra, tôi nhìn tứ phía, ngơ ngác. Đồng ruộng bốn bề. Đây là đâu? xã nào thôn nào? Tôi không biết. Khắp cánh đồng không có một ai. Nắng rực rỡ. Phía bên phải, cách chúng tôi đôi ba trăm thước, có một khoảng trống, không lúa, tôi đoán chừng là một cái ao. Xa xa, phía trước mặt là xóm nhà, có hàng tre xanh. Đầu xóm, một cái gồm nho nhỏ, lợp tranh, nép sát vào hàng tre. Bên trái, con đường xe lửa ngăn chận tầm mắt. Đường xe lửa đắp cao, có mấy con bò gặm cỏ rải rác trên dốc lề đường, không người chăn. Trời đất trống không. Nắng vàng bao la.

Tôi bảo Thục:

—Ta đi. Anh theo em một lúc.

Thoạt tiên Thục không có ý kiến. Nàng ngoan ngoãn đi trước. Tôi theo sau. Nhưng không đến năm chục bước, nàng dừng lại, kêu:

—Em...khó đi. Anh đi trước.

Tôi nài nĩ:

—Anh đi trước, anh không rông thấy em!

Nàng ngần ngừ, khổ sở. Tôi nài nĩ tiếp:

—Em cố gắng. Anh không nhìn em đâu.

Nàng thật ngoan, lại đi, chầm chậm, rõ ràng với tất cả cố gắng. Cả hai không ai nghĩ tới chỗ vô lý: Không nhìn em thì đi sau khác gì đi trước? Sự thực thì tôi không rời mắt khỏi nàng. Và nàng cũng chỉ đi được vài chục bước nữa rồi dừng.

Đường bờ ruộng chật hẹp, không thể đi song song hai người. Chúng tôi cứ luân phiên thay nhau đi trước, rồi đi sau, rồi đi trước. Kể ra về sau chắc nàng không còn thấy khó đi nữa, nhưng vẫn tiếp tục đòi luân phiên "cho vui".

Đến cái gồm đầu xóm, chúng tôi dừng lại, ghé vào gồm ngồi nghỉ chân. Giai đoạn nói năng chuyện trò hình như chẳng dài mấy, tôi hoàn toàn không nhớ đã nói những gì lúc ấy. Tôi là đứa chất phác đơn sơ: khi mê Thục, tôi không có mưu tính ý đồ gì cả, nhưng khi cơ hội xảy đến, thì tôi hiểu ngay mình muốn điều gì, không chút quanh co. Tôi ôm nàng, hôn vùi không buông ra nữa. Trong cái gồm trống trơ dưới bóng mát tre xanh, tôi hôn tới tấp, hôn mặt mũi, hôn tay hôn vai, hôn cổ hôn má, mắt, mũi, miệng nàng. Hôn hoài hôn hoài. Cho đến lúc môi tôi chạm nhằm dòng nước mắt. Nàng khóc.

Tôi giật mình. Nhìn nàng lo lắng. Nàng bảo: "Em sung sướng". Nhưng nàng vẫn khóc, càng khóc. Nàng khóc đến nỗi tôi cũng khóc theo. Hai đứa vừa khóc vừa hôn nhau.

Chúng tôi không biết sẽ kết thúc ra sao, thì nghe có tiếng người.

Tiếng nhiều người chuyện trò mỗi lúc một gần. Rồi bốn người đàn ông xuất hiện. Cả bọn có vẻ đi từ đàng xa, cũng ghé lại nghỉ chân.

Lúc bốn người đàn ông đến, nước mắt trên mặt nàng hãy còn đầm đìa. Nàng lau vội vàng rồi trao chiếc khăn cho tôi. Tôi lau xong, cầm chiếc khăn nhìn nàng. Nàng kín đáo gật đầu. Tôi cho chiếc khăn vào túi. Lát sau nàng chào tôi, chia tay.

Tôi trông theo cho đến lúc Thục khuất vào phía sau hàng tre, rồi tôi đứng lên đi về hướng cũ. Đến cái trổ ruộng nọ, tôi dừng lại. Ngẩn ngơ, bàng hoàng. Mọi việc xảy ra đã dồn dập xảy ra và chấm dứt đột ngột. Quanh tôi vẫn ánh sáng tràn đầy. Ủa! Lúa chín hồi nào? Lúa vàng khắp đồng mà tôi không kịp để ý đến. Đồng ruộng vẫn không một bóng người. Có tiếng con chiền chiện vừa bay vừa kêu tít trên trời cao, không trông thấy nó đâu.

"Rồi sao nữa?", chắc bạn nghĩ thế.

—Ồ, không. Tôi không kể nữa đâu. Chuyện có kẻ xen vào cản trở, tôi bị điều đi nơi này, nàng bị điều đi nơi khác. Rồi giặc đánh, rồi tôi bỏ chế độ còn nàng theo chế độ ra Bắc v.v..., những cái ấy dài dòng phiền phức và vô vị, kể làm chi.

Ngay cả những điều vừa trót nói ra cũng vô duyên nữa. Lẽ nào sau bao nhiêu dâu bể động trời, nào cách mạng, nào kháng chiến, sau hàng triệu mạng người, hàng triệu tấn bom, lại có thể sục sạo vạch tìm dấu vết một khoảnh khắc cỏn con của một buổi mai giữa cánh đồng vô danh?

Vả lại trong khoảnh khắc ấy có gì? Chẳng qua chỉ là những cái hôn phần nào hoang dại. Có thể nói là những cái hôn tiền sử, không có món lãng mạn tình tứ của văn minh. Rõ là thế.

Ngoài ra còn có lý do khác không nên kể. Là câu chuyện một khoảnh khắc nọ trong nhận thức của tôi có giá trị ra sao? Về phía Thục, khoảnh khắc ấy được nhận thức như thế nào? Cái nhìn từ phía bên kia Lã sanh môn, nó là thế nào? Sự thực ở đâu? Trong lòng Thục ngày nay có còn chút hình bóng kỷ niệm nào về khoảnh khắc ấy? hay lòng nàng trong phút chốc đã trở lại trong vắt như mặt hồ sau sự xao động của một làn gió? Nếu thế, sự việc coi như không hề có, kể lại làm chi?

Thực ra tôi đã không kể nếu sáng hôm qua không ngẫu nhiên gặp Thục trên mặt báo. Trên trang hai một tờ báo Mỹ, tờ báo đăng một phóng sự dài ba kỳ về đời sống các gia đình di dân ở quận Orange. Tình cờ mà gia đình nàng được chọn lựa, được nêu tên tuổi, hình ảnh đàng hoàng, không thể lầm lẫn. Do đó, tôi biết nàng đi Mỹ theo chương trình O.D.P. cuối năm 1988, biết nàng đem theo đàn lũ lê thê bao nhiêu con, bao nhiêu cháu, nàng hiện sống với con nào, rể nào v.v...

Tôi lặng lẽ nhìn bức hình trên trang báo hồi lâu. Bốn mươi lăm năm tha hồ vẽ vời lên một khuôn mặt. Một mình tôi trong một căn phòng rộng. Mỗi khua động sột soạt của trang báo đều vang lớn.

—A ! Lần này thì...lâu ơi là lâu anh lại được tin của Thục. Thục đâu ngờ anh còn giữ chiếc khăn!

Vâng. Tôi còn giữ. Đời không phải lúc nào cũng lâm ly, bốn mươi lăm năm qua không phải lúc nào tôi cũng có chiếc khăn của nàng trong túi, không phải lúc nào tôi cũng nhớ tới nó. Phải nhận rằng có thời gian —những thời gian dài —nó nằm im trong va li, trong rương, trong tủ, vùi lấp dưới nhiều lớp quần áo, không ai biết tới. Tuy nhiên hiện thời thì nó đang ở tại Mỹ. Nói cho rõ: nó đang nằm trong tay tôi đây.

Chiếc khăn thời ấy là khăn tự làm lấy (không phải mua ở tiệm, ở nhà hàng). Một mảnh vải phin, rút chỉ bốn chiều dọc theo mép khăn; và một góc nào đó thường có thêu hoặc con chim, hoặc nhánh hoa, hoặc một vài chữ. Trên chiếc khăn của nàng không thêu thùa gì cả. Tôi vẫn có nó đây. Một hiện diện vô danh chỉ có Trời biết, Đất biết, tôi biết và nàng biết.

Trong căn phòng vắng, tôi gọi khẽ "Thục," và tôi lắng nghe.

Quái! Tôi không nhận ra tên nàng nữa.❐

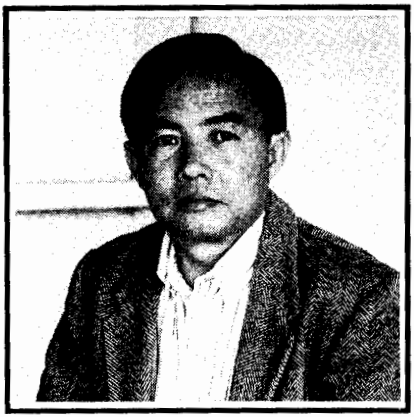

lê tất điều

Sinh năm 1942 tại Hà Đông, Bắc Việt. Trước 1975 là nhà giáo, nhà báo (với bút hiệu Kiều Phong), nhà văn. Di tản sang định cư tại Hoa Kỳ từ 1975, làm nhiều nghề, từ thợ đóng tàu cho đến cảnh sát, hai mươi năm nay vẫn sống cùng với gia đình tại San Diego, Nam California. Về văn chương, đã cộng tác với nhà văn Võ Phiến thực hiện tạp chí *Văn học Nghệ thuật* (1979), và giữ chức chủ bút tờ *Hồn Việt*, chủ nhiệm tờ *Bút Lửa*. Một bút hiệu khác của Lê Tất Điều được bạn đọc hải ngoại biết nhiều là Cao Tần

Tác phẩm:

- *Khởi Hành* (tập truyện),
- *Kẻ tình nguyện* (tập truyện),
- *Quay trong gió lốc* (tập truyện),
- *Đêm dài một đời* (truyện dài, giải thưởng Trung tâm Văn Bút Việt Nam),
- *Phá núi* (truyện dài),
- *Người đá* (tập truyện),
- *Những giọt mực* (truyện dài).

Đã ấn hành ở hải ngoại:

- *Ly hương* (viết chung với Võ Phiến),
- *Ngưng bắn ngày thứ 492* (hồi ký),
- *Đóng cửa trần gian* (truyện dài),
- *Một quả cười dểu mùa xuân* (phiếm luận),
- *Thơ Cao Tần*.

Trước 1975, Lê Tất Điều chủ yếu là một nhà văn với bốn tập truyện ngắn và ba truyện dài. Sau 1975, đóng góp chủ yếu của Lê Tất Điều cho văn học hải ngoại lại là thi ca. Có thể nói trong giai đoạn ban sơ của văn chương hải ngoại từ 1975 đến 1980, hai tập thơ ghi lại chính xác tâm trạng lạc lõng bơ vơ của lớp người Việt di tản năm 1975 là tập *Đất Khách* của Thanh Nam, và tập *Thơ Cao Tần*. Cho nên Văn Học xin giới thiệu hai bài thơ tiêu biểu sau đây của Cao Tần, một bút hiệu mới của Lê Tất Điều sau 1975.

ta làm gì cho hết nửa đời sau?

Dăm thằng khùng họp nhau bàn chuyện lớn
Gánh sơn hà toan chất thử lên vai
Chuyện binh lửa anh em chừng cũng ớn
Dọn tinh thần: cưa nhẹ đỡ ba chai.

Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận
Xong hiệp đầu mây núi đã bâng khuâng
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không.

Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
"Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn,
Nay đất khách kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...

Sẽ có lúc rừng sâu bừng chuyển động
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời
Và sông núi sẽ vươn mình trỗi dậy
Và cờ bay trên đất nước xanh tươi."

Một tráng sĩ vô êm chừng sáu cối
"Thần Tự do giờ đứng ở nơi nào?
Ta muốn đến leo lên làm duốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...

Thần Tụ do gió hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...”

Bình minh tới một chàng bừng tỉnh giấc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tráng sĩ bị mười chai quất gục
Đời tha hương coi bộ vẫn êm đềm.

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới:
“Ta làm gì cho hết nửa đời sau?”...
Tháng 3.1977

chốn tạm dung

Nhà tôi ở toòng teng đỉnh dồi
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sầu reo đáy vực.

Bắt đầu ngày bằng một chút vui
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Bài ca quen bỗng chợt quên lời
Chút kỷ niệm còm lại mất khơi khơi.

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
Dốc mở như đời ta trước mặt
Sương kín như đời ta hôm xưa.

Giang hồ một túi bài ca cũ
Hát nhảm cho qua nốt tuổi già
Qua những bình minh còn ngái ngủ
Còn như chưa lạc mất quê ta.

Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đã chán nhân gian ở cuối đường.

Chiều về lên dốc thân tơi tả
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời
Mình mới ngoi lên ngày đã ngả
Đêm phờ lăn lóc ngủ thay chơi.

Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.

Tháng 5.1977.

hoàng liên

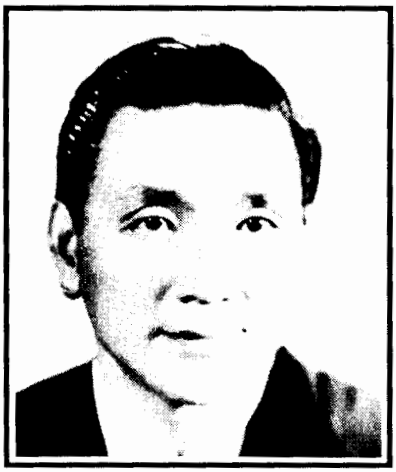

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Văn Đãi, sinh quán Quảng Trị, trú quán Huế. Dạy học, làm công chức từ năm 1947 đến năm 1968.

Bị Việt Cộng bắt trong biến cố Mậu Thân (1968) ở Huế, bị giam giữ ở Bắc Việt, và được phóng thích năm 1980.

Định cư tại Mỹ (San Francisco) từ năm 1984

Làm thơ, viết văn, dịch thuật từ hồi còn là sinh viên

Ở hải ngoại, viết cho các tạp chí *Văn, Văn Học* (California), *Tự Do, Thế Giới Mới* (Texas), Trung Mỹ *Việt Báo* (Oklahoma)...

Hiện cộng tác với một cơ quan phiên dịch tại San Francisco.

Tác phẩm

- *Ánh sáng và Bóng tối*, hồi ký, Văn Nghệ xuất bản năm 1990 tại Westminster, California.
- *Tình tọa*, thơ, Hội Truyền thống Việt Nam xuất bản năm 1991 tại San Diego, California.

Trả lời hai câu hỏi

1. Bắt đầu viết từ hồi còn nhỏ tuổi và tiếp tục viết trong những điều kiện không thuận lợi ở hải ngoại vì yêu mến văn chương và thiết tha với cuộc sống.

2. Viết về cuộc sống, về con người, đặc biệt là người Việt Nam lưu vong tại hải ngoại, với những tâm trạng và những vấn đề của họ. Cố gắng diễn đạt trung thành những nhận xét và suy tư của mình để chia sẻ chúng với độc giả. Khi viết, luôn luôn nghĩ đến bạn đọc. Tôi thường chọn lọc đề tài, vì không quên nhận định của Jérôme và Jean Tharaud: "Viết ra không phải là việc khó, cái khó là phải có những câu chuyện gì đáng kể để kể, những tư tưởng gì đáng ghi để ghi". Hiện nay, đa số độc giả thuộc lớp người trung niên và cao niên ở hải ngoại. Số người này ngày một ít đi. Tình trạng ấy đáng làm cho những người cầm bút suy nghĩ.

Cuốn hồi ký của một người bạn

hoàng liên

Ngồi vào bàn, Lê lấy một con dao nhỏ, rạch một đường dài trên cái hộp nhỏ bằng các-tông anh vừa nhận được. Bìa một cuốn sách mới tinh hiện ra: *Dưới Giàn Hoa Thiên Lý*, hồi ký của Trần Công Thành, do nhà xuất bản Tương Lai ấn hành. Anh cầm cuốn sách khá dày lên. Một lá thư nằm ngay trên trang đầu. Trên trang giấy trắng trải dài những dòng chữ gãy gọn và rõ ràng:

Anh Lê thân mến,

Tôi là Trần Văn Hữu, hiện ở Ottawa, Ontario, Canada. Mới đây, anh Lưu Đình Mai từ San José có cho tôi biết địa chỉ của Anh. Tôi qua Canada đã hơn bốn năm và hiện làm cho một hãng sản xuất thực phẩm. Có được chút thì giờ rảnh, tôi viết cuốn hồi ký này dưới bút hiệu Trần Công Thành. Xin gửi tặng Anh một cuốn, và xin Anh, một tiểu thuyết gia giàu kinh nghiệm, cho biết ý kiến. Khi kể lại những biến cố của một thời đã qua, tôi có nhắc đến một số bạn bè của chúng ta, trong đó có Anh...

Đặt lá thư xuống mặt bàn, Lê ngả người ra đàng sau, và qua khung cửa sổ, nhìn ra ngoài. Không khí êm ả của khu gia cư, ánh nắng trong suốt, những cây thông cổ kính và vững chãi với tàn lá sẫm uất gợi lên hình ảnh những ngày thu cũ ở quê nhà, trên Cao Nguyên, khi mùa mưa đã chấm dứt và mùa khô hanh bắt đầu. Anh quay về với quá khứ, với khung cảnh và những con người cũ. Anh nhớ lại những mẩu chuyện Mai kể, trong một buổi tiệc cưới ba tuần trước đây, về những người bạn cũ từ lâu không gặp. Anh nhớ đến Hữu.

Khổ người tầm thước, nước da ngăm ngăm đen, tóc hớt ngắn như một cái bàn chải dựng ngược trên đỉnh đầu, với đôi mắt nhỏ và cái miệng rộng, Hữu đứng đắn, ít nói và chăm học. Không xuất sắc về một môn học nào, không hay đùa nghịch, không thích đàn hát, cũng không đá bóng, Hữu sống lặng lẽ như chìm vào giữa những người bạn ồn ào hiếu động. Chưa bao giờ Lê thấy Hữu viết văn hay làm thơ như Long, bút hiệu Thanh Long, người đã có những bài thơ đăng rải rác trên mấy tạp chí văn học xuất bản ở Hà Nội, Huế, ngay khi còn ngồi trong các lớp trung học đệ nhất cấp.

Tốt nghiệp cao đẳng tiểu học, Hữu được tuyển làm thư ký tại Tòa Đốc Lý thành phố Huế. Sau năm 1947, Hữu phục vụ tại Tòa Tỉnh trưởng Thừa Thiên cho đến khi được thuyên chuyển vào Sài Gòn và tòng sự tại Bộ Nội vụ, vào khoảng năm 1955. Trong thời gian này, Lê có cơ hội gặp Hữu nhiều hơn. Anh vẫn là một công chức cần mẫn, tận tụy với công vụ và một người chủ gia đình gương mẫu đặt nặng vấn đề nuôi dạy con cái. Sau biến cố tháng Tư năm 1975, Lê không có tin tức gì của Hữu, và bây giờ mới biết Hữu viết sách. Trong hơn bốn thập niên qua, chiến tranh và những biến động chính trị đã tác động mạnh đến tâm lý chúng ta. Chúng ta đã là những chứng nhân, những nhân vật của những tấn tuồng lịch sử. Đã đau khổ và đã suy nghĩ nhiều về những năm tháng đầy sóng gió, về thân phận của con người Việt Nam trong những hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, chúng ta thấy cần phải viết ra. Nhưng đối với Hữu, thật là một điều bất ngờ...

Lê đã đọc cuốn hồi ký trong hai ngày liền. Càng đọc, anh càng phân vân. Anh nhớ lại. Trong loại tiểu thuyết, có những tác phẩm hiện thực mô tả cảnh vật và con người một cách khách quan đến vô tình, và sau những sự kiện, những nhân vật, ta không tìm thấy bóng dáng của người viết. Ngược lại, có những cuốn mang tính cách tự truyện, trình bày rõ ràng và đầy đủ cái tôi của nhà văn: sau những dòng chữ, người đọc dễ dàng nhận ra hình ảnh của tác giả. Hơn thế nữa, có những tác phẩm,

dưới nhiều nhân vật, phản ảnh hai mặt khác nhau – có khi mâu thuẫn nhau – của tâm hồn người viết...

Theo dõi *Dưới Giàn Hoa Thiên Lý*, Lê ghi nhận những nét độc đáo của tâm hồn Trần Công Thành với những ưu tư, mơ ước, buồn vui, xót thương, uất hận... Trên những trang giấy, cá nhân tác giả lần lượt hiện ra như trên một màn ảnh lớn. Nhưng đồng thời, một con người khác cũng thường xuyên có mặt, con người mà Lê đã biết rõ trong thực tế, Hữu, bạn anh. Có những nhà nghiên cứu văn học chủ trương rằng người đọc nên tìm hiểu tác giả để hiểu rõ tác phẩm hơn. Nhưng trong trường hợp này, vì biết rõ tác giả, Lê càng thêm hoang mang. Giữa hai con người ấy, ai thực hơn ai? Phải chăng họ bổ túc lẫn nhau và tạo ra một con người thứ ba, toàn diện hơn, mà chính con người này mới là con người thực?

Dưới Giàn Hoa Thiên Lý gồm ba phần lớn. Trong phần thứ nhất, Hữu hồi tưởng lại những năm học ở trường tiểu học Chaigneau và trường trung học Khải Định. Phần thứ hai được dành cho những hoạt động của anh trong cơ quan chính quyền và cuộc sống gia đình cho đến năm 1954. Phần thứ ba mô tả đời sống của anh tại Sài Gòn cho đến năm 1985. Anh lấy xã hội Việt Nam từ khoảng năm 1935 cho đến ngày anh rời khỏi quê hương làm bối cảnh cho câu chuyện và cuộc sống của bản thân anh được lồng vào giữa những biến chuyển chính trị, quân sự và xã hội.

Càng đọc, Lê càng nhận thấy Hữu có một nhãn quan khác thường. Dưới mắt Hữu, những sự kiện quen thuộc bỗng mang một sắc thái mới lạ, đầy ý nghĩa, và những nhân vật tưởng như tầm thường, hời hợt lại có một tâm hồn phong phú. Những con người khiêm tốn, bình dị, dưới ngòi bút của anh, có sức hấp dẫn mạnh và để lại một ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Quan sát tinh tế và có một trí nhớ bền vững, anh làm sống lại những cảnh đời rất thực với những chi tiết sống động mà không mấy ai chú ý đến. Thêm vào đó, đôi khi Hữu có giọng mỉa mai kín đáo và cười cợt rất duyên dáng.

Lê không ngờ người bạn mà anh nghĩ là đơn giản, khô khan và không có cá tính rõ rệt lại là một người rất sâu sắc và nhạy cảm. Nhạy cảm trước những nỗi đau khổ của kiếp nhân sinh cũng như trước Thiên Nhiên thơ mộng hay hùng vĩ. Khi đề cập đến tình hình đất nước trong từng thời kỳ, anh phân tích rất sắc bén, biện luận vững vàng và có tầm nhìn rộng lớn. Rõ ràng người bạn mà anh quen biết từ nhiều năm nay thật khác xa tác giả mà anh mới phát hiện qua những trang sách vừa đọc. Ngày trước anh không hiểu Hữu toàn diện và đúng mức chăng? Hay Hữu đã thay đổi? Tất nhiên, cùng với thời gian, trải qua bao nhiêu thống khổ, cuộc sống đầy biến động đã nhào nặn Hữu và anh không còn là anh Hữu mà Lê đã biết. Nhưng chắc hẳn Hữu vẫn còn giữ được cái bản sắc

cố hữu của mình. Có thể hồi Hữu còn trẻ, cái bản sắc ấy chưa được bộc lộ ra và Lê không nhận thấy. Cũng có thể trong cuộc sống thường nhật, bản sắc không được biểu lộ đầy đủ, và chỉ khi viết ra, con người của tác giả mới nổi bật lên, rõ nét và toàn diện. Qua chữ viết, tác giả tự thực hiện mình, nhất là trong trường hợp những nhà văn sáng tác để phát huy bản ngã của mình.

Mặt khác, Lê không nghĩ rằng Hữu đã mượn văn chương để tạo cho mình một hình ảnh mà Hữu muốn có. Không, Hữu rất thành thực với chính mình. Hữu giản dị và trung thực kể lại cuộc đời của mình, không thêm, không bớt. Và chính cái giọng sôi nổi, chân thành của Hữu đã lôi cuốn người đọc.

Càng suy nghĩ, Lê càng ý thức rằng thật khó mà hiểu được người khác một cách thấu đáo. Nếu không đọc cuốn hồi ký này, chắc chắn Lê vẫn giữ nguyên cái hình ảnh của người bạn mà anh đã ghi nhận gần hai mươi năm về trước. Cũng may mà Hữu viết sách. Thế nhưng, tâm sự của một nhà văn, nhà thơ không phải lúc nào cũng được minh bạch giải bày trên trang giấy trắng. Họ đã gửi gắm lại cho chúng ta khá nhiều tác phẩm có giá trị nhưng vẫn ngại rằng người đời sau không thông cảm với họ: *bất tri tam bách dư niên hậu...*

Đối với những người không viết, vẽ, soạn nhạc... ta có cách nào để hiểu họ? Ta có thể biết cá tính của họ qua hành vi, ngôn ngữ. Nhưng có lẽ ta phải dè dặt: Có khi lời nói không chỉ được dùng để diễn đạt tư tưởng, cảm xúc mà còn được sử dụng để che đậy chúng. Hơn nữa, trong cuộc sống, ta thường chỉ nhận thấy cái bề ngoài của con người mà không bắt gặp cái phần sâu thẳm của tâm hồn. Một người bạn Tàu có kể cho Lê nghe rằng tại một vài địa phương ở Hoa Nam, để kén rể, người ta hay tổ chức những buổi đánh bạc. Trong lúc say mê với con bài, tính hào phóng hay bủn xỉn, tính độ lượng hay nhỏ nhen, liều lĩnh hay cẩn trọng, hòa nhã hay cộc cằn, thô lỗ, điềm tĩnh hay nóng nảy đều dễ dàng hiện rõ. Những nhà viết tiểu thuyết, những nhà soạn kịch cũng thường cho những nhân vật của mình hoạt động trong những hoàn cảnh chọn lọc để nhân vật bộc lộ cá tính.

Cũng trong phạm vi hôn nhân, có lần Lê mô tả, trong một truyện ngắn, một đôi trai gái mới quen nhau và đang ở vào thời kỳ tìm hiểu nhau. Họ gặp nhau thường xuyên và kể cho nhau nghe cuộc đời của mình: cuộc sống trong gia đình, nơi làm việc... Hàng giờ họ tỉ tê giải bày tâm sự, nêu ra quan niệm về tình yêu, về gia đình, nói lên những ước mơ, sở thích, những dự định về tương lai... Họ nói về mình và nghe bạn nói về bạn. Lê nhận định rằng, không giống như những cuộc tiếp xúc khác giữa con người và con người, họ ở vào một hoàn cảnh thuận tiện nhất để

tìm hiểu nhau. Nhưng anh quên rằng đôi bạn trẻ chỉ trình bày cho nhau rõ cái hình ảnh tốt đẹp nhất của mình, chỉ đưa ra ánh sáng con người mà mình muốn cho bạn thấy. Và cũng chính trong giai đoạn tìm hiểu ấy, hai người đã hiểu lầm nhau, cho nên mới có sự đổ vỡ về sau này.

Lê lại nghĩ đến bản thân mình. Lắm lúc, anh có cảm tưởng rằng những người quen của anh không hiểu anh. Cảm xúc của anh có khi được che đậy; suy tư của anh được giấu kín. Ai biết được những ước vọng, ham muốn, hoài bão ấp ủ trong tâm khảm anh? Con người thực của ta nằm sâu trong tiềm thức. Con người mà ta tự thấy, cái hình ảnh mà ta cảm thấy đúng là của ta, hoặc ta tự tạo ra cho chính mình, mà ta muốn có, người khác không nhận thức được hoặc nhận thức sai lạc đi. Con người phức tạp ấy, chính ta cũng không ý thức được cho chính xác, cho trọn vẹn. Cái hình ảnh của chính ta thường mong manh, mờ ảo, lúc ẩn lúc hiện, có khi có những khía cạnh mâu thuẫn nhau. Như vậy, họa chăng chỉ có một ít bạn thân, những kẻ tri âm mới hiểu ta được, như Tử Kỳ hiểu Bá Nha. Nhưng bạn tri kỷ thì rất hiếm cho nên Trương Trào an ủi chúng ta rằng: *trong thiên hạ, được một người tri kỷ, có thể không ân hận rồi.*

Lê thường xuyên sống với chính mình, suy nghĩ nhiều về con người của mình để tìm hiểu mình. Nhưng anh không đạt được ý nguyện. Trong cuộc hành trình thám hiểm mọi ngõ ngách của tâm thức, Krishnamurti khuyên chúng ta nên nhẹ nhõm lên đường, đừng mang theo những tri thức, thành kiến mà nhân loại đã tích lũy từ mấy ngàn năm. Chúng ta hãy quên đi những gì ta đã biết về chính ta, chúng ta hãy ra đi như không biết gì cả. Được như vậy, tâm hồn Lê sẽ thanh thản, trong sáng và anh sẽ hiểu mình rõ ràng hơn, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn.

Trong những năm miệt mài viết lách, Lê lấy con người làm đối tượng chính. Anh quan sát những kẻ đồng loại hoạt động trong xã hội quanh mình và đưa họ vào những dòng chữ anh viết. Cuộc sống phong phú và phức tạp đã cung cấp cho anh những mẫu người, những tâm trạng, những hoàn cảnh và những vấn đề. Anh xây dựng nhân vật của những truyện ngắn, truyện dài của anh trên những nhận xét về những con người anh đã gặp và tìm hiểu. Anh chắp nối, xáo trộn rồi hư cấu thêm để cố tạo ra những nhân vật có cá tính và linh động.

Nhưng trường hợp của Hữu với cuốn hồi ký đã buộc Lê phải suy nghĩ và xét lại công việc trước tác của mình. Anh ngờ vực khả năng nhận định của mình. Cũng như đối với Hữu, có thể anh đã có những ngộ nhận

về những con người mẫu của anh. Có thể anh đã không hiểu rõ tâm trạng của họ, và đã khai sinh ra những nhân vật giả tạo, thiếu sinh khí, với những cảm nghĩ và hành động không thích hợp với hoàn cảnh của họ. Cũng vì vậy, anh có thể dặt lầm những vấn đề, đã làm sai lạc ý nghĩa của những mảnh đời mà anh mô tả. Lê nghĩ đến những độc giả của mình. Anh đã vô tình trình bày với họ những nhận định không xác thực. Anh ân hận, đồng thời ý thức trách nhiệm và những khó khăn của một người cầm bút.

Nắng đã lên cao và gió lạnh đầu thu nhẹ nhàng lướt trên những đóa hoa vàng cuối mùa còn sót lại trên bờ dậu xanh. Từ trên những mái nhà màu nâu nhạt, từ những cột điện ven đường, những con hải âu xòe đôi cánh trắng, tung bay lên cao rồi hạ cánh xuống bãi cỏ mượt để kiếm thức ăn. Trong chiếc áo len đỏ thẩm, một bà cụ già rảo bước nhanh trên lề đường trước mặt nhà. Đã hơn ba năm rồi, kể từ ngày Lê dọn đến khu gia cư này, vào những buổi sáng nắng ráo, khoảng mười giờ, bà cụ hàng xóm Carol có thói quen đi bộ từ nhà đến vườn hoa lớn nằm giữa khu gia cư rồi quay trở lại. Dù đã lớn tuổi, bà vẫn thoăn thoắt dặt những bước chân vững chắc trên nền xi măng phẳng phiu tràn ngập ánh nắng.

Hàng tháng, từ Walnut Creek, người con gái duy nhất của bà dẫn hai đứa con nhỏ đến thăm bà. Họ vui vầy ăn uống với nhau suốt ngày thứ Bảy hay Chủ Nhật. Thỉnh thoảng bà Carol mời Lê qua nhà uống trà, ăn bánh ngọt để gặp những người trong gia đình bà. Trong những buổi họp mặt ấy, bà vui tươi hẳn lên, thao thao nói chuyện. Bà thích nhắc lại những ngày thơ ấu đầy nắng gió của một vùng nông thôn thuộc miền Nam Florida, những ngày thanh xuân giữ một chân kế toán cho tiệm Macy's ở Nữu Ước...

Nhưng sau khi gia đình người con gái trở về Walnut Creek, bà cụ đã 70 tuổi này trở lại với cuộc sống cô đơn. Bà lao mình vào công việc, nấu ăn, giặt ủi, lau xe, quét dọn nhà cửa, sân trước, vườn sau, đều đặn như một cái máy, suốt ngày hầu như không nghỉ. Một buổi sáng thứ Bảy gặp Lê ở phòng giặt của khu chung cư, bà bảo Lê:

---Làm việc giúp chúng ta duy trì sức khỏe, kéo dài tuổi thọ. Tôi thấy ông ngồi nhiều giờ trước bàn viết. Tôi hiểu đó là công việc chính của ông. Nhưng tôi khuyên ông nên ra ngoài nhiều hơn, vận động nhiều hơn. Xuất thân là một người con gái nông trại, tôi quen lao động. Những năm sống ở Nữu Ước cũng không thay đổi thói quen ấy.

Hình như bà Carol dễ dàng chấp nhận cuộc sống lẻ loi trong tuổi già. Theo truyền thống Á Đông, Lê nghĩ rằng những bậc trưởng lão nên sống với con cháu trong không khí đầm ấm của đại gia đình. Họ cần có nơi nương tựa và cần được chăm sóc trong những lúc ốm đau. Vì vậy,

trong một truyện ngắn viết về bà hàng xóm, anh đã xót thương cho hoàn cảnh của bà. Nhưng anh đã lầm. Trong một lúc trồng thêm cây cảnh cho bờ dậu trước nhà, bà Carol cho anh hay cô con gái muốn mời bà về ở chung với cô tại Walnut Creek. Nhưng bà đã từ chối vì bà thích phong cảnh, khí hậu và nếp sống của San Francisco. Bà cũng không muốn con cháu mất tự do vì bà, và quan trọng hơn cả, bà muốn sống độc lập, sống riêng một mình, không phiền nhiễu ai, kể cả con cái.

Bà Carol đã quay trở về, và khi đi qua trước cửa phòng Lê, bà đưa tay vẫy chào. Nhìn lại bà Carol và nhớ đến Hữu, một lần nữa, Lê ý thức rằng tìm hiểu người khác không dung dị như anh tưởng. Công việc ấy càng khó khăn hơn nữa khi đối tượng không phải là những cá nhân mà là những dân tộc khác biệt với những dị điểm về chủng tộc, tôn giáo, lịch sử và văn hóa. Ngày nay, thế giới đã được thu hẹp lại, con người sống gần nhau hơn. Sách báo được phổ biến hầu như khắp nơi. Những đài truyền thanh, truyền hình hoạt động trong những phạm vi rộng lớn. Tin tức và tư tưởng được trao đổi thường xuyên và đầy đủ. Nhưng sự hiểu biết và thông cảm giữa các dân tộc vẫn chưa được sâu sắc như chúng ta mong đợi, và những vụ xung đột—đôi khi đẫm máu—vì lý do tôn giáo hay ý thức hệ vẫn còn tiếp diễn ở nơi này, nơi khác.

Lấy một tờ giấy khổ rộng, Lê chuẩn bị viết một lá thư dài cho người bạn học cũ, tác giả *Dưới Giàn Hoa Thiên Lý*.□

tìm đọc

NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

thơ trần hồng châu

(bút hiệu của GS Nguyễn Khắc Hoạch,
nguyên Khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Sàigòn)

Thế Kỷ xuất bản
đã phát hành khắp nơi

Cuối Đường Khổ Nạn

Hoàng Chính

Viết cho Mẹ, ở quê nhà.

"Còn xa không, mẹ?" Cậu thanh niên dừng lại bên gốc cây chờ người đàn bà đang lẽo đẽo ở phía sau. Ánh mắt tinh anh của chàng thoáng chút mệt mỏi của một ngày đường lên dốc, xuống đèo. "Hả mẹ?" Chàng lại hỏi khi người mẹ đi tới gần.

"Cũng gần thôi..." Người đàn bà đưa tay áo quệt mồ hôi trán. Cái nón lá đeo bằng chiếc quai vải nâu tuột ra phía sau vai. Chàng nhìn mẹ, ái ngại, "Mẹ mệt thì..." chàng loay hoay tìm chữ. "...nghỉ một lúc, cho khỏe."

Người đàn bà nhìn quanh quất vùng núi đồi hoang dại chung quanh. Phía trước mặt, con đường mòn bò ngoằn ngoèo, vắt ngang những bụi cỏ dại mọc um tùm tới ngang đầu gối, và mất hút sau những lùm cây rậm rạp. Một con chim rừng nào đó cất tiếng hót lanh lảnh trong không gian thăm thẳm. Trời biếc xanh trên cao.

"Thôi, cố đi thêm ít lâu nữa. Lại muộn, người ta không cho vào..."

"Sợ mẹ mệt."

"Không sao."

Chàng thanh niên nghe rõ tiếng thở ì ạch của mẹ. Chàng cũng thấy thật rõ những giọt mồ hôi lấm tấm trên mũi mẹ. Lâu lắm chàng mới thấy lại những giọt mồ hôi của mẹ mình.

Cũng gần hai chục năm chứ không ít. Những giọt mồ hôi làm lòng chàng nao nao. Nỗi buồn phiền bất chợt dìm những băn khoăn xuống tận đáy lòng chàng.

"Đi con." Đi quá vài bước, mẹ chàng ngoái cổ lại, gọi. Chàng xốc cái

túi xách đeo trên vai, lầm lũi bước theo.

Chàng cũng bắt đầu thở ậm ạch. Đi tới sát bên mẹ, chàng cằn nhằn, "Ở bên đó con *never* đi bộ xa như thế này. *Never*!"

"Hở? À... thì mẹ cũng biết vậy..." Người đàn bà nói một cách áy náy. "Nhưng mà làm sao được bây giờ!"

Câu nói, như một lời thở than tối nghĩa. Chàng thanh niên xốc cái túi xách đang tụt dần xuống và càng lúc càng trĩu nặng trên vai.

"Con thấy cũng chả cần..." Chàng buột miệng nói, rồi sựng ngay lại, như cảm thấy những điều mình sắp nói ra sẽ xúc phạm đến đấng thiêng liêng nào đó. Chàng thở dài. Tiếng thở dài cố tình, xen lẫn vào tiếng thở ì ạch của một cuộc leo dốc, nghe gượng gạo, vô duyên. Mẹ chàng chắc cũng nghe được lời cằn nhằn của chàng. Bà nhỏ nhẹ như thể đang nói một lời khuyên lơn chí tình.

"Con đừng nghĩ thế chú... Dù sao thì cũng..."

Có cái gì đó lấn cấn trong câu nói ậm ạch theo nhịp bước thấp cao của người đàn bà. Rồi cả hai cùng lặng thinh. Người thanh niên nhìn mông phía trước mặt. Con đường mòn lơ thơ cỏ dại. Ánh mắt chàng bắt gặp một bụi hoa dại màu tím. Những cánh hoa đu đưa trong gió nhẹ. Một cánh bướm lẻ loi đầu cành. Con chim rừng nào đó lại hót vang những lời ca thánh thót. Thiên nhiên cô tịch trải rộng trước mặt chàng. Thiên nhiên không giam cầm ai, chỉ những con người mới giam cầm những con người. Chỉ những đầu óc hạn hẹp mới giam cầm được con người.

Chưa kịp thấy thơ thới trước cái mênh mông của đất trời lòng chàng lại tối ngay lại vì những câu hỏi không thể trả lời.

"Tại sao ba ở trong jail lâu vậy?" Chàng buột miệng. Mẹ chàng ngơ ngác một giây, rồi hiểu ra ngay. Chàng cố gắng lắm mà vẫn không bỏ được cái tật chêm tiếng Anh vào câu nói. Vẫn biết bây giờ tiếng Anh là chìa khóa mở vào những công ty của nước ngoài, nhưng chàng muốn Việt ra Việt, Anh ra Anh rõ ràng. Thành ra chàng vội sửa, một cách khó khăn, "Con muốn nói sao ba ở... ở... tù lâu vậy..."

"Ai mà biết!" Câu trả lời trụi lủi những ngôn từ của mẹ khiến chàng nghĩ bà giận dỗi vì những câu hỏi trẻ con của mình. *You always think that I'm a kid!* Lúc nào mẹ cũng nghĩ con là đứa con nít. Đồng ý là lúc mẹ gom góp tiền bạc cho con đi vượt biên mười mấy năm về trước, thì con chỉ là một thằng bé không biết gì, ngoài cái địa chỉ của nhà ở Việt Nam để báo tin đã đến nơi đến chốn. Bây giờ khác rồi. Con cũng đã có *girl friend*, ấy quên, bạn gái rồi chú bộ. Bước chân của chàng sượng lại làm chàng lao đao suýt ngã. Một con cóc sần sùi nằm ngay trên lối đi của chàng. Con vật màu xám, tối tăm như cục đất, thò lõ hai mắt nhìn chàng.

"Bên này nhiều *frog* quá hả mẹ?"

"Con nói gì?" Bà mẹ vừa mới tụt lại phía sau, nghểnh cổ hỏi.

"*Frog*. Mẹ biết con *frog* không?" Chàng vừa nói một cách bực dọc, vừa dậm dậm bàn chân trên nền đất. Con vật xù xì nhảy vội vào bụi rậm, phát ra những tiếng lộp bộp lạ tai.

"À." Người mẹ gật đầu vội vã, "Con cóc đấy."

"*Dirty creature*!"

"Hả?"

"Con thú dơ dáy! Con ghét mấy con... mẹ nói tên nó lại xem..."

"Con cóc."

"*Ya*! Con ghét mấy con cóc dơ bẩn..."

"*Con cóc là cậu ông trời đấy. Ai mà đánh nó thì trời đánh cho...*"

"*What?*"

Người mẹ đang vui miệng đọc câu hát đồng dao từ bao nhiêu thời trước cho thằng con nghe, chợt bừng tỉnh như thể bị đánh thức bất ngờ ra khỏi giấc ngủ ngầy ngật.

"Không có gì hết. Mẹ đọc cái câu... vớ vẩn ấy mà."

Chàng thanh niên chờ mẹ đi sát bên cạnh, đưa tay vuốt mồ hôi trán, tò mò, "Mẹ đọc lại được không?"

Người mẹ ngần ngừ.

"*One more time. Please*." Chàng nài nỉ. Bà mẹ chỉ hiểu lờ mờ câu nói của đứa con trai duy nhất, nhưng bà cũng ngập ngừng một chút, rồi đọc, "*Con cóc là cậu ông trời...*"

"*And?*"

"*Ai mà đánh nó thì trời đánh cho.*"

"*Silly!*"

Người mẹ chẳng hiểu con nói gì, nhưng nghe cái giọng vui vẻ của nó, bà cũng thấy phấn khởi ít nhiều, như người diễn viên kém tài nghe được những tiếng vỗ tay tán thưởng đầu tiên.

Bà thong thả tiếp, "*Con cóc là cậu thầy nho, ai mà đánh nó trời cho quan tiền.*"

"*That's stupid!*"

"Hả?"

"*Nothing*. Không có gì đâu."

Hai người lại lầm lũi bước. Chàng thanh niên nhìn đăm đăm vào đường viền ngắt xanh ở chân trời. Vài cánh chim vạch lên nền trời những vệt chữ V đậm nét. Tiếng gà rừng gáy lanh lảnh trong thinh không. Xứ sở gì đâu mà buồn tái buồn tê. Tưởng tượng mình phải sống ở nơi này, chắc sẽ chết mòn mòn vì buồn chán. Còn Janet chắc chẳng đời nào chịu về làm dâu cái xứ nghèo nàn, cằn cỗi này. Chàng thầm nhắc tên người con gái

mười bảy tuổi mà chàng đang theo đuổi. Bố mẹ Janet là người Việt. Nhưng Janet là người Mỹ. Mỹ tận trong xương trong tủy.

"Ở bên đó, chắc con chẳng bao giờ đi xa như thế này nhỉ." Người mẹ lại cố gắng lấp đầy khoảng trống vắng vây quanh, bằng giọng ái ngại.

"*No. Never.*" Chàng trả lời một cách mạnh bạo. Rồi lặng thinh, quơ tay gạt một con châu chấu vừa mới đáp xuống trên vai áo. Con châu chấu phóng vút đi. Những vuốt sắc cào trên da lưng bàn tay chàng ran rát. Cặp cánh tím vạch lên nền trời một đường viền lấp lánh. Đất nước này đẹp, nhưng buồn. Chàng thầm nghĩ. Nếu như có một hệ thống siêu xa lộ gồm những *freeway* chạy qua vùng này chắc là tuyệt vời. Những ý nghĩ lam nham đem nỗi buồn rầu phủ xuống lòng chàng.

"Không biết bao giờ *this country* mới được như người ta!" Chàng than thở.

"Hả, con nói gì?"

"Chừng nào Việt Nam mới được như người ta..." Chàng bực dọc lập lại câu nói. Mẹ chàng ngơ ngác:

"Người ta nào?"

"Tây, Mỹ, *Canada, Australia, Thailand, Malaysia, Taiwan*..." Chàng tuôn ra một tràng tên với nỗi uất ức không hình dạng.

"Cái vận của đất nước mình nó thế." Người mẹ lẩm bẩm trong miệng.

"*What?*"

"Con không hiểu nổi đâu!"

"*You mean*... Mẹ nghĩ con là con nít phải không?"

"Không phải vậy, nhưng mà..."

Người thanh niên ngoái cổ lại nhìn. Nỗi mệt nhọc kéo tụt mẹ chàng lại phía sau. Mà để nghỉ ngồi nghỉ cho đỡ mệt thì không nghe. Chợt chân chàng vấp phải một nhánh cây vắt ngang lối mòn. Chàng chúi đầu, lao đao muốn ngã. Câu chửi thề Anh ngữ buột khỏi miệng. Chàng không kềm lại kịp. Nhưng mẹ chàng chắc không hiểu.

Bà luống cuống, "Có sao không? Có sao không, con?" Câu hỏi ân cần của mẹ làm lòng chàng nao nao một nỗi niềm. Mẹ mình đó. Cái người đàn bà gầy nhom, có chiếc cổ dài ngoẳng ra phía trước, cắm vào cái thân hình mỏng tanh kia là suối nguồn yêu thương quý giá của đời chàng. Mối thân tình đã xa, đã mòn vì cuộc sống lao đao, vất vả. Chàng nhìn mẹ bằng ánh mắt ấm áp. Nếu *mom* chịu cho con bảo lãnh đi Mỹ thì *mom* đâu có ốm yếu bệnh hoạn như thế này! Chàng thầm trách.

Vệt nắng vạch trên mặt người đàn bà những đường gẫy hũng sâu của hai gò má. Người thanh niên ngước nhìn bầu trời chói lòa ánh nắng. Con nắng này mà ở Florida, hoặc Boston, hẳn là tuyệt vời. Ở đây là cả

một thế giới riêng. Xa vời, kham khổ.

Rồi chàng lại cúi đầu lầm lũi bước đi. Rồi chàng đứng lại, ngóng mẹ đang lẽo đẽo tuốt phía sau. Rồi lại dùng tay áo quệt mồ hôi trán, và lầm lũi bước. Nắng đổ lửa trên vai, nung than hồng trên đầu, trên cổ rát bỏng. Con gà rừng nào đó gáy những tiếng đặc keo trong cuống họng. Một con rắn ráo lấp lánh trườn nhanh trong bụi cỏ. Những con bướm nhàn du. Lũ cào cào châu chấu cánh tím vỗ trên vai áo xoàn xoạt. Chàng bắt đầu thấy hối hận vì đã nhận lời đi theo mẹ. Con đường càng lúc càng quanh co. Một người đàn ông khoác trên người chiếc áo xám nhằng nhịt những miếng vá, ì ạch đẩy chiếc xe gỗ cọc cạch nồng nặc mùi phân bò và rơm rạ đi ngược chiều hai mẹ con chàng. Chàng ngoái cổ nhìn theo mảnh lưng gầy guộc ướt đẫm mồ hôi, và vấp ngã thêm một lần.

Hai bàn tay rướm máu. Chàng bắt đầu thù ghét con đường. Ngày xưa con đường thánh giá Chúa đi qua chắc cũng gian nan như con đường này. Gió lùa qua khe lá, mát lạnh vùng mặt và đầu đẫm mồ hôi. Thua rồi. Mệt quá rồi!

"Nghỉ một tí mẹ à. *I give up!*" Chàng gỡ cái túi vải ra khỏi vai, quăng xuống đất, và ngồi thụp xuống cỏ, thở dốc. Nhưng mẹ chàng vẫn lầm lũi bước.

"Tới rồi, con à."

Chàng ngơ ngác nhìn theo mẹ. Có bao giờ chàng ngờ mẹ chàng lại có thể đi bộ dẻo dai đến như vậy. Chàng ăn uống no đủ ở xứ người. Chàng chơi thể thao thường xuyên, chàng có thân hình no tròn những bắp thịt vậy mà bây giờ chàng đang ngồi thở hì hạch trong khi mẹ chàng vẫn lầm lũi bước đi, với cái tay nải đựng quà thăm nuôi nặng trĩu một bên vai.

"Tới kia rồi, con à." Mẹ chàng gọi với lại. Chàng ngao ngán đưa tay lên xem đồng hồ. Bốn giờ rưỡi chiều. Ngày đã xế, mà nắng vẫn còn gắt gay. Chàng nhìn những mô đất gồ ghề như những cục bướu không đều lẫn trong cỏ dại và những bụi cây rập rạp. Những mô đất thấp lè tè như những gò mối trong rừng rậm nhiệt đới.

"Đã tới đâu!"

"Tới rồi. Chỗ có lá cờ..." Mẹ chàng vừa nói vừa chỉ về phía trước. Chàng uể oải đứng dậy nhìn theo hướng chỉ của mẹ.

Xa xa, lẫn trong những tàng cây rậm lá, đường viền của một thứ thành lũy trung cổ vạch ra ở chân trời. Và chàng thấy một lá cờ bay phất phới giữa những ngọn cây trơ trụi, khẳng khiu chĩa những chông nhọn như lông nhím lên nền trời.

"Phải *daddy* ở trong đó không?" Giọng chàng sẳng và chua chát.

"Ừ."

Chàng hậm hực lê những bước mỏi mệt trên con đường mòn lam nham cỏ dại. Trong óc chàng hiện ra một thành lũy kiên cố với tường đá dầy hàng thước tây, mọc đầy chông nhọn. Những hầm tối lạnh cứng người có dám tù nhân xiềng cứng vào vách đá. Chắc không đến nỗi thế. Chàng khẽ lắc đầu để xua những hình ảnh ám tối, trót thấy trong các phim ảnh về thời trung cổ, thỉnh thoảng vẫn chiếu trên ti-vi. Cái thời ấy đã qua lâu lắm rồi. Con người bây giờ đã văn minh hơn trước nhiều lắm. Làm gì còn những hầm tối để người ta giam cầm nhau như thế.

Nghe tiếng ho của mẹ, chàng ngước lên nhìn, bắt gặp cái lưng mỏng như miếng mo cau phơi dầy sân nhà hàng xóm của mẹ chàng. Trại giam. Nhà tù. *Prison. Jail.* Chàng thuộc tên gọi của cái nơi chàng sắp ghé thăm bằng cả hai thứ tiếng. Chàng lẩm thẩm đọc đi đọc lại bốn chữ thiếu thân thiện ấy, và trong đầu lại hiện ra hình ảnh những tù nhân đi lại thảnh thơi trong các trại giam ở Bắc Mỹ. Đám tù nhân chơi bóng chuyền, bóng rổ xôn xao trong vòng rào kẽm gai. Những người tù ngồi gác chân lên bàn, coi ti-vi và đọc báo giết thời giờ. Những người tù viết thỉnh nguyện thư lên chính phủ liên bang, than phiền là tủ lạnh trại giam không đủ lạnh. Những người tù không bao giờ bận tâm về chuyện mất việc làm, phải đi lãnh trợ cấp xã-hội. Và chàng cố tưởng tượng đến hình ảnh cha mình; người đàn ông chàng chưa bao giờ thấy mặt.

"Thấy gần vậy mà đi mãi không tới." Mẹ chàng nói bằng cái giọng khao khao như vướng đờm ở cổ họng. Giọng nói chìm xuống nỗi xúc động cùm mẵn nào đó khi không làm chàng áy náy tột cùng. Chàng hít một hơi dài, rảo bước cho kịp mẹ.

"*Mom!*"

"Hả?" Mẹ chàng trả lời, chân vẫn gài những bước rẳn rỏi xuống con đường xác xơ cỏ dại.

"Chừng nào người ta mới *let him go*?"

"Hả?"

"Chừng nào," Chàng ngập ngừng tìm chữ. "Chừng nào người ta mới... cho ba... cho ba... về nhà?"

"Mẹ làm sao biết được!" Giọng mẹ chàng xìu xuống như thể bà đã cố gắng vét chút hơi hám còn sót trong lồng ngực, gom lại thành lời trăn trối sau cùng.

"Ba ở trong *jail how long*?"

Chàng hỏi, và toan tìm chữ để dịch ngay ra tiếng Việt cho mẹ hiểu, nhưng bà đã trả lời vội vã, "Mười chín năm, tám tháng, sáu ngày..."

"Mười chín năm, tám tháng, sáu ngày?" Chàng bước lên sát bên mẹ, kinh ngạc quay qua nhìn vào khuôn mặt rám nắng của bà. *Your memory is incredible!* Chàng nghĩ bằng tiếng Anh. Những lúc cần suy nghĩ cho

nhanh, chàng phải dùng tiếng Anh. Trí nhớ của mẹ đáng nể thật! Chàng toan tìm chữ để nói ý nghĩ ấy với mẹ, nhưng đã sựng ngay lại khi bắt gặp một khuôn mặt nhòe nhoẹt nước mắt, lấm lem bụi đường.

"*Are you OK. O*... Mẹ có sao không?"

Mẹ chàng lặng lẽ lắc đầu.

"*I hate this country! I hate this people!*" Chàng gầm gừ, bực dọc.

"Hả? Con nói gì?"

"Không. *Nothing*. Không có gì hết." Chàng cúng cởi lắc đầu. Mười chín năm, tám tháng, sáu ngày. Thời gian người đàn ông ấy sống trong những vòng rào kẽm gai cũng lâu bằng tuổi đời của chàng. Và mẹ bảo người đàn ông ấy là ba chàng. Chàng nhớ bức hình cũ xì mẹ chàng đã chỉ cho xem. Người đàn ông trẻ măng. Những nụ cười trên môi và trong mắt nhìn rạng rỡ tin yêu. *No wonder why mom loves him*. Hèn chi mẹ yêu ba là phải. Người đàn ông trong hình thấy hiền khô, chả làm sao có thể nghĩ rằng ông có một lúc nào đó lại trở thành tội phạm. *He is a prisoner*. Và ở tù tới gần hai chục năm. Mình sẽ tìm việc làm. Dành dụm một số tiền, đóng cho trại giam, xin cho ba được về. Mẹ cần ba. Mẹ chỉ cần một mình ba. Thật là khó hiểu. Sau chừng ấy năm xa cách, *mommy* vẫn không thể quên được *daddy*.

"Mẹ nghĩ cần bao nhiêu thì đủ?"

"Bao nhiêu gì?"

"Tiền. Có tiền, xin cho ba về chắc được. *I believe*..."

"Chắc không được đâu."

"*How do you know?* Sao mẹ biết? Từ lúc con về tới giờ, đi tới đâu cũng chỉ cần đưa tiền Mỹ ra là *OK* ngay. Từ cái *airport* Tân... Tân... gì đó..."

"Tân Sơn Nhất."

"*Ya*, từ Tân Sơn Nhất trở đi... *Everywhere! Don't you remember?*"

"Ừ thì..." Mẹ chàng đưa tay lau nước mắt. "Tới rồi đó con."

Một hàng rào kẽm gai cao quá đầu người lởm chởm hiện ra trước mắt chàng. Những thân cây trụi lá trỏ những ngón tay khẳng khiu lên bầu trời. Vài con chim xám xịt ríu rít trên những sợi kẽm gai đen đúa. Vài người lính canh súng ống trĩu nặng trên vai, lom lom nhìn hai mẹ con chàng. Chàng ngại ngần nhìn qua hướng khác, và bắt gặp cái bảng căng ngang chiếc cổng gỗ xiêu vẹo, cái bảng trang trọng một dòng chữ lạ lùng màu đỏ chói.

Chàng cố hình dung thêm một lần hình ảnh người cha chưa bao giờ gặp mặt. Bức hình chụp từ đời thuở nào vùi sâu trong bọc hành lý. Chàng muốn moi ra, nhìn lại một lần cho chắc ăn, nhưng lại ngần ngừ. Mẹ chàng đã tới sát bên cánh cổng khép hờ, làm bằng những thanh sắt sét rỉ,

vênh vẹo. Bỗng dưng, chàng tuột lại phía sau, như cái lần theo chân người mẹ nuôi người Mỹ, bước vào văn phòng hiệu trưởng trường tiểu học.

Người lính gác nói gì đó với mẹ chàng. Chàng thấy mẹ trả lời một cách rụt rè nhưng sôi nổi. Chỉ có tình yêu, chàng thầm nghĩ, mới làm cho người ta thiết tha với nhau đến thế. Chàng không hiểu được tình cảm của mẹ mình. Chàng không hiểu được tình cảm của bất kỳ người đàn bà Việt Nam nào. Chàng thuộc về cõi khác. Mười chín năm, tám tháng, sáu ngày... Người đàn bà Việt Nam yêu chồng, đếm từng tháng từng ngày xa cách.

Chợt mẹ chàng quay lại, gọi chàng bằng cái giọng thổn thức:

"Được rồi con. Vào đây đi!"

Người lính đẩy hé cánh cổng nặng nề. Bây giờ chàng mới để ý nhìn khoảng sân trại vắng tanh vắng ngắt. Chàng thấy những nếp nhà tranh cũ kỹ, xiêu vẹo nép bên nhau. Kiểu nhà của những khu xóm lao động bên Philippines, Indonesia... thường thấy trên truyền hình. Người lính dẫn hai mẹ con chàng vào căn nhà vuông vức bên cạnh hàng rào. Một cuốn sổ bìa đen dày cộm những trang giấy quăn mép được mở ra từng tờ, trang trọng. Giọng nói của người lính trẻ nghe lạ tai. Chàng chỉ bắt được vài chữ trong cái chuỗi âm thanh trọ trẹ, sượng chát như vị của một thứ trái cây chín ép. Nhưng dường như mẹ chàng hiểu hết. Bởi vì khi người lính ngưng nói chàng bắt gặp nét sững sờ tượng đá trên mặt mẹ. Hai con mắt mở căng hết cỡ. Cái miệng há hốc như hụt hơi sau cuộc chạy đua gai góc. Những giọt nước mắt lã chã lăn xuống hai gò má khô cằn. Chút ái ngại vương trên nét mặt người lính trẻ.

"*What's wrong?* À... Chuyện gì vậy?" Chàng xen vào, cộc lốc. Người lính nhìn chàng đăm đăm. Chàng đến sát bên mẹ, "Sao vậy, *mom*?"

"Không sao..." Mẹ chàng lắc đầu vội vã, làm những giọt nước mắt rụng xuống cằm, xuống ngực áo.

"Thế... ba đâu?" Chàng hỏi một cách khó khăn.

"Họ thả ba rồi!" Mẹ chàng nói nhỏ vào tai chàng, rồi sụt sịt đưa tay áo quệt nước mắt. Cái túi xách rớt xuống dưới chân bà vang lên một tiếng động khô khan, nhàu nát.

"Vậy sao không... báo cho mình biết?"

Người lính trẻ giải thích. Chàng lại nghe tiếng được tiếng không. Nhưng mẹ chàng đã dịch ngay lại cho chàng, "Họ báo rồi, cách đây sáu tháng..."

"*Where is he now?* U... Bây giờ ba ở đâu? *Why...*" Nỗi xúc động chặn cứng lấy cổ họng làm chàng lắp bắp không ra đầu đuôi, câu kệ gì ráo.

Người lính trẻ xếp cuốn sổ dầy cộm lại, nói liến thoắng một câu trả lời. Lần này chàng nghe và hiểu được tới chín chục phần trăm. Chẳng

bến mơ

NGUYỄN MINH ĐỨC

"...cất tiếng không lời để nói năng"
Nguyên Sa

Cho ta khép mộng im lìm
Cho ta khép giữ môi mềm dêm trăng
Em về sao chẳng nói năng?
Chừng nghe tiếng sóng vỡ trăng năm nào

Nước trôi trôi lạc lối vào
Nó / ta/ dĩ vãng / cõi nào bến mơ?

Bao giờ ta chẳng đợi chờ?
Bao giờ em đã bôi mờ dấu xưa
Nói gì chăng cũng dư thừa
Nói gì cũng chỉ đẩy đưa thường tình

Thôi thì ở vậy một mình
Thôi thì em đã mộng xanh đủ rồi
Ta về ôm lấy mộng đời
Nước xưa bến cũ một trời gió trăng.

cần mẹ chàng phải dịch lại. Chàng hiểu là ba chàng không còn ở đây nữa. Hiện giờ ông ở cách đây khoảng ba cây số. Ở một nơi có cái tên tiếng Việt chàng chưa bao giờ nghe qua.

Mẹ chàng khóc tấm tức. Chàng càng không hiểu. *Daddy* hết ở tù thì *mommy* phải vui mới phải chứ. Đàn bà Việt Nam thật khó hiểu. Chàng đứng sát bên mẹ, đem cái chữ bí hiểm ra hỏi nhỏ vào tai bà, "Nghĩa địa là gì vậy mẹ?"

Chàng không nghe mẹ trả lời. Chàng chỉ thấy những giọt nước loang trên hai con mắt ngoằn ngoèo những tia máu đỏ. Và tiếng khóc túc tưởi bị dồn xuống lồng ngực, làm đôi vai gầy guộc rung lên, nhịp nhàng với những tiếng nấc gầy gò, khô khốc của mẹ chàng.□

Chiếc Sập Gụ Của Gia Đình Tôi

Nguyễn Hiền

Tôi thấy trong nhiều gia đình, nhất là những gia đình đã bén rễ lâu năm trong một khu xóm, đều có ít nhất cổ vật kỷ niệm trao truyền từ đời này sang đời khác. Có gia đình lưu giữ từ đời cố cụu nào tấm liễn vua ban "Tứ đại đồng đường," nâng niu để trong hộp cẩn xà cừ hay treo trang trọng trên bàn thờ, màu nhiễu đỏ lâu ngày theo thời gian chỉ còn mờ mờ sau lần kính xảm, vận hạn gia đình xuống dốc thê thảm, thế mà chủ nhân vẫn còn lấy được câu chuyện cũ làm đề tài nhai đi nhai lại trong những buổi giỗ chạp. Có gia đình trải qua nhiều năm loạn lạc, bom rơi trên đầu, lựu đạn mìn bẫy vướng dưới chân, mà vẫn cố giữ cho bằng được chiếc tủ thờ chân quỳ gia bảo. Nhiều người cho là nhờ những linh vật đó mà gia đình tránh được những phút hiểm nghèo. Vật gia bảo lắm khi dính liền với người, chẳng hạn một chiếc vòng cổ đồng đen lưu truyền có lần tôi gặp ở một cô gái Thượng trên đường băng rừng, cô ta kể chuyện chiếc vòng nhỏ bé phù hộ cô ta và cả gia đình. Cô ta nói: ai muốn cướp cái vòng này phải bước qua xác em. Giọng nói sắc danh bỗng đưa đến cho tôi cái cảm giác gai gai trong sống lưng trong một ngày trước đó không xa khi tôi vừa nghe một bạn trong tổ chức tranh đấu nọ khẳng khái nói trước đám sinh viên chúng tôi về lý tưởng anh theo. Ai muốn tôi bỏ lý tưởng này thì phải bước qua xác tôi trước đã. Ôi vật gia bảo, cho dù trừu tượng đến mấy, lắm khi cũng đeo đuổi con người ta đến cùng tận.

Cái sập gụ của gia đình tôi có thể cũng được coi là vật gia bảo. Tôi không biết gia đình tôi lưu truyền chiếc sập gụ đến nay đã được mấy đời rồi. Tôi chỉ biết lúc tôi lấy được đủ trí nhớ trời ban thì đã thấy chiếc sập chễm chệ trong một góc nhà. Tuổi chiếc sập thường là một đề tài cho các ông khách già của ba tôi cùng nhau tra cứu. Cho đến bây giờ cũng không ai biết đích xác, vì thực ra điều này cũng không thiết thực lắm trong cuộc xoay vần của đời sống bận bịu áo cơm. Chỉ biết là ông cố, cố, cố... của tôi

được vua Thiệu Trị hay Tự Đức gì đó ban cho cái vật thừa, triều đình thải ra trong một dịp sửa sang nội điện. Chuyện này đem đối chiếu với lịch sử thì chẳng đâu trúng đâu. Thiệu Trị, Tự Đức lúc quyền sinh sát lê dân trong tay thì cũng chỉ mới cách đây một trăm năm ngoài. Như thế thì không có lẽ nào những ông già bà cả trong dòng họ lại không nhớ ra lai lịch của nó. Thế mà, ngay cả bà cô tôi, tuổi gần bách niên, răng rụng gần hết nhưng vẫn bỏm bẻm cố níu lấy cổ tục nhai trầu, cũng không biết hơn tôi về tuổi chiếc sập gụ. Có ai hỏi bà chỉ cười bảo: tuổi tao tao còn không nhớ nữa là cái sập. Giấy khai sinh thời đó còn chưa ai lập thì lấy đâu ra mảnh biên lai mua chiếc sập cổ, trong cái thời đại mà tấm văn tự cầm nhà chắc cũng chỉ là một mảnh giấy ngoằn ngoèo ít chữ giữa hai bên, may ra được thêm con triệu đỏ chói của lão lý trưởng.

Cái sập cổ gia bảo không ai biết tuổi đó vì vậy đương nhiên trở thành một thứ đồ vật thiêng liêng trong gia đình. Giống như một ông già run rẩy lập cập nhưng được cả xóm kính trọng, chiếc sập gỗ gụ nâu thẫm kê một góc gian nhà trong cũng run rẩy lập cập chờ ngày đổ xụm bốn chân to chắc như đôi cặp đùi võ sĩ gờm nhau trên đài. Cũng như đối với những vị có chức tước sắp tới tuổi về hưu, chiếc sập được mọi người e dè gượng nhẹ như một đặc ân trước ngày Trời rũ sổ. Đối với tôi những ngày còn bé, chiếc sập, mặc dù là vật sử dụng hàng ngày, nhưng cũng mang một vẻ thần bí nào đó, như một ông thần coi sóc nhà cửa. Chỗ linh thiêng đó, buổi tối là chỗ ông nội tôi ngủ. Cả tài sản của ông tôi chỉ gói gọn trong một chiếc rương nhỏ kê dưới sập, trong để mấy bộ áo the thâm cùng chiếc khăn đóng ông tha lôi từ miền bắc vào trong ngày di cư, và một mớ sách ông may mắn còn cất được sau những lần biến loạn. Ngoài chiếc rương và mấy bộ quần áo thay đổi thường nhật, ông tôi chỉ còn một chiếc gối mây dùng gối đầu tứ thời bát tiết. Cái gối mây, cái vật kỳ dị, một khung gỗ cứng đan chằng chịt những sợi mây mật cật đã xỉn màu và gây gây mùi mồ hôi bám lại theo năm tháng. Cái gối mây này, nghe bà cô tôi kể lại, có từ những ngày ông còn say với bộ dọc tẩu ngà của một thời vàng son gia đình. Sau này, gia đình sa sút, một hôm ông đập dọc, chôn điếu, thề không hút nữa. Lời thề được ông giữ trọn đến ngày phong trào bài trừ tứ đổ tường được phát động thời gian sau ngày di cư. Lúc đó ông dành cai suông để giữ thể diện cho một gia đình nho học. Dù sao cũng là một điều làm ông hãnh diện, là một trong những người cao tay ấn hơn bà tiên nâu.

Là kẻ cả trong nhà, lời ông có uy lực như lời vua ban cho đám quần thần, lũ cháu chúng tôi, nhiều tối chen chúc bên cạnh nghe ông kể chuyện. Ông hãnh diện cũng phải. Trong ba thế hệ còn sống đó, chiếc sập, theo như lời ông, là chỗ để dạy dỗ con cái. *Yêu cho roi cho vọt, ghét cho miếng*

ngọt miếng bùi. Ông thường bảo vậy. Tôi biết cha tôi không thoát được cái cảnh nằm sấp trên sập để nhận mấy roi vào mông đau quắn đít, cũng như tôi đã từng chịu cái hình phạt cha truyền con nối này trên cùng một cái sập gỗ cúng. Chỉ có ông là người duy nhất trong dòng họ thoát cái khổ hình nà, bởi ông là một cậu bé vâng lời chăm chỉ học hành. Tôi không chịu lý luận của ông, bẻ lại:

"Ông không biết đá banh, chọi dáo..."

Ông trợn mắt nạt đùa:

"Thằng này con nhà mất dạy. *Áo mặc không qua khỏi đầu, trứng mà lại dòi khôn hơn rận* à?"

Tôi đành câm miệng hến. Cũng bởi ông cũng la, cũng dòn, nhưng tôi thấy trong ông cả một tình thương bao la. Có ngày bỏ học mải chơi tạt hình, cha tôi nghe thầy mách lại, nọc đầu tôi giã một trận gẫy cả roi mây. Tôi nhìn ông nằm bên cạnh cầu cứu. Ông quay mặt vào trong, nói:

"Cái thứ không nghe lời đánh cho nó chết đi."

Tôi vừa sợ vừa ức, khóc rống. May thay nhờ cái roi gẫy, ba tôi chỉ còn biết hậm hực mấy câu vuốt đuôi rồi bỏ ra ngoài ngồi uống trà, than trời thách đất. Tôi sụp xuống ngay chân sập, tấm tức. Bỗng tôi nghe tiếng sụt sịt, ngoảnh lên, thấy ông đang chớp đôi mắt lão đỏ hoe. Tôi ngạc nhiên quên cả khóc. Ông quay lên, vẫy tôi lại gần, xoa đầu, giọng dịu dàng:

"Cháu còn bé mà không biết nghe lời bố mẹ, thì không ra cái gì cả. Ông buồn lắm."

Ông kéo tôi lên sập, lần những vết roi cuộn ngang dọc lưng và mông tôi, dỗ:

"Thôi nằm xuống đi ông xoa cho. Có đau lắm không cháu?"

Ông vừa nói vừa vuốt lưng tôi nhè nhẹ như sợ tôi bị đau. Còn tôi lơ đãng nhìn ra khoảnh sân nhỏ vừa lần tìm những dấu sút và mấy lỗ đinh quen thuộc của chiếc sập như thể tìm dấu vết của một người bạn thân quen để rồi ngủ mê đi lúc nào không biết.

Trong đời sống hàng ngày, cái sập thường là chỗ tụ hội gia đình, chỗ chơi đùa của hai anh em chúng tôi buổi tối, là chỗ tôi bao đêm nằm quay lưng cho ông gãi để nghe cảm giác nhột nhột chạy lăn tăn dọc theo sống lưng, mắt lim dim nhìn mấy chú thằn lằn đuổi nhau bên ánh đèn hoa kỳ, hay tò mò ngó anh tôi nghiêng đầu làm bài tập, dáng anh còng còng, nhìn nghiêng tôi chỉ thấy nổi bật cái mũi vẹo và cặp môi mấp máy. Nhiều trưa nằm ngủ tỉ mẩn lần theo các cạnh sập, tôi thuộc lòng đến cả từng sớ gỗ. Những kỷ niệm đẹp đáng nhớ tuy nhiều nhưng cũng khó cân bằng nổi những sợ hãi khi nằm sấp trên sập sợ sệt ngoái cổ lại nhìn ngọn roi mây đang vụt xuống. Vì thế tôi có phần sợ cái sập hơn là yêu nó. Nhiều

lần tôi tự hỏi: tại sao cha tôi lại có thể yêu một vật làm cho người khổ sở vì những trận đòn của ông nội tôi, vốn nổi tiếng nghiêm khắc với con cái. Sau này lớn lên, từng trải trong cuộc đời, tôi tìm ra lời giải đáp: kỷ niệm có khi không hẳn ở những hình ảnh đẹp gợi đến mỗi khi nhắc lại, mà là một cái gì đó mơ hồ không thể nói được, nhưng nó bắt ta phải giữ mãi trong tận cùng não bộ. Như sau này tôi đã xa một người co gái tên Lụa, người mang đến cho tôi nhiều phiền muộn hơn niềm vui, nhưng mỗi lần nghĩ đến cô ta lại thấy nao nao trong lòng.

Những buổi trưa hè trời nóng đến gỗ cũng đổ mồ hôi, tôi nằm lăn trên nền gạch tàu mát rượi. Từ góc độ đó nhìn lên, cái sập mang một vẻ đe dọa, như một cái bẫy sập khổng lồ cót két cựa mình theo từng cử động của ông tôi. Trong gậm sập thường lấp ló mấy sợi màng nhện chấp chới theo từng hơi thổi tinh nghịch. Những buổi trưa oi bức đó ông tôi thường nằm lẩy Kiều, tay phe phẩy quạt. Có lẽ ông nhớ đâu đọc đó, những mảnh thơ không đầu không đuôi, nhưng tiếng vang của lời ngâm dội từ gầm sập ra mang một âm thanh bí ẩn như tiếng lũ ma âm thầm trốn lánh trong chiếc rương đóng kín phủ đầy bụi để trong một góc đầu chiếc sập. Nhiều lúc tôi tưởng như có một cái đầu nào đó ló ra giương đôi mắt trắng dã ráo hoảnh nhìn láo liên, quay lại nhìn, chỉ thấy chiếc hòm nằm lù lù trong góc tối.

Cái sập lẫn chiếc rương đen che phủ nhiều bí ẩn gợi óc tò mò con trẻ của tôi. Có buổi trưa tình cờ lăn lộn chui trong đám đồ táp nham bên dưới, tôi chợt thấy trong góc rương ló ra một cuốn tập quăn góc. Tò mò rút ra, cuốn tập đã phai màu, nhàu nát, chi chít những chữ nhỏ li ti. Vừa dọc vài giòng, tôi nóng cả mặt vì những hình ảnh dâm tục bên trong. Tôi vừa chui ra thì anh tôi ở đâu lù lù xuất hiện. Thấy cuốn tập, anh trừng mắt, giật phăng ngay lấy, nhét vào cạp quần. Tôi tru tréo: "Em mách..." Anh dơ nắm đấm dí vào sát mũi. Tôi thấy rõ từng đường gân nổi phồng trên những đốt ngón tay. Anh rít lên: "Bé con. Mày mà mách thì dập sống mũi, nghe chưa?" Bản tính nhút nhát, tôi im ngay. Cái sợ che lấp cả nỗi ức bị gọi là bé con. Tôi sợ đến nỗi sau đó bỏ luôn cả thói nằm lê nghịch ngợm trong gậm sập. Cái rương với lũ ma tưởng tượng bí ẩn vì thế được ở yên ngoài tầm mắt soi mói của tôi. Nhất là từ khi ông tôi mất đi, chiếc rương lâu ngày bị bỏ trong quên lãng, bám bụi, co ro, tủi thân nhớ người bạn cả chục năm cận kề.

Ông tôi mất đi đúng vào những ngày đói kém. Cũng may cho ông. Ngày chiến cuộc ngừng ông như có linh cảm một bất trắc sẽ phủ chụp xuống gia đình. "Hòa bình mà trong bụng ấm ức thì chẳng ra cái thá gì cả." Ông thở dài sườn sượt cả ngày. Để rồi như tự an ủi chính mình, ông bảo lũ chúng tôi: "Thanh bình cũng phải có cái giá của nó. Chắc cũng

phải chịu đói kém ít lâu." Nhưng ông không ngờ cái giá của thanh bình lại đắt hơn ông tưởng. Để đổi lấy thanh bình trước hết là có chia ly. Những người bà con từ miền đất lạ vào thăm, một hai lần rồi không thấy trở lại nữa. Có lẽ họ cũng thấm câu "họ hàng xa không bằng láng giềng gần." Nhưng những chia lìa ấy không gây ấn tượng mạnh trong đầu tôi bằng một ngày anh tôi, tính tình kín đáo, một buổi tối về muộn với nét mặt thờ thẫn. Anh quăng vội xe đạp trong góc nhà, chạy vào bếp thì thầm với mẹ tôi. Tôi chắc anh lại vòi vĩnh đồng tiền lẻ như thói quen từ nhỏ được nuông chiều. Sau đó anh rút vội lên gác xép, lục lọi. Tôi thấy mẹ tôi lập cập nhóm lửa nấu cơm, ngọn lửa vỏ dừa đỏ dòng dọc, mù khói, khét lẹt căn bếp. Tôi ngồi nhìn anh tôi trệu trạo nhai bát cơm độn khoai mì trộn muối mè, hỏi: "Anh đi đâu về muộn dữ vậy?" Anh ừ hử không nói. Đến bát thứ ba, anh bỏ đũa, nhìn tôi, hỏi: "Mai tao đi mày có buồn không?" "Anh đi đâu?" Mẹ tôi suỵt, bảo tôi nói khẽ. Tôi chợt hiểu, và lúc ấy cũng đã đủ khôn lớn để ngăn giọt nước mắt. Tôi hỏi ngây ngô: "Anh đi thật hả?" Anh cười bảo có lẽ tao là người thứ hai trong nhà có cái may mắn không trải qua những ngày tủi cực. Thế là tôi mất người anh cho đến tận bây giờ.

Anh tôi đi rồi, nhà vắng huếch hoác. Những ngăn tủ rỗng sau mỗi lần tảo thanh đồ cũ đem rải các sạp chợ trời mang một bộ mặt ngạc nhiên đến thê thảm. Chúng hé mắt rón rén dòm những người trong nhà giờ cũng chẳng còn để ý gì đến những ngăn tủ trống không, để ý thức được thân phận một kẻ không mang lại lợi ích gì, đang chờ giờ đào thải. Quả thật, tình cảnh nhà tôi xuống dốc một cách đáng sợ. Những chiếc bàn, chiếc ghế run chân đã đi trước dọn đường. Sau đó là những vật còn lành lặn hơn. Cái tủ chè chân quỳ không còn chè, không còn ly tách. Cái trạn úp chén đã được thay bằng mấy cái nồi nhôm to nay không còn dùng để nấu cỗ nữa, chén bát mẻ sau bữa ăn, rửa xong cũng khỏi cần phải cất dọn. Cho đến khi cả nhà còn thu lại trong một khoảnh giang sơn với những vật dụng tối thiểu cho một đời sống con người thì tôi cảm thấy hoảng sợ thực sự.

Nhà trống, lòng con người dường như cũng trống theo. Tình cảm như bốc hơi hết cả. Người ta hà tiện từng lời nói, hoặc dường như tôi chỉ còn nghe tiếng trách móc cằn nhằn. Có lẽ chỉ còn cha tôi có đủ kiên nhẫn. Hoặc giả từ khi lấy mẹ tôi, ông không bao giờ phải dụng tay đến cuộc đời vật chất. Mọi thứ đã có mẹ tôi chu toàn. Ông luôn luôn đem sách thánh hiền ra giảng: "Giấy rách phải giữ lấy lề", "Nghèo cho sạch, rách cho thơm". Mẹ tôi thì càm ràm mỗi khi giá gạo giá thịt lên, nói ông quân tử tàu. Nhất là từ khi thằng bé Út ra đời. Một ngày chưa tan buổi chợ, mẹ tôi về nhà, quẳng phịch cái làn nylon xuống đất, thở. Cha tôi hất hàm,

nhìn cái giỏ trống không, hỏi:

"Mẹ nó làm sao thế?"

"Tiên sư nó! Có mấy trăm bạc mà nó cũng không tha."

"Ai?"

"Còn ai vào đây nữa. Ngoài đường quân cướp như rươi ấy. Ông ở nhà chỉ biết có ăn làm sao biết được cái khổ của tôi."

Cha tôi vặc lên:

"Bà nói gì thì cũng nói nhỏ nhẹ một tí. Chung quanh hàng xóm, nhà mình nề nếp, phải có lề lối một tí chứ."

Mẹ tôi chì chiết:

"Lề lối cũng chẳng còn cái mẹ gì nữa. Nếu đạo đức mà mài ra bán được tôi cũng đem mài tuốt."

Cha tôi chỉ bàn thờ gia tiên, mặt đỏ gay:

"Này đạo đức ở trên ấy cả, mang ra chợ mà đổi gạo."

Mẹ tôi lu loa:

"Ôi hàng xóm ơi! Ôi trời cao đất dày ơi! Sang mà xem ông chồng tôi đây này."

Nhưng hàng xóm hẳn cũng bận chuyện gạo cơm, chỉ thấy dãy phố đứng im với cửa sắt ngậm tăm. Ngay cả cái đĩa bay vào tường vỡ nên một tiếng choang khô khan cũng không có lời đáp lại. Có lẽ chuyện chửi nhau đã trở nên thường tình, và gia đình thuận thảo trở thành một hiện tượng kỳ dị. Tôi nắm chặt tay thằng bé Út, xanh mặt nhìn một chuyện chưa từng xảy ra từ ngày tôi hiểu tiếng người. Mẹ tôi lúc này đã trở lại con người tốt nhịn như xưa, ngồi sụp xuống thu dọn mảnh sứ vỡ lăn lóc trên sàn gạch mẻ trong tiếng thút thít.

Tôi sà lại gần, nói nhỏ vào tai:

"Mẹ để con nhịn đói một bữa cũng được."

Mẹ tôi quay sang chẳng nói một lời. Chỉ có nước mắt rưng rưng của hai mẹ con và tiếng thằng bé ằng ặc khóc trong một bản năng sinh tồn của cơ thể với chiếc bao tử nhỏ bé lép kẹp. Nhưng cho dù tôi không nói, những bữa cơm từ ngày ấy theo thời gian cũng dần dần nghèo đi chất thịt và giàu thêm chất rau. Cũng từ ngày ấy tôi hiểu tường tận thế nào là cái đói. Mắt tôi nhìn đâu cũng chỉ thấy lúc thì củ khoai luộc, lúc thì cái bắp ngô. Có khi như thấy miếng thịt nằm ngay trong đầu. Có khi thấy con gà lớn vởn trước mắt. Thằng em tôi càng lớn càng ăn tợn. Tôi thường phải nhường cơm cho nó, nửa tự nguyện mỗi khi nó tỏ ra dễ thương với tôi, nửa dưới áp lực của song thân, những lúc chúng tôi cãi vã. Mẹ tôi mấy lần bảo bâng quơ: hay mình mang cái sập bán quách đi, cũng được vài tháng cầm hơi. Cha tôi gạt phắt: Bán thế nào được. Đồ thừa tự, của gia bảo mà bà nỡ lòng nào làm thế, không sợ ông bà ở dưới đất nghe thấy

à. Thế là tôi lại đói quắt queo thêm một thời gian nữa trong niềm hy vọng mong manh. Cha tôi biết tôi thèm miếng quà, không phải vì thèm suông, mà vì cái nhu cầu của tất cả các tế bào, ông thỉnh thoảng nói với tôi: "cố lên con." Ngày xưa bố mẹ cũng có lúc đói đến nỗi đọt mì cũng không có mà ăn.

Ông kể cho tôi nghe về cái nạn đói khủng khiếp mà gia đình tôi đã thoát khỏi, trong khi ông vẫn không bỏ cái lý tưởng đánh Tây đuổi Nhật. Tôi gục gặc đầu, nhưng trong lòng vẫn không phục. Cái lý tưởng người ta không đem bán cho ai được, nhưng vật dụng mang ra chợ, dù tồi cách mấy, cũng đổi được mấy lon gạo. Dù ức, nhưng cãi lại đấng sinh thành trong hoàn cảnh ấy là không phải đạo, thành ra tôi đành chôn cái ức trong lòng. Đến lúc ấy thì những mẩu bánh, miếng thịt, con gà lại lần lượt rủ nhau diễu trong đầu. Nhất là con gà. Chắc tại ông bộ đội nhà hàng xóm xéo cửa nhà tôi có nuôi con gà tre trống, tiếng gáy è è của nó mỗi sáng như đánh thức con gà trong tôi nổi dậy cùng một lượt với tiếng sôi bụng óc ách. Con gà trong đầu, khốn thay, luôn luôn xui tôi tìm đủ mọi lý do làm cho nó trở thành vật sở hữu của tôi. Cuối cùng tôi đổ tội cho ông chủ của nó bằng một lý luận xem ra rất giản dị, vì tôi đã nghe những luận điệu tương tự từ một số người ngoài phố tôi gặp: tụi bò vàng đã làm gia đình tôi khốn đốn, thì tôi sẽ phải làm cho nó khốn nạn lại.

Tôi nghe lũ bạn có lần nói: bắt gà ấy à. Dễ lắm. Chỉ cần một tép tỏi, xát vào tay, là đố chú gà nào dám hó hé. Thế là tôi phác họa độc kế. Một buổi trưa, khi đã đào đủ một ống bơ giun đất lổn nhổn, tôi xách cuốn truyện bọc trong cái bao nylon ra đầu hè, ngồi lim dim. Chiếc lon trùn nằm vừa tầm tay. Chú gà đói mon men lại. Đợi đến con giun thứ hai vừa bị cắp, tôi quơ bàn tay xát nhánh tỏi giã nát chụp lấy cổ. Chưa đầy một phút sau chú gà nóng ấm đã mềm rũ nằm gọn trong bao. Tôi mang về, dấu sau bếp. Buổi chiều tan chợ, mẹ tôi về, tôi mang con gà cúng đơ ra khoe:

"Mẹ. Chắc con gà bị xe đụng. Con lượm được ngoài ngõ."

Mẹ tôi nhìn tôi chằm chằm. Linh tính người nữ cộng với bản năng người mẹ, bà đoán ra ngay điều chẳng lành:

"Con nói thật đi. Gà nhà ai thế?"

Tôi chối:

"Con không biết nữa. Con thấy nó chết trong bụi."

Mẹ tôi lật đi lật lại cái thây, rồi hốt hoảng:

"Gà này là gà bà Tư cán bộ đây mà."

Tôi không nói, cúi đầu chịu một cái tội không cần thú. Mẹ tôi chấy nước mắt, hỏi:

"Con thèm thịt gà lắm phải không?"

Tôi gật. Mẹ tôi dí mạnh ngón tay vào trán tôi, bảo khẽ:

"Cấm không được hở môi cho ai biết đấy nhá."

Thế là buổi tối tôi có một ơ nhỏ thịt gà rim mặn, ăn ba ngày. Mớ lông tang vật nằm sâu trong hầm cầu tiêu.

Ít hôm sau tôi thấy có người đàn ông đến gõ cửa hỏi thăm mẹ tôi. Ông ta xem chiếc sập, lắc lắc, ngồi lên nhún nhảy, cúi xem dưới gậm, rồi lại đứng ngửa ra sau bĩu môi chê bai. Mẹ tôi thì cứ xoa hai tay với nhau, cười cười, nài nỉ. Buổi chiều, ông ta trở lại với chiếc xe ba gác và hai người phụ. Chỉ trong loáng mắt chiếc sập đã lật bốn chân nằm thẳng trên xe. Đây là lần thứ hai một cái rất thân với tôi ra đi một cách bất ngờ. Cha tôi đi thăm bác Hòa cả ngày không có nhà. Buổi tối ông về, tôi nín thở chờ đợi. Thấy mất chiếc sập, ông hốt hoảng, mặt tái xanh, nhưng hiểu ngay sự việc. Ông ngồi phịch xuống chiếc ghế đẩu, đưa tay áo quệt mồ hôi, gằn giọng hỏi mẹ tôi:

"Bà bán chiếc sập rồi à?"

"Ừ."

"Bán cho ai? Sao lại bán đi? Bà có biết là bà giết tôi còn hơn..."

"Sao lại giết. Ông nhìn thằng Thành xem. Nó đói vêu vao cả người. Tôi không muốn nó vì đói mà trở thành một thằng ăn cắp."

Chưa bao giờ mẹ tôi nói với cha tôi bằng một giọng bình thản nhưng cương quyết như thế. Bà kể lại chuyện con gà của tôi, trong khi tôi xấu hổ chạy tọt lên gác. Tôi không biết bà Mạnh Mẫu có tấm lòng yêu con như thế nào, chú tôi nghĩ chuyện của mẹ tôi đánh đổi chiếc sập gia bảo, cái mà cả song thân tôi có lẽ quý hơn mạng sống mình, để lấy bữa cơm cho thằng con như tôi, phải được loan truyền cho mọi người được biết, thay chuyện thầy Mạnh. Mẹ tôi đã phải chịu một sự lựa chọn gắt gao. Giữa cái thúc giục của lòng và cái ý lực dẫn dắt mục đích đang theo, sự lựa chọn nhiều khi gay gắt thế đấy.

Thế là tạm thời những miếng thịt, những bát canh có tôm, có sườn lại trở về lai rai trong bữa tối. Chưa được hai tháng thì tôi linh cảm ông thần đói lại sắp chầu chực trước cửa. May thay, đúng lúc ấy mẹ tôi nhận được giấy báo lĩnh quà của anh tôi gửi về. Sau hai ngày chầu chực, cuối cùng hai mẹ con tôi cũng tha lôi về được một bao tải đầy ắp những đồ linh kinh. Tôi cầm cái kẹo mút chùn chụt như mấy năm về trước, hít hà: "Mẹ, chắc bên ấy anh con cũng mút kẹo suốt ngày."

"Cái thằng chỉ nói bậy. Nó lớn rồi còn kẹo bánh gì nữa."

Thùng quà nhỏ như một giòng sông mang lại hồi sinh cho miếng đất khô cằn. Mẹ tôi lập tức tóm hai cái quần bò tất tả ra chợ. Tối ấy trong nhà lại vang tiếng nồi loong coong. Bàn thờ tổ tiên lại thoảng mùi trầm và tiếng mẹ tôi xì xụp cúng vái. Hạ cỗ, mẹ tôi múc cho tôi một bát miến

đầy, giọng rưng rưng:

"Ăn đi con kẻo miến nguội hết."

Cả nhà bốn người ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu đã sờn mép. Tôi nhìn cha tôi vừa rung đùi vừa nhẩm lại bức thư gấp làm bốn. Thằng Út và xong bát cơm vội vã chạy đi lục lọi mấy ngăn tủ rồng, tìm hòn bi buổi sáng giấu trong đó. Trong cảnh đầm ấm chỉ thiếu có anh tôi. Người anh mà cha tôi cho là giang hồ bạt mạng, nhiều lúc không muốn nhìn mặt. Mẹ tôi nói, giọng bùi ngùi:

"Không hiểu thằng ấy nó có nhớ nhà không ông nhỉ?"

Cha tôi ngửa cổ dốc nửa chai bia còn lại, giọng ráo hoảnh:

"Bà chỉ vẽ chuyện. Nó có nhớ mới có quà về cho mình chứ. Ít năm nữa nếu trời thương biết đâu mình lại có dịp gặp nó."

Tôi biết ông nói lảng để giấu cơn xúc động. Trong xóm có tiếng hò reo của đám trẻ hàng xóm báo giờ cúp điện đã hết, rồi có tiếng tuồng cải lương trong truyền hình léo nhéo. Cảnh gia đình xum họp bỗng dẫn tôi trở lại những ngày xưa của mấy năm trước cũng với bốn người, cha mẹ và hai anh em tôi. Giờ anh tôi đã phiêu bạt xứ người, thay vào đó chỉ còn thằng bé Út. Tôi bỗng thấy trong lòng quặn đau. Nhìn lại nơi để chiếc sập với bao nhiêu kỷ niệm của anh em chúng tôi. Chiếc sập ra đi, để lại một khoảng gạch còn mới, một khoảng gạch bóng với bốn vết chân tròn còn đậm nét. Chắc còn lâu lắm những dấu vết này mới phai mờ. Mấy ngày hôm nay tôi bất chợt nhận ra mình cứ vô tình nhìn vào cái khoảng kỷ niệm ấy, như mong có một phép mầu trả chiếc sập gia bảo lại cho chúng tôi để lưu truyền đến đời sau. Tôi nghe người ta nói khi có người qua đời, những kẻ còn ở lại dương thế trong những ngày chưa liệm cũng thường cũng có những lúc thờ thẫn rê tay trên cái xác không hồn như để một lần nữa xác nhận cái điều mình đã biết, trong một hy vọng mong manh hơn sợi chỉ chờ đợi một phép mầu. Có lẽ tôi, và cả mẹ tôi cũng đang ở tâm trạng ấy, vì bất giác tôi nghe tiếng mẹ tôi thở dài:

"Nếu biết thằng Thuận sắp gửi quà về thì cố giữ lấy cái sập, bây giờ còn chỗ mà ngồi."

Cha tôi chợt bỏ dũa đứng dậy bước ra nhà sau. Cảnh êm đềm xum họp bỗng tan biến. Tôi sững sờ nhìn mẹ tôi đang chớp mắt, môi mím lại. Thấy tôi nhìn, bà ngượng nghịu quay mặt đi, nói:

"Con ăn đi chú, ngồi đấy mà nhìn mãi."

Bỗng dưng tôi chợt hiểu. Việc lưu giữ chiếc sập gụ, như theo đuổi một lý tưởng con con rất thực tế của gia đình tôi, đã mất đi cùng chiếc sập, có lẽ đã thành củi chụm cho một cái bếp nào đó. Hòn đá đã ném đi làm sao thu lại được. Những êm ấm của gia đình đã một lần sứt mẻ, ngay cả tôi cũng phạm tội và bắt mẹ tôi phạm tội theo, mặc dù mọi sự

muộn
TRẦN VĨNH PHỐ

ta chạy dọc theo đời em cuống quít
giây phút trễ tràng càng hối hả tình ơi
sợi tóc bạc rụng buồn trên gối chiếc
thèm bao năm một chút ấm hơi người

ngẫu tượng ở st. denis
TRẦN VĨNH PHỐ

ngồi đây mình lại soi mình
thấy da thịt với chút tình đong đưa
nhớ em điếng hột chiều xưa
ngẩn ngơ tiếc chút hương thừa thanh xuân

việc xảy ra chỉ do hoàn cảnh nghèo khó đẩy đưa. Nhưng hạnh phúc không phải là thứ mà trong khi túng ngặt ta có thể mang đi cầm đỡ, để đến lúc no đủ thì chuộc về. Từ đấy tôi đâm căm thù sự nghèo đói. Trong cái thù có pha lẫn sợ sệt. Tôi đã mang đủ hành trang đời để thấy cái cánh tay đói kém đã bóc đi tấm vỏ thánh thiện của con người, để lộ ra đủ thứ bầy nhầy nhơ nhớp, ngay cả đối với người rất thân. Từ cái nhìn đó sau này đôi khi tôi trở nên quá độ lượng với mọi người, nhưng kỳ thực chỉ vì không muốn để bất kỳ ai lâm cảnh khốn khó, để cái vỏ cuộc đời vẫn còn nguyên nét mỹ miều của trí tưởng tượng trong tôi. ❐

Cũng Là Điều Bình Thường

Trần Doãn Nhơ

Tiếp vừa dựng chiếc xe đạp thồ ở gốc cây, chưa kịp tháo bịch gạo và bịch đồ ăn ra khỏi xe, thì thằng cu Bình đã chạy ra, reo lên:

"Bác ơi, hồi chiều nay, có một cô tới tìm bác. Trời ơi, cô đẹp, cô thơm, cô giàu dễ sợ!"

Chàng xoa đầu đứa cháu:

"Nếu đẹp, thơm và giàu thì chắc không phải tìm bác rồi."

Thằng bé lớn tiếng cãi:

"Cháu nói thiệt mà. Không tin bác cứ vào hỏi bà nội. Cô ngồi đợi bác lâu lắm. À... mà cô còn cho cháu tiền nữa."

Thằng bé rút trong túi áo ra tờ giấy năm trăm đồng còn mới:

"Đây nè, tiền cô nớ cho cháu."

Chàng cầm tờ năm trăm đồng xếp tư thằng bé đưa, ngẫm nghĩa, lòng phân vân, rồi trả lại:

"Cẩn thận kẻo mất."

Chàng xách hai bịch đồ ăn vào nhà. Đứa cháu vẫn lẽo đẽo bên chàng, năn nỉ chàng tin lời nó là thật. Chàng gật đầu cho nó yên tâm. Chàng đi rửa ráy tay chân, vo gạo nấu cơm, mắt cứ hóng ra cửa đợi mẹ chàng về. Lòng chàng chợt bồi hồi vô cớ. Mãi một hồi lâu sau, mẹ chàng mới về. Nghe tiếng "đẳng hẳng" của bà cụ ngoài cửa ngõ, chàng chạy vội ra. Thấy chàng, bà cụ nói ngay:

"Này, có cô nào tới tìm con, ngồi đợi cả tiếng đồng hồ. Mẹ hỏi có việc chi không, cô ta không nói rõ, chỉ nói có chút việc cần gặp mi gấp."

"Cô ta ở đâu đến, người ngợm thế nào?"

"Cô ta nói giọng Sàigòn, ăn mặc sang trọng lắm."

"Có nói tên gì không?"

"Không."

"Cỡ bao nhiêu tuổi?"

"Độ chừng ba mươi ngoài."

"Lạ thật! Thế cô ta có nói sẽ trở lại không?"

"Có, nhưng không nói rõ lúc nào."

Tiếp đi lui đi tới trong sân ngẫm nghĩ, nhưng rốt cuộc, chàng cũng không sáng sự lẽ ra được việc gì.

Chàng ăn mặc sạch sẽ đợi cô gái đến khuya, nhưng chẳng thấy. Đêm đó, chàng trằn trọc khó ngủ.

Tuy thế, buổi sáng chàng vẫn thức dậy sớm như thường lệ. Chàng chế bình trà uống, hút hết một điếu Đà Lạt, thay bộ áo quần lao động để đi thồ. Nhưng rồi chàng đứng lên ngồi xuống, đi ra đi vào, chần chờ không muốn đi. Hay là hôm nay nghỉ một ngày cho khỏe. Định bụng như thế, nhưng khi đi vào trong để thay lại áo quần, chàng lại thấy tiếc. Bỏng không mất đứt mấy ngàn bạc. Vả lại, chở chị bạn hàng quen thuộc vừa đạp vừa chuyện gẫu cũng vui.

Thế là Tiếp dứt khoát dắt xe đạp ra đi. Trời còn mờ mờ. Chàng đạp vội, vì như thế là hôm nay chàng đi trưa hơn mọi hôm. Đến ngã ba đường, nơi chàng vẫn đón chị bạn hàng mọi khi, thì thấy vắng. Chàng chống xe, dựng bên đường, nhìn quanh. Chắc đợi anh lâu, chị ta đã đi xe khác rồi. Đành vậy. Thay vì xót xa tiếc rẻ, chàng lại cảm thấy nhẹ nhõm. Chàng chậm rãi đạp xe về, lòng thầm mong đừng gặp người khách nào trên đường.

Gần đến nhà, thấy còn sớm, Tiếp ghé quán cà phê con cóc bên vệ đường, kêu một cốc, ngồi tán gẫu với ông già chủ quán. Mải hào hứng với câu chuyện, chàng quên giờ giấc. Đến lúc nhìn đồng hồ thấy đã bảy giờ rưỡi, chàng giật mình. Chàng lên xe, đạp vội về nhà. Chàng dáo dác nhìn quanh, nhưng thấy không có gì khác lạ, yên tâm bước vào nhà. Mẹ chàng hỏi:

"Hôm nay con về sớm thế? ...À, mà về sớm cũng hay. Không chừng cô ta sẽ tới hôm nay đấy."

"Thằng Sinh đi học rồi hả mạ?"

"Ừ. Có phần sắn hắn để dành cho con trong cụi. Sao hắn đoán được là con về sớm, nên nấu thêm sắn."

Chàng thay áo quần, ngồi hút thuốc, hóng mãi ra đường, chờ đợi. Quả không uổng công, cỡ hơn chín giờ, cô gái đến. Chiếc Honda thồ—chàng đoán thế—đổ cô gái xuống ngay cổng, rồi chạy vù đi. Cô gái nhìn quanh, ngập ngừng một lát rồi chậm rãi bước vào sân. Chàng sửa cổ áo, vuốt nếp quần, đứng dậy, bước ra. Thấy chàng, cô gái hỏi:

"Chào chú, cháu muốn tìm anh Tiếp. Anh Tiếp có nhà không ạ?"

Chàng hơi bẽn lẽn:

"Tôi là Tiếp đây. Xin mời cô vào nhà."

Cô gái hơi khựng lại nơi thềm.

"À... ờ... chú. Đây là anh Tiếp há! Trời thế, mà cháu, à em cứ tưởng ai."

Chàng cố tìm một câu nói đùa gì để làm tan đi nỗi bối rối của cô gái, nhưng chính chàng, chàng cũng đang bối rối, nên rốt cuộc, khi cô gái đã bước hẳn vào nhà rồi, mà chàng vẫn im lặng. Chàng lúng túng kéo chiếc ghế gỗ đài cáu bẩn, mời:

"Mời cô ngồi."

"Dạ."

Cô gái nhìn quanh:

"Bác gái không có nhà?"

"Vâng, mẹ tôi đi chợ."

Im lặng. Chàng nhìn đôi bàn tay cô gái mũm mĩm đặt trên chiếc bàn gỗ tạp dầy những vết mực, vết mỡ và thoang thoảng mùi đồ ăn còn vướng đâu đó. Móng tay dài sơn đỏ chót. Ngón tay đeo nhẫn hột xoàn. Cổ tay mập, trắng nuốt, đeo vòng mã não. Mùi nước hoa tỏa ra từ cô gái thơm phức. Chàng nhìn đôi bàn tay mình. Đen, thô tháp, móng tay dài chưa cắt. Chàng rút tay xuống dưới bàn, lấy móng này cạy đất móng kia.

"Mấy cháu đi học cả hả anh?"

Chàng nhìn lên:

"Tôi chỉ có một cháu lớn. Vâng, cháu đi học, lớp mười một."

"Còn... chị?"

Chàng cười gượng:

"Nhà tôi, nhà tôi... à... bọn tôi xa nhau rồi."

Chàng nghe cô gái thở ra nhẹ.

"Buồn nhỉ!"

"Cũng quen rồi cô ạ."

"Chắc anh đi cải tạo cũng lâu?"

"Hơn bảy năm."

Cô gái chép miệng:

"Lâu quá nhỉ. Chắc anh cũng đại úy, thiếu tá?"

"Tôi trong ngành an ninh."

Cô gái ngập ngừ một lúc rồi hỏi:

"Anh có... có đi xuất cảnh, đi H.O không?"

Anh định trả lời thì một ý nghĩ bất ngờ thoáng hiện trong đầu khiến anh giựt mình. Anh ngần ngừ, không muốn nói. Cô gái giục:

"Anh đi H.O không?"

Anh nhìn thẳng vào mặt cô gái, nghi hoặc:

"Chuyện này... chuyện này có liên quan gì đến cô không?"

Cô gái nhoẻn miệng cười:

"Em hỏi cho biết vậy thôi. Anh tưởng em là công an hay sao?"

Đến lượt cô yên lặng. Hai tay cô đặt lên chiếc ví, những ngón tay cử động vu vơ. Cô nhìn quanh nhà. Khuôn mặt cô no tròn, hồng hào. Đôi môi như chỉ chực để cười. Chàng định tìm cách ngắm nghía cô gái thêm một chút, nhưng chợt nhớ ra quên pha nước mời cô gái, nên đứng dậy:

"Xin lỗi, tôi lấy nước mời cô."

Cô gái xua tay lấy lệ. Chàng bưng nước lên, rót cho cô gái một ly nước lọc. Đặt ly nước trước mặt cô gái xong, chàng mới thấy vết khớm vàng trên ly nước chàng rửa vội vã chưa sạch. Chàng cảm thấy áy náy, định kéo lui, thì cô gái vui vẻ bưng ly nước uống. Để lại trên bàn, cô xoay xoay ly nước, phân vân. Một lâu sau, cô quay lại nhìn anh, cười xuề xòa:

"Thôi, em nói thật với anh cho khỏe. Em ở Sàigòn. Có người quen chỉ em ra đây gặp anh để bàn chuyện xuất cảnh."

Chàng hơi chồm người lên bàn:

"Xuất cảnh?"

"Để em nói cho hết. Em muốn đi Mỹ, nhưng không được nằm trong diện nào hết. Còn anh nằm trong diện H.O, mà lại chỉ đi có một mình..."

"Tôi còn đứa con nữa..."

"Em muốn nói một mình là đi không có vợ đi theo."

Chàng hơi nghiêm nét mặt:

"Ai nói với cô chuyện gia đình tôi?"

"Một người quen anh, nhưng em tạm giấu tên, vì người ta yêu cầu như vậy. Em xin lỗi nếu em nhắc đến chuyện buồn của anh..."

Cô gái ngừng một tí, rồi tiếp tục:

"Nhưng theo em nghĩ, chuyện này đôi bên đều có lợi. Em dân Nam, có gì em nói vậy. Em tính thế này: Em sẽ bỏ tiền lo tất cả mọi thủ tục giấy tờ..."

Chàng xua tay:

"Tôi nghèo lắm, nhưng cần thì tôi cũng chạy vạy vay mượn được để làm hộ chiếu, không đến nỗi..."

"Em biết. Em đâu có nói anh không có tiền để lo hộ chiếu. Thực ra, theo em được biết, đâu phải chỉ lo hộ chiếu là xong. Còn phải tiền đi vô đi ra phỏng vấn, tiền xe tàu, ăn ở, chờ đợi... rồi mua sắm, rồi tiền này tiền nọ phát sinh... Đâu có phải có hộ chiếu là đi liền. Cả một, hai năm chưa chừng."

Chàng thở dài:

"Ờ... ờ, tôi cũng nghe nói thế."

Cô gái dứt khoát:

"Em sẽ lo tất cả cho anh, từ đầu đến cuối, kể cả những gì bất thường

xảy ra liên hệ đến việc ra đi."

Chàng ngần ngừ:

"Nói thật với cô, thấy bạn bè chạy vạy đi làm giấy tờ, tôi cũng muốn. Nhưng ngán ông nhà nước quá. Hôm nay vậy, ai biết mai thế nào."

"Lo gì anh, H.O sắp lên đường rồi đó."

"Hơn nữa, còn bà cụ già..."

"Anh ở đây, anh cũng chẳng lo gì được cho bà. Anh qua bên đó, lãnh tiền bảy, tám năm đi cải tạo, gửi về cho bà một nửa, bà sống khỏe ru. Còn trước mắt, anh đừng lo, em bao luôn đời sống hàng ngày cho bà cụ."

Chàng chớp chớp mắt, cảm động:

"Cô tốt quá! Nhưng mà... nhưng mà..."

"Anh đừng băn khoăn gì hết. Em dân Nam, cái gì cũng rõ ràng, sòng phẳng. Em giúp anh, anh giúp em. Em chỉ đòi hỏi một cái gật đầu. Anh đồng ý, là ngày mai anh với em đi làm hôn thú ngay."

Dù đã rõ sự việc tất nhiên phải như thế, nhưng chàng nghe hai chữ "hôn thú", bỗng giật mình:

"Làm hôn thú?"

Cô gái cười tự nhiên:

"Thì phải là vợ chính thức của anh, em mới được đi chứ."

Chàng cảm động. Chàng chớp mắt nhìn cô gái và trong một thoáng qua nhanh, chàng ngạc nhiên tự hỏi cô gái trẻ trung, hoạt bát, giàu có này lại là vợ của mình à. Nếu không thì tại sao cô lại nói "vợ chính thức của anh" một cách gọn gàng, dứt khoát như thế! Bao nhiêu năm rồi, anh mất đi chữ "vợ" êm đềm, để thế vào đó chữ "vợ bỏ" đầy khắc nghiệt. Cô gái giải thích thêm:

"Người ta chỉ cho đi người nào có hôn thơ hôn thú chính thức thôi. Anh với em cứ làm hôn thú y như là vợ chồng thực sự. Sang bên đó, mình lại làm giấy ly dị, rồi ai lo việc nấy."

Tự nhiên, chàng có cảm giác khó chịu. Thêm một lần nữa có vợ và lại mất vợ! Chàng nhìn cô gái bần thần. Cô gái nhìn chàng, chờ đợi:

"Thế nào? Anh đồng ý chứ? Em nhận thấy trong việc này, anh không hề mất gì hết."

Chàng không trả lời, mà lại hỏi:

"Cô chồng con thế nào?"

Khuôn mặt tươi tắn của cô gái bỗng tối lại:

"Đại loại thì cũng như anh, chồng bỏ."

Chàng ngạc nhiên, hỏi một câu ngu ngơ:

"Em có chồng?"

Khuôn mặt cô gái tươi trở lại. Cô cười:

"Có chồng, có con. Một đứa. Con gái. Chả đi vượt biên, lấy vợ ở bên đó luôn. Em hành chả mấy năm không chịu ký giấy ly dị. Năm ngoái, em ký. Em tính chuyện khác. Anh thấy không, thời buổi này, khối chuyện kỳ cục. Như hôm nay chẳng hạn, từ trong kia, em tìm ra đây để xin được cưới anh."

Cô gái cười thoải mái. Chàng nhìn cái nốt ruồi nằm ở môi trên chuyển động, tự hỏi không biết thật hay giả. Cô gái nói tiếp:

"Tính toán, dẫn do gì cho nó mệt. Lúc này, hễ thấy cái gì được, thì rụp, rụp làm ngay. Hay là anh còn muốn thêm gì nữa. À quên, em sẽ mua cho anh chiếc "cúp". Anh cứ dùng, đến ngày lên máy bay, bán hoàn tiền lại em. Dân xuất cảnh phải đổi lốt chú."

Cô ngắm nghía anh, giọng thành thực:

"Nhìn kỹ, anh vẫn còn quá trẻ. Tóc đâu đã bạc. Chỉ có cái vất vả quá, nên trông hơi già. Đôi mắt, đôi mắt sáng quắc. Đôi mắt này mà trước 75 thì phải biết. Cô nào cô nấy chết mê chết mệt. Anh ngại chuyện gì nữa? Anh cứ để cho em đi với anh đi. Sang bên đó, rồi biết đâu..."

Giọng chàng chợt nghe nhẹ nhàng, đầm ấm:

"Biết đâu... Cô muốn nói "biết đâu" cái gì?"

"ừ, biết đâu, anh và em lại hợp tính nhau... À, mà thôi, dứt khoát, dứt khoát, mắc mớ gì phải ràng buộc nhau cho nó mệt, phải không anh?"

Chàng giựt mình, cảm thấy thất vọng. Lòng chàng chợt phiền muộn vô cớ. Chàng cúi đầu, đưa móng tay út khảy đất những móng tay kia. Cô gái lại giục:

"Thế nào anh?"

Chàng ngước nhìn cô gái:

"Cô đến bất ngờ quá. Hơn nữa, chuyện cũng quá mới đối với tôi, nên tôi còn phải hỏi ý kiến mẹ tôi và đứa con nữa. Thêm một điều nữa: bọn tôi tuy bỏ nhau, nhưng chưa làm đơn ly dị."

Cô gái ngạc nhiên:

"Chưa ly dị? Vậy chị xa anh lâu chưa?"

"Từ khi tôi còn trong trại cải tạo."

"Chị hiện ở với ai?"

"Với thằng chồng sau ở Đà Nẵng."

"Có con chưa?"

"Có. Hai ba đứa gì rồi."

"Sao anh kỳ thế? Vợ bỏ đi lấy chồng khác mà không làm giấy ly dị?"

Giọng chàng buồn bã:

"Cô ta năn nỉ tôi nhiều lần ký đơn ly dị mà tôi không ký."

Cô gái lắc đầu:

"Thực không có ai như anh!"

Cô gái ngồi đăm chiêu một lúc, rồi nói:

"Thời gian gấp rút rồi, chẳng có đợi mình đâu. Bữa nay người ta đã đi làm H.O.5, H.O.6 gì rồi. Nếu anh quyết định, thì anh viết đơn ly dị đi, rồi đưa giấy tờ và địa chỉ của chị ấy đây cho em. Sáng mai em vào Đà Nẵng dàn xếp với chị ấy."

Anh phân vân:

"Cô dâu có quen biết gì cô ta. Cô yên tâm, để việc đó tôi lo. Dù gì thì cũng phải ly dị cho rồi."

Cô gái nóng nảy:

"Tính em ưa xoắc xoắc cho rồi. Em tính mọi chuyện cho xong, để còn vào làm ăn nữa. À, mà làm giấy tờ xong, em mời anh vào nhà em chơi cho biết."

Cô xuống giọng, nhìn anh dịu dàng:

"Nghe em đi. Rồi anh sẽ thấy, những gì em đề nghị hoàn toàn có lợi cho anh... cho cả chúng ta... Mà lại, biết đâu..."

Cô nhoẻn miệng cười. Chữ "biết đâu" lơ lửng của cô gái khiến chàng nghe bâng khuâng khó tả. Chàng cũng nhìn cô mỉm cười.

Cuộc họp gia đình tối hôm đó diễn ra sôi động. Tất cả gồm có sáu người: mẹ chàng, hai cha con chàng, đứa em gái, đứa em trai và cô em dâu. Tuy ý kiến khác nhau, nhưng không ai cảm thấy ngột ngạt. Mọi người đều vui vẻ, hào hứng.

Mẹ chàng nói:

"Con đi thì mạ quá sức buồn. Mà ở lại, ngày nào như ngày nấy, đạp xe thồ, có nước chết sớm. Cực quá rồi, qua bên đó, lo bồi bổ sức mà nuôi con. Mạ thì mạ chả trông mong gì đồng tiền của con dâu, thành thử đừng lo chi cho mạ hết. Mạ già rồi, sống nay chết mai, chỉ mong cho con, cho cháu sung sướng."

Bà rơm rớm nước mắt:

"Mạ chỉ buồn chuyện vợ con của con. Cái con Lệ hắn đã bạc tình bạc nghĩa như vậy, mà mầy cũng không chịu ly dị. Không lẽ cứ ở vậy suốt đời. Nè, mà mạ thấy cái con Sàigòn này trông bộ cũng được. Tuy có mau miệng mau mồm, nhưng mặt mày phúc hậu. Biết đâu, ông trời đưa đẩy."

Trà, đứa em trai chàng, nói:

"Nhìn anh bây giờ, em chợt nhớ câu nói của thằng bạn em nhiều năm trước đây: "Mỹ chúng nó bỏ dám sĩ quan chế độ cũ vậy đấy, chưa biết chừng nay mai, nếu cần, chúng nó đánh bóng lại các ông mấy hồi." Tù cải tạo dâm ra có giá. Từ chỗ bị chê bai, xa lánh, bây giờ lại được nâng niu, tâng bốc. Anh đổi đời lần thứ hai nhé!"

Cô em dâu chàng, vợ Trà, nghe nói thế, chen vô:

"Ừ, anh bây giờ rất có giá. Nếu không, sao một cô giàu có, trẻ trung ở tận Sàigòn ra đây năn nỉ anh. Anh phải kỳ kèo, làm eo làm sách, chứ đừng thuận liền. Trông bộ cô ta như thế, em bảo đảm với anh, anh đòi gì cô ta cũng chịu. Chẳng hạn như anh nói lâu nay nhà anh đã bán phải về ở đậu ở nhà người em, hoặc phịa ra mắc nợ mắc nần người này người nọ, hoặc phải xây lăng đắp mộ trước khi đi... Moi tiền cô ta để cho tụi em kiếm chút cháo chú."

Trà trách vợ:

"Em chỉ được nói ẩu. Gì mà kiếm chút cháo! Nói thế, chú vợ tôi nói cũng phải, anh giờ như một món hàng, phải mặc cả chứ."

Hồng, cô em gái, cười:

"Ai lại cho anh Tiếp là một món hàng, làm như thịt bò, thịt heo không bằng. Theo em nghĩ thì đòi hỏi quá người ta cười, nhưng cũng phải đặt điều kiện chứ!"

Mẹ chàng xen vào:

"Được voi đòi tiên, đứng núi này trông núi nọ. Lo giấy tờ cho mà đi là cũng đã tốt rồi, huống hồ gì còn mua xe, mua cộ, bao ăn bao ở nữa. Nếu không thì thằng Tiếp tiền đâu mà lo. Nhà không có mà ở, ăn còn chưa đủ, xoay chạy mô cho ra mấy cây vàng."

Cô em gái bĩu môi:

"Mạ đừng có tưởng cô ta tốt. Mạ tưởng dễ đi nước ngoài lắm há. Tốn vài chục cây chưa đi được, còn phải lo lên lo xuống, sống chết chưa biết thế nào. Ở đây chỉ làm có cái giấy hôn thú là xong, ngồi đợi máy bay đến rước. Mạ nên nhớ đây là chuyện mua bán."

Chàng từ tốn:

"Đành rằng vậy, nhưng ai lại nói thế, nhẹ thể anh quá. Em nên nhớ anh đã từng là sĩ quan."

Cô em gái lại bĩu môi:

"Trước đây mấy năm, anh đâu có dám nói vậy!"

Mẹ chàng nói:

"Cái kiểu nói của con khó nghe quá! Mẹ nghĩ, hay là con xin cưới cô ta làm vợ luôn. Tiện lợi đôi bề. Để cho mạ thấy con có đôi có cặp, mạ vui. Ai mà tra chừng nấy rồi, lại cứ đi về lủi thủi."

Chàng cười:

"Đâu có dễ thế mạ! Dễ gì cô ấy chịu. Cô ta còn trẻ, lại giàu..."

"Hay mi còn nhớ con vợ bạc tình bạc nghĩa đó?"

Cô em gái nghe nhắc đến tên người chị dâu cũ, hậm hực:

"Đồ cái thứ chi lạ! Em trông cho hẳn... hẳn..."

Chàng lườm cô em gái, rồi đưa mắt liếc thằng Sinh, con trai anh, ngồi khuất sau lưng bà nội, mặt mày buồn bã. Cô em gái lặng thinh.

Chàng nói:

"Thế nào cũng phải đi cùng với cô ta rồi. Mọi chuyện để đó từ từ tôi tính. Đừng có bàn tán lung tung, thiên hạ người ta cười. Còn con, con nghĩ thế nào, Sinh?"

Chàng quay sang nhìn đứa con để hỏi ý, thì thấy đứa con không còn ngồi ở đó nữa.

Chàng đứng dậy, thở dài.

Chiều hôm sau, chàng đi thồ về sớm để đợi cô gái. Mọi chuyện chàng đã sắp xếp xong, sẵn sàng cùng cô gái tiến hành làm thủ tục xuất cảnh. Chàng bồi hồi, nôn nao, rạo rực y như thể một chú rể trước ngày đám cưới.

Đến sâm sẩm tối, cô gái mới trở lại. Ngồi xuống ghế xong, cô gái nói ngay:

"Không xong rồi, "ông" ạ!"

Cô nhấn mạnh chữ "ông".

Cô lục xắc lấy mấy tờ giấy chàng đưa hôm qua, đặt lên trên bàn:

"Em gửi trả lại anh."

Chàng ngơ ngác:

"Cô không gặp vợ tôi?"

Cô gái thở ra:

"Sao không! Tôi thương thảo với chị ta suốt ngày hôm nay, có lúc tưởng chị ta chịu ký với giá một cây. Chẳng dè thằng chồng sau mắc dịch về, bàn vô, tán ra sao đó, chị ta nâng giá. Tôi giận quá, mắng cho một trận rồi bỏ về."

Chàng sửng sốt:

"Cô ta đòi tiền à? Bao nhiêu năm năn nỉ tôi, tôi không ký, bây giờ tôi đồng ý ký, lại đòi tiền là nghĩa làm sao!"

"Anh thật ngu ngơ. Cô ta đòi bao nhiêu anh biết không?"

"Bao nhiêu?"

"Mười cây!"

Chàng trợn tròn đôi mắt, nhìn cô gái, không hiểu cô ta nói đùa hay nói thật. Đến lúc thấy cô gái đứng dậy ra về, chàng lắp bắp:

"Cô... cô về sao?"

"Vâng, em về, cái giá mười cây là quá sức em. Thôi chào anh."

Cô gái bước vội ra sân. Chàng nhìn theo, ngơ ngẩn.□

Ra Biển Gọi Thầm

Trần Hoài Thư

Tôi lại trở về cùng biển. Tôi lại trở về để nghe lời gọi mời của chân trời xa, của sóng, và mặt trời. Tôi lại về bên này để nhớ về bên kia. Cũng vẫn một bầu trời xanh, cũng vẫn những đám mây trắng nõn như đàn cừu trên triền đồi xanh cỏ, cũng muôn lời ru trên mênh mông âm thanh của sóng và gió. Một chỗ đứng ở đây, ghềnh đá dựng, bãi cát mềm, lũ còng bé nhỏ, nước lên rồi lại nước rút. Mười tám năm, hay là mới hôm qua. Một chỗ ngồi ở đây hay một chỗ ngồi từ cõi nào, ngày nào. *Thuyền ơi thuyền ơi, thuyền trôi biền biệt. Mấy mươi năm chẳng biết mô tìm.* Tôi nói hoài. Tôi cứ gọi hoài. Con thuyền ở đâu giữa biển cả mịt mùng. Sao nó chẳng hiện lên, chấm đen cuối trời, để tôi còn thấy nàng. Gió trở lạnh, hay người tôi không được khỏe, hay tại vì khí hậu của vùng Đại Tây Dương. Tôi mang lại chiếc áo ấm xưa. *Mấy mươi năm chẳng biết mô tìm.* Áo này em đã thức bao đêm để gởi lên đường len thương nhớ. Tên này em quyện cả hơi thở, ràn rụa nụ hôn. Còn nữa. Còn con sông chảy về Kiên Lương, nhánh chia về Kinh Một, nhánh chảy về Hà Tiên, trước khi ra cửa biển. Con sông bên nhà em, để tôi yêu vô cùng câu thơ cổ: *Quân tại Tương giang đầu. Thiếp tại Tương giang vĩ.*

Em yêu dấu vô cùng, và bao dung vô cùng. Con người là một loài lau sậy, nhưng là loài lau sậy biết nương nhờ. Chúng biết suy nghĩ, dĩ nhiên, nhưng chúng biết suy nghĩ để làm gì khi xã hội này không cho chúng suy nghĩ. Chúng chỉ muốn quên, như giòng chữ bằng than người tù binh đã viết vội vàng trên tường: Ước gì mắt ta được mù tai ta được điếc... Cái kiêu hãnh của một sinh vật đứng bằng hai chân phải bị nhường lại trước cái kiêu hãnh của sa tăng. May mà chúng biết nương tựa lẫn nhau, dìu dắt cho nhau. Như trăm ngàn bóng ma ở trong rừng tràm Kinh Một, Tám Ngàn. Như em và tôi.

Em và tôi. Nhớ gì con thuyền nhỏ xuất hiện trên giòng kinh vào

mùa nước lũ. Nhớ gì màu nước đục ngầu, nước chảy xiết, mang trên giòng những đoàn quân lục bình, tràm củi. Nhớ gì về một bầu trời xám chì, và những khu rừng lau trắng bạt ngàn rợp mình dưới những trận gió hung bạo. Nhớ gì về một tấm thân cha mẹ nung niu không may sinh lầm thế kỷ, để biết con người còn thua con vật. ù, con người kỳ lạ. Nó biết kéo cái ách bằng cách nào hay nhất. Nó sáng tạo những dao những búa thay vì người ta bắt nó dùng hai bàn tay không. Nó lại biết dùng vải bao cát để che thân, dùng rơm cỏ để làm nệm, dùng dây điện thoại để làm dây đàn, để hát lại những bài tình ca. Nó cũng thâm độc hơn bất cứ một sinh vật nào. Nó dái lên những con cá lóc cá trê nó câu được trước khi nạp phần cho cán bộ quản giáo. Nó thầm lén phạt dứt cọng mạ non thay vì làm cỏ. Nó chửi thề khi hắn ngồi nghe chính trị viên lên lớp. Nhưng nó lại chịu thua trước thiên nhiên. Bởi nước thì quá sâu, và chảy quá mạnh. Bởi bó tràm thì quá ngỗ nghịch, cứng đầu. Nó ngoi ngóp. Nó vùng vẫy. Hai chân vừa dạp, hai tay vừa kéo. Mưa lạnh làm châu thân nó run như lên cơn sốt rét. Hàm răng nó đánh cầm cập. Nó lại đói. Cái đói ghê gớm. Cái đói tàn bạo quật ngã nó khiến nó cứ thở dốc, thở rống từng hồi từ lồng ngực ngỡ khô cạn. Nó lảo đảo. Nó đang ở bên trời. Nó hay là tôi. Và tôi hay là nó. Tôi cũng chẳng cần biết nữa. Chỉ biết có con thuyền nhỏ người con gái hôm nào đã dừng lại. Chiếc áo bà ba vải trắng. Chiếc khăn sọc rằn quấn cả gương mặt như che bớt cái cam khổ mưa nắng rừng tràm. Em hỏi tôi. Anh à, hay anh cột bè tràm này vào đò, để em chống về trại giùm. Tôi nhìn em, lòng như bật khóc. Em như bà tiên, bà thánh nữ, Mẹ Maria, Phật Bà Quan Âm. Em từ đâu hiện đến cứu vớt tay Tôn Hành Giả ở tận đường cùng. Tôi nói cô không sợ sao? Em trả lời thách thức có gì mà em lại sợ. Giúp người đâu phải là cái tội, phải không anh? Tôi thú thật với nàng tôi quá đói. Em trao tôi gói cơm nếp, mấy con cá rô kho mặn, trái dưa leo. Hai tay tôi run. Tôi nhận ơn cứu rỗi. Phía xa ở cuối bờ là ngọn đồi Sọ, có cây Thập Tự giá mờ nhạt in trên nền trời xám. Tôi nghĩ Đất Trời Vô Lượng đang cúi đầu nhìn xuống tôi. Như đôi mắt dịu dàng đang nhìn tôi, lúc này.

Sau đó, tôi cột bè tràm vào sau chiếc đò tam bản. Người con gái chống sào vượt giòng nước ngược. Thân hình em mảnh mai và đôi bàn tay mềm mại cầm chiếc sào. Gương mặt trắng và đẹp có vẻ thị thành để tôi biết em là cánh chim đến từ đất lạ. Tôi cũng vậy, cũng đến từ đất lạ. Chúng ta cả miền Nam bây giờ cũng đến từ đất lạ. Bởi vì người ta đã đoạt quyền làm chủ.

Tôi bước theo trên bờ kinh. Mong thời gian ngừng lại. Mong người con gái sẽ đứng đấy ngàn năm. Phía cuối chân trời là núi Sọ. Tượng Thập Tự giá vẫn trơ trọi dưới màn mây cuối ngày sắp khóc. Chợt em nói: Anh

ơi, đêm nay là đêm Giáng Sinh. Tôi bàng hoàng: ồ thế sao! Tôi không hề biết. Cổ tôi lại khô. Tôi nuốt nước miếng. Núi Sọ Ngài lên Thập Tự giá. Núi Sọ đánh dấu cái tàn bạo của con người. Nhưng Núi Sọ vẫn nẩy nở những nụ hoa bất diệt như người con gái ở Kinh Nhà Chung này.

Đến gốc Xoài cách trại tù khoảng 500 thước, tôi kêu nàng dừng lại. "Cô ơi, đến đây được rồi. Tôi có thể bè một mình..." Nhưng em vẫn còn muốn giúp kéo thêm một đoạn. Em nói: "Còn xa lắm. Để em chống thêm một đỗi không sao đâu anh!" Tôi khẩn khoản: "Cô hiểu giùm tôi. Người ta biết được chắc tối nay tôi phải nằm ngoài chuồng kẽm gai, muỗi hút tôi không còn giọt máu." Em nghe lời. Em trả lại bè tràm. Tôi cám ơn em, và nhủ lòng trong suốt quãng đời còn lại, tôi sẽ không bao giờ quên được một người con gái. Và em từ giã. Chiếc xuồng tam bản mỗi lúc mỗi mờ nhạt, và thân hình mảnh mai của em càng lúc càng mất hút giữa một rừng lau trắng bạt.

Đó là đêm Noel đầu tiên để tôi biết được thế nào là sự bao dung của Thượng Đế. Hình như tôi nhớ đến một đoạn nào trong Thánh Kinh. Hãy nhìn những con chim sẻ ngoài đồng nội, Ta còn cho chúng chiếc áo... Nếu quả vậy thì Thượng Đế đã rủ lòng thương của Ngài xuống khắp trần gian. Tôi là một kẻ không đạo, nhưng tôi tin có đôi mắt Ngài. Đôi mắt từ núi Sọ, dù đêm ở đây đen tối quá chừng.

Ai đã kể lại lịch sử của kinh Nhà Chung. Ngày xưa, vua Minh Mạng bài đạo, sát đạo cùng khắp. Có nhóm người trốn ra hòn đảo nhỏ sau đó quay lại đất liền, phá rừng tràm lập lại nhà thờ và dựng nên một thập tự giá trên ngọn đồi thấp, tức Núi Sọ bây giờ. Ai lại nói về những đêm xưa. Những đêm những xuồng ghe từ mọi nơi đổ về hành hương dưới chân Núi Sọ. Bây giờ cảnh cũ không còn nữa. Tất cả là đất lạ, ngay trên nơi chôn nhau cắt rún của mình.

Đêm ấy, những người tù mừng Giáng Sinh bằng ấm nước nhãn lồng và hát cho nhau nghe những bài Giáng Sinh. Hải lấy cây đàn mà anh tự chế với ván thùng đạn và sợi dây điện truyền tin. Anh dạo lại bài *Ave Maria*, khiến con tim chúng tôi muốn nghẹt thở. Chúng tôi ngồi xít lại nhau vừa nghe vừa chuyền điếu thuốc lào trong khi đêm ngoài lán đen và dày xôn xao lời dạ trùng và lời ru của gió. Riêng tôi, cảm động quá chừng. Không có giáo đường và máng cỏ. Không có cây thông và tiệc nửa đêm. Những điều đó có ý nghĩa gì khi cả miền Nam rưng rưng nước mắt. Dù vết cứa của cú hành người trong cuộc nhưng đôi khi ta phải thương hại kẻ đã cứa ta. Đầu óc chỉ biết đến bùn, đến máu. Họ thức trong khi ta mệt ta ngủ. Họ canh trong khi ta mơ. Họ rình rập trong khi ta ung dung. Có phải vậy không, hay là tôi đã tạo ra một triết lý để an ủi. Không, tôi không an ủi. Chúng tôi không an ủi bằng nỗi bất lực. Hải vẫn đàn từ bản

này qua bản khác. Hùng vẫn ngâm những bài thơ hay dạo nào. Tự vẫn tha thiết bài hát. Lửa vẫn ấm từ những anh chàng chuẩn úy, thiếu úy, trung úy, những tú tài cử nhân cao học tiến sĩ bác sĩ kỹ sư từ Kinh Một về Nhà Chung về Tám Ngàn. Để rồi họ phải ào vào, lên cò súng, rọi đèn pin khắp láng. "Các anh giờ này còn tụ tập để hát nhạc phản động ấy hả?" Tội nghiệp cho họ. Họ chưa biết đời là gì. Họ sống như thể một con trâu ngoài đồng nội, bị xỏ mũi bởi những tay phù thủy. Họ đã không còn làm chủ lấy chính con người của họ nữa.

Từ đấy tôi có một người đến với giòng lênh đênh. Mỗi lần ra chợ Tròn để đào trùn về nuôi bầy vịt của đám quản giáo, tôi lại được cơ hội gặp người con gái. Nàng cùng đứa em trai chăn bầy vịt trên bờ hồ. Người lính canh gốc miền Nam thường bỏ một mình tôi cùng với những đống rác bẩn thỉu để la cà tán tỉnh các cô hàng nước trong chợ. Tôi mang thùng đựng trùn về bờ hồ. Mặt hồ phẳng và nước hồ xanh lơ. Nàng cầm chiếc gậy tre đuổi theo đám vịt, và mái tóc nàng xõa tung bay trước gió. Nắng làm má nàng đỏ hồng. Mắt nàng sáng lên khi gặp tôi. Rồi nàng ngồi xuống bờ hồ, quẹt mồ hôi trán. Tôi nhìn nàng, ước gì có phép lạ. Phải, tôi sẽ lau giùm những giọt đời bất hạnh gian khổ. Tôi sẽ che nắng lửa khỏi làm nám màu da trắng nuột của em. Nàng vẫn tinh nghịch như người con gái Sàigòn. "Anh ơi, anh nhìn kia kìa. Đám vịt con không dám xuống hồ cùng mẹ. Chúng sợ nước rồi." Nàng quả ngây thơ để lòng tôi phải nảy nở một niềm hạnh phúc thật tinh khiết. Tôi có lần hỏi nàng. "Cô bé, em không sợ anh là ngụy sao?" Nàng trả lời: "Em thấy các anh tội nghiệp quá. Tại sao người ta lại ác với các anh như vậy? Em nhìn các anh vác gạo, bè tràm, em lại nhớ đến người anh của em. Ảnh bị bắt ở Xuân Lộc. Bây giờ không biết bị tù ở đâu." Tù ở đâu? Ở đâu cũng là nhà tù. Và ai ai cũng chui vào cửa ngục. Cả em nữa. Bởi vậy chúng ta mới ở cùng một hàng ngũ. Tôi muốn nói với nàng như thế. Nhưng tôi phải từ biệt nàng. Chiếc thùng trùn này, với những con trùn hổ, trùn đất, trùn trâu. Chúng là căn phần của cặn bã, nhưng cũng có những kẻ cần chúng, như những thùng phân mà người dân miền Bắc đã giành giựt trong bao nhiêu năm.

Rồi một ngày người con gái chợ Tròn gặp tôi, giọng thì thào như thể có điều gì nghiêm trọng. "Anh hãy đến đầu đống rác dưới gốc cây xoài, có cái lon sữa bò." Rồi nàng vội bỏ đi, đuổi theo bầy vịt trên bờ hồ. Tôi xách thùng giả vờ lui cui đào bới. Người cảnh vệ nói đằng sau: "Anh khẩn trương lên. Rồi tôi cho anh nghỉ giải lao." Tôi nói cám ơn anh Tư. Sau đó tôi lại giả vờ đào bới. Người cảnh vệ đã bỏ đi về phía khu nhà chợ. Tôi mở nắp lon sữa bò, thấy tờ giấy cuộn trong lon. *"Anh Hai của em đã vượt ngục về đây. Mười hai giờ trưa nay có người đưa về chỗ trú. Đêm nay tàu sẽ vượt biển. Họ cần một người biết lái tàu. Em biết anh là sĩ quan hải quân*

thơ hoa
NGUYỄN PHAN THỊNH

1.Ước chi

Ôi ước chi tim hé nụ hường
Mỗi trái tim một đóa lạ thường
Ước chi trời đất bừng hoa nở
Và mỗi tâm hồn một nụ hương

2. Rộ một khi

Có một chút chi chẳng bình thường
Chút chi ngan ngát ở mùi hương
Chút chi ngòn ngọt nơi môi nụ
Và thế là chi nở đóa hường?

Mà đóa hường hay đoá tường vi?
Chẳng bình thường ở một chút chi
Hoa nở tim người thơm một đóa
Là cả thời - Không rộ một khi!

nên em đã giới thiệu. Đừng chần chờ nữa. Thương yêu anh. Em."

Bây giờ tôi đang ở tại đất người. Bao năm chờ đợi để rồi cuối cùng người anh của nàng một đêm gọi điện thoại về báo tin trong tiếng nấc. Chiếc tàu mang nàng đi đã bị tàu hải tặc ủi chìm sau khi chúng thi nhau hãm hiếp đàn bà con gái trên tàu. Mày có thương nàng thì lấy cái ngày tàu nó đi làm ngày giỗ, để nó còn yên ổn dưới lòng biển cả.

Không, nàng không thể trầm mình dưới lòng biển lạnh lẽo. Nàng đang ở một cõi khác. Không bao giờ còn có hận thù. Không bao giờ còn biết sợ hãi. Cõi đó thênh thang hoa và cỏ. Cõi đó đầy chim chóc. Cõi đó vượt cả thời gian và không gian để tâm hồn em mãi mãi bao dung, và mãi bình an ở cõi vô cùng. ❐

"Ruộng Gió"

Phùng Nguyễn

Lúc Điền đến nơi, trời vừa mới hửng sáng. Cánh cửa cao nghệu màu vàng nhạt làm bằng tôn uốn của cái *hangar* vẫn còn đóng kín. Anh đưa tay nhìn đồng hồ. Sáu giờ ba mươi lăm. "Lẽ ra David phải có mặt ở đây rồi," Điền nghĩ. Anh mở cửa xe bước xuống, nhìn quanh quất. Phi trường tỉnh lẻ vào buổi sáng sớm cuối đông trông thật hiu quạnh. Phía bên phải, một dãy máy bay tư nhân đậu san sát, lưng cánh đóng đầy sương giá. Hai phi đạo, một lớn một nhỏ, nằm im lìm như hai con rắn xám mai phục trong vuông cỏ úa vàng, chờ đợi những chuyến bay đầu tiên trong ngày. Vượt lên trên trạm hành khách là đài kiểm soát không lưu màu nâu đậm với ngọn đèn đỏ trên nóc chớp tắt một cách uể oải.

Cánh cửa *hangar* bỗng di động, bánh xe kim khí lăn trên khe trượt phát ra những tiếng ken két. Một anh chàng người Mỹ trạc ba mươi ngoài, cao lớn, tóc nâu, từ trong *hangar* bước ra. Hắn tiến lại phía Điền, đưa tay ra. "Chào ông buổi sáng. Tôi là David, tôi sẽ đi với ông hôm nay," hắn cất tiếng. "Chào anh, David. Gọi tôi Denny," Điền bắt tay hắn, trả lời. David quay lại, mở rộng cánh cửa cao lớn rồi ra dấu cho anh đem xe vào. Điền soát lại mớ giấy tờ bừa bộn trong chiếc cặp da, khóa cửa xe rồi hấp tấp bước ra cửa. David đang lúi húi kéo chiếc máy bay nhỏ một động cơ ra khỏi *hangar*. "Có cần tôi phụ một tay không?" Điền hỏi. "Không cần đâu," David trả lời.

Lúc này chiếc máy bay nhỏ năm chỗ ngồi đã vượt lên khỏi tầng mây thấp. Ánh nắng sớm trải lên biển mây bát ngát, phản chiếu những tia ngũ sắc vào chân trời xa phía trước. Gỡ chiếc ống liên hợp ra khỏi tai, David quay sang phía Điền. "Còn khoảng một tiếng đồng hồ nữa mình sẽ đến Las Vegas," hắn nói, "cũng may là mình bay thuận chiều gió." Điền rời mắt khỏi tờ *Information Week*, nhìn lên. Từ lúc máy bay cất cánh đến giờ, anh và David chưa trao đổi với nhau tiếng nào. Tối hôm qua,

anh rời sở làm rất trễ, sáng nay lại phải thức sớm trong cái lạnh giá của mùa đông. Anh ghét mùa đông, cũng may mà chỉ còn có vài tuần nữa. Bây giờ, anh ở trên chiếc máy bay mỏng mảnh với tên phi công lạ hoắc. Không để ý đến vẻ uể oải của anh, David nói tiếp sau một lúc im lặng.

— Anh biết không, chính tôi đã tu bổ chiếc máy bay này. Anh có để ý là màu sơn của nó trông hay hơn chiếc kia không?

Màu sơn? Anh chẳng để ý đến màu sơn của chiếc "210" này, và cả chiếc kia nữa! Trước đây hãng chỉ có một chiếc máy bay nhỏ dùng để đưa đón nhân viên đi công tác trong vòng năm trăm dặm đường bán kính. Gần đây, do nhịp độ đi lại bỗng gia tăng, có lẽ do sự lạm dụng của đám nhân viên quản trị hơn là nhu cầu thực sự của công việc, hãng quyết định tậu thêm một chiếc nữa. Điền có nghe nói hãng có mướn thêm một phi công mới tên David để chia sớt công việc với John, người phi công giàu kinh nghiệm vẫn thường đưa đón anh trong những chuyến công tác vội vã. Điền cười tủm tỉm trả lời người phi công trẻ anh mới gặp lần đầu:

— Đúng vậy. Trông nó "hay" hơn thật.

— Cả bộ máy của nó nữa, lúc mới kéo về không ai nghĩ nó có thể bay được.

— Kéo về?

— Hãng mua đấu giá chiếc này mà! Chủ cũ của nó gặp trục trặc khi đáp xuống phi trường John Wayne, cánh quạt và máy bị vỡ, cũng may ông ấy chỉ gẫy có ba cái xương sườn!

— Anh là phi công mà cũng biết chữa máy à?

— Tôi học "cơ phi" trước, rồi mới học lái sau này.

David nói tiếp, vẻ tự hào:

— Tính cho đến hôm nay, tôi đã có khoảng hai mươi giờ bay. Hai mươi giờ bay! Máy bay hỏng bán đấu giá! Thợ máy và phi công tập sự! Tự dưng Điền bỗng thấy tiếc mấy chiếc "bùa hộ mạng" đỏ loét có những hàng chữ Tàu nhăng nhít bà nội anh ép buộc anh phải đeo đi học lúc anh còn nhỏ xíu. "Tổ cha mày Bob," Điền lẩm bẩm chửi thầm, "hết chuyện rồi mày giao sinh mạng tao cho thằng này." Bob là thượng cấp của anh. Ngày hôm qua hắn gởi cho anh bức điện thư yêu cầu anh đi dự buổi họp với ban quản trị của ICS, một hãng nhỏ chuyên cung cấp cơ phận và nhu liệu cho hệ thống trả tiền bằng thẻ tín dụng ở các trạm xăng. "Tao phải đi Florida. Mày thế tao đi gặp thằng Larry. Báo cáo của mày sẽ đóng phần quyết định trong việc hãng có nên ký giao kèo với ICS hay không. Tom rất quan tâm về chuyện này." Anh biết Bob ... lạnh cẳng. Tom, chủ tịch hãng, có vẻ không tin tưởng mấy tên *salesmen* của ICS cho lắm. Bob kéo anh vào không ngoài mục đích dựa vào kiến thức kỹ thuật của anh để tìm cách đánh tháo những lời hứa hẹn của hắn với ICS.

Điền quay đầu ra phía cửa, nhìn xuống. Biển mây đã thưa đi một chút. Ở những khoảng trống hiếm hoi của tầng mây thấp, Điền đã có thể nhìn thấy những chỏm núi phủ đầy tuyết trắng bên dưới. Phía trên, nắng sớm rực rỡ và bầu trời xanh ngắt. Anh nghiêng đầu nhìn qua phía người phi công. David đang lúi húi ghi chép gì đó trong cuốn nhật ký phi hành. Lúc hắn đóng cuốn sổ lại, một mảnh giấy rơi ra, lọt xuống khoảng trống nhỏ hẹp giữa hai hàng ghế. Điền cúi xuống nhặt lên. Đó là bức ảnh của một cô gái trẻ. Tóc đen, mắt đen, lông mày cong vút, dáng dấp Nam Mỹ, Trung Mỹ gì đó.

— Ảnh vợ tôi đó. David lên tiếng.

— Cô ấy đẹp lắm.

David đưa tay nhận lại bức ảnh, ngắm nghía vài giây rồi trả lời với giọng trầm đục:

— Hồi ấy Adela xinh đẹp lắm.

— Hồi ấy?

— Cô ấy đã mất cách đây hơn ba năm trong một tai nạn máy bay.

— Ồ, tôi rất tiếc...

Điền ngập ngừng, không biết phải chấm dứt câu nói như thế nào.

Trung úy Biệt Động Quân David Walker dùng mũi súng vẹt dám cỏ voi cao nghệu tìm lối ra. Trước mặt anh là phi trường quân sự Tocumen ở vùng phụ cận Panama City. Trung đội do anh chỉ huy có nhiệm vụ lập một đầu cầu ở phần phi đạo tiếp giáp với sân bay quốc tế Omar Torrijos để bảo vệ cho chiến hữu của anh tiến chiếm các mục tiêu trọng yếu của cứ điểm này. Cơn mệt mỏi, ngầy ngật trong anh sau gần bảy tiếng đồng hồ "chèn cá hộp" trên chiếc C-130 cất cánh từ căn cứ Hunter, Savanah thuộc tiểu bang Georgia đã tan biến trong tiếng động cơ phành phạch của mấy chiếc trực thăng Ó Đen ném bọn anh xuống trận địa.

Trận đánh diễn ra nhanh và gọn, gần đúng như dự tính. Các đơn vị phòng thủ cứ điểm Tocumen trực thuộc PDF, Lực Lượng Quốc Phòng Panama, hoặc bị tiêu diệt, hoặc nhanh chóng đầu hàng. Trung đội của David Walker nhận được lịnh di chuyển về hướng phi trường dân sự Omar Torrijos. Nhiệm vụ: tiến chiếm và kiểm soát khu vực trạm hành khách vãng lai.Trước đó, các đơn vị Biệt Động Quân khác đã xâm nhập và tràn ngập các ổ kháng cự của lực lượng phòng thủ. Có khoảng hai trăm năm mươi thường dân run rẩy, khiếp đảm nằm ngồi la liệt trong trạm vãng lai. Phần đông là hành khách của hãng Eastern Airlines và thân nhân của những người này. Chuyến bay từ Rio De Janeiro, Ba Tây đến muộn chín mươi phút, khoảng nửa tiếng trước khi những chiếc trực thăng Ó Đen đổ những toán xung kích xuống vòng rào phi trường Tocumen.

Trung úy David Walker đưa mắt quan sát toàn khu trong khi thuộc hạ của

anh đang xét hỏi và trấn an những người dân thường xui xẻo bị kẹt giữa hai làn đạn. Có tiếng rúc nở vọng ra từ một góc xa của trạm hành khách. David ra hiệu cho một người lính gần đó đi theo anh. Cô gái trẻ người Panama đang ôm mặt khóc rúc nở bên xác một người đàn ông đứng tuổi. Hai tay đè chặt lên lổ thủng vẫn còn rỉ máu trên lồng ngực của xác chết, một thanh niên khuôn mặt lạnh tanh ngẩng đầu lên nhìn hai người lính ngoại quốc mặt mày vằn vện, võ trang tận răng đang bước đến gần. Đó là lần đầu tiên David gặp gỡ Adela. Người chết là cha của nàng, một nhân vật đối lập của chính quyền Noriega vừa trở về từ Rio De Janeiro trên chuyến bay định mệnh. Một nhóm người lạ mặt đã chặn ông lại, kéo ông vào góc vắng này, và dùng súng hạ sát ông trước sự kinh hoàng của hai người con và sự thờ ơ của những người lính Panama lúc bấy giờ vẫn còn làm chủ khu vực này. Roberto, con trai của người chết, bỗng lên tiếng, "Tôi biết ai giết cha tôi." Tiếng Anh của Roberto rất sõi, và lạnh tanh.

Có tiếng ồn ào, tiếng chân chạy rầm rập ở những lối vào của trạm hành khách, rồi tiếng quát tháo quen thuộc bằng Anh ngữ. Những người lính đầu tiên của sư đoàn 82 Nhảy Dù vừa đến từ không trung. Bấy giờ là hai giờ sáng ngày 20 tháng mười hai năm tám mươi chín, sáu mươi phút sau khi Chiến Dịch "Just Cause" chính thức bắt đầu. Nhiệm vụ tiên khởi của Chiến Đoàn 75 Biệt Động Quân, chiếm đóng và bảo vệ khu sân bay chiến lược để làm bàn đạp cho các đợt tấn công vào vào tổng hành dinh quân đội Panama, đã hoàn tất mỹ mãn.

Trong năm kế tiếp, David trở lại Panama hai lần. Sáu tháng sau lần gặp gỡ, David làm lễ thành hôn với Adela tại Panama City. Cũng trong dịp này, anh được Roberto cho biết đã trả được mối thù nhà. "Tên giết cha tôi đã đền tội," Roberto kéo anh ra nói nhỏ, giọng đã bớt âm hưởng lạnh lùng. David không biết được thêm chi tiết nào khác. Adela có vẻ bứt rứt mỗi khi David tò mò hỏi nàng về cuộc "vendetta." "Chuyện của người Panama anh đừng nên can dự vào," nàng luôn luôn trả lời như vậy. Sáu tháng kế tiếp của đôi vợ chồng mới cưới là một chuỗi dài hạnh phúc. Họ đưa nhau đi Las Vegas để hưởng tuần trăng mật, quay về thành phố nhỏ Tehachapi ở miền Trung tiểu bang California, nơi gia đình của David có một nông trại nhỏ. Buổi chiều, hai người thường kéo nhau ra khu vườn sau nhà, sóng đôi đứng nhìn lên "Ruộng Gió," nơi có những cánh quạt kim khí màu trắng xám quay tít. Trở về Fort Benning, Georgia, David lại lăn xả ngay vào với công việc huấn luyện đám tân binh của chiến đoàn 75 Biệt Động Quân. Anh dự định xin giải ngũ vào đầu năm tới. Đời sống quân ngũ nay đây mai đó có lẽ không thích hợp với những kẻ yêu nhau đến độ không muốn rời xa nhau dù chỉ một phút.

Nhưng rồi họ cũng xa nhau, mãi mãi. Adela qua đời trong một tai nạn máy bay trên đường về thăm quê hương vào dịp đầu năm Dương lịch 1991. Trung úy David Walker trở lại Panama City lần thứ ba như một tên chiến

bại.Một lần nữa, định mệnh tàn khốc đã thắng. David rời quân đội không lâu sau đó với cấp bậc Đại úy. Anh trở về với phố núi Tehachapi, với căn nông trại nhỏ, ở đó mỗi chiều anh vẫn thường ra sau vườn ngắm ngọn đồi gió, nơi có những cánh quạt màu trắng xám quay mãi quay hoài. Trong túi anh lúc nào cũng có một bức ảnh nhỏ bọc nhựa cẩn thận. Thỉnh thoảng anh lại lấy bức ảnh ra ngắm, như vậy đã mấy năm trời...

Điền cũng đã có dịp nhìn thấy *wind farms*, những "ruộng gió" như người bản xứ thường gọi—thật ra là những ngọn đồi cao với hàng ngàn cánh quạt gió dùng để phát điện—mỗi khi anh đi ngang qua thị trấn sa mạc Mojave hay Tehachapi. Những cánh quạt kim khí quay tít như chiếc chong chóng máy bay mà David đang lái. Phải chăng điều này có liên quan đến quyết định trở thành phi công của hắn? Hay cái tai nạn hàng không thảm khốc đã cướp đi người vợ yêu dấu? Hay cả hai? Điền đặt tay mình lên vai viên cựu Đại úy Biệt Động Quân, nói nhỏ:

— David, cám ơn anh đã chia sẻ cái kinh nghiệm buồn thảm của anh với tôi. Tôi cũng không muốn nói với anh những lời an ủi sáo mòn. Anh có thừa nghị lực để vượt qua giai đoạn khó khăn trong đời anh, và tôi nghĩ anh đã chứng minh được điều đó.

Điền cảm thấy xấu hổ. Những điều anh vừa nói cũng chỉ là những sáo ngữ rỗng tuếch. David nhìn anh, vẻ bối rối hơn là cảm động. Hắn nói:

— Lẽ ra tôi không nên để nàng một mình, dù chỉ một giây, một phút.

Đôi chân mày hắn cau lại, vẻ đau đớn lộ rõ trên khuôn mặt điển trai. Điền lúng túng quay đi, chúi đầu vào tờ tạp chí một cách vờ vĩnh. Anh vẫn có cái cảm giác khó chịu khi phải nhìn sự đau khổ của người khác. Máy bay hạ dần độ cao, lướt trên những tảng mây trắng rồi cuối cùng lọt thỏm vào biển mây dầy đặc. Trước mặt và chung quanh Điền hiện giờ chỉ là một tấm màn khói trắng xám. Chiếc máy bay mỏng mảnh vẫn còn ở trong khu vực núi non trùng điệp của rặng Sierra Nevada. Khuôn mặt David lộ vẻ căng thẳng, mắt dán vào cái hộp nhỏ có đề hàng chữ *Global Positioning System*, hệ thống định vị toàn cầu. "Cần chi tới toàn cầu, chỉ cần cái hộp nhỏ xấu xí này có khả năng báo hiệu cho David cái mỏm núi đầy tuyết nằm đâu đó trước mũi của hắn là tốt lắm rồi," Điền nghĩ thầm.

Cuối cùng rồi chiếc máy bay cũng ra khỏi biển mây dầy đặc. Las Vegas hiện ra ở phía dưới, thật gần. Những tòa cao ốc đồ sộ, những khách sạn-sòng bài nổi tiếng thế giới, nằm phơi mình hai bên con đường

huyết mạch của cái thành phố đổ bác này. Chiếc máy bay nghiêng cánh, đánh nửa vòng tròn, rồi hướng thẳng đến cái phi đạo nhỏ loang loáng nước từ lớp tuyết đang tan. Điền cảm thấy có điều gì không ổn. Phi cơ đã vượt quá một phần ba phi đạo mà vẫn chưa chạm đất. Cuối cùng rồi hai bánh sau cũng chạm vào đường băng trơn trợt. Chiếc máy bay nẩy tung lên, lảo đảo, rơi xuống, rồi lại nẩy tung lên. Lúc này máy bay đã vượt quá hai phần ba chiếc phi đạo ngắn mà tốc độ vẫn còn khá cao. Cuối cùng cả ba bánh xe đã chịu bám vào mặt phi đạo ẩm ướt. Chỉ còn khoảng ba mươi mét là đến cái ngã rẽ cuối cùng trước khi phi đạo chấm dứt. David hét lên: "Coi chừng," rồi quặt tay lái qua phía bên phải. Chiếc máy bay nghiêng hẳn qua một bên, cánh bên trái gần chạm đất. Điền bíu chặt hai tay vào quai nắm cửa, chiếc nịt bụng siết chặt vào hông anh đau thắt. Chiếc máy bay lấy lại quân bình, chạy thêm một quãng, rồi ngừng lại, cánh quạt chong chóng vẫn quay vù vù.

David thở ra một hơi dài, nhìn Điền với vẻ nửa như bối rối, nửa như xin lỗi. Hắn hỏi anh nhẹ nhàng,

— Anh có sao không?

Cố giữ vẻ bình thản, Điền trả lời:

— Tôi không sao. ít nhất chúng ta cũng đã an toàn ở trên mặt đất.

Anh chàng nhân viên hàng không trẻ tuổi từ trên chiếc xe đón khách màu trắng có sơn hàng chữ to tướng *Follow Me* bước xuống, tiến đến gần hai người.

— *Rough day, heh?*

Hắn lên tiếng, miệng nở nụ cười tinh quái. Bắt gặp ánh mắt nghiêm khắc của Điền, hắn dừng ngay vẻ cười cợt, quay lại mở rộng cánh cửa xe bên hông. Điền quay lại hỏi David:

— Anh có cùng đi với tôi không?

—Chắc không được rồi. David nhăn nhó.

Hắn tiếp:

— Tôi phải ở lại để kiểm tra con chim nhỏ này xem nó có bị hư hại gì không. Người của ICS chờ sẵn ở trạm vãng lai, họ sẽ đưa anh đến chỗ hẹn.

— Vậy mình sẽ gặp lại ở đây vào lúc hai giờ chiều.

Mười phút sau, Điền đã có mặt trên con đường dẫn ra ngoại ô thành phố Las Vegas. Anh thích thú khám phá ra một Las Vegas mới lạ. Không đèn màu rực rỡ. Không náo nhiệt ồn ào. Không có tiếng leng keng của những đồng mười xu, hai mươi lăm xu rơi trên hộp kim khí ở những dãy máy kéo tay. Chỉ có những căn nhà với mái ngói đỏ thấp thoáng sau dãy cây xanh trồng ven đường. Bên phải, bên trái, và trước mặt anh là rặng

Sierra Nevada màu xanh xám bao vây cái thành phố sa mạc nổi tiếng này. Chiếc xe rẽ vào con đường nhỏ mang hàng chữ *Industrial Parkway* rồi dừng lại trước cửa một tòa nhà màu trắng. Điền liếc nhìn đồng hồ tay. Chín giờ kém năm. "Không tệ lắm. Mình đến sớm những năm phút," anh nghĩ thầm. Cô thư ký tóc vàng đàng sau chiếc bàn giấy hình chữ U ngước lên nhìn anh tươi cười:

— Ông Gai-ình?

— Nguyễn – Điền cải chính.

Cô gái quay lại nói vào cái *intercom*:

— Ông Andersen, ông Nu-ình đã đến.

Điền nhìn thấy Larry Andersen, chủ hãng ICS, đang hấp tấp đi ra, miệng cười toe toét.

— *Hello, Denny. How's your flight?*

— *Wonderful, Larry. Wonderful!*

Điền trả lời.

Chiếc máy bay nhỏ cất cánh nhẹ nhàng. Chỉ trong vài phút, phi trường Las Vegas đã bị bỏ lại đàng sau. "Con chim nhỏ không bị tổn thất nào đáng kể," David cho anh biết. Tầng mây dầy đặc buổi sáng bây giờ đã kéo lên cao, phân tán thành những mảng trắng mỏng chói chang dưới bầu trời xanh lơ vùng sa mạc. Những mỏm núi cao của rặng Sierra Nevada phủ đầy tuyết trắng, lấp lánh phản chiếu ánh nắng chiều. David gỡ ống nghe ra khỏi tai, quay lại hỏi anh,

— Công việc ở ICS êm xuôi cả chứ?

Điền gật đầu thay câu trả lời, nghĩ đến cái *pony tail* và chiếc cà vạt diêm dúa của viên trưởng toán thảo chương điện toán của ICS. Anh nói thầm, "Thêm bộ tóc duôi ngựa của hắn là mình có ngay một hệ thống hoàn hảo."

David lại móc túi lấy bức ảnh của Adela ra ngắm nghía. Khuôn mặt anh cau lại, ra vẻ suy tư. Điền thấy bất nhẫn, gợi chuyện:

— Này David, tha lỗi cho tôi nếu anh cảm thấy tôi tò mò thái quá. Việc anh trở thành phi công có liên quan gì đến cái tai nạn hàng không thảm khốc đã làm thiệt mạng vợ anh không?

Một phút im lặng nặng nề sau câu hỏi, rồi David lên tiếng:

— Thật ra thì có. Nhưng đó không phải là một tai nạn thông thường. Tôi nghĩ có điều gì mờ ám trong đó.

— ???

Mùa Giáng Sinh 1990. Cho đến giây phút đó, Adela là một người hoàn

toàn hạnh phúc. Buổi dạ tiệc truyền thống của chiến đoàn 75 Biệt Động Quân đã bắt đầu vào lúc bảy giờ tối. Đã lâu lắm rồi Adela chưa từng hưởng những giây phút tưng bừng như vậy. Nàng đã khiêu vũ gần như không ngừng với David và những người bạn lính tráng dễ thương của anh. Con chim nhỏ Trung Mỹ trong chiếc áo dạ hội màu trắng đã là trung tâm chú ý của khách dự tiệc, những tiếng vỗ tay nồng nhiệt tán thưởng nổi lên khi Adela bước những bước nhảy tân kỳ.

Nghiêng mình chào người bạn khiêu vũ, vị sĩ quan chỉ huy của chồng mình, Adela nhìn quanh tìm kiếm David. Trước đó anh bảo nàng tiếp tục vui chơi, anh muốn ra ngoài một chốc. Hai người đã dự định cáo lui vào lúc nửa đêm. Họ nôn nóng muốn nhìn thấy món quà của người bạn tình dành cho mình. Chiếc đồng hồ mạ đồng sáng loáng dựng ở một góc phòng thong thả buông ra những tiếng chuông trầm ấm. Mười hai giờ đêm. Adela lần ra phía dãy cửa sổ bằng kiếng trong suốt, ở đó nàng có thể nhìn thấy khu hành lang. Nàng nhìn thấy David. Nàng cũng nhìn thấy người đàn bà tóc bạch kim với chiếc áo dạ hội hở hang phô ra cả phần lưng trắng nhễ nhại. Nàng thấy họ đang hôn nhau, say đắm. Ly rượu chát trong tay nàng rơi xuống thảm, rượu đổ tung tóe. Adela bật hết lên như con cọp nhỏ bị thương, quay đầu lại, đâm sầm chạy ra phía cửa lớn. Có tiếng người lao xao phía sau, nhưng nàng đã không còn nghe thấy gì nữa.

— Đó là Nancy, người tình cũ của tôi. Chúng tôi biết nhau từ lúc còn học Trung học.

— *Highschool sweetheart*?

— Vâng. Chúng tôi sống với nhau một thời gian. Sau đó, nàng gặp một người trong giới kinh doanh ở Fort Benning khi theo tôi đến đây. Điền gật gù:

— Tôi hiểu.

Anh hỏi tiếp:

— Chuyện gì đã xảy ra hôm đó?

— Tôi uống khá nhiều rượu, và Nancy thì cố tình muốn chứng tỏ với mọi người là tôi còn nghĩ đến nàng. Tôi sa vào bẫy một cách ngu xuẩn...

— Thế sau đó anh có giải thích cho Adela mọi việc không?

— Có, nhưng không đi đến đâu. Nàng không cho tôi cơ hội nào hết!

Adela khóc suốt muốt suốt cuộc hành trình. "Mình sẽ chẳng bao giờ muốn gặp lại anh ấy nữa," nàng nghĩ. Bị ngập lụt bởi những câu hỏi cuống quít của mẹ nàng lúc vừa đặt chân vào nhà, Adela chỉ nói vắn tắt, "Anh ấy đã có người

khác. Đừng trả lời điện thoại của anh ấy." Nàng lên phòng đóng cửa lại, nằm vùi trên chiếc giường nhỏ. Thỉnh thoảng có tiếng gõ cửa khe khẽ, tiếng người xì xầm, rồi tiếng chân xa dần. Chỉ còn lại Adela và nỗi cô đơn không rời. Cuối cùng, Adela thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn đầy mộng mị, những tiếng nấc nhỏ uất ức thỉnh thoảng vọng lên trong căn phòng cô tịch.

Buổi chiều ở phi trường Omar Torrijos. Adela biết tại sao mình có mặt ở đây. Nàng đi loanh quanh trong trạm vãng lai, cuối cùng dừng lại ở cái góc vắng gần khu nhà vệ sinh. Chính ở nơi này nàng đã gặp David lần đầu. Người lính ngoại quốc súng đạn đầy mình và khuôn mặt vẫn vện chất mực hóa trang đã cúi xuống trên thi hài dẫm máu của cha nàng, đã dịu dàng vỗ về nàng bằng thứ tiếng nói đầy âm sắc. Chính ở đây đã bắt đầu một chuyện tình rất nên thơ, một cuộc hôn nhân rất hạnh phúc, như đóa hoa quỳnh đã nở ra trên nấm mộ hoang tàn của chiến tranh. Có tiếng chân người bước đến gần, rồi có ai đó gọi khẽ tên nàng. Nàng quay lại. Juan đứng đó, miệng treo lơ lững nụ cười buồn thảm. Nàng nghe mình kêu lên thảng thốt, "Juan! Tại sao lại là Juan?"

Juan có một vị trí đặc biệt trong lòng Adela. Anh đã từng là bạn thân của Roberto, cũng như cha anh đã từng là bạn thân của cha Roberto và Adela. Ai cũng biết Juan đã yêu Adela từ lúc nàng còn là một cô nữ sinh Trung học. Có một dạo hai người đã là đôi tình nhân khắng khít. Cho đến mấy năm gần đây... Mối liên hệ thân thiết giữa hai gia đình bỗng thay đổi một cách đáng ngại kể từ khi cha của Juan trở thành một nhân vật trọng yếu và nguy hiểm của chế độ quân phiệt Noriega –ông cầm đầu lực lượng mật vụ của chính phủ. Bất đồng chính kiến ngày càng sâu đậm giữa hai người bạn cho đến một lúc nào đó đã trở nên không còn hóa giải được nữa. Lo ngại cho tính mạng của ông, gia đình Adela dùng mọi thủ đoạn tình cảm để bắt cha nàng đi lánh mặt ở Rio De Janeiro, Ba Tây, cho đến khi "tình hình trở nên sáng sủa hơn."

Nạn nhân trực tiếp của mối bất hòa giữa hai gia đình tất nhiên phải kể đến Juan và Adela. Họ không còn được phép gặp nhau nữa. Juan bỏ học, trở thành phi công của Không Lực Panama. Roberto trở thành thành viên của nhóm sinh viên chống chế độ, và Adela trở thành một người đau khổ, lúc nào cũng bị giằng xé bởi những tình cảm phức tạp, rối rắm bởi cái quan hệ oái oăm giữa nàng và Juan. Sự sụp đổ của chế độ Noriega không làm cho tình hình khá hơn. Hai người bạn-thân-trở-thành-thù-nghịch đều bị sát hại cách nhau trong vòng vài tháng. Roberto và nhóm bạn của anh đã hạ sát cha của Juan, người mà Roberto quả quyết là đã cho thủ hạ ám sát cha anh tại trạm vãng lai của phi trường Omar Torrijos ngay trước cuộc tấn công của quân đội Mỹ vào thành trì của chế

độ Noriega. Adela không biết gì về tung tích của Juan trong một thời gian dài. Khi nàng thành hôn với David, lẫn lộn trong số thiệp mừng sặc sỡ nhận được, có một phong bì màu trắng lẻ loi mà phần người gởi chỉ có vỏn vẹn một chữ "J" quen thuộc. "Chúc em hạnh phúc." Chỉ có vậy thôi. Vậy mà bây giờ nàng đang đối diện với Juan vào lúc nàng không ngờ nhất.

Chiếc Cessna vòng trở lại không phận phi trường. Trước đó Adela đã nhận lời của Juan đi "tham quan" Panama City trên chiếc máy bay hai chỗ ngồi anh mướn. Hai người có dịp nhìn thấy ngôi nhà của họ từ trên cao. "Mọi việc xảy ra đều vượt quá sự hiểu biết của anh," Juan buồn rầu nói. "Bỗng dưng chúng ta mất hết mọi thứ chỉ trong một thời gian ngắn ngủi. Tất cả chỉ vì sự đổi thay của thời cuộc và lòng người. Có lúc anh muốn tìm giết Roberto, nhưng rồi thôi. Bởi vì rồi ai sẽ giết anh để trả thù? Em chăng?" "Em không biết, mà em cũng không muốn nhắc đến những sự kiện bi thảm đó nữa," Adela đau đớn trả lời. Nàng cảm thấy hoang mang, tự hỏi tại sao mình lại nhận lời cùng đi với Juan. Lúc này chiếc máy bay nhỏ đã gần đến phi trường, Adela trông thấy bóng chiếc máy bay lướt trên đám cỏ vơi cao quá đầu người ở phía Tây phi trường. Nàng nhớ có lần David kể lại anh đã nhảy xuống đám cỏ này từ chiếc trực thăng "Ó Đen" vào một đêm bi thảm.

Trung úy David Walker hấp tấp bước đến chiếc taxi *trống. Sáu tiếng đồng hồ bay từ Fort Benning đến Panama City dài như sáu thế kỷ. Lúc khám phá ra Adela đã bỏ đi, David hoảng hốt gọi điện thoại cho cấp chỉ huy trực tiếp của anh để xin ông cho phép anh đi tìm nàng. Viên tiểu đoàn trưởng bảo anh, "Anh có ba ngày phép. Qua bên đó, mang nàng về an toàn." Ông nói tiếp, giọng nghiêm nghị: "Đó là mệnh lệnh." Nhìn hai gói quà giáng sinh nằm lăn lóc dưới gốc cây thông nhỏ trang hoàng diêm dúa, David nghĩ thầm: "Có lẽ mình và Adela sẽ mở quà vào đêm giao thừa tại Panama City."*

Nhìn đám xe chữa lửa, xe cứu thương của phi trường chạy qua hú còi inh ỏi, David hỏi người tài xế, "Có chuyện gì vậy?" "Vừa rồi có một chiếc máy bay nhỏ bị rớt ngoài bãi cỏ voi cạnh phi trường," người tài xế trả lời bằng thứ tiếng Anh ngọng nghịu. Trên đường ra khỏi phi trường, ông ta tò mò quan sát trong kiếng chiếu hậu ông khách Hoa Kỳ đang săm soi hai gói quà gói ghém cẩn thận bằng loại giấy có in hình những cây thông xanh xinh xắn và những sợi dây đỏ rực rỡ. Lúc đó David không biết là nạn nhân gồm có Adela và một người đàn ông tên Juan. Anh cũng không biết là trước khi chiếc Cessna nổ tung trên mặt đất, đám nhân viên ở đài kiểm soát không lưu ở phi trường Omar Torrijos đã thâu băng được lời kêu cứu thống thiết của Adela. "Trời ơi! Dừng Juan! Anh

không có quyền... David! David, cứu em..." Mãi về sau David mới biết được điều này qua lời tường thuật của báo chí địa phương. Còn phần Juan, không ai biết được hắn đã nghĩ gì khi cho chiếc máy bay nhỏ đâm xuống bãi cỏ voi cạnh phi trường với một độ dốc khủng khiếp.

— Nếu không vì chuyện xảy ra ở đêm dạ vũ trước đó, Adela đã không trở thành nạn nhân của vụ tự-sát-giết-người này.

David chấm dứt câu chuyện với lời than nhỏ. Điền cảm thấy miệng lưỡi mình trở nên thừa thãi. Quả thật anh không biết phải nói gì. Hai người im lặng một lúc khá lâu, mắt nhìn chăm chú về phía trước như đang theo dõi một vật gì ở cuối chân mây. Bỗng dưng David phá vỡ sự im lặng ngột ngạt:

— Anh có muốn ghé thăm "ruộng gió" một chút không?

— Tại sao không? Mình còn thì giờ mà!

Máy bay nghiêng cánh về phía bên trái, rồi hạ dần cao độ. Những ngọn đồi cao nằm dọc xa lộ 58 hiện rõ dưới mắt hai người. Trên đỉnh đồi mọc lên vô số những cột kim khí màu trắng xám với những cánh quạt cùng màu đang quay đều đặn trong gió chiều.

David đột ngột cất tiếng:

— Quà Giáng sinh của Adela cho tôi đấy.

Điền hơi ngỡ ngàng một chút, rồi hiểu ra:

— Nàng tặng anh mô hình của cái "ruộng gió" này hả?

— Đúng vậy. *Để làm chứng cho mối tình của đôi ta*, nàng viết trong tấm thiệp.

David cho máy bay quay về hướng nam, trở lại phi trình đã định. Hắn đưa con chim nhỏ xuống mặt phi đạo nhẹ nhàng, đúng sách vở như một phi công lành nghề. Không bao lâu, chiếc máy bay đã trở về lại chỗ đậu của mình trong cái *hangar*. Điền bắt tay David thật chặt, cám ơn hắn về chuyến du hành. David có vẻ không hào hứng cho lắm. Hắn nói:

— Chuyến đi sáng nay thật tệ quá. Tôi đoán những lần sau có lẽ ông thích đi với John hơn.

Điền nghĩ hắn nói có lý. Lần đáp xuống buổi sáng nay đã cho anh một ấn tượng không hay về kinh nghiệm non nớt của hắn. Anh lúng túng, ậm ừ những tiếng vô nghĩa để trả lời, quay lại chui vào xe lái ra khỏi *hangar*. Chiếc xe vượt qua chỗ David đang đứng một quãng bỗng dừng lại rồi lùi ngược về cạnh hắn. Điền hạ kiếng xe, nói với David, lúc này đang nhìn anh với vẻ dò hỏi:

— Thứ Năm tuần tới tôi có việc phải đi San Francisco, nếu anh không

còn không...
TRIỀU HOA ĐẠI

Trăng đêm
cúi
mặt
xuống đò
giọng khoan, giọng nhặt
so đo
khoang thuyền
chút duyên, ngủ đậu nơi em
gió lay bóng nước
chim
biền biệt
kêu
dỗ dành
thôi nhé thương yêu
còn không
tình đã
trăm
chiều
quẩn quanh.

bận gì thì mình cùng đi. Lúc về mình ghé thăm "ruộng gió" một lần nữa, anh nghĩ sao?

Khuôn mặt David sáng lên với nụ cười rạng rỡ. Hắn chụm chân lại, đưa tay chào anh theo kiểu nhà binh:

— *No problem, sir!*

Điền đưa tay chào trả, nhấn ga cho xe vọt đi. Những viên đá nhỏ trên con đường tráng nhựa cũ mèm dẫn ra khỏi phi trường kêu xôn xao dưới bánh xe lăn nhanh. ❐

Thơ tình

CỎ ĐỒNG

1.

Tôi làm bài thơ bất diệt
Gửi những thiếu nữ của thời gian vĩnh cửu
Những môi hồng má thơm vô vàn trinh nữ
Muôn đời sau lộng lẫy cả trần gian

Trời vẫn mọc tiếng chim rừng vang dậy
Kia trần gian, đôi lứa vẫn yêu nhau
Chỉ riêng ta nằm dưới đáy huyệt sâu
Xương rã mục dã từ ngàn năm trước

Hỡi thiếu nữ của thời-gian-không-sau-trước
Có biết ta yêu dấu đến vô cùng!
Ta muốn sống trong tầng tầng khí quyển
Và thành dòng máu thắm của tim em
Nuôi em lớn rạng ngời ngời da thịt
Dâng lên đời mật ngọt cõi nguôi quên

Vĩnh hằng là nơi ta muốn đến
Để cùng em tồn tại đến vô biên.

2.

Một đôi mắt đẹp sâu đêm thăm thẳm
Một vầng trán mịn lộ ra trí tuệ
Một đôi môi hồng tràn trề mật ngọt
Một vùng ngực căng tươm ra sinh lực

Mái tóc mượt dài ôm ấp bờ vai
Bờ vai tròn lẳng tràn xuống đôi tay
Cánh tay lông măng mịn màn làn nhung
Đôi tay rắng trong ngón thon ngó sen

Một tòa thiên nhiên căng nút xôn xao
Máu đào da thịt ngọt ngào thiên tiên
Sen đóa mãn khai đúng trong vô thường
Em là Vệ nữ bước ra từ hương.

3.

Chào bình minh mới chớm
Chào lộc biếc mới sinh
Chào nụ hoa mới nhú
Chào suối mới vỡ nguồn

Bình minh cho nắng ấm
Lộc biếc cho lá xanh
Nụ hoa cho sắc thắm
Suối mát gội hồn anh

Ôi em là bình minh
Là lá xanh trên cành
Lượn lờ tựa bướm non
Hồn anh im chết sững.

Mấy truyện thật ngắn

Nguyễn Trung Hối

Năm Tháng Dài

Khu vườn nghiêng xuống bãi sông. Con sông rộng. Nước chảy lặng lờ quanh năm. Và khu rừng bên kia sông hình như không hề chịu ảnh hưởng chút nào cái thời tiết khắc nghiệt của xứ này, vẫn xum xuê lá cành xanh tươi.

Đất vườn nhà này rộng, lại là đất bãi sông, nên cụ Tú trồng được cả rau đay, cà pháo, mồng tơi. Điều đặc biệt nhất, cái điều đã khiến cho không biết bao nhiêu khách tha hương phải rơm rớm nước mắt thương nhớ, là khi họ sửng sốt, rồi mải mê nhìn ngắm cái giàn bầu nậm của cụ Tú. Những trái bầu trong như ngọc bích lủng lẳng trên cao. Trong một khoảnh khắc nào đó, đố ai dám nghĩ rằng ngôi vườn mang phong phú phong vị thôn quê Việt Nam này, lại đang tọa lạc tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn của cái xứ Hoa Kỳ văn minh tận đầu ngón chân?

"Thưa cụ, có phải muốn cho trái bầu nó eo như ý mình, mình phải dùng vải điều cột thắt nó lại?" Hình như có một người nào đó lên tiếng hỏi.

"Làm gì có chuyện ấy? Đấy là cái ông nhà văn Nguyễn Tuân bày vẽ cho thi vị ấy mà!" Cụ Tú cười khẩy, nói. Cụ đang đứng trên chiếc ghế gỗ, loại ghế bốn chân cao, có tựa lưng, thường thấy trong các thư viện hơn là dưới một giàn bầu. Một thằng bé trai đứng bên cạnh giữ ghế cho cụ khỏi ngã. "Bây giờ thì cái gì người ta cũng chế bằng laser và computer hết. Kể cả cái hạt giống bầu nậm này. Cũng may là giống bầu này chỉ có một mầu ngọc bích truyền thống của quê hương mình. Cái mầu nó làm tăng thêm cái hương vị thích thú cho quý vị. Chứ gặp phải giống bầu trái nó đủ mầu xanh, đỏ, trắng, vàng... thì uổng công lắm!" Vừa nói, cụ Tú vừa giơ hai bàn tay khẳng khiu lên, cố tách cho hai trái bầu không chạm vào

nhau. Và cười thành tiếng, như tự thưởng cho câu nói có ý nghĩa của mình. Mắt cụ hấp háy trong ánh nắng chiều cuối thu, long lanh sáng và chòm râu bạc phất phơ bay trong gió trong suốt như thủy tinh. Thời gian như ngừng lại. Ở đây. Và ngoài kia. Ngay cả trên con sông có một chiếc thuyền máy đang chạy, cũng bất động. Chỉ có một dải nước bạc kéo thành vệt sáng dài, phía sau.

Và bên cạnh các cọc, giàn bầu là dậu mồng tơi. Những đọt mồng tơi vươn lên chi chít, cứng cáp và bụ bẩm. Từng chuỗi hạt xanh tươi và to lớn lạ lùng. Trông gần, tưởng như là những trái chùm ruột...

"Thôi, trời đã chiều nên chớm lạnh. Mời quý vị vào nhà uống một chén trà. Có trà lá nụ cô cháu dâu vừa gửi biếu, nước xanh mà đậm đà lắm. Vừa thưởng thức trà, ta vừa ôn chuyện quê hương."

Cụ Tú cúi khom người, nói nhỏ vào tai thằng bé trai. Thằng bé lẳng lặng nghe, rồi lẳng lặng chạy vào nhà trước mọi người. Chú tiểu đồng của cụ Tú—tự nhiên người ta muốn gọi như thế—là một chú tiểu đồng của thời đại mới: jacket dắt tiền, quần jean nhung và đôi giày thể thao xinh xắn Nike Air kiểu mới nhất.

Ngôi nhà xây dựng theo kiểu biệt thự hai tầng sơn trắng. Thoạt trông giống như Tòa Bạch ốc nhỏ, quanh năm duyên dáng soi bóng mình xuống dòng Anacostia trong xanh.

Chủ và khách phân ngôi ngồi trên ba chiếc sofa rộng của một phòng khách thật lớn. Cây kiểng tràn đầy chung quanh khiến cho ai cũng có cảm giác đang ngồi trong vườn cây ngoài trời. Chú bé dễ thương mang vào chiếc bình nhựa trong của cái máy pha cà phê điện, châm nước sôi vào chiếc ấm đất đen đặt trên một cái giá gỗ chạm trổ công phu. Cụ Tú chậm rãi cho trà vào ấm.

Khách nhìn bức chữ lồng kính, khổ 36" x 24", khung vàng.

Bài "Tứ quy" của Vương Bột được viết bằng lối chữ thảo bay bướm và phóng khoáng. Phần lạc khoản, chữ nhỏ hơn, được điểm bằng một dấu triện son đỏ chói.

"Chữ đẹp thật! Thưa cụ..."

"Đẹp thật đấy chứ lị!"

Khách ngạc nhiên thật sự. Hình như chủ nhân không quen khách sáo?

"Nhưng cũng là *software* nó viết cả đấy, quý vị ạ!"

"...?"

"Vâng. Chân, Thảo, Triện, Lệ đủ cả. Xin lỗi, chưa có Triện. Chưa có... Nhưng đặc biệt là có chữ nghiêng. Các cụ ta ngày xưa có ai viết chữ Nho mà viết chữ nghiêng bao giờ chưa, phải không ạ? Bây giờ *computer* nó làm được hết. Và tiện lắm. Chép thơ Đường, cứ một câu chữ Nho,

mình dịch âm ngay một câu tiếng Việt, tiện lắm."

"Thưa, cụ có dịch bài "Tư quy" này không ạ?"

"Vâng, có. Và nhiều bài nữa. Nhưng tôi không bằng lòng bài nào." Nói xong, cụ Tú chậm rãi bước vào thư phòng, rồi sau đó khệ nệ mang ra một chồng kẹp giấy. Khách phỏng chừng phải nhiều hơn một nghìn tờ. Cụ Tú đặt tập giấy xuống bàn, lật tìm bài thơ muốn tìm. Khách thoáng nhìn thấy những trang chi chít chữ Hán chen với chữ Việt, tất cả đều in bằng *laser*.

"Không thưa thì quý vị cũng đã hiểu tâm trạng của chủ nhân rồi. Đây cũng là tâm trạng chung của những người tha hương chúng ta. Ai cũng đang nghĩ đến một ngày về. Tôi xin đọc bản dịch, rồi xin quý vị nhuận sắc cho." Và cụ Tú đọc, tự nhiên không cần phải hắng giọng. Tiếng bình thường, nhưng nghe như có vị nước mắt:

"...Nghĩ muốn về quê, vạn dặm trường!
Huống nữa, gió chiều lồng lộng thổi,
Lá vàng núi núi cánh bay vương."

Theo Ngọn Mây Tần

Ngày nghỉ cuối tuần nào Trường cũng cố gắng lái xe lên Saratoga, đến ngồi tại tiệm cà phê Mỹ quen thuộc ấy.

Không phải cà phê ở tiệm ấy ngon. Cà phê Mỹ mà, ai cũng đã biết! Cũng không phải ở đó có không khí thân mật, ấm cúng, cần thiết cho khách tha hương như Trường đang mong một chút hơi hướm của cộng đồng. Là vì ở đó ít khi thấy có người Việt thứ hai.

Trường mê tiệm cà phê Mỹ này, vì ngồi ở đấy, Trường có thể ngắm được ngọn núi Saratoga mà Trường nhìn thấy phảng phất giống ngọn núi Truồi ở quê mình.

"Núi Truồi ai đắp nên cao..."

Câu ca dao đã trở thành câu hát ru con từ thuở nằm nôi Trường đã nghe và thuộc lòng. Bây giờ, hơn bao giờ hết, câu hát ấy đã gợi lên bao nỗi bức xúc trong lòng Trường.

Vừa đúng hai mươi năm Trường xa quê hương. Hai mươi năm. Một quãng thời gian không phải là ngắn, đã trôi qua một cách nhanh chóng thật bất ngờ. Nhiều lúc cố gắng hồi tưởng lại những năm tháng ấy mình đã sống ra sao. Và Trường ngạc nhiên khi thấy không có một ấn tượng nào in sâu đậm vào ký ức mình cả. Lạ thật!

Hồi mới sang, ai cũng khổ cực như ai. Hai vợ chồng Trường xin vào làm việc cho một nông trại. Suốt ngày đầu tắt mặt tối, công việc nặng nề lại còn ăn uống thiếu thốn. Chịu đựng không nổi, hai người trốn về

thành phố, xin vào làm y công cho một bệnh viện tư. Được một thời gian, nghe lời bạn bè rủ rê, hai người lại nhảy vào một xưởng may, bị chủ người Việt bóc lột thậm tệ. Nhưng được một điều là hai vợ chồng Trường còn có thời gian để học thêm, để sau đó có nghề nghiệp, việc làm và cuộc sống ổn định như ngày nay. Và bây giờ thì Trường đã trở thành một "gia trưởng", có nhà cao cửa rộng, con cái học hành tới nơi tới chốn. Thảo muốn cho chồng sớm được nghỉ ngơi, thanh thản, đã nhiều lần khuyên Trường về hưu sớm. Nhưng Trường không nghe. Trường muốn làm việc cho có một chút bận rộn. Một chút thôi, cho nên cứ tà tà, làm việc một tuần bốn ngày, để có ba ngày cuối tuần đi chơi với bạn bè, hoặc lên Saratoga uống cà phê.

Xa Sài Gòn hai mươi năm, nhưng Trường xa Truồi dễ đã hơn ba mươi năm rồi. Nhiều lúc, Trường không nhớ một chút gì về quê hương của mình. Nhưng cũng có những lúc, nhất là khi ngồi bên ly cà phê quá cỡ, lặng ngắm ngọn "núi Truồi" ngay trước mặt, Trường lại nhớ rất rõ, rõ mồn một từng con đường làng rợp bóng tre, con sông nước hiền hòa lặng lờ chảy mỗi lúc hè về và mùi ngai ngái của bọn con gái trường An Lương Đông những lúc chơi vợ chồng hay đi trốn đi tìm. Những lúc ấy, nói ra thật không ai tin, Trường lại không nhớ một chút gì về cuộc sống hiện tại. Trường không thể hình dung ngôi nhà của mình đang ở hình dáng ra sao, sở làm của mình ở đâu và thậm chí, lộ trình đi, về hàng ngày của Trường từ nhà đến sở và từ sở về nhà như thế nào, Trường cũng hoàn toàn không nhớ được, trong một khoảnh khắc nào đó. Nhưng, những lúc ấy, Trường lại hình dung rất rõ ánh mắt, làn tóc và đặc biệt là mùi dầu dừa mà Thơ đã bôi lên tóc, khiến cho tóc con bé bao giờ cũng láng mượt, đen nhánh. Và cái mùi dầu dừa ấy đã ám ảnh Trường bao nhiêu năm nay, cùng với mùi da thịt con gái đặc biệt ở Thơ những lúc hai đứa ngồi hay nằm bên nhau.

"Lớn lên, Trường có lấy Thơ không?"

"Dĩ nhiên. Lấy chứ!"

"Có chắc không? Ngoéo tay đi!"

"Dĩ nhiên. Chắc chứ! Vì Trường thương Thơ mà."

Sau này, đi tản ra nước ngoài, bắt buộc phải học tiếng Anh, Trường đã gặp một mẩu đối thoại như thế. Lòng Trường lại ray rứt nhớ cô bé hàng xóm ở quê hương nghèo khổ của mình. Và sau đó, mỗi khi chăn gối với vợ, tự nhiên Trường trở nên người lãnh cảm và bất lực, khiến Thảo có vẻ buồn, tuy không nói ra. Trường biết nguyên nhân là vì thiếu cái mùi vị của dầu dừa! Trường đã đi không biết bao nhiêu tiệm bán mỹ phẩm, ngửi thử không biết bao nhiêu là loại nước hoa, mong tìm thấy một mùi vị quen thuộc, nhưng không có kết quả. Trường dự định sẽ đi

khắp các chợ Việt Nam ở San Jose để hỏi mua cho được. Có lẽ sẽ phải giải quyết bằng cách ấy thôi. Và lỡ ai có hỏi Trường mua dầu dừa để làm gì, thì dễ thôi, Trường sẽ nói mua về để đánh bóng sàn nhà!

Nhưng Trường chưa kịp mua thì có người bạn đến kéo Trường đi uống cà phê vào một ngày nghỉ cuối tuần. Loanh quanh một hồi, cuối cùng hai người lên Saratoga và bước vào tiệm cà phê Mỹ ấy.

"Sao lại vào đây? Cà phê Mỹ thì uống sao được?" Trường cự nự ngay.

"Thây kệ! Kiếm một chỗ ngồi thôi mà..."

Hai người gọi hai ly cà phê nhỏ, nhưng khi người bán đưa ra, Trường đã thấy là "quá cỡ"! Hai người chọn một bàn trống gần khung cửa kính nhìn ra đường. Ngọn "núi Truồi" đập ngay vào ánh mắt Trường, sừng sững trong sương mai trắng đục. Tự nhiên, hồn quê bừng dậy, người Trường như được thư giãn, tinh thần phấn hứng, nội lực sung túc hẳn lên.

...Từ đó, cứ vào những ngày nghỉ cuối tuần, dù trời nắng hay mưa, dù tiết trời nóng nực hay lạnh giá, người ta vẫn lại thấy Trường có mặt ở Saratoga.

Vết Thương

Một buổi chiều, Giang lái xe lên Sylvania thăm lại ngôi trường cũ, nơi anh đã học mười mấy năm trước, và anh đã bắt gặp khu vườn hồng này.

Portland đang ở mùa xuân, lại được mệnh danh là "thành phố hoa hồng", nên khắp nơi có tràn đầy hoa hồng là điều không lấy gì làm lạ. Điều lạ đối với Giang là, khu vườn hồng này có một vẻ gì quen thuộc và gần gũi, mặc dầu trong nhất thời, anh chưa phát hiện được đấy là cái gì. Khu vườn ở ngay khúc quẹo của con đường im bóng râm, giữa lưng chừng đồi. Giang dừng xe bên kia đường, ven cánh rừng thông xanh thẫm. Nắng giát vàng trên con đường uốn khúc quanh co lượn lờ xuống tận thành phố Tigard tít mù dưới kia. Không gian thật yên tĩnh. Giang nghe mơ hồ tiếng thông reo rên cao và mơ hồ tiếng ve rừng ra rả kêu trong tai mình. Mơ hồ thôi, vì có thể đấy chỉ là cảm giác mà anh có chứ không phải là hiện thực.

Đứng trước ngõ nhìn vào, ngôi nhà gỗ xinh xắn đó hình như bị chìm ngập vào giữa biển hoa hồng. Đủ mặt tất cả mọi loại hoa hồng nổi tiếng của California, từ loại hồng nhung đỏ thẫm, hoa hồng vàng, hoa hồng trắng, hoa hồng... hồng, đến loại hoa hai mầu, hồng và trắng, trắng và vàng, vàng và đỏ... Hàng hàng, lớp lớp, đặc biệt có những dãy hồng vàng và đỏ được trồng xen kẽ trông như lá cờ của Tổ quốc mà từ lâu

Giang không được trông thấy. Giang cứ tính nhẩm, một nhánh hồng mua về để trồng giá 8 đồng, thì vườn hồng này, trong vốn đã trên hai nghìn đồng! Vì mỗi khóm, Giang nhìn thấy ít ra cũng được trồng từ hai nhánh hồng trở lên...

Trước khi lên tiếng gọi người trong nhà, Giang thoáng một phút ngần ngại. Mình vào với lý do gì đây? Chỉ là vì đi ngang qua thấy khu vườn đẹp vào xem? Hoặc vì thấy hoa hồng đẹp quá vào hỏi thăm chủ nhân cách trồng và săn sóc? Hoặc vì thấy cảnh đẹp, anh muốn xin phép chủ nhân cho ghi lại vào bố vẽ? Chưa quyết định phải lên tiếng thế nào cho được tự nhiên thì đã thấy có bóng người đi ra. Một phụ nữ khoảng ngoài bốn mươi, người cao và thon thả, lịch thiệp chào Giang:

"Chào ông. Tôi có thể giúp gì cho ông không?"

"Chào bà. Xin lỗi bà. ờ... ờ..." Giang có vẻ lúng túng ra mặt.

"Xin gọi tôi là cô. Tên tôi là Sherrie."

"Xin lỗi." Giang lại càng lúng túng hơn. "Chào cô Sherrie. Tôi là Giang."

"Chào ông Giang. Ông là người Việt Nam?"

"Vâng. Sao cô biết hay thế?"

"Tôi có linh tính. Anh ấy hy sinh ở Việt Nam..."

Giang lại thấy mình trở nên vụng về, không biết nói gì. Anh có dịp để nhìn kỹ người phụ nữ ở trước mặt nhiều hơn. Cô ta rất đẹp, mặc dù ở hai đuôi mắt đã có dấu chân chim. Đặc biệt là làn tóc nửa nâu nửa vàng buông dài xuống tận mông như các cô gái Hà Nội thuở xưa. Đôi mắt xanh và buồn. Môi dày, hơi trễ xuống, không biết là muốn cười hay khinh khi. Nàng là chủ nhà và nàng ở đây một mình từ ngày ấy. Khu vườn hồng do một tay nàng trồng lấy, chăm sóc, trừ sâu. Luống đất lớn nhất, giữa sân, Sherrie đã trồng hoa theo mầu cờ Việt Nam để tưởng nhớ John. Và Giang đã vẽ chân dung nàng. Trên tấm panel căng bố sẵn của nhà Fredrix. Nàng ngồi giữa biển hoa hồng. Mầu vàng chen mầu đỏ. Mầu trắng lẫn mầu hồng. Nỗi buồn câm nín và tự hào pha lẫn vào nhau. Mây trời và mái tóc. Sương mai và trắng trong trinh tiết. Tấm thân mảnh dẻ và cuộc sống nội tâm tiềm tàng...

"Người mẫu có thể thoát khỏi khung tranh để đi pha cà phê được không?" Nàng lên tiếng, nhỏ nhẹ như cô em gái.

"Thôi, khỏi làm phiền Sherrie..." Giang đang say sưa phả mầu vào bố, cố gắng thể hiện cho được cái tinh anh của người cô phụ Mỹ, sống gần như vô vọng vẫn lạc quan tràn đầy...

"A, anh sợ cà phê Mỹ chứ gì? Tôi có cà phê Martin *"French style"* đàng hoàng. John ngày xưa ở Pleiku mà... Anh ấy kể, ở đấy có một tiệm cà phê hơi xa thành phố, trời mưa lạnh, các quân nhân poncho trùm đầu,

Cây cũ
HOÀNG XUÂN SƠN

Môi mỉm khinh đời đúc âm. bạc
vui ca tới cõi không muộn phiền
xưa hỡi một bầu trăng sao ngát
hẹn cùng tinh đẩu mộ hằng yên.

Ngậm sầu câu hát thơ trinh vãn
nào ai tang chế cột hương nguyền
thôi ở lớp đời bất tri tận
nghìn năm hương hỏa nhọc lòng thêm.

Lên đường đáo hạn thiên san quải
không cánh hoàng hôn lạnh vết người
núi mờ sương chắn tròng quê cũ
bánh chậm luân hồi quay một ai.

Trường ca dặm nối ngàn ngàn xướng
dong chút thê nhi đoạn đoạn đành
dúng rợn canh hồng xao xác tiếng
Cổ mộc đâm chồi nụ biếc xanh.

nối đuôi nhau lặng lẽ đi vào như các tín đồ của một giáo phái bí mật đi lễ vậy. John còn bảo ở Pleiku còn có một hồ nước mặn như Salt Lake ở Mỹ vậy phải không? Không biết bây giờ nơi đó thế nào?"

Giang ngồi thù ra. Đáng lẽ câu hỏi ấy phải là của anh, mới đúng. Người phụ nữ Mỹ này còn quan tâm đến quê hương của anh hơn anh? Tại sao? Năm nay, thế giới kỷ niệm 50 năm chấm dứt Đệ nhị Thế chiến. Việt Nam cũng kỷ niệm 20 năm "chiến thắng"! Năm 1965, nghĩa là 20 năm sau khi bại trận, nước Nhật và Đức đã trở thành hai cường quốc kinh tế với những xe gắn máy, ô tô, máy móc điện tử nổi tiếng... Còn nước Việt Nam sau 20 năm "chiến thắng", đã làm được những gì?

Giang buông cọ, bất lực. Anh biết là bức tranh này sẽ dở dang. Thế thôi... ❐

Cố Hương

Trịnh Khắc Hồng

Chiều thứ bảy mùa đông xứ người, thật chẳng biết làm gì. Đi tìm một cái gì đó uống, có lý. Loanh quanh trong khu phố một hồi, tôi ghé vào một quán ăn nhỏ. Đến ngồi ở cái bàn trong góc phòng, gần lò sưởi cho ấm.

Gọi một ít đồ nhấm với một chai vang đỏ rồi ngó mông ra ngoài đường. Tuyết lất phất rơi. Bên kia đường là công viên. Những thân cây trơ trụi, không một chiếc lá. Nhiều khi đi qua công viên ở xứ này, tôi cảm thấy buồn cười. Cái tinh thần duy lý hiện rõ cả trong việc xây dựng công viên. Bên này một cái ghế đá, đối diện thế nào cũng có một cái. Bên này một bồn hoa, đối diện thế nào cũng phải có một cái bồn khác. Tất cả đều đối xứng. Xuân đến, trong bồn nhiều loại hoa màu sắc chỏi nhau, tất cả đều nở rộ, rực rỡ. Trông thật ngộ.

Ngồi một mình, nghĩ vớ vẩn đủ thứ chuyện. Uống hết chai vang lúc nào không hay. Gọi thêm chai nữa. Mặc nó. Tiền này là của người ta, trả lại cho người ta. Thế là công bằng. Thêm vài ly, các giác quan đã không còn sắc nữa. Tất cả đều nhòe đi.

Lúc đó một người đến ngồi xuống chiếc ghế trước mặt tôi một cách tự nhiên. Như là đã được mời. Người không quen nhưng cũng chẳng lạ. Chưa gặp mặt bao giờ nhưng biết ngay là dân đồng hương đây.

Anh ta bảo đi ngang qua, thấy tôi ngồi một mình chắc buồn, ghé vào nói chuyện phào chơi. Hỏi tôi có phiền không. Ngồi một mình mãi cũng chán, có người nói chuyện cho qua giờ, cũng hay. Ông bà mình nói thêm chén, thêm đũa, chú có thêm gì đâu. Gọi thêm một cái ly với một chai nữa. Sau vài ly câu chuyện đã tự nhiên. Đề tài thì vẫn vậy: chuyện xứ người, chuyện xứ mình.

Anh ta hỏi tôi qua đây bao lâu rồi. Mới mấy năm thôi.

"Còn tôi vượt biên dạo 78, 79 đó. Mới đấy mà đã mười lăm năm.

Nhanh thật. Ông biết không, nghĩ lại vừa túc cười, vừa sợ. Mình đang là người Việt lại phải mang tên họ người Hoa. Lúc tàu đã ra khỏi hải phận, mới thấy sợ. Mới hay trước đây mình chưa hề thật sự biết biển. Mênh mông. Mất mạng như chơi. Cuối cùng cũng qua được đến đây. Cả nhà đều an toàn. Nhờ có tàu Pháp vớt."

Tôi hỏi anh ta được mấy cháu.

"Bốn đứa. Hai trai, hai gái. Đều. Tôi ra đi cũng vì tụi nó thôi. Lúc đó thấy tương lai tụi nó sao mờ mịt quá. Chú tôi đã hơn bốn mươi rồi, đi tìm cái gì nữa? Tuy là dân đại học, nhưng tiếng người chỉ lõm bõm, qua đây làm gì?"

Điều này tôi hiểu. Nâng ly lên cụng với anh. Cho vơi bớt đi mà. Ngoài trời tuyết vẫn rơi. Trong nhà hàng khách đã bắt đầu đông lên. Nhưng hai chúng tôi như đang ngồi một nơi biệt lập.

"Lúc qua đây tụi nó còn quá nhỏ. Đứa lớn nhất cũng chỉ mới mười bốn tuổi. Sau năm, bảy năm, tụi nó thành tây con, đầm con hết. Bây giờ tụi nó đã lớn rồi. Hai đứa đầu đã có gia đình. Hai đứa sau còn độc thân nhưng chúng ra thuê phòng ở riêng. Chúng không muốn ở chung với tôi, bị bó buộc không được tự do. Thành ra tôi sống một mình trong cái apartment."

Tôi chỉ nâng ly rượu lên, chẳng biết nói gì. Cứ để anh kể. Thì cũng na ná như bao cảnh đời khác mà tôi đã từng nghe. Tôi nghĩ thế.

"Nhà tôi mất rồi, cách đây mấy năm. Tội quá. Gởi thân xứ người. Tôi đã định lúc nào tiện sẽ hỏa thiêu để đem tro của bả về xứ."

Rượu đã cạn. Anh ta xin phép gọi thêm, bảo là không bao nhiêu nhưng sợ tôi hiểu lầm, cho là anh lợi dụng. Tôi đáp anh cứ tự nhiên, chiều nay mình gặp nhau ở đây, nhưng chắc gì ngày sau còn có dịp gặp lại. Thật tình là tôi đã say. Nhưng chẳng hề gì. Từ đây về nhà chỉ mất mười phút đi bộ.

Đến đây thì tình đồng hương đã bén. Anh ta hỏi tôi hiện làm gì. Tôi trả lời.

"Ông thế là may. Ông biết không? Tôi qua đây một gánh bốn đứa con nhỏ. Phải kiếm việc làm ngay. Bất cứ việc gì. Điều này chắc ông đã thừa biết. Lúc đầu làm mỗi chỗ chỉ được năm, ba tháng. Sau tôi đã kiếm được một việc làm ổn định, ký được hợp đồng indéterminé."

Lúc này tôi chỉ còn chịu chuyện anh cầm chừng. Vẫn những chuyện đó. Tôi vừa nghe vừa ngắm mấy cô đầm trong phòng. Để làm một cú so sánh những cái nhan sắc đó. Cũng vui.

"Ông biết tôi làm ở đâu không? Trong một xưởng giặt ủi. Chủ là một người Do Thái. Nói thế là ông đủ rõ. Công nhân gần cả hai trăm người mà cả xưởng không có một chiếc ghế. Từ lúc vào đến lúc ra chỉ

toàn là đúng. Ăn giữa ca thì ngồi đâu đó ngay trên nền xưởng."

"Anh làm ở đó được bao lâu rồi?"

"Hơn một con giáp rồi. Đến bây giờ mới thật sự trả dứt nợ đời. Nguyên do là lúc từ foyer ra, tôi tính toán nếu thuê nhà thì mỗi tháng phải trả mất mấy ngàn. Còn nếu vay tiền ngân hàng để mua nhà, mỗi tháng phải trả cả vốn lẫn lời chỉ hơn tiền thuê nhà đâu mấy trăm. Thế là tôi ký hợp đồng vay tiền với thời gian trả nợ là mười hai năm. Để sau này tụi nhỏ lớn lên có chỗ ở ổn định. Ký xong thì đâu dám bỏ việc ở xưởng giặt ủi. Cứ phải bám riết. Mới trả dứt nợ cho ngân hàng năm vừa rồi."

Tôi an ủi như vậy cũng đã xong. Giờ anh khỏe rồi.

"Thật ra thì công việc ở đó chẳng gọi là nặng nhọc. Phần lớn là máy móc làm. Nhưng mình phải chạy theo máy. Cái khổ nhất là suốt ngày ông phải đứng, máu cứ dồn xuống chân. Lại phải hít thở không khí nóng hầm hập, đầy hơi nước lẫn mùi thuốc tẩy. Lâu ngày thành bịnh."

Tôi còn có thể nói thêm gì với anh? Tôi nâng ly, bảo anh uống đi. Uống cho vui mà. Rồi cả hai lặng lẽ uống, cùng ngó suông ra đường. Tuyết vẫn rơi. Tôi hỏi anh có nhớ quê không.

"Ông còn phải hỏi. Thời gian đầu qua đây, mỗi lúc nằm mơ là tôi chỉ thấy toàn cảnh bên nhà. Mà cũng phải thôi. Mình đâu có thể gắn bó thật sự với đời sống bên này. Tức cười là có đêm tôi mơ thấy ngồi ăn nhậu cùng đám bạn, bên cạnh lại có mấy em. Cảnh trước 75 đó mà."

Cả hai cùng cười.

"Sau đó là phải lo cắm đầu làm việc trả nợ, kiếm sống. Chẳng còn hơi sức đâu mà nghĩ ngợi. Nhưng có nhiều bữa đứng đợi xe ở bến bus hay métro, gió thổi thông thốc, lạnh thấu xương, nhất là vào mùa đông như thế này. Nhớ bên nhà nắng ấm. Rồi lẩn thẩn tự hỏi không biết mình qua đây để làm gì? Có đúng không?"

Lại im lặng. Lại uống.

"Nhất là sau ngày bà xã mất đi, tôi thấy trơ trọi quá. Ông biết rồi. Ở tuổi mình làm sao kết bạn được nữa. Có chỗ quen biết cũ nhưng ở xa trên cả trăm cây số, muốn đến thăm, phải điện thoại báo trước cả tuần. Phiền quá."

"Thế sau khi con cái đã lớn, anh có tính chuyện về quê không?"

"Năm vừa rồi sau khi trả dứt nợ, tôi vội gom một ít tiền về bên nhà để xem tình hình ra sao. Nếu được, sẽ qua đây bán nhà, đưa nắm tro bà xã về quê ở luôn."

Lúc này không biết đã uống đến chai thứ mấy. Trí óc tôi mờ mịt. Giọng anh mơ hồ:

"Tôi mua vé về Sàigòn, quá cảnh Kuala Lumpur và phải đổi máy bay ở đấy. Như thế rẻ hơn bay thẳng Paris - Sàigòn. Lúc máy bay hạ cánh

thương nhớ
NGUYỄN CHÍ KHAM

mai kia em sẽ ra ngoài đó
thương nhớ ai không hỡi nhụy hồng
đôi mắt ấm nắng hè sắp đỏ
mà ngày về gọi quá hư không

xin một chùm hoa để giấu tên
nhìn em nhè nhẹ xuống bên thềm
tâm tư gạch hết màu niên kỷ
thầm lặng qua rồi sao mãi quên

năm xưa theo áo đời mất phượng
không biết đi xa mỗi đoạn trường
nắng chói suy tàn mau rực rỡ
tìm người dừng lại phố yêu thương

sau chuỗi ngày xanh đợi bướm tơ
yêu em tình chưa có bao giờ
trong tôi đẹp một lần hơn thế
đem mãi tâm hồn đi dưới mưa.

xuống phi trường Kuala Lumpur, tim tôi ngừng đập. Do là trước đây tôi đã bị bịnh nhồi máu cơ tim."

Tôi bảo tại sao không lo chữa sớm đi.

"Có chữa đấy chứ. Mà có hết hẳn đâu. Có lẽ do cứ phải làm việc hoài. Hãng máy bay xin phép chính quyền sở tại hỏa thiêu tôi rồi bỏ tro vào một cái lọ. Tòa đại sứ Pháp can thiệp với phía Việt Nam để xin phép cho lọ tro của tôi về Sàigòn. Phía Việt Nam không đồng ý với lý do là tôi đã có quốc tịch Pháp. Hơn nữa tôi đâu còn vợ con bên nhà. Đem tro về giao cho ai?"

"Chuyện rắc rối, tôi nói cho có."

"Ồ, rắc rối thật. Cuối cùng tôi phải lên máy bay Air France trở lại bên này."

Không biết lúc nào người phục vụ đến lay tôi dậy, bảo đã đến giờ nhà hàng đóng cửa. Anh ta mỉm cười như thông cảm với nỗi cô đơn cùng những lời độc thoại trong cơn say của người khách nước ngoài.□

Vườn Bỏ Hoang

Hồ Minh Dũng

Em không tin là trí nhớ loài người có thể thua loài chim cồ cốc trên thảo nguyên. Ở đây, em nói con chim trống thôi. Sau một lần quen biết, yêu, và ái ân, rồi bay xa, xa tít mịt mùng tận cõi trời không còn một bóng tăm. Nàng chim ở lại một mình, phiêu bồng trong niềm hân hoan ngắn ngủi, an phận tận hưởng dư hương còn sót lại. Rồi nàng tha từng cọng rác. Xây tổ. Xây một mình trong những buổi hừng đông cỏ cây còn tắm sương. Trong lúc xây lâu đài cho con, nàng xây thêm cho cuộc tình biết bao hoài mong. Có một ngày, trên vòm trời lồng lộng kia, chàng rẽ những tảng mây cao xòe cánh xuống. Thăm nàng, thăm con, khoảnh khắc rồi đi. Một lần thôi, rồi biệt tích, không bao giờ trở lại nữa. Nhưng cũng có một lần.

Cuộc hội ngộ này, chàng chim kia không nói với nàng một lời nào. Bởi vì trong cuộc chia ly, nàng đã lắng nghe, trong trời lộng gió, giữa vô cùng mênh mông, hai vầng nhật nguyệt đã thay chàng nói lên biết bao điều. Một sứ mạng duy nhất, lần này, chàng mong được nhìn lại một nơi chốn. Chỉ có nơi chốn này, từ cánh chim cồ cốc chui lủi trong bờ bụi biến thành phượng hoàng rực rỡ, giương đôi cánh phiêu du bồng bềnh giữa hư vô. Chỉ có nơi này, vàng thau không lẫn lộn. Những đám xương rồng đầy gai góc kia, đã cúi rạp xuống biến thành một lớp nhung lụa cung đình bao phủ hương mộc lan ngàn năm.

Chỉ có thế, kỷ niệm đưa chim về một lần. Rũ đôi chút phong sương trên đôi cánh làm hành trang cho con lớn lên. Chim không phải là người. Em muốn đem tình chim ra như một ngụ ngôn để nhắn gửi về anh, một con người. Em đã trải qua những giờ phút vô cùng khủng khiếp. Bởi vì chạm trái với những hoạt động bất thường của đời sống hình ảnh, trong đó có chiêm bao. Chiêm bao chẳng qua là một hình thức của tưởng tượng. Mà em, trong bao nhiêu năm xa anh không hề kìm hãm nó. Hay đúng

hơn, không có một phương kế nào để chế ngự được. Vai trò đời sống hình ảnh trong em luôn là ngọn lửa, bùng lên, cháy lan. Khi em nhìn chân trời, thấy anh vẫn còn đứng đó. Hai tay anh đưa lên vẫy gọi, có khi trong nhạt nhòa mây khói hay mưa bụi, anh đã trở thành một con vượn người trần trụi. Khi nhìn hoàng hôn trên bãi biển, đường vạch cuối cùng của biển vẫn là anh, có khi trong chớp biển mưa nguồn, anh chỉ còn là tượng đá bào mòn hư hao, sập đổ, sắp tan. Khi em đến với rừng cây, cố tìm anh trong từng kẽ nắng. Núi rừng bỗng hoang vu, vách đá dội lại âm vang lời thề nguyền thuở trước. Núi cao, báo cho em biết sắp đến ngày biển thành vực thẳm. Khi em đến với suối nguồn. Cuội đá, rong và rêu hát cho em nghe khúc phượng cầu hoàng của Tư Mã Tương Như. Và, chẳng có nơi nào trên mặt đất phù hoa này để em đến bình yên. Cho nên em phải đến với anh. Một lần nữa.

Lần này anh đã xa em. Hai đứa ở cách nhau rất xa. Nếu là chim, em cũng chẳng bay tới. Nếu là mây, trên đường thiên lý, cũng tan. Mây và chim vẫn bay đậu xuống từng ngày trên những chóp cây. Chim có khi rã rụng cánh chưa qua được một thung lũng mà bão táp đã lên. Ký ức em không có rào giậu, y như hoa hướng dương, nơi nào có ánh chiều dương là đổ tới, không hề sợ hãi trên đó có thể bị vùi dập nhiều lần. Lý trí, giờ đây cho phép em hồi tưởng cầu kỳ trường thiên đại hải. Ký ức chưa hề thác loạn, cho nên em vẫn là đứa con gái mười sáu tuổi ngày nào ngồi trước bụng anh, trên lưng ngựa hồng, hai tay bấu chặt lấy bờm ngựa, không phải sợ té mà cố giữ lấy những cảm xúc từ trái tim anh chuyển qua. Tình yêu đầu, anh đã nói với em, ngày ấy: "chẳng có gì trên đời này sánh nổi, chẳng có gì trên đời này chia lìa nổi..." Em nghe như tiếng thiên thần truyền tin, khởi động cho đôi cánh phù du bay vào miền đất hứa, không lối về. Anh muốn nói thêm, nhưng em đã ngăn lại: "đủ rồi".

Bởi vì, trong tâm em, những hoạt động bất bình thường của hình ảnh, chiêm bao đã chế ngự, dẫn dắt em qua những ngõ ngách truông hẻm gồ ghề chật chội, qua những phá ghềnh cheo leo, ngun ngút. Nhưng tuyệt nhiên, không tìm đâu ra một bóng cây. Bạch đàn, thông già, thông non, dương liễu, mù u, thanh trà, nơi anh dìu em đến, nhiều thế, mà cũng không tìm đâu ra, dùng nói chi những loài cây anh thường ví von cho đời con gái hay cho riêng em, như dạ lai hương lồng lộng trong khu vườn nhà anh ở Nội thành, như mẫu đơn tinh khiết quanh nhà thủy tạ giữa hồ Tĩnh Tâm, như hoa lài, hoa ngâu không bao giờ phô hết sắc hương thấp thoáng dưới chân chùa Thiên Mụ. Thực tế đời, giờ đây khô héo, nhưng chẳng có ai kéo cái tàn tạ ấy về trong giấc mơ em. Ngoài anh.

Người quân tử trong giấc mơ nhặt đóa liên hoa trong hồ Lưu Khiêm trao cho em và hỏi:

"Nàng là ai?"

Em nâng niu đóa hoa như cả một giang sơn cẩm tú, trả lời:

"Thiếp là một giai nhân thất tình, đi lang thang giữa núi đồi Dương Xuân, để tìm..."

"Tìm tình quân ư?" Người quân tử cắt ngang.

"Phải. Ngoài ra, thiếp còn biết bao thứ phải tìm. Có những cái mới chiều hôm nay thôi đang có, bây giờ, trăng lên, không còn."

Người quân tử nhìn bóng em lay động dưới đáy nước, nâng chén rượu bồ đào lên môi, khẽ cười:

"Nàng cũng giống ta đây. Ta đang có cả một giải non sông, nhưng mất một mối tình. Cha mẹ ta sinh ra tư chất yếu đuối lại bị bệnh thủy đậu tiêu mòn thân xác từ thuở thiếu thời, cũng gắng hết sức bình sinh cầm cái búa tạ để đập cổ kính ra tìm lấy bóng nàng. Biết bao cổ kính đã vỡ nát, nhưng chẳng thấy bóng hình nàng ở đâu. Còn những cái khác ư, vật đổi sao dời rồi, nàng không biết sao? Ta, lòng bảo dạ, đừng tìm, đừng nên tìm những gì đã mất. Nay, ở nơi đầu ngọn suối rạch này, ta khuyên nàng, cũng như ta. Quên. Quên thôi. Cũng bởi ta tìm quên mà đến đây. Kể từ khi ta cắm mốc cấm địa đến nay đã hơn năm năm rồi, xã tắc cơ hồ như ngưng dọng, dân gian đổ biết bao sức lực, máu xương để tìm cho ta một nơi để quên. Nàng đừng tưởng ta tạo ra thế giới thần tiên này là để cho ta tận hưởng cái thú vui trần thế khi bóng chiều đời người đã ruợt đuổi cấp kỳ sau lưng."

Lòng em hòa nhập một cách mau chóng, bèn lên tiếng, tựa hồ như động lòng trắc ẩn:

"Đã nhiều ngày tháng vô vị trôi qua, nay mới nghe được một lời chính đáng. Cám ơn người quân tử."

"Lời ta thốt ra như rồng phun châu ngọc, không thể nào lấp liếm được. Vậy thì đêm nay, nàng ở lại cùng ta, chốn này. Ta với nàng sẽ hàn huyên trên đảo Tịnh Khiêm này cho đến khi trăng lặn. Ngoài sự sống ta ra, nàng còn thưởng thức hàng trăm đóa quỳnh hoa nở nửa đêm, tiếng hươu nai tỏ tình trong vườn Lộc Động, những giọt sương mùa hạ rơi bì bõm giữa chốn trùng thiềm điệp ốc. Chín hàng quan văn võ áo mão chỉnh tề phủ phục trên sân chầu và cả chốn bửu thành huyền cung cũng nghiêng mình chia sẻ cuộc tao phùng hi hữu này. Nguyễn Du kia, sinh ra trong chốn điền dã quê mùa còn biết tức cảnh sinh tình, huống chi ta đây, ân thiên sủng đã tưới tắm từ khi còn là bào thai tí teo trong lòng mẹ ta." Nói đến đây, thì người trong mộng đã đặt mười ngón tay thon gầy như mười chiếc dũa mun, ướt đẫm mồ hôi lên ngực em. Nơi ngày xưa, anh đã dặt vô số nụ hôn nồng nàn. Em rung động toàn thân và kiêu hãnh vô biên khi nhận ra rằng, mảnh đất hoang hóa từ lâu, nay có người

đào xới lại, dù là bằng những nhát cày không mấy âm vang. Nhờ anh, khu đất trống trải, hoang vu của em đã phát hết cỏ dại, anh ân cần, chăm chút gieo vãi lên đó những mầm cây, vừa mới đâm chồi nẩy lộc, đáng lẽ phải cành lá sum xuê, hoa trái bốn mùa. Thế mà anh lại bỏ đi.

Giấc mơ không biết kéo lòng vòng đến bao lâu, khi em giật mình tỉnh dậy thì trăng đã tà ngoài vườn. Trong mơ, em đã trở thành một người đàn bà phản bội anh. Trong khi chung động với một người khác em chẳng hề tìm quên, chẳng hề nghĩ tới anh. Mà trông chờ một cái gì khác hơn ở vào thời điểm đó. Y như đại hạn trông mưa. Y như đứa bé đói chờ sữa mẹ. Hay là nói trắng ra, chờ đợi những cảm giác kỳ lạ, không bờ bến, không phương hướng, chao đảo, lặn hụp, lênh đênh mà anh đã đem đến cho em đầu đời, năm mười sáu tuổi. Khi con sâu mình linh vừa thoát khỏi cái vỏ ảm đạm để biến thành cánh bướm rực rỡ bay vờn thân ái giữa trời xuân. Nhưng sự đợi chờ tàn nhẫn ấy cũng chẳng bao giờ đến với em. Bởi vì, người quân tử kia chẳng qua là một xác hình nộm èo ọp, bất lực. Điều mà người ấy gọi là tìm quên, không phải thường tình trong thiên hạ. Cho nên, suốt cả chuỗi ngày vô vọng vì xa anh, em chẳng bao giờ tìm quên, chẳng bao giờ. Hoa sen, hoa súng vẫn thoi thóp nở chung quanh. Hàng trăm hóa quỳnh hoa cũng bồi hồi nở chung quanh, rất gần. Tiếng đơi động trên những cành long nhãn xanh tươi và cả tiếng chuông chùa xa xôi vọng về không làm cho người ấy ngưng cuộc truy hoan vô vọng. Cuối cùng, chỉ nghe tiếng thở dài: "Than ôi, Dương Xuân hề, ta có tất cả mà không có tất cả!.."

Khi xưa, anh nói với em lời đường mật bất tận hướng về một tương lai cực kỳ xán lạn, hạnh phúc sắp dặt tầng tầng lớp lớp ở đó và không ngừng ru em trên chiếc võng lụa đào bằng ngọn gió xuân thì phơi phới. Cho đến bây giờ, khi không còn nữa, em vẫn tin anh. Khi sống qua một giấc mơ lạ lùng như thế, em mới khám phá ra rằng, không có thể ai trên đời này giống anh. Sức khai phá của anh thật vô cùng kỳ diệu. Anh đo đạc ruộng vườn tư hữu của em thật chi li và chính xác. Anh đã làm cho ruộng vườn này đã thành thuần thục, đến nỗi, rất sợ hãi cái hoang vu sơ khai của nó. Và anh, cũng không thể trách em được khi em, không tự chiêu đãi lòng mình một cách ham hố hiếu động như thế, bất cứ ai, kể cả con hình nhân tả tơi, bại xuội, rên xiết: "than ôi, mặt đất bao la hề, lòng ta quạnh quẽ hề, bếp lửa nhân quần ấm áp hề, một mình ta nguội lạnh hề!.."

Như trên đã nói với anh, em không tin trí nhớ con người có thể thua loài chim trên thảo nguyên. Rất có thể, vì một nguyên do nào đó, anh không còn nhớ em hay nhớ em bằng một phương cách nào đó. Có thể anh dành cho em một bất ngờ. Người ta nói, đàn bà có giác quan thứ sáu

bén nhạy, vì trái tim của họ thường gây những phản ứng liên hồi. Trái tim em cũng chuyển động sục sôi ngược dòng thác lũ, bờ bến dĩ vãng mịt mù em tìm về bằng phù chú của thần giao cách cảm. Có nghĩa là, bằng mọi cách, để không mất anh. Đời em đã mất nhiều thứ, trong đó có thứ quý nhất, chỉ còn lại anh, cho nên, từng ngày em vẫn cố bấu vào sợi dây từ dưới vực thẳm leo lên, tấm thân em vẹt xước tơi tả, hình bóng anh vẫn là thần dược băng bó, em hồi sinh mau chóng và tồn tại trong cơn khát vọng được anh, như ngày xưa, suốt buổi chiều tà, trải chiếc chiếu lá khô vàng, ngủ vùi trên đồi Vọng Cảnh. Hay là, đêm trăng vắng vặc, chỉ có anh và em, trong khoang thuyền nhỏ bé, giấu mình kín đáo dưới gốc sung già bên điện Hòn Chén. Trên điện, trầm hương nghi ngút, dập dềnh ma quỷ hiện hình. Dưới sông, anh biến em thành một cô hồn chơi vơi trong lạc thú. Con cá vàng ngây thơ nằm trên thớt anh, không hề giãy giụa, bởi vì vậy, vây anh đã cạo cắt hết rồi. Tấm thân em sạch nhẵn bởi một tay đồ tể già dặn, phóng khoáng. Nhưng em không phải là con vật tế sống hết thời, mà em, trong phép lạ có Thượng đế can dự vào, em thong dong bay bổng lên chín tầng mây. Bộc lộ như thế, để anh hiểu rằng, em chẳng bao giờ oán trách gì anh, mặc dù anh xử sự với em, có thể với nhiều người khác, chẳng khác chi một tội phạm có chủ mưu. Và em, cuối cùng rồi vẫn là ao ước được còn anh. Không mất anh là điều tối thượng. Vẫn dành cho anh một nơi rất đỗi thơ mộng, không phải là trên đảo Tịnh Khiêm vương giả mà là ở cồn Giả Viên, nơi mà anh và em đã đè bẹp lên biết bao nhiêu cây bắp non để tìm lấy niềm hoan hỉ ích kỷ cho đời mình.

Không xảo kế, không xảo ngôn, đã thử nghiệm nhiều lần với lòng mình, với thời gian và không gian, không phải mong anh về làm một đám cưới linh đình rồi bảo lãnh cho em được qua bên đó, lại càng không phải vòi vĩnh một món hàng đắt giá, một vài trăm đô la vạn năng. Chỉ mong anh một điều, đừng để cho em còn phải gặp phải một giấc mộng tương tự như thế nữa. Khi em đã đánh mất quyền sở hữu của mảnh đất gia bao phì nhiêu rồi, thì cũng không thể đào cho mình một mộ phần nhỏ nhoi trên đó...

Tôi, kẻ viết truyện này, lúc ở quê nhà cũng như lúc bỏ nước ra đi, sống trên một xứ sở được gọi là cực kỳ văn minh này, thường hay nhặt nhạnh những thứ phế thải người ta vất vỏ như một trò giải trí, khuây khỏa chuyện đời mà tôi thường cho là oái oăm, khắc nghiệt. Những thứ ve chai hổ lốn này khi không còn ai làm chủ nữa, tôi sờ mó, nhìn ngắm thỏa thích có khi tự nhận mình là chủ nhân của nó, lại thấy đời mình không vô dụng, cuộc đời còn có niềm vui. Niềm vui ấy, không sợ ai tước

đoạt, không sợ ai coi thường.

Một lần, cũng trong niềm vui riêng ấy, tôi lục lọi tìm kiếm giữa đống phế thải bên vệ đường, ngoài gạch đá, vỏ lon bia, bao thuốc lá, lược gương cũ, phấn sáp, một mớ tóc đã ngả màu hoa râm và nhiều thứ thuốc kích thích sinh lý, chữa bệnh hiểm nghèo, tâm thần, mất ngủ. Còn có một lá thư xếp gọn gàng, giấy còn mới nguyên, nét mực chưa phai. Dù ở trong đống phế thải, tôi không thể coi lá thư này là sở hữu của mình. Bằng một cách nghĩ đơn giản nhất, tôi nghĩ rằng, có khi lá thư này đã đến với người mà lá thư cần đến, nhưng vì một nguyên do nào đó, ví dụ khẩn thiết hơn, cấp bách, thực tế hơn hay vì những tình huống bất đắc dĩ, chưa hề đọc đến. Khi biến nó thành đồ phế thải, người đó tưởng rằng mình đã rũ bớt được phần nào cái rác rưởi thừa thãi đi cho đời nhẹ nhõm đôi chút. Người ngoài cuộc, tôi không dám nghĩ gì khác hơn.

Trong cuộc đời này, tất cả chúng ta, ai cũng có một (hay nhiều) lần, lương tâm buộc phải làm một việc gì đó, để tự vớt mình lên khỏi đám sình lầy, để thấy mình không phải là hạng người quá dỗi thấp hèn. Tôi chọn việc này, khi đưa một cuộc tình dang dở vào văn học, tôi muốn nói thêm một điều: không phải ai cũng có được một mối tình đẹp trên đời. Sau chót, tôi cám ơn người con gái - sau đó là dàn bà - xứ Huế, đã viết được những lời trong lá thư. Tôi đọc trộm nó mà không hề xấu hổ, cuối cùng kích động tâm hồn, làm cho tôi có thêm một tác phẩm. Đàn ông chúng tôi, rất thích cái thú lặn hụp trong chốn tình trường, đem hết sức bình sinh cho đến khi thân tàn lực kiệt để khai quang nương rẫy gieo vãi hoa màu. Nhưng có mấy ai trở lại để thu hoạch mùa màng, vì thường là thất bát. ❐

... tìm đọc

THIÊN ĐƯỜNG PHÀM TỤC

tập truyện dương thành vũ

thanh văn xuất bản, 7.1995

Hà nội - Tình yêu thời mở cửa
(Nhân đọc *Phố*, tiểu thuyết của Chu Lai)
Nguyễn Nguyên Thanh

Mới đó mà đã gần chục năm xa Hà Nội, một khoảng thời gian đủ dài để có thể từ bỏ quá khứ, mình không còn được là mình. Trong những năm tháng lưu vong ấy, mỗi tín hiệu xa xôi từ đất mẹ đều đánh động bao nỗi niềm thương nhớ trong tôi. Để đến chiều xuân này, *Phố* đã đưa tôi trở về thăm một dãy phố thân quen giữa lòng Hà Nội.

Với gần 400 trang khổ 13 x 19 in trên giấy xấu như đa số các đầu sách khác ở nước Việt Nam Cộng sản, văn chương vẫn bình dị theo lối cổ điển, tuy cũ kỹ nhưng *Phố* lại chứa đầy những nham thạch nóng bỏng của đời thường Hà Nội.

Bối cảnh câu chuyện là phố Lý Nam Đế vẫn được gọi là "phố lính" nằm ở phía Tây của 36 phố phường xưa. Đó là nơi trú ngụ của gia đình quân nhân từ cấp tướng tới binh nhì với đủ mọi nghề: bấm cò súng, cán bộ khoa học, nhà văn, nhà báo... Đó là chưa kể đến những cơ quan quan trọng của quân đội như "cấm thành", Tòa soạn Văn Nghệ Quân Đội, Tòa án Quân sự cấp cao, Nhà xuất bản Quân đội... Cái phố nhà binh nhưng lại rất yên tĩnh và bé nhỏ dưới những hàng sấu già tỏa đầy bóng tối che chở cho những cặp tình nhân thuở nào đã nhảy chồm lên với những chiếc răng nanh tàn bạo của con lợn rừng hoang dã thời "mở cửa".

Có lẽ cái nguyên nhân chính khiến cả Hà Nội ngàn năm văn vật chứ không phải chỉ riêng cái phố lính cũ rích ấy bộc lộ hết cái bản năng thú vật của mình là giặc đói, cái thứ giặc mà ông Hồ và quân đội của ông ta đánh hàng chục năm rồi mà cuối cùng phải quỵ lụy dưới chân đó.

Cuộc chiến tranh đi qua, con người thiếu từng cái ăn để tồn tại như một con người. Những sĩ quan quân đội nào cứ tiếp tục theo gương "liêm khiết" của "Đảng" "Bác" tất yếu phải trở thành nạn nhân của chính

mình. Trung tá Nam, kỹ sư công binh cùng vợ và con gái nhỏ sống chui rúc trong một "căn hộ cấp 4 chưa đầy 16 mét vuông" ở khu tập thể quân đội trên phố lính này là một người như vậy. Quá lương thiện, con đẻ của một chế độ bao cấp chỉ đủ cho người ta sống thoi thóp, Nam vẫn bằng lòng với cuộc sống ngày càng tồi tệ tới mức khiến cho Thảo, cô vợ xinh đẹp và hết mực yêu chồng con phải đứt áo ra đi làm cu ly ở nước người. Cú sốc này vẫn không làm cho Nam tỉnh mộng. Như một con gà công nghiệp đã qua thời kỳ bị bỏ đói, giờ được vợ gửi ngoại tệ về nuôi, Nam vẫn vô tư và không chịu thay đổi nếp sống trong sáng tới khắc khổ của một sĩ quan - trí thức quân đội nhẹ dạ và cả tin. Trong khi đó vì quá yêu chồng con, Thảo vẫn gồng mình lên trước mọi cám dỗ rất người để một mực chung thủy với chồng, dù đã một lần đứng trên bờ "nổi loạn"... Sự chung thủy của Nam dù sao cũng còn hiểu được do đã co mình trong lô cốt gia đình để chăm sóc con gái yêu phải rời xa bàn tay thân thương của mẹ, nhưng sự chung thủy của một người đàn bà trẻ đẹp ở xứ sở nhiều bơ sữa và coi chuyện ăn ngủ với người khác giới như một nhu cầu không thể thiếu cần phải được tự do như không khí để thở, lại là một cực hình đến mức phi lý... đối với Thảo. Chính vì thế mà dù thể xác nàng còn nguyên vẹn khi trở về trong vòng tay chồng sau 5 năm xa cách cùng với một số vốn lớn đủ để đổi đời, nàng đã không còn niềm say mê thân xác người chồng ngày xưa nữa bởi tâm lý nàng đã Tây hóa mất rồi. Cái mùi đàn ông hăng hắc nồng nàn của thời chiến tranh đói khổ đã hiện nguyên hình thế thô kệch trong một thế giới vật chất đủ đầy. Nàng đã đi quá xa vào thế giới văn minh vật chất còn Nam thì vẫn chân chất như thuở nằm hầm ăn đỗ hộp và ái ân trên chết chóc. Điều đau lòng là Nam đã lạc hậu ngay với chính xã hội quanh mình, một xã hội đang đảo điên vì tiền tài, danh vọng... Vì thế, kết cục không thể khác được là nàng đã cặp bồ với một nhà kinh doanh trẻ Sài Gòn, người đã thức dậy trong nàng hoài niệm về một mùi đàn ông Việt kiều mà lẽ ra nàng đã được nếm trải... Thực tình thì nàng có thể chia tay chồng một cách bình thường, nhưng cái bi kịch chính lại nằm ở chỗ Thảo là một cô gái Hà Nội gốc rất thùy mị nết na. Nàng cặp bồ không phải vì hư hỏng như quan niệm cổ truyền mà chỉ vì nhu cầu sống thời hiện đại. Nàng ngoại tình vừa sung sướng vừa đau khổ bởi cái nền nếp và lý trí vẫn lên án, dằn vặt nàng về tội phản bội.

Trong bi kịch của gia đình Nam - Thảo này, người ta không thể kết luận đơn giản rằng đồng tiền và chủ nghĩa tư bản làm tha hóa con người mà cần phải nói ngược lại rằng chính chế độ xã hội cộng sản lạc hậu ôm giấc mơ đại đồng đã hủy diệt khả năng sử dụng đồng tiền cho mục đích sống văn minh và đầy đủ của con người.

Cũng tựa như dám đông công chức không thích ứng nổi với cơ chế

thị trường rừng rú, lại quay về hối tiếc cái thời cào bằng đã qua, tác giả dường như chưa vượt ra khỏi bế tắc của xã hội đương thời. Ông đã kêu lên:

"Phố... Phố...

Tình yêu không tách rời thực phẩm. Sáng tạo không thoát vùng ra khỏi tiếng dập trống rỗng của dạ dày.

Phố...

Thời buổi của thú giả cường dâm thú thật của con bệnh thời hiện đại đang rú gào khắp hang cùng ngõ hẻm... Kẻ bị bắt cóc dâm ra si mê đứa bắt cóc mình, người bị cưỡng hiếp dâm ra phải lòng kẻ cưỡng hiếp nó... Dâu dâu cũng ngập tràn mùi hương hoa mỹ phẩm, cũng chói chang những gam mầu ấn tượng mạnh.

Phố...

Có một mặt tiền kiếm mỗi tháng hàng chục triệu bạc, những cửa hàng lộng lẫy kiểu phương Tây, có sao lại không để cho thiên hạ một khoảng tối vỡng vãnh muỗi bay và nồng nã mùi nước dái chó?! Phố! Phố hôm nay! Phố ngày qua!

Phố - Hay số phận của những con người?"

Cũng trên vỉa hè của phố lính ấy là số phận cay đắng của một gia đình không nhà cửa bị gia đình và xã hội ruồng bỏ. Một người lính vốn trai Hà Nội chịu ảnh hưởng của một nền giáo dục đầy đức hạnh mà khắc kỷ, thà ăn bờ ở bụi để chung tình với một người "vợ nhặt" từ miền ngược nhiều khi phải bán thân để nuôi con và gã, chứ không chịu quỵ lụy hay ăn cắp của người đời. Từng được một tay anh chị cưu mang, suýt mất xác trong cơn sốt tìm vàng, đã trở thành một ông chủ lương thiện từ những đồng tiền đẫm mồ hôi và nước mắt. Thế mà cuối cùng anh đã phải chết một cách vô ích trên biển cả chỉ vì muốn bảo vệ hạnh phúc không thể kìm giữ của vị thủ trưởng cũ tốt bụng.

Thế ra ở thời bao cấp hay đổi mới nhiều kẻ sống theo đạo lý của ông bà cha mẹ cũng không được hưởng hạnh phúc để làm người tử tế. Người chết vì tình, vì người, kẻ đau khổ đến hóa điên khùng...

Thương quá cái phố nghèo và đất Thăng Long ngàn năm còn lại đang bị mặt tối của đồng tiền làm cho bầm dập đảo điên.□

Berlin, 3.1995

Nguyễn Đình Toàn: Tiếng nói, Tình yêu và Thành phố

Lê Đại Lãng

Trong một chương trình nhạc chủ đề trước năm 1975, nhà văn Nguyễn Đình Toàn chấm dứt đoạn giới thiệu bài tình ca "Nhớ Về Hà Nội" bằng chữ "thành phố": "...Anh bỗng nhận ra, anh vẫn còn yêu em, dù chúng ta, đã xa nhau, như hai thành phố." Thành phố, như tên gọi một trong những tác phẩm của ông, dường như là nỗi ám ảnh dài ray rứt trong con người nhà văn, và trong văn chương Nguyễn Đình Toàn. Một người hữu tình có thể nhìn ngắm cái thành phố được dựng trong văn chương Nguyễn Đình Toàn. Còn một người vô tình có thể chỉ quan sát thành phố của ông, mà thôi.

Vậy mà, niềm mơ riêng có một thành phố Việt Nam, và chung của những con người Việt Nam, đang lẽo đẽo đi sau những ngày chiến, khi chưa vượt qua khói lửa thì mất biệt.

Như vậy không xót sao.

Hai mươi năm từ khi Sàigòn mất tên, Nguyễn Đình Toàn đã chọn cho mình cái phần số mất tên của quê hương. Người ta tự hỏi là ông đã chọn chỗ đúng lặng lẽ ấy hay chính quê hương đã chọn ông. Và người ta cũng tưởng chừng nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Toàn trong cõi văn Việt Nam đã dừng, dừng ở một thời điểm đau xót. Trong cõi nhớ mù mờ, thi thoảng ta nghe đến Nguyễn Đình Toàn từ những bài tình ca viết trễ.

Bây giờ, ông đã trở lại cùng chúng ta, với 320 trang sách *Đồng Cỏ*.

Thoạt, *Đồng Cỏ* như lời mời gọi từ một nơi chốn bình yên chờ những cuộc trở về.

Nhưng không, ngay từ những bước đầu tiên đi vào *Đồng Cỏ*, bỗng nghẹn ngào vì chạm một (và những) cuộc ra đi.

Ra đi! Cái ý nghĩa của sự ra đi, và những bước chân sắp sửa rời đất nước của nhân vật Phụng ám ảnh và tiên báo nhiều số phận, nhiều số phận trong những ngày cuối khi cả nước sắp thay tên. Phụng có ý nghĩ như thế này: *"Tôi muốn được sống cái cảm giác lẻ loi của một kẻ bơ vơ nơi đất lạ quê người, một ngày nào đó, xách va-ly từ trên phi cơ bước xuống cái phi trường rộng lớn, tấp nập hay vắng vẻ nào, như một kẻ bị đầy biệt tích, sống một lượt sự lẻ loi như một tình cảm lãng mạn và nỗi lẻ loi sợ hãi mang theo từ quê hương."* (tr. 2).

Nguyễn Đình Toàn viết những dòng này vào năm 1974. Chưa ai nghĩ đến những chuyến ra đi cuồn cuộn. Ta còn xa lạ với "lưu đầy", ta còn xa lạ với "nỗi lẻ loi sợ hãi mang theo từ quê hương". Một cách yên tâm, ta tự cho quê hương hiện hữu, không biện giải, hồn nhiên sống. Riêng ông:

"Nếu phải chết trên quê hương, tôi muốn được chết trên quê hương mà mình yêu mến chứ không phải quê hương mà mình sợ hãi.

Tôi cũng biết rằng, sự lựa chọn này, chỉ chúng tôi, những người con gái Việt Nam mới còn có thể làm được.

Tôi không muốn yêu nước như một giáo điều.

Tôi biết rằng tôi, cũng như những người quanh tôi, chúng tôi đều uống nước sông, ăn cơm gạo cấy trên ruộng đất của tổ quốc, lòng ái quốc phải là một tình cảm tự nhiên, ân nghĩa nếu có, cũng phải tương tự như ân nghĩa sinh thành, phải tự nhiên hơn cả sự tự nhiên người ta cảm thấy, bởi vì đó là một phần thịt da, máu huyết của chính mình." (tr. 2-3).

Trong bối cảnh miền Nam vào những ngày hấp hối, Nguyễn Đình Toàn nghĩ đến quê hương như thế, và ông, với một tiên cảm không thể giải thích, níu lại quê hương miền Bắc trong trí tưởng, cứ như một người hối hả và xót xa sống nốt những giây phút cuối, dù chỉ sống bằng kỷ niệm.

Nhưng *Dòng Cỏ*, trước hết, không nên chỉ quan sát, mà nên được ngắm nhìn.

Ngắm nhìn để tự hỏi, khi dựng hai nhân vật Phụng và Sơn làm xướng ngôn viên đài phát thanh; và Thảo, cô sinh viên học ngành Kiến trúc (chứ không phải ngành nào khác), tác giả đã ngẫu nhiên, hay muốn gửi một điều gì, chăng?

Tiếng nói là chất liệu rõ ràng nhất ghi nhận sự có mặt của đời sống. Đời sống có thể ví như dương bản một tấm hình, và ngôn ngữ là chất thuốc làm nên âm bản.

Nền tảng của ngôn ngữ là tiếng nói, tức khẩu ngữ. Nhà văn cũng dùng ngôn ngữ, nhưng ngôn ngữ nhà văn là phương tiện ghi lại tiếng nói bằng một cách riêng. Ghi nhận tiếng nói, ông ghi nhận sự hiện hữu

giữa liên quan người. Sự ghi nhận ấy, sự công nhận đời sống đó, được thể hiện qua nghề nghiệp của Phụng và Sơn: xướng ngôn viên đài phát thanh. Như thế, Nguyễn Đình Toàn bộc lộ cảm quan chính xác về đời sống: Đời sống sẽ có chăng nếu không có tiếng nói.

Nguyễn Đình Toàn đặt căn bản về mối quan hệ nhân văn giữa con người. Cái căn bản đó, nó vẫn có đó nhưng không hiện hữu. Nó cần một lời giới thiệu, nghĩa là chỉ khi nhà văn nói ra, nó mới thực sự hiện hình.

Sự hiện hữu ấy sẽ chưa đủ nếu không có tình yêu. Tình yêu trong *Đồng Cỏ* không chỉ là tình yêu đôi lứa, như ta có thể tưởng (lầm) ở sự qua lại giữa Phụng và Sơn. Hai nhân vật ấy, thoạt trông thì như là cốt của *Đồng Cỏ*, nhưng nếu ngắm nhìn, ta sẽ ngỡ ngàng nhận ra rằng giữa họ không có cái gọi là tình yêu theo nghĩa thông thường. Quan hệ của họ không hề mật thiết dù Phụng đã trao hết cho Sơn. Quan hệ của họ chỉ là cái phương tiện, cái cớ giải bày, để Phụng có thể trút hết nỗi niềm, trút hết mọi hy vọng, trút hết tình yêu cô dành cho nước.

Làm cách nào để ghi nhận tình yêu của một người đối với tổ quốc? Làm cách nào để thực chứng tình yêu dành cho quê hương? Và trong trường hợp sắp rời xa đất nước, trong "nỗi lẻ loi sợ hãi mang theo từ quê hương", trong tâm trạng bất trắc sẽ hoặc không bao giờ trở lại nơi mình yêu mến, người ta sẽ giải quyết thế nào để vừa trả lời cái câu tự hỏi về tình yêu tổ quốc, vừa giải quyết một lần cho xong định mệnh ràng buộc giữa đất và người.

Phụng đã giao hẹn với quê hương bằng những gì mà một đời người có được. Trước ngày đi, cô để lại tiết trinh trên đất nước mình. Có lẽ không có lời giao ước nào mật thiết hơn, không có sự giải quyết nào xót xa và thê thiết hơn, bằng cái quyết định lý trí bật lên từ tình cảm ấy, là bởi, đời người chỉ có thể giải quyết được một lần theo cách giải quyết của Phụng.

Tiếng nói và tình yêu. Sự quan hệ nhân văn giữa con người (nói chung); còn với con người Việt Nam, điều đó chưa đủ. Người ta có thể sống bằng lương thực của lịch sử chăng? Người ta có thể sống chỉ bằng vào niềm kiêu hãnh có mấy nghìn năm chăng? Giả dụ, niềm kiêu hãnh ấy cũng không đáng phàn nàn cho lắm, thì ta sẽ bày lịch sử, cất tình yêu nơi đâu, khi chính con người chưa dựng xây chỗ náu!

Hồn của một đất nước biểu hiện ở kiến trúc. Nỗi ám ảnh về một thành phố có kiến trúc thay mặt được hồn nước xuất hiện thường xuyên qua các tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn. Ông cảm nhận sự thiếu sót đó của Việt Nam, cái đất nước quá đỗi chiến tranh nên chưa từng tạo được nơi trú ngụ cho lòng kiêu hãnh, cho tình yêu, cho con người, và bộc lộ được cá tính dân tộc. Nhân vật Thảo trong *Đồng Cỏ*, sinh viên Kiến trúc,

thể hiện ước mơ của tác giả. Cô muốn xây dựng một thành phố, sửa lại cái công viên, trồng hoa trên những nấm mồ vô chủ, và thả vào hư không những nắm hạt hoa để cắm vào mảnh đất đầy thương tích, hàn gắn mọi vết nứt, dẫu là vết nứt chiến tranh hay vết nứt của tâm linh.

Trong *Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam* (1985), Mai Thảo nhận định Nguyễn Đình Toàn đã viết truyện dựa trên khái niệm về văn chương tiểu thuyết của Trường phái Cái Nhìn, và đã tạo được một khuynh hướng Tân tiểu thuyết ở miền Nam vào đầu thập niên 1960. Tuy nhiên, vẫn theo Mai Thảo, thì Tân Tiểu thuyết đã thất bại vì không thuyết phục được người đọc, và mờ nhạt dần.

Thật ra, cho đến nay, vào cuối thế kỷ 20, kỹ thuật viết và dựng tiểu thuyết theo quan niệm Tân Tiểu thuyết vẫn được các nhà văn nước ngoài, đặc biệt là ở Anh, áp dụng. Mới đây, một nhà văn gốc Nhật đang sinh sống ở Luân Đôn, Kazuo Ishiguro, đã bỏ hẳn lối viết cũ vẫn sử dụng trong ba cuốn tiểu thuyết trước – *A Pale View of Hills, An Artist of the Floating World và The Remains of the Day* – ba tác phẩm đã làm nên tên tuổi Ishiguro. Trong ba tiểu thuyết này, Ishiguro dựng truyện theo lối cổ điển, có nhân vật, có cốt truyện, có những nút thắt và mở, những thủ pháp tương phản đồng hiện... Nhưng đến tiểu thuyết thứ tư vừa xuất bản năm 1995 – *The Unconsoled*, Ishiguro đã phá bỏ quan niệm tiểu thuyết "truyền thống". Ông lý luận rằng cuộc đời không đơn giản như tiểu thuyết, không trình tự lớp lang, không có thắt có mở như người ta mơ ước. Đời sống, chính nó, là một chuỗi những bất ngờ đến bất ngờ đi, người ta không biết ai sẽ đến bên đời, thoáng chốc, rồi đi, hệt như ta gặp (thoáng qua) một hay nhiều khuôn mặt trên đường phố, hoặc trong phòng ngủ một cách tình cờ, hệt như hôm nay trời nắng giữa một mùa đông lạnh rét. Trong *The Unconsoled*, người đọc sẽ thấy một nhạc sĩ dương cầm lừng danh xuất hiện. Nhạc sĩ đến một thành phố và chuẩn bị trình diễn, thế rồi một loạt các sự kiện lụn vụn xảy ra, và người nhạc sĩ cũng không biết tại sao ông lại xuất hiện ở thành phố này, dường như là có ai đó, dường như là một sự run rủi xui ông đến cái thành phố xa lạ đó, và ai đó – có thể là đời sống – đã sắp đặt bằng một cách nào đó để ông có thể biểu diễn tài nghệ của mình. Nhưng sau cùng, ông vẫn không hiểu tại sao.

The Unconsoled vì thế có thể coi là không có cốt truyện, người đọc sẽ khó bắt gặp một ý niệm về thời gian, về không gian, ngoại trừ một chuỗi những "di động" mà ta thường gặp trong đời sống.

Điều này hệt như ta thường thầm mong ước, hoặc thầm qui trách nhiệm cho một kẻ nào đó, một khi gặp sự bất như ý trong cuộc sống thường hằng. Ta hy vọng, sẽ có một sức mạnh thứ ba, một kẻ lữ thứ nào

sẽ gỡ rối những âu lo muộn phiền. Và cuối cùng, khi cuộc đời vẫn diễn ra vô tư và không một sức mạnh huyền bí nào đến giải vây, ta nhận ra, rằng con người sống bằng những nghĩ suy hy vọng, thường là rất vu vơ, lẩm cẩm, nhưng chính nó là cuộc đời.

Một đôi lần Nguyễn Đình Toàn đã giải thích với tôi quan niệm viết tiểu thuyết của ông, như thế. Quan niệm này được thấy rõ trong các tác phẩm trước đây của ông, Áo mơ phai là một thí dụ. Trong truyện, có đoạn ông dựng xây rất thành công hình ảnh một người con gái kéo ống quần lên và khoát khoát chân xuống hồ nước, hơi lạnh thấm vào da cô..., và người bố khi trông thấy hình ảnh đó chợt mơ màng nhớ những kỷ niệm xa xăm khiến ông đau xót...

Cái hình ảnh rửa chân của người con gái có thể nhiều người cho là nhỏ nhặt, nhưng những cảm giác của cô và của ông là cõi đau rất rộng không gian.

Trong *Đồng Cỏ*, chúng ta thấy hoài những hình ảnh bát ngát không gian như vậy. Có thể nói không gian là đặc điểm nổi bật nhất trong văn chương Nguyễn Đình Toàn. Đọc văn ông, những khoảng trời mở ra bát ngát, dù là khoảng trời trong căn nhà nhỏ. Không gian Nguyễn Đình Toàn lúc nào cũng tênh hênh, mênh mang.

Nhưng không gian mà Nguyễn Đình Toàn tạo cho người đọc là một không gian viễn tượng, một không gian được cấy vào trí tưởng. Những dòng văn của ông tạo ra một phối cảnh của không gian hai chiều: viễn tượng ở dằng trước và ở dằng sau (foreground/background).

Nhưng nếu không gian là đặc điểm trong văn của ông thì cũng chính vì thế mà văn xuôi của ông còn thiếu một chất liệu rất cần trong thơ: chiều sâu của không gian. Chiều sâu của không gian thường chỉ tạo được bằng những gì nghe thấy, nghĩa là âm thanh. Bạn bước vào một căn phòng trống, hay bạn từ một góc rừng bước ra và chân dẫm lên thảm cỏ dưới một bầu trời bát ngát: sẽ bơ vơ lắm, sẽ không bị nhận chìm bởi khối không gian vây quanh, trừ phi, phải, trừ phi, bạn đồng lúc bị vây kín bởi những luồng tiết tấu – tiếng chim ca, chẳng hạn. Chúng ta chỉ có thể nhận ra chiều sâu của không gian bằng những gì có thể nghe. Sự toàn vẹn và hài hòa (hay không hài hòa) là do cảm nhận về âm thanh, còn không gian là do cảm nhận của trí tưởng (đến từ thị giác). Tất nhiên không ai lại hiểu là Nguyễn Đình Toàn không "tả tiếng động" trong văn, mà là do thủ pháp hành văn của ông khiến không gian mở ngát mà không lắng đọng.

Giống như sự trớ trêu của tạo hóa là đã tặng cho Beethoven đôi tai điếc, không gian của Nguyễn Đình Toàn, hôm nay, cũng chỉ giàu có trong trí tưởng riêng ông: Mắt trái ông hoàn toàn mù, còn mắt phải chỉ

đoản khúc tình
PHAN MINH KHÁNH

Em về che mộng cũ
Mưa mù trong tuổi mai
Chút tình trên dá tạc
Dấu son buồn không phai

Thoáng cười hong nắng xám
Giọt mùa đau ấu thơ
Em về xanh dấu thảm
Tục lưng rời bơ vơ

Khói thơm ngày tháng ướt
Đường cây nghiêng mái xưa
Nhánh tươi hoài nỗi nhớ
Em về qua nắng mưa

Tay măng hồn cỏ dại
Chân cao gót hững hờ
Mi xinh đời sục tỉnh
Xuân phai buổi hẹn hò

Bỗn trời sông nước mỏi
Thân đau cuối dặm trường
Em về qua cố quận
Lệ rơi tình như sương.

nom rõ bốn-phần-mười.

Như thế không đau lòng sao cho một người đã dâng hết thanh xuân cho văn chương.❐

Đồng Cỏ, truyện dài của Nguyễn Đình Toàn, Đồng Dao xuất bản và phát hành 320 trang, giá 15 Úc kim. Ngoài nước Úc: 15 Mỹ kim kể luôn cước phí

Liên lạc: Đồng Dao
P.O.Box 1040 North Richmond
Vic. 3121 Australia

giữa người đọc và người viết

Thư của nhà văn Võ Đình

Văn Học số 109 (tháng 5, 1995) có bài "Vài Cảm Nghĩ về Văn Học Hải Ngoại" của Mai Kim Ngọc. Độc giả Trần Bình Nam đã viết một thư dài phê bình bài đó. *Văn Học* đã cho đăng thư của ông Trần cùng với bài trả lời ngắn của Mai Kim Ngọc trong số 110 kế tiếp (tháng 6, 1995). Bài ông Mai Kim Ngọc thiết tha. Lời phê của ông Trần Bình Nam hòa nhã. Những câu trả lời của ông Mai Kim Ngọc nhũn nhặn, thẳng thắn. Rõ ràng là cả hai ông đều yêu văn chương sách vở và không đồng ý với nhau trên một số bình diện. Nhưng hai ông không đồng ý một cách phóng khoáng, đầy cảm thông.

Chuyện văn học (Việt Nam) hải ngoại còn dài. Rồi đây nếu có thêm những "cảm nghĩ" kiểu Mai Kim Ngọc và Trần Bình Nam như vậy thì thú vị biết bao. Trong thư này, chúng tôi chỉ xin đặc biệt lưu ý ông Mai Kim Ngọc và ông Nguyễn Xuân Hoàng (tác giả bài "Hai Mươi Năm, những trang sách...," Văn Học số 109, trang 41) về đôi điều then chốt khác.

Ở *Văn Học* 109, trang 8, ông Mai Kim Ngọc viết:

(...) *Ở đây, chỉ có áp lực của thị trường là đáng sợ với người viết. Một nhà văn Mỹ sống bằng nghề văn, tất nhiên phải e dè nhà xuất bản, thị hiếu bạn đọc, và cảm tình cũng như khuynh hướng của các nhà phê bình... Vậy mà áp lực này, phần đông văn hữu Việt Nam hải ngoại vẫn được miễn nhiễm. Quả thật, chúng ta viết bằng tiếng Việt, viết vì thích văn học, và chúng ta không trông đợi một lợi tức từ lao động văn học của mình. Do đó tài chánh không làm ta du di khi viết. Chưa bao giờ có những người cầm bút tự do hơn...*"

Cũng cùng số báo đó, trang 41, ông Nguyễn Xuân Hoàng viết:

(...) *Những nhà văn, nhà thơ hải ngoại chúng ta hiểu rằng cuộc sống xứ người vốn không "dễ dãi" với văn chương chữ nghĩa, đặc biệt chữ nghĩa của những người viết bằng ngôn ngữ không phải tiếng Anh. Dừng nói chi xa, ngay*

trên chính quê hương Việt Nam, khi bước vào thời đại kinh tế thị trường mà văn chương còn bị coi là phù phiếm, nói chi ở một đất nước công nghiệp điện toán, làm gì có chỗ cho những người làm văn chương thiểu số? Hơn ai hết, người cầm bút Việt Nam hải ngoại biết rằng không có ánh hào quang nào chờ đợi họ ở cuối đường chữ nghĩa."

Xin thưa ngay là từ hai bài viết dài một số trang mà chỉ trích dẫn hai đoạn ngắn là một việc làm hết sức bất đắc dĩ. Chúng tôi không có ý "vạch lá tìm sâu". Chỉ để cùng nhau nhìn rõ hơn cái "cõi viết" của người Việt hải ngoại, thế thôi.

Xem ra, cả hai ông Mai Kim Ngọc và Nguyễn Xuân Hoàng đều có cùng một quan điểm về vị trí người viết chúng ta. Từ quan điểm đó, cả hai ông đi đến nhận định: chúng ta số ít, chúng ta không làm ra tiền với ngòi bút, chúng ta không trông đợi lợi lộc v.v...

Người đọc nhanh, và người có quá ít ỏi kinh nghiệm về cuộc sống thực tế của văn nghệ sĩ ở các nước tiên tiến Âu Mỹ có thể có cảm tưởng rằng chuyện viết lách của "người ta" sướng, còn chuyện viết lách của "mình" thì khổ... Tuy vậy, "mình" thanh cao hơn, "mình" trung trinh hơn với chữ nghĩa, với nghệ thuật v.v...

Chúng tôi xin được góp ý:

Chúng ta là một thiểu số và tiếng Việt là ngôn ngữ của một thiểu số ở hải ngoại. Quả là có thế. Tuy nhiên, sự kiện (là một thiểu số) này không phải là nguyên do gây nên tình trạng người viết ung dung rong chơi ngoài vòng cương tỏa của đồng tiền (có thể do ngòi bút đẻ ra). Nguyên do gây nên tình trạng đó là *sự khập khễnh giữa cung và cầu, muôn thuở và mọi nơi*. Tỉ lệ đối chiếu có khác biệt, tùy nơi chốn và thời điểm, nhưng bản chất vấn đề vẫn là một.

Chúng tôi nghĩ rằng người cầm bút bản xứ ở các nước tiên tiến (Pháp, Mỹ, Nhật chẳng hạn) những người cầm bút "thực thụ", với những yếu tố căn cơ (đam mê, tài năng, ý chí, biết tôn trọng cả văn học nghệ thuật lẫn... bản thân, v.v...) cũng phải vất vả khắc phục những vấn nạn vô cùng gian nan. Bản thân chúng tôi có một số bạn văn nghệ *không phải Việt Nam* suốt đời cầm bút cầm cọ chỉ vì tình yêu nghệ thuật, không mảy may màng tưởng danh lợi.

Có sự khác biệt chăng giữa "người ta" và "mình" là ở chỗ "người ta" vì viết bằng những ngôn ngữ thông dụng hơn trong thế giới, có thể... đoạt giải Nobel, v.v... Chúng ta hãy cùng nhau nhớ lại rằng những giải thưởng này nọ là một hiện tượng xã hội chứ không hẳn là một hiện tượng nghệ thuật.

Như một thiểu số, người Việt hải ngoại phải húng chịu, dĩ nhiên, một số thua thiệt. Nhưng bù trừ là qui luật chung: chúng ta cũng được

hưởng một số thuận lợi đặc thù. Riêng trong lãnh vực văn học (nói rộng ra, văn học nghệ thuật) thái độ người làm văn nghệ cần có, nên có, theo thiển ý, là một thái độ "an nhiên". Người cầm bút sáng tác không quan tâm quá đáng về sự có hay không có một nền văn học (Việt Nam) hải ngoại, về sự sống còn của nền văn học đó, hay đến những vinh hạnh một ngày nền văn học đó sẽ được đón nhận v.v... Người cầm bút, trẻ già nam nữ, chỉ cần sống hết mình. Bây giờ. Không làm văn nghệ thì thôi mà đã làm thì làm hết mình. Làm thật hăng với tất cả sức lực. Làm thật đẹp với tất cả khả năng. Làm thật kỹ với tất cả tấm lòng. Cứ làm như thế thì mình có "chỗ" của mình, là mình được chiếu sáng bởi "hào quang" của chính mình. Đó là "lợi tức". Là "tự do" của mình.

Những điều ghi lại trên đây chỉ là một góp ý vội vàng trong cơn hứng thú. Bạn đọc *Văn Học* muốn xét kỹ hơn cuộc sống của người cầm bút bản xứ (Mỹ) xin xem qua bài "Làm ăn... văn nghệ" của chúng tôi (*Văn*, tháng 9 năm 1982) đã in lại trong *Sao Có Tiếng Sóng*... (Văn Nghệ, 1991).

Cũng nên nói thêm là thái độ "an nhiên" nói trên không phải chỉ là một tư thế nghệ thuật. Còn quan trọng hơn, đó là một phương cách hiện hữu. Phương cách ấy giúp chúng ta đạt đến tình trạng *"cái phân bì đối chọi ta với người không còn nữa"*, như chính Mai Kim Ngọc đã viết trong đoạn kết bài của ông.□

Nha sĩ
DƯ THỊ MỸ LAN
General Dentistry
- Nguyên trưởng phòng Nha khoa Tổng Y viện Khánh Hội, Sài gòn
- Đã hành nghề 7 năm tại Việt Nam và 13 năm tại Mỹ

9141 Bolsa Ave., Suite 302, Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)
Phone: (714) 898-

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

• Nhạc sĩ Văn Cao từ trần

Văn Cao, con người đa tài (nhạc, thơ, họa) của Hà nội một thời, đã qua đời tại Hà nội hôm 10.7.1995 vì chứng bệnh gan mà theo một số nguồn tin thân cận thì do ông uống rượu nhiều quá.

Văn Cao được nhiều thế hệ thính giả mến mộ nhờ những bản nhạc bất hủ ông soạn thời tiền chiến và kháng chiến như *Thiên thai, Trương Chi, Buồn tàn thu, Suối mơ, Bến xuân, Đàn chim Việt, Trường ca sông Lô*... Bài *Tiến quân ca* của ông cho đến bây giờ vẫn còn là quốc ca của chính quyền cộng sản trong nước.

Ông tham dự vào hoạt động đòi tự do sáng tạo của các nhóm Nhân văn-Giai phẩm, nên suốt bao nhiêu năm sống ở bên lề, bài *Tiến quân ca* đã phần nào cứu ông khỏi bị những trù dập tàn nhẫn của Đảng như trường hợp Nguyễn Hữu Đang, Thụy An...Từ đó ông sáng tác ít, lâu lâu làm một bài thơ, và vẽ minh họa cho báo [thường ký bút hiệu "Văn"].

Những năm cuối đời sức khoẻ Văn Cao suy nhược nhanh chóng, tuy ông hưởng được chút an ủi về già là người Việt khắp nơi mỗi khi ghé Hà nội đều tìm cách đến thăm ông. Ông trở thành một biểu tượng của Hà nội tuy ông sinh trưởng ở Hải Phòng, giống như trường hợp họa sĩ Bùi Xuân Phái lúc sinh thời hoặc nhà thơ Phùng Quán (đã mất).

• Phượng vẫn nở bên trời Hà nội.

Hôm 14.7.1995, nhà văn nữ Nguyễn thị Ngọc Dung và thân hữu tổ chức ra mắt tác phẩm đầu tay *Phượng vẫn nở bên trời Hà nội* tại Hội quán Thùy Dương Nam California.

Tuy là một nhà văn mới trình làng tác phẩm đầu tay, nhưng tác giả là một người quen trong văn giới Sài gòn trước 1975. Tác phẩm là một truyện dài viết về những tháng năm thơ ấu và niên thiếu ở Hà nội trước 1954, nên có sức lôi cuốn những bạn đọc sinh trưởng ở Hà nội nay tóc đã hoa râm. Do nội dung sách mà buổi ra mắt trở thành một cuộc họp mặt tưởng nhớ Hà nội. Trong số văn hữu tham dự có nhạc sĩ Phạm Duy, nhạc sĩ Nguyễn Hiền, nhà thơ Viên Linh, nhà thơ Trần Hồng Châu.

• Hoàng Khởi Phong ra mắt sách.

Chiều thứ bảy 21.7.1995 nhà văn Hoàng Khởi Phong ra mắt tập truyện ngắn *Những con chuột thời thơ ấu* tại Phòng sinh hoạt nhật báo *Người Việt*, ở Little Sài gòn Nam California.

Đây là tác phẩm thứ sáu của Hoàng Khởi Phong xuất bản ở hải ngoại, sau *Ngửng mặt nhìn trăng sáng*, *Ngày N +...*, *Thư không người nhận*, *Người trăm năm cũ* (tập 1 trường thiên tiểu thuyết), *Cây tùng trước bão*.

Buổi sinh hoạt qui tụ đa số những bạn văn của Hoàng Khởi Phong, nên sau các phần thường lệ như giới thiệu tác giả, tác phẩm, có một cuộc mạn đàm hết sức văn chương giữa người viết và người đọc, người viết và người viết. Nguyễn Mộng Giác nói về tác giả. Quỳnh Giao, Đỗ Quí Toàn, Bùi Vĩnh Phúc nói về tác phẩm. Tác giả ngâm những bài thơ đầu đời và tâm sự về những hoài bão văn chương của đời mình, sau những hoài bão vá trời của tuổi trẻ. Nói chung đây là một buổi ra mắt sách "hết sức văn chương".

• Đêm Mai Thảo ở Little Sàigòn

Một nhóm văn hữu của nhà văn Mai Thảo, đứng đầu là nhà thơ Du Tử Lê và họa sĩ Khánh Trường, sắp tổ chức một *Đêm Mai Thảo* để tuyên dương sự đóng góp 40 năm của nhà văn cho văn chương, đồng thời đánh dấu 14 năm hiện diện của tạp chí Văn tại hải ngoại.

Khắp Little Sàigòn đã thấy dán bích chương quảng cáo cho sinh hoạt văn học ca nhạc này. Tấm bích chương chụp hình Mai Thảo đang ngồi chờ xe buýt (phương tiện di chuyển thường xuyên của Mai Thảo), hậu cảnh là hình mờ của một chiếc xe buýt đang chạy qua. Bức hình thật đẹp, thật đúng "chất Mai Thảo." Mai Thảo nửa đùa nửa thật bình luận về tấm bích chương: "Tôi chờ xe buýt. Chờ hoài. Cho tới khi nó tới. Nhưng nó

chạy luôn, có dừng lại đâu!" Gần đây sức khoẻ Mai Thảo sa sút, nên lời than của Mai Thảo có chút ngậm ngùi.

Theo nguồn tin từ ban tổ chức cho biết đêm sinh hoạt sẽ có sự đóng góp của rất nhiều văn nghệ sĩ cả trong văn giới lẫn giới ca nhạc. Nhà văn rất được nhiều bạn bè yêu mến, nên chắc chắn buổi sinh hoạt sẽ rất thành công.

• Võ Phiến, một đời cho văn học.

Trong khi đó bạn văn ở Virginia miền Đông Hoa Kỳ gửi fax cho biết vào cuối tháng 9 này, họ sẽ tổ chức một buổi họp mặt để vinh danh nhà văn Võ Phiến, với chủ đề :" Võ Phiến, một đời cho văn học".

Ban tổ chức qui tụ các bạn cầm bút ở miền Đông như Bùi Bảo Trúc, Ngô Vương Toại, Lê Văn, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Nguyễn Ngọc Bích, Trương Anh Thụy, Trương Vũ, Võ Đình. Miền Tây bay qua góp tiếng có nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, Lê Tất Điều. Theo chương trình, ba diễn giả chính sẽ là Lê Tất Điều, Nguyễn Xuân Hoàng và Nguyễn thị Hoàng Bắc.

Tại miền Tây Hoa Kỳ, nhà thơ Thái Tú Hạp cũng đang liên lạc với nhiều bạn văn để cùng nhau tổ chức một sinh hoạt tương tự tại Little Sàigòn.

• Giải văn chương Magsaysay 1995.

Pramoedya Ananta Toer, nhà văn lão thành của Nam Dương vừa được Phi luật tân trao tặng giải thưởng Magsaysay năm 1995 về báo chí, văn chương và nghệ thuật truyền thông sáng tạo.

Tổ chức Giải thưởng Magsaysay cho biết họ đã tuyên dương các tác phẩm của Pramoedya Ananta Toer vì "đã soi sáng được bằng các câu chuyện nổi bật về sự thức tỉnh lịch sử và kinh nghiệm hiện đại của nhân dân Nam Dương".

Nhà văn 70 tuổi này hiện đang sống ở Java, "đã viết về những xáo trộn trong thời đại ông sống, về sự nghèo khổ, những tệ nạn tham nhũng trng khi nói rõ rằng văn chương của ông không hề có mục tiêu chính trị nào".

Mặc dù xác nhận như thế, ông vẫn luôn luôn bị chính quyền Nam Dương sách nhiễu, thoá mạ. Ông bị bắt giữ sau cuộc đảo chính hụt năm 1965, sách vở của ông bị đốt, bị cấm xuất ngoại nhiều năm, bị quản thúc tại gia. Ngoài một bằng tưởng lục, một huy hiệu, giải thưởng còn có một khoản tiền mặt 50.000 Mỹ kim. Chưa biết chính quyền Nam Dương có cho phép nhà văn đi Phi luật tân nhận giải thưởng vào ngày 31 tháng 8 tới hay không.

• Số phận thuyền nhân Việt Nam và tạp chí Granta

Tạp chí văn chương hàng đầu xuất bản ở Anh và Hoa Kỳ, số 50, phát hành đầu tháng 7.1995, dành hơn nửa số trang cho những bài viết về số phận thuyền nhân Việt Nam đang phải chịu cưỡng bách hồi hương sau khi không được Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc chấp thuận cho định cư tại một quốc gia đệ tam. Ngoài hai bài viết của Philip Gourevitch, nhan "The Boat People," và của Paul Eggers, nhan "Saviours," còn có hai truyện ngắn của hai nhà văn Việt Nam: Trần Vũ, với truyện "Đảo San Hô" (đã đăng trên Văn Học) do Phan Huy Đường và Nina MacPherson dịch ra Anh ngữ với nhan "The Coral Reef." Truyện ngắn thứ hai của Bảo Ninh, cũng do hai dịch giả trên dịch ra Anh ngữ, dưới nhan "Savage Winds" (Gió Dại). Đây là truyện ngắn gây nhiều phản ứng chống đối gay gắt của những người cựu chiến binh cộng sản cũng như những nhà văn ở Việt Nam như Văn Học đã loan trong phần Ghi Chép ở số trước. Ngoài bốn bài viết, *Granta* còn dành 12 trang in những hình ảnh sinh hoạt của người dân Hà Nội qua ống kính của Ed Graza.

Trong bài ký sự "The Boat People'" Philip Gourevitch lột tả hết nỗi bi đát của những thuyền nhân rớt thanh lọc hiện đang sống lê lết những ngày dài trong các trại tị nạn mà tác giả cho là một loại nhà tù mà kẻ bị giam giữ lại không bị kết một tội nào. Mô tả quang cảnh trại "cấm" Palawan ở Phi luật tân, Gourevitch viết:

"Tôi rất ngạc nhiên, bởi vì Palawan là một trại 'cấm'. Những người bị giam giữ nơi đây chỉ được phép rời trại mỗi lần hai tiếng đồng hồ, tùy hứng của ban an ninh trại, và cấm không cho khách vào thăm. Trại chỉ là một thứ nhà tù. Kinh nghiệm cho tôi biết là hàng rào nhà tù được thiết lập nên nhằm một mục đích: cảnh cáo những ai có ý đồ vượt ngục: "Đừng bao giờ nghĩ đến chuyện thoát!" Nhưng hàng rào trại này lại làm ngược lại. Nó thầm bảo: "Hãy tìm cách mà thoát đi!"

Nghĩ xem: thoát thì được, nhưng thoát đi đâu? Bạn không có giấy tờ, nhân dáng, tiếng nói của bạn sẵn sàng tố cáo bạn, không ai bảo vệ cho bạn, bạn lại chẳng có được một tí quyền nào, con cái bạn không được đi học, bạn không xin được việc làm hợp pháp, bạn không lấy được vợ được chồng, hay đi đây đi đó, hoặc giả lúc cấp bách cũng chẳng thể nhờ đến cảnh sát.

Trại tị nạn là một thứ trại tù kỳ quặc, ở đó tù nhân không ai bị kết tội trừ khi họ tìm cách rời trại trái phép. Hãy suy nghĩ đi, hàng rào thầm nhắc bạn. Chính bạn tự giam hãm bạn đó."

Ngay chính tác giả đến thăm trại với tư cách một nhà báo cũng đã gặp nhiều khó khăn khi tìm cách tiếp xúc với thuyền nhân. Vì thế, trong suốt sáu hôm liền, tác giả phải ở lì tại khách sạn để tiếp chuyện với một số thuyền nhân:

"Trong sáu hôm liền, tôi ít khi rời khách sạn. Khoảng thời gian này quả thật lạ lùng. Nhân viên khách sạn cứ gõ cửa phòng tôi liên tiếp rồi loan báo: 'Có thêm mấy người Việt Nam đến tìm ông!' Tôi tiếp tất cả ba mươi ba người. Tôi nói chuyện với họ hàng giờ: có người dáng điệu trầm tư, có người xem như sắp chết đến nơi, có người lại khi này khi nọ: vừa sợ hãi, vừa tuyệt vọng. Họ đều nói là bỏ quê hương ra đi để tìm đường sống nhưng giờ thì đời sống của họ cũng sẽ chẳng còn. Họ tin rằng cách duy nhất để lật ngược thế cờ là chờ đợi cái thế lực bên ngoài mà họ gọi là "thế giới" nhận ra rằng đã đối xử bất công đối với họ, nay nhận lỗi và sửa lỗi. Đối với thuyền nhân, tôi vừa là người đại diện cho "thế giới" đó, vừa là người đại diện cho họ, cho nên không những họ chỉ đem chuyện của mình ra kể, họ còn tìm cách chứng minh những oan ức của họ."

Phần lớn những thuyền nhân còn sót lại trong trại này vượt biển năm 1989, và nhiều người đã phải ra đi nhiều lần mới thành công. Chính sách thanh lọc của Cao Ủy vô cùng bất công. Trường hợp hai thanh niên không được qua Mỹ định cư cùng với gia đình, tuy tất cả đều đến trại cùng một lúc trong cùng một chuyến vượt biển, vì họ trên 18 tuổi và xem là độc lập đối với gia đình. Khoảng một phần năm số trại viên là trẻ em dưới mười tuổi, phần lớn được sinh tại trại, suốt ngày chỉ lêu lổng, chẳng được học hành. Người lớn cũng vô công rồi nghề. Ban điều hành trại giới hạn mỗi gia đình chỉ được nhận không quá 50 Mỹ kim mỗi tháng, nếu họ có thân nhân ở Mỹ hay các quốc gia khác gởi cho. Việc buôn bán trong trại nay bị cấm hẳn, khẩu phần cấp phát chỉ đủ ăn mỗi ngày một bữa, gồm có gạo, cá khô, có khi thịt heo, trứng hay rau cải, thỉnh thoảng có cá mòi. Nơi ăn chốn ở vô cùng chật chội; ban đêm lại thường hay bị cúp điện.

Sống trong nỗi hoang mang lo sợ cuống bách hồi hương, hy vọng được đi định cư cùng thân nhân ở một quốc gia đệ tam tắt ngúm sau khi Cao Ủy bác đơn, họ trở thành những người bệ rạc về mặt tinh thần. Họ uống rượu giải sầu, rồi trở thành những kẻ nghiện rượu không mấy chốc. Tự tử xảy ra khá nhiều, đã có đến năm hay sáu vụ.

Guồng máy thanh lọc của Cao Ủy lại đầy những bất công, tham nhũng. Một số viên chức lợi dụng để đòi tiền hoặc đòi ăn nằm với phụ nữ trước khi hứa cứu xét cho họ đi định cư.

Thảm cảnh thuyền nhân Việt Nam còn lại trong các trại tạm cư ở khắp Đông Nam Á sẽ mãi mãi là một vấn đề lớn cho lương tâm nhân loại. Sự kiện một tạp chí tầm cỡ về văn học như *Granta* phải quan tâm— trong khi những tạp chí khác lại chú trọng đến khía cạnh chiến tranh và chính trị nhân kỷ kỷ niệm hai mươi năm ngày miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản— nói lên được tầm cỡ của vấn đề.□

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Nhà sách Văn Hoá Houston TX; Phan Hieucam Oakland CA; Sach Tran Somerset NJ; Võ văn Đàn Vancover Canada; Ngô Nhựt Tân Gloucester Canada, Thuy Doan Reading PA; Ngo Kim Hoang & Hoang Nga Silver Spring MD; L.M. Kim Định Varthage MO; Minh N. Ho San Diego CA; Vinh Tran San Diego CA; Tran Duc Hoan Westminster CA; Nguyễn Xuân Sùnh Falls Church VA ; Anh ha Doan Stanton; Phan Minh Nga Anaheim CA; EBSCO Birmingham AL; Hai Duong Calgary Canada; Diep My Linh Alief TX; Võ thành Long Cambridge Canada; Huỳnh Hữu Cửu Fountain Valley CA; Vy Khanh Nguyễn Montréal Canada; Diệu Xuân Nguyễn Wyoming MI, Lê Trung Định Atascadero CA; Đặng Hoàng Springfield VA; Nguyễn Như Khuê Springfield VA; Diem D Nguyen MD Seattle WA, Dawson Subscription Services, Faxon Inc., SBS Radio Australia;

Nhắn tin chung: Quí bạn gia hạn hoặc mua báo có yêu cầu tặng sách, tính đến ngày 20.7.95, tòa soạn đã gửi sách biếu. Trong trường hợp đến nay có bạn vẫn chưa nhận được sách biếu, xin tin cho Văn Học biết để chúng tôi gửi bù cuốn khác. Những sách mua, nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách gửi thẳng đến quí bạn.

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Đọc thư người bạn cũ gửi từ Dorchester MA; Đêm uống rượu Tầm Dương mơ thành Từ Hải gửi từ Milpitas CA; Một đêm ở phố Khâm Thiên gửi từ Brooklyn NY; Từ trong Kim Dung gửi từ Germany; Cho con ngày vào trường thuốc gửi từ Somerset NJ; Nụ cười gửi từ Switzerland; Giữa người đọc và người viết gửi từ Burkittsville MD; Vườn bỏ hoang gửi từ Midway City CA; Ruộng gió gửi từ Bakerfield CA; Thủy chung, Rởm đời, Thần tượng, Lấy chồng gửi từ Worchester MA; Lý luận của con tim gửi từ Fountain Valley CA; Nơi chốn, Cây cũ gửi từ Montréal Canada; Mùa xuân bất hạnh gửi từ Fountain Valley CA; Bãi chiến gửi từ Somerset NJ; Liêu trai, Ga buồn gửi từ Bankstown Australia; Đêm Phi châu gửi từ Braxland NSW Australia; Grenta & Le Serpent A Plumes do Trần Vũ gửi tặng,

Văn Học mong tiếp tục nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của các văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề, Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và

văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác. Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

📖 ***Trao tặng đất trời***, tập thơ của Nguyễn Hoàn Nguyên, Cái Đình xuất bản tại Hoà lan, tranh bìa và phụ bản của Võ Đình, Nguyễn Hiền trình bày, dày 90 trang, giá 12 Mỹ kim kể cả cước phí. Nguyễn Hoàn Nguyên tên thật là Nguyễn Thanh Quan sinh năm 1956 quê Bến Tre, vượt biên năm 1979 định cư tại Hoà lan Từ 1987 đến 1990 là chủ bút tờ Việt Nam Nguyệt san của Cộng đồng Việt Nam tị nạn tại Hoà lan, từng có văn thơ đăng trên các tạp chí Quê Mẹ, Độc Lập, Làng Văn.Đây là cuốn sách thứ hai của nhà xuất bản Cái Đình, sau cuốn "Dòng sông sữa mẹ" tập truyện của Nguyễn Lê Hồng Hưng xuất bản năm 1994.

Trao tặng dất trời gồm bốn phần *Chiều Việt Nam, Nắng Hoà lan, Ông Trời yêu dấu* và *Trao tặng dất trời*. Phần đầu đậm dấu ấn của thời sự Việt Nam, ba phần sau có không khí phóng khoáng của Phật, Lão và thấp thoáng ảnh hưởng Bùi Giáng.

Địa chỉ liên lạc:
Cái Đình, Den Uylstraat
36 - 8015 DZ - ZWOLLE -
Holland
Phone : 038-600989.

📖 ***Hoa bluebonnet cho hai người***, tập truyện gồm mười truyện ngắn của Phạm Ngũ Yên, Bình Minh xuất bản, bìa Kháng Trường, Ngô Du Trung viết tựa, sách dày 208 trang, giá 12 Mỹ kim. Phạm Ngũ Yên là một cây bút quen thuộc của tạp chí Văn cả thời trước 1975 lẫn ở hải ngoại, nên không có lời giới thiệu nào bằng lời Mai Thảo in trên bìa sau sách: "Văn chương Phạm Ngũ Yên trong sáng, mạch lạc, ngày một già dặn hơn, của một người đã hoàn toàn làm chủ được rung động và cõi viết của mình. Với những truyện ngắn xuôi chảy từ thuật, tả tới những phần đối thoại. Ngần ấy đặc tính theo tôi là một thành tựu vững bền và đầy yên tâm nhìn thấy bây giờ ở Phạm Ngũ Yên."

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Bình Minh
P.O. Box 801471
Houston TX 77280-1471, USA
Phone: (713) 650-1770.

📖 ***Viên đạn cho người yêu dấu***, tập thơ tái bản của Luân Hoán, theo bản in lần đầu tại Việt Nam năm 1970, dày 86 trang, không đề giá bán. Gần như đây là một thứ nhật ký viết bằng thơ của tác giả về cuộc đời quân ngũ của mình trước 1975, từ lúc vào quân trường cho đến lúc bị thương nằm bệnh viện và giải ngũ. Một lưu niệm quí giá cho những người lính VNCH.

📖 ***Rượu hồng đã rót***, tập thơ tái bản năm 1995 của Luân Hoán, in lần đầu ở VN năm 1974, tranh bìa của Nghiêu Đề, sách dày 140 trang, không đề giá bán. Khác với *Viên đạn cho người yêu dấu*, *Rượu hồng đã rót* là một tập thơ tình. Quê hương Quảng Nam Đà nẵng và những người con gái đáng yêu của một thời tràn ngập hơn trăm trang thơ. Thơ tình Luân Hoán hiền, thật hiền. Không có những trăn trở bí hiểm hoặc những diên dại cố tình. Độc giả vào thơ mà không có cái cảm tưởng bị tác giả dẫn vào một mê cung bất trắc và nguy hiểm.

📖 ***Mùa trăng***, truyện dài đầu tay của Lê thị Thấm Vân, tác giả xuất bản, hình bìa của Billy Bui, sách dày 204 trang ấn loát vô cùng trang nhã, giá 10 Mỹ kim. Sau khi xuất bản tập truyện ngắn *Đôi bờ* hai năm trước, lần này Lê thị Thấm Vân cho ra mắt công trình dài hơi đầu tiên, một truyện dài. Nhân vật chính của truyện là Thu Nguyệt, một cô gái rủi ro sống trong một gia đình đổ vỡ không có bóng người cha. Sự thiếu vắng ấy khiến Thu Nguyệt yêu say mê một người đàn ông lớn tuổi. Cuộc tình không kéo dài vì Thu Nguyệt chợt nhớ đến mẹ, và cô trở lại đời sống bình thường. Một mẫu sống thường gặp ở hải ngoại, diễn tả bằng một lối viết đơn giản.

Thư từ liên lạc mua sách xin gửi về Trần Mạnh,

P.O. Box 360923
Milpitas CA 95035

📖 ***Nhớ đất thương trời***, thi tập của Trần Hồng Châu, Thế Kỷ xuất bản, hình bìa và phụ bản của Nguyên Khai, dày 160 trang in trên giấy quí màu vàng nhạt, giá 10 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ ba của Trần Hồng Châu, tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, vị cựu khoa trưởng văn khoa Sài gòn ngày nào. Hai tác phẩm trước in ở hải ngoại là *Thành phố trong hồi tưởng* (tùy bút, An Tiêm, 1991) và *Nửa khuya giấy trắng* (thi tập, Thanh Văn, 1992). Bạn đọc Văn Học đã quen thuộc rất nhiều với thơ Trần Hồng Châu, lần này cũng nên có nguyên một cuốn sách đẹp với những lời thơ cổ kính và mỹ lệ. Nhiều người so thơ của Trần Hồng Châu như tranh của nhà danh hoạ Ý Botticelli.

Địa chỉ liên Lạc:
Nhà xuất bản Thế Kỷ
11022 Acadia Parkway # A
Garden Grove CA 92640 USA
Phone: 714-638-9510

📖 ***Sông Mỹ sông Việt toàn tập***, tùy bút truyện ngắn của Huỳnh Hữu Cửu, Sài gòn nhỏ xuất bản, sách dày 390 trang, sách biếu không đề giá bán. Trước đây, Huỳnh Hữu Cửu đã in *Sông Mỹ sông Việt tập 1*. Bây giờ, ông ra toàn tập gồm những phần đã in kỳ trước cộng thêm một số truyện ngắn, tùy bút, tạp bút viết sau đó. Là một nhà văn gốc miền Nam, Huỳnh Hữu Cửu có một lối viết dung dị, và nội dung phần lớn là tình yêu quê hương thiết tha. Vì văn phong đó, ông là một trong những cây bút tiêu biểu trong nhóm nhà văn gốc miền Nam ở hải ngoại.

📖 ***Tiếng Sông Hương***

Đặc san xuất bản hằng năm của những người con xứ Huế, chủ biên là Anh Nguyễn Cúc ở Dallas Hoa Kỳ, được đồng hương Huế Thừa Thiên và những bạn đọc các nơi khác đánh giá cao hơn những đặc san địa phương cùng loại, do công phu và tình yêu quê hương của người chủ biên. Năm nay, *"Tiếng sông Hương"* càng đặc sắc hơn vì là kỷ niệm hai mươi năm xa Huế, mất Huế. Đặc biệt anh Nguyễn Cúc đã lặn lội tìm tới các thư viện sao chụp lại gần như đầy đủ tất cả những bài báo viết về biến cố tháng 4 năm 1975. Những bài biên khảo cũng như sáng tác quanh đề tài Huế trên đặc san đều chọn lọc và có giá trị cao.

Trân trọng giới thiệu "Tiếng Sông Hương" với quí bạn.

Địa chỉ liên lạc:
Nguyễn Cúc.
10602 Stone Canyon # 1
Dallas TX 75230.

📖 ***Sách mới của nhà xuất bản Đông Phương***: Báo sắp đem đi in thì Văn Học nhận được bưu kiện của nhà xuất bản Đông Phương San Jose.

Bưu kiện gồm những sách Đông Phương xuất bản:

- *Em tháng Chạp* của Ngọc Thủy
- *Như giấc mộng hoa vàng* của Ngọc Thủy
- *Trên lưng tình buồn* của Phượng Khánh
- *Bé yêu dời* của Ngọc Thủy
- *Phía bên kia biển lửa* của Vũ thị Dạ Thảo
- *Thung lũng hoa vàng* của Thương Hoài Thương.

Văn Học trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Đông Phương.

đọc và cổ động
Văn Học
tạp chí được yêu thích nhất ở hải ngoại

THÔNG BÁO

Kể từ đầu tháng 7 năm 1995, Văn Học đã hiện diện trên hệ thống CompuServe. Đây là một cố gắng của Ban Chủ trương nhằm khai thác phương tiện thông tin hiện đại, cải thiện việc liên lạc giữa văn hữu, độc giả và toà soạn. Qua hệ thống CompuServe, văn hữu và độc giả có thể gởi *e-mail* đến Văn Học, gởi các sáng tác phẩm của mình, hay bày tỏ ý kiến về các bài đăng tải và hiệu năng quản trị của Văn Học. Để việc sử dụng CompuServe được hiệu quả, Văn Học xin lưu ý các điểm sau đây:

1. Địa chỉ của Văn Học trên CompuServe là **102435,3524**
2. *E-mail* có thể viết bằng tiếng Anh hay tiếng Việt.
3. *E-mail* nên ngắn, gọn, rõ ràng.
4. Văn Học sẽ trả lời theo địa chỉ của người gởi, qua hệ thống CompuServe.

Văn Học đang chuẩn bị để có mặt trên hệ thống *Internet, World Wide Web (WWW). Web document* của Văn Học có *Home Page* với hình bìa số báo phát hành trong tháng, mục lục, một vài truyện ngắn và thơ tiêu biểu, kèm theo hình của tác giả.

Để chuẩn bị cho việc thực hiện *Web document*, Văn Học xin các văn hữu mỗi khi gởi bài, *gởi kèm theo một tấm hình* (chỉ gởi một lần, trừ khi tác giả muốn thay đổi). Nếu viết bài bằng máy điện toán, *gởi thêm đĩa (3.5")*, ghi rõ tên bài viết (file name), bộ chữ Việt (VNU, VNI, VNLabs,v.v), chương trình ứng dụng (Word, WordPerfect, Ami Pro, v.v.).

Văn Học hiện sử dụng bộ chữ Việt VNU, Word for Window 6 và PageMaker 5 để thực hiện tờ báo, nhưng có khả năng đọc và hoán chuyển bài viết dùng các nhu liệu khác.

Văn Học sẽ thông báo đến độc giả sau khi hoàn tất phần kỹ thuật và sẵn sàng lên *net*.

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước, muốn nắm bắt những vấn đề, muốn đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, văn hóa, nghệ thuật...

Phải tìm đọc

Tạp chí ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới. Giá mỗi số $4.00 — mua dài hạn $40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ $52; Canada $58; Âu châu $76; Á, Úc $86.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về THẾ KỶ 21, PO BOX 2054-H39
WESTMINSTER CA 92684 USA.
Tòa soạn: 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.
E-mail 75504.3510@compuserve.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn ____năm,
từ số ____tháng ____,gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: **(714) 527-5761**

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài Hoa Kỳ 23MK

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài Hoa Kỳ 11MK

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài Hoa Kỳ 10MK

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bát ngát yêu thương. Giá 16MK. Ngoài Hoa Kỳ 18MK

Giá:$4.00